THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 990 /QĐ - TTg	*Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp đổi, cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại các Tờ trình số 40/TTr-LĐTBXH, 41/TTr-LĐTBXH, 42/TTr-LĐTBXH, 43/TTr-LĐTBXH, 44/TTr-LĐTBXH, 45/TTr-LĐTBXH, 46/TTr-LĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi, cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 7.638 liệt sĩ thuộc các tỉnh: Nghệ An, Long An, Bắc Ninh, Thái Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Thanh Hóa (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận :
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp, TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2b), LHN (5 b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trương Hòa Bình

DANH SÁCH CẤP ĐỔI, CẤP LẠI BẰNG "TỔ QUỐC GHI CÔNG"

(Kèm theo Quyết định số: 990 /QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

I. TỈNH NGHỆ AN

1 Liệt sĩ: **NGÔ THÚC THIÊM**
Bí thư Đoàn Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, Nguyên quán: xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc tháng 2 năm 1929. Số bằng: ZC 707 kp Quyết định số: 86/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

2 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÔI**
Bí thư nông hội đỏ, Nguyên quán: xã Hưng Tiến, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc tháng 4 năm 1931
Số bằng: ZB 720 cp Quyết định số: 278/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1962

3 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UĐ 689 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

4 Liệt sĩ: **ĐẬU QUANG DẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: QH 582 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

5 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HOÀI**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1968
Số bằng: cm 479 km Quyết định số: 100/TTga ngày 24 tháng 6 năm 1969

6 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Nhân viên công an xóm, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZC 165 cp Quyết định số: 218/TTg ngày 27 tháng 11 năm 1963

7 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1966
Số bằng: BB 365 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

8 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC DỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 7 năm 1980
Số bằng: 7AA 583 bt Quyết định số: 75/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

9 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁT**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9Q 263 bt Quyết định số: 469/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

10 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỤC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1967
Số bằng: UĐ 950 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

11 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966
Số bằng: MZ 399 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

12 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TRUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8E 602 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

13 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐỨC TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 07 năm 1972
Số bằng: LA 826 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

14 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐỨC ĐÀO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 04 năm 1979
Số bằng: 9I 601 bt Quyết định số: 07/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

15 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HUỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NK 120 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

16 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỤC**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐM 162 cm Quyết định số: 669/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1997

17 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1981
Số bằng: M 794 bt Quyết định số: 262/CTKT ngày 7 tháng 6 năm 1983

18 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHÂM**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1972
Số bằng: MM 447 cm Quyết định số: 512/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1974

19 Liệt sĩ: **VÕ QUÝ NẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1952

Số bằng: ZL 263 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

20 Liệt sĩ: **CHU XUÂN LỤC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1973
Số bằng: PE 106 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

21 Liệt sĩ: **NGÔ ĐẮC LƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZL 256 bm Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

22 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẤN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: TY 408 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

23 Liệt sĩ: **VÕ SĨ LIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1971
Số bằng: cp 250 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972

24 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG SÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NK 299 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

25 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT HƯNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 11 năm 1975
Số bằng: UB 838 bt Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

26 Liệt sĩ: **ĐẬU ĐÌNH LIÊN**
Tự vệ đỏ, Nguyên quán:xã Thanh Tài, hyệnThanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1931
Số bằng: ZC 932 cl Quyết định số: 278/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1962

27 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HA 649 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

28 Liệt sĩ: **LÊ HỮU HỢI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QV 429 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

29 Liệt sĩ: **HỒ SỸ BẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1973
Số bằng: OV 946 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

30 Liệt sĩ: **HỒ QUANG CẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MB 138 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

31 Liệt sĩ: **HỒ THỊ QUANG**
Đội viên Tuyên truyền huyện, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: BL 404 cm Quyết định số: 119/CTKT ngày 6 tháng 10 năm 1983

32 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1973
Số bằng: PI 740 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

33 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THÁI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1969
Số bằng: NK 288 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

34 Liệt sĩ: **NGÔ ĐỨC HỶ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UK 119 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

35 Liệt sĩ: **HỒ SỸ CƯỜNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1967
Số bằng: UE 295 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

36 Liệt sĩ: **THÁI THANH TOÀN**
Nhân viên thủ kho, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1972
Số bằng: Z 778 bm Quyết định số: 96/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1984

37 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1972
Số bằng: RA 172 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

38 Liệt sĩ: **PHAN THANH LIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1972
Số bằng: ON 302 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1974

39 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỚI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1966
Số bằng: IM 642 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

40 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÂM**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Khánh Xương, tỉnh Phú Khánh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3AA 779 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981

41 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐỨC THỐNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GJ 878 bm Quyết định số: 532/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1973

42 Liệt sĩ: **LÊ NGUYÊN HÒA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: HT 820 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

43 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐĂNG BÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,389 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 01 tháng 12 năm 1959

44 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC MẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968
Số bằng: KM 888 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1968

45 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ MINH**
Chiến sĩ Thanh niên xung phong Chống Mỹ, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1967
Số bằng: bm 794 cm Quyết định số: 22/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1969

46 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THÀNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OR 114 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1975

47 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG KIM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1969
Số bằng: BS 413 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1972

48 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN THẺ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
Số bằng: MV 327 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1970

49 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC DUỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OI 789 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1975

50 Liệt sĩ: **CAO QUANG THẺ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
Số bằng: SI 134 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

51 Liệt sĩ: **VÕ QUÝ CUNG**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: EX 366 cp Quyết định số: 525/QĐ- TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002

52 Liệt sĩ: **CAO VĂN LIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 1L 156 bm Quyết định số: 792/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

53 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1954
Số bằng: LC 752 bp Quyết định số: 440/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1974

54 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TOÀN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7Đ 559 bm Quyết định số: 1393/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

55 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UK 179 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

56 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1974
Số bằng: TY 504 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

57 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7A 444 bm Quyết định số: 1321/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978

58 Liệt sĩ: **CAO VĂN BÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954
Số bằng: EZ 580 bp Quyết định số: 218/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1963

59 Liệt sĩ: **CAO QUANG LUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1966
Số bằng: UĐ 945 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

60 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1966
Số bằng: BE 340 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

61 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THẾ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1974
Số bằng: SI 133 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1976

62 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ LỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1966
Số bằng: MK 791 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

63 Liệt sĩ: **NGUYỄN LƯƠNG CHÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1951
Số bằng: ZX 713 bp Quyết định số: 313/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1960

64 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 6 năm 1975
Số bằng: BB 054 bt Quyết định số: 135/CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986

65 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1947
Số bằng: ZU 978 bp Quyết định số: 208/TTg ngày 9 tháng 6 năm 1960

66 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 3H 586 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1978

67 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐẢN**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: EX 364 cp Quyết định số: 525/QĐ-TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002

68 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỂ**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930

Số bằng: EX 362 cp Quyết định số: 525/QĐ-TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002

69 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐQ 635 bm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

70 Liệt sĩ: **LÊ SỸ KÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QG 525 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

71 Liệt sĩ: **LA THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EH 767 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

72 Liệt sĩ: **NGUYỄN NAM CHÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UG 632 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

73 Liệt sĩ: **NGUYỄN NAM PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PM 989 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

74 Liệt sĩ: **THÁI BÁ THỤY**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: EX 365 cp Quyết định số: 525/QĐ- TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002

75 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN NHẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1967
Số bằng: UE 375 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

76 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN NGHĨA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 7Đ 697 bm Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

77 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1970
Số bằng: bt 075 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

78 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA VỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EG 650 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

79 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THANG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Minh, huyện huyện Bắc Bình, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 4E 522 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978

80 Liệt sĩ: **LƯU ĐỨC VIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1966
Số bằng: ĐK 950 bp Quyết định số: 25/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

81 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN DỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1953
Số bằng: HZ 232 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1965

82 Liệt sĩ: **CHU VĂN THÌN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VK 253 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973

83 Liệt sĩ: **NGUYỄN KINH THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BL 711 bm Quyết định số: 39 /TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972

84 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1970
Số bằng: HA 660 bm Quyết định số: 478 /TTga ngày 06 tháng 11 năm 1973

85 Liệt sĩ: **LÊ SỸ LƯU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 8E 404 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

86 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1968
Số bằng: YP 526 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

87 Liệt sĩ: **LÊ NGUYÊN HÒA**
Trợ lý Quân nhu Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: HT 820 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

88 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1978
Số bằng: 9L 538 bt Quyết định số: 07/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

89 Liệt sĩ: **TRẦN CƯƠNG**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZA 451 lp Quyết định số: 130/TTg ngày 4 tháng 1 năm 1959

90 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN MAI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1966
Số bằng: BS 713 bm Quyết định số: 487/TTg ngày 6 tháng 11 năm 1976

91 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN PHÚ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 5 năm 1975
Số bằng: Ty 481 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

92 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH TÍCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 2 năm 1966
Số bằng: UR 869 bt Quyết định số: 449/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

93 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1987
Số bằng: CC 732 bt Quyết định số: 238/CTKT ngày 2 tháng 11 năm 1988

94 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 01 năm 1978
Số bằng: 7A 461 bt Quyết định số: 1321/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978

95 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1974
Số bằng: QN 001 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

96 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC KỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: HC 437 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

97 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU CÀU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UE 232 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

98 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1970
Số bằng: BL 318 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

99 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH THI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NY 663 bm Quyết định số: 510/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974

100 Liệt sĩ: **CAO KỶ**
Quần chúng Cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZC 005 cp Quyết định số: 124/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1963

101 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KV 315 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

102 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 4 năm 1952
Số bằng: EZ 174 bp Quyết định số: 124/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1963

103 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH CƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1974
Số bằng: UE 291 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

104 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRÍ PHÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1974
Số bằng: QL 357 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

105 Liệt sĩ: **HỒ VĂN CÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
Số bằng: AG 929 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

106 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SEN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1969
Số bằng: YP 525 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

107 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DUNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: bt 052 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

108 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TẤN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TY 414 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

109 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG CA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PK 871 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1975

110 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 8 năm 1950
Số bằng: ZX 783 bp Quyết định số: 313/TTg ngày 13 tháng 12 năm 1960

111 Liệt sĩ: **LÊ MINH TÂN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8E 514 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

112 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 5 năm 1950
Số bằng: XG 309 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958

113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1981
Số bằng: M 794 bt Quyết định số: 262/CTKT ngày 7 tháng 1 năm 1983

114 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN TAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: HC 429 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

115 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN THIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: HC 430 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

116 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐÔNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KL 861 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

117 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH ĐỨC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1974

Số bằng: YP 693 bm Quyết định số: 692/TTga ngày 04 tháng 7 năm 1977

118 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MI 073 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

119 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ TỤNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HM 892 cm Quyết định số: 417/TTga ngày 05 tháng 10 năm 1972

120 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN XƯỚC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 01 năm 1971
Số bằng: YE 980 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1977

121 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ THƯ**
Đội viên tuyên truyền huyện, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: BL 405 cm Quyết định số: 119/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

122 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LR 181 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 21 tháng 5 năm 1974

123 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THÁI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 02 tháng 10 năm 1977
Số bằng: 7Đ 580 bt Quyết định số: 1393/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978

124 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NK 259 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1974

125 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TY**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1967
Số bằng: QM 003 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

126 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN PHÚC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OK 549 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 18 tháng 01 năm 1978

127 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1966
Số bằng: NA 170 bm Quyết định số: 400/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1983

128 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MAI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1967
Số bằng: CQ 963 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

129 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 01 năm 1952

Số bằng: XD 272 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 01 tháng 4 năm 1958

130 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CƯỜNG**
Công nhân lao động, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1967
Số bằng: bm 700 cm Quyết định số: 245/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968

131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIÊM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1967
Số bằng: AR 782 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 06 tháng 7 năm 1971

132 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÀN**
Cán bộ tuyên huấn, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1975
Số bằng: MM 781 bm Quyết định số: 484/TTg ngày 6 tháng 1 năm 1976

133 Liệt sĩ: **HỒ MẠNH ĐÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1975
Số bằng: YZ 755 bm Quyết định số: 808/TTg ngày 3 tháng 8 năm 1977

134 Liệt sĩ: **HỒ VĨNH THIỆN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SR 638 bm Quyết định số: 557/TTg ngày 31 tháng 12 năm 1976

135 Liệt sĩ: **HỒ SỸ TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1952
Số bằng: ZF 009 bm Quyết định số: 171/TTg ngày 4 tháng 3 năm 1957

136 Liệt sĩ: **ĐINH NHO MÃO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1974
Số bằng: RA 433 bm Quyết định số: 168/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1976

137 Liệt sĩ: **HỒ VĂN SỨC**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SH 325 bm Quyết định số: 461/TTg ngày 21 tháng 10 năm 1976

138 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA NHU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1950
Số bằng: LC 762 kp Quyết định số: 440/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1974

139 Liệt sĩ: **PHẠM NIÊM HOẶC VIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 6 năm 1954
Số bằng: EZ 226 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963

140 Liệt sĩ: **PHẠM MINH KHAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ZM 276 bm Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1985

141 Liệt sĩ: **LÊ CHƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1952
Số bằng: HC 438 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

142 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA SỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZU 582 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 7 tháng 2 năm 1960

143 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NAM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 10 năm 1986
Số bằng: BN 547 bt Quyết định số: 59/TTg ngày 15 tháng 7 năm 1987

144 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZF 011 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

145 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 10 năm 1953
Số bằng: GS 341 bp Quyết định số: 107/TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005

146 Liệt sĩ: **LÊ MƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 04 tháng 7 năm 1930
Số bằng: ZC 015 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 17 tháng 6 năm 1963

147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IM 392 bm Quyết định số: 7/TTg ngày 22 tháng 7 năm 1987

148 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 01 năm 1968
Số bằng: OM 660 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1969

149 Liệt sĩ: **VÕ CÔNG LỄ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 10 năm 1952

Số bằng: HC 372 bp Quyết định số: 210/TTg ngày 06 tháng 01 năm 1972

150 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÕ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1951
Số bằng: ZL 297 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

151 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 8 năm 1930
Số bằng: BC 285 kp Quyết định số: 132/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1972

152 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỆ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1948
Số bằng: DE 655 kp Quyết định số: 27/TTg ngày 13 tháng 01 năm 1997

153 Liệt sĩ: **NGÔ ĐỨC CHẤT**
Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1966
Số bằng: NM 449 cm Quyết định số: 11/TTga ngày 10 tháng 01 năm 1976

154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9Q 738 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

155 Liệt sĩ: **VƯƠNG ĐÌNH QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9T 967 bt Quyết định số: 572/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1970

156 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ NIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1978
Số bằng: bt 493 bt Quyết định số: 1321/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1977

157 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1967
Số bằng: NK 190 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1974

158 Liệt sĩ: **LÊ NGUYÊN LƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1948
Số bằng: ZM 578 bp Quyết định số: 461/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1953

159 Liệt sĩ: **PHẠM TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KQ 909 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1974

160 Liệt sĩ: **CAO TIẾN MÃN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1969
Số bằng: AP 190 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

161 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1974
Số bằng: PĐ 420 bm Quyết định số: 204 /TTga ngày 27 tháng 5 năm 1975

162 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8Y 132 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

163 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
Số bằng: ĐS 001 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

164 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CR 485 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

165 Liệt sĩ: **PHẠM HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ZX 743 bp Quyết định số: 313/TTga ngày 12 tháng 3 năm 1960

166 Liệt sĩ: **NGUYỄN DŨNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 9 năm 1952
Số bằng: GZ 541 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964

167 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UB 888 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

168 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 3 năm 1953
Số bằng: GZ 534 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964

169 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐS 341 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

170 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CQ 944 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

171 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NGƯỠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: SR 055 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

172 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THÁI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Phong, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1950
Số bằng: GN 825 bp Quyết định số: 950/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2004

173 Liệt sĩ: **VÕ KHẮC TỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZU 610 bp Quyết định số: 152/QĐ-/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1960

174 Liệt sĩ: **PHAN TỨ KỶ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NK 307 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

175 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LỘC**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lam, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1966
Số bằng: bm 255 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1957

176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIÊU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1968
Số bằng: PM 998 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

177 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GK 856 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

178 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hùng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1966
Số bằng: HZ 429 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

179 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OE 851 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1975

180 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1972
Số bằng: HT 740 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

181 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 4AA 358bt Quyết định số: 233/TTga ngày '12 tháng 6 năm 1981

182 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1972
Số bằng: QK 389 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

183 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤT**
Cán bộ Đoàn địa chất, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: HK 741 ct Quyết định số: 558/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

184 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT QUYỀN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973

Số bằng: KB 072 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1975

185 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1965

Số bằng: bt 244 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

186 Liệt sĩ: **NGUYỄN MỸ DỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: UD 361 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

187 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7Đ 662 bt Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

188 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1966
Số bằng: NM 482 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

189 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU MINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: RA 446 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

190 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BA 869 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1970

191 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HIẾU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1966
Số bằng: IZ 177 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966

192 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 435 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

193 Liệt sĩ: **PHAN VĂN DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1969
Số bằng: MT 481 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970

194 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KB 676 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973

195 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Sơn, huyện Nghi Hợp, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1974
Số bằng: SH 641 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

196 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 7x 625 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1972

197 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ĐIỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1970
Số bằng: QK 466 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

198 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1954
Số bằng: QZ 237 bp Quyết định số: 32/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1964

199 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1965
Số bằng: HZ 842 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1966

200 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: YS 059 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

201 Liệt sĩ: **ĐỖ HỒ BẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã bình Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 12 năm 1979
Số bằng: BB 002 bt Quyết định số: 73/CTKT ngày 19 tháng 5 năm 1986

202 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG TIẾN**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TY 4,596 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

203 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG LỊCH**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: VS 677 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

204 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BN 322 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1972

205 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRUNG**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KQ 863 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1974

206 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẾ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 11 năm 1975
Số bằng: VS 971 bt Quyết định số: 395/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

207 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1972
Số bằng: EG 641 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1973

208 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8G 862 bt Quyết định số: 585/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

209 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÚ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 1 năm 1979
Số bằng: GT 918 bt Quyết định số: 572/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1980

210 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1966
Số bằng: GP 716 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

211 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NGUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1969
Số bằng: GK 910 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 9 tháng 8 năm 1973

212 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU MÀY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MB 548 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

213 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DUYỆT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1968
Số bằng: bt 056 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1970

214 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐỨC LỢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GP 765 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

215 Liệt sĩ: **NGÔ CHU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: XA 372 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

216 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đô, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 894 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

217 Liệt sĩ: **ĐẬU HUY CHẤT**
Trợ lý hậu cần, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1971
Số bằng: GK 868 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

218 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: ĐS 332 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

219 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1949
Số bằng: HC 505 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

220 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KV 054 bm Quyết định số: 596/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973

221 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 8 tháng 4 năm 1945
Số bằng: HC 474 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

222 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HỒ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 10 năm 1947
Số bằng: HC 864 bp Quyết định số: 1005/TTga ngày 20 tháng 7 năm 2006

223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EK 124 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973

224 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QN 058 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1976

225 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH SỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QN 006 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

226 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CHỚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 2 tháng 5 năm 1931
Số bằng: ZA 5,325 cp Quyết định số: 293/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1961

227 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG DINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972
Số bằng: PB 553 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

228 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU HINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CR 499 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

229 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐQ 554 bm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

230 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG DIỆM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Yên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 1 năm 1947
Số bằng: DK 591 bp Quyết định số: 482/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1993

231 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lạc, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: CB 893 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1988

232 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG PHIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 30 tháng 9 năm 1939

Số bằng: ZA 390 kp Quyết định số: 98/TTg ngày 2 tháng 3 năm 1959

233 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KV 127 bm Quyết định số: 596/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973

234 Liệt sĩ: **CAO MINH THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XG 201 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1958

235 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Trung, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1971
Số bằng: cp 168 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

236 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC MIÊNG**
Trưởng phòng tín dụng NH Nghệ An, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AS 938 cm Quyết định số: 266/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1985

237 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XA 462 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

238 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT XOAN**
Đảng viên 1930. Hội viên công hội đỏ, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 4 tháng 3 năm 1934

Số bằng: ZC 013 cp Quyết định số: 107/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972

239 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XUÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 5, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: VS 892 bm Quyết định số: 316/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

240 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRÂNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Xuân Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: QK 991 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

241 Liệt sĩ: **MAI XUÂN TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8R 111 bt Quyết định số: 574/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

242 Liệt sĩ: **VÕ VIẾT THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UH 463 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

243 Liệt sĩ: **HỒ TƯ HẢO**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MB 469 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

244 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TẠI**
Tham mưu phó trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: TP 094 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1977

245 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU HÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Phú, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1964

Số bằng: OI 838 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1975

246 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC HUỆ**
Đại úy công an nhân dân, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1992
Số bằng: DD 115 kt Quyết định số: 1277/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1983

247 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHÂU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 5S 099 bm Quyết định số: 125/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1978

248 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN HÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Tùng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9X 135 bt Quyết định số: 665/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1980

249 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YY 991 bm Quyết định số: 765/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

250 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ QUANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1973
Số bằng: UG 547 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

251 Liệt sĩ: **PHAN VĂN QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CT 459 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

252 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC THUẬN**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Trường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1946
Số bằng: ZX 856 bp Quyết định số: 313/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1960

253 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT HỒ**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà

Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: CT 394 bm Quyết định số: 330/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

254 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUƠN**
Y tá trạm y tế, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1966
Số bằng: MN 610 bm Quyết định số: 18/CTKT ngày 22 tháng 1 năm 1976

255 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TRÂM**
Dược sỹ, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1968
Số bằng: HM 576 km Quyết định số: 39/TTg ngày 27 tháng 1 năm 1972

256 Liệt sĩ: **PHAN THỊ LOAN**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: cm 826 km Quyết định số: 135/TTg ngày 23 tháng 8 năm 1969

257 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KV 005 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

258 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1974
Số bằng: RA 213 bm Quyết định số: 152/TTg ngày 28 tháng 4 năm 1976

259 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN CÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QI 774 bm Quyết định số: 68/TTg ngày 27 tháng 2 năm 1976

260 Liệt sĩ: **LÊ MAO**
Uy viên Trung ương Đảng-bí thư xứ ủy Trung Kỳ, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 2 tháng 5 năm 1931
Số bằng: ZC 701 cp

261 Liệt sĩ: **TẠ KHẮC DƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BA 948 bm Quyết định số: 278/TTg ngày 30 tháng 11 năm 1971

262 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1980
Số bằng: 4AA 329 bt Quyết định số: 233/TTg ngày 12 tháng 6 năm 1981

263 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CƯ**
Công nhân công trường 7E thuộc bộ Giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Nam Tân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968

Số bằng: QL 143 cm Quyết định số: 11/TTg ngày 10 tháng 1 năm 1976

264 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG**
Công nhân nhà máy gỗ Vinh, Nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1968
Số bằng: DR 523 cm Quyết định số: 264/TTg ngày 3 tháng 5 năm 1995

265 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN LIÊN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 12 năm 1978
Số bằng: GQ 498 bt Quyết định số: 474/TTg ngày 4 tháng 7 năm 1980

266 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MẪN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Xuyên, huyện bình Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: MX 782 bp Quyết định số: 326/TTg ngày 11 tháng 12 năm 1962

267 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TRIỆN**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1948
Số bằng: ZL 289 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

268 Liệt sĩ: **ĐINH BIỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 6 năm 1954
Số bằng: QZ 548 bp Quyết định số: 256/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1961

269 Liệt sĩ: **LÊ KẾ BANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 6 năm 1951

Số bằng: IZ 496 bp Quyết định số: 008/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1957

270 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TĨNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 2AA 195 bt Quyết định số: 10/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

271 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIẾT HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 4, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 777 bt Quyết định số: 559/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

272 Liệt sĩ: **TRẦN DUY LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 4, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã

hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 9X 194 bt Quyết định số: 655/TTg ngày 8 tháng 10 năm 1980

273 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1964
Số bằng: HZ 403 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

274 Liệt sĩ: **VƯƠNG ĐÌNH TỰU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hải, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1931
Số bằng: AC 670 Quyết định số: 340/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973

275 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1973
Số bằng: SH 643 Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

276 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TOẢN**
Số bằng: NM 147 Quyết định số: 526/TTg ngày 15 tháng 10 năm 1974

277 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LƯỢC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐK 887 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

278 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRẠCH**
Số bằng: SR 592 Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

279 Liệt sĩ: **CHU VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8B 622 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

280 Liệt sĩ: **VÕ MINH ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1974
Số bằng: VT 708 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

281 Liệt sĩ: **TẠ HỮU TĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1968
Số bằng: YS 233 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1977

282 Liệt sĩ: **TẠ HỮU VƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: Ny 457 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

283 Liệt sĩ: **TẠ HỮU THỊNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
Số bằng: NK 016 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

284 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TRANG**
, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1965
Số bằng: AL 013 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

285 Liệt sĩ: **TĂNG KHẮC VỸ**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RA 508 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

286 Liệt sĩ: **CAO MINH DUY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: EH 831 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

287 Liệt sĩ: **CAO XUÂN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1965
Số bằng: HZ 696 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1966

288 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1987
Số bằng: CN 790 tt Quyết định số: 129/CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1990

289 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUỆ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1972
Số bằng: UB 760 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

290 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1968
Số bằng: NM 343 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

291 Liệt sĩ: **TĂNG VĂN NHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YL 526 bm Quyết định số: 793/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

292 Liệt sĩ: **TĂNG NGỌC HOÈ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1971
Số bằng: R- 1,439 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

293 Liệt sĩ: **LÊ HUY MẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1970
Số bằng: AP 866 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

294 Liệt sĩ: **LÊ HUY CÀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PK 877 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1975

295 Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1967
Số bằng: QF 267 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 16 tháng 7 năm 1979

296 Liệt sĩ: **VƯƠNG NGỌC LAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1951
Số bằng: HC 342 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

297 Liệt sĩ: **TẠ HỮU HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LA 945 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

298 Liệt sĩ: **TẠ DANH CƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1966
Số bằng: R 375 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1972

299 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐỨC LỘC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1974
Số bằng: YA 964 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

300 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LINH**
Trợ lý hậu cần tiểu đoàn, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1973
Số bằng: LR 270 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

301 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH ĐIỂN**
Thiếu uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972
Số bằng: IL 766 bm Quyết định số: 808/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977

302 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ TÌNH**
Dân quân, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1968

Số bằng: Am 902 bm Quyết định số: 78/TTg ngày 2 tháng 4 năm 1970

303 Liệt sĩ: **LÊ VĂN GIẢNG**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967
Số bằng: MB 444 bm Quyết định số: 58/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1970

304 Liệt sĩ: **TRƯƠNG SỸ HUYNH**
Trợ lý tác chiến Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UB 829 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

305 Liệt sĩ: **CHU VIẾT QUẾ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1971
Số bằng: GK 920 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

306 Liệt sĩ: **CHU KIM LOÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BL 376 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 7 năm 1972

307 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1974
Số bằng: QG 599 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

308 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 623 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

309 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LA 921 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1974

310 Liệt sĩ: **CHU MINH NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MK 9,516bm Quyết định số: 210/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970

311 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 2Đ 405 bm Quyết định số: 1312/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

312 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN MINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: MS 640 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970

313 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 6 năm 1982
Số bằng: ĐM 205 bt Quyết định số: 669/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1997

314 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC THÀNH**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1986
Số bằng: bt 143 bt Quyết định số: 317/CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987

315 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: VT 515 bm Quyết định số: 317/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

316 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1972
Số bằng: VQ 782 bm Quyết định số: 340/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977

317 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1981
Số bằng: M 803 bt Quyết định số: 262/CTKT ngày 6 tháng 7 năm 1983

318 Liệt sĩ: **LÊ SAO ĐIỂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1974
Số bằng: QH 621 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

319 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1964
Số bằng: ZH 391 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

320 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN TIỂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LG 222 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

321 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1972
Số bằng: NY 405 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

322 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHU LỄ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1972
Số bằng: VS 669 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

323 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1966
Số bằng: SH 226 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

324 Liệt sĩ: **TRẦN LIÊN HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: BB 152 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

325 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1969
Số bằng: BN 339 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1972

326 Liệt sĩ: **ĐOÀN NGỌC HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9I 697 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

327 Liệt sĩ: **TRỊNH THỊ SÁU**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: EM 297 cm Quyết định số: 132/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1976

328 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ PHƯỚC**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1974
Số bằng: SH 806 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

329 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TÍN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1966
Số bằng: BE 388 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

330 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC DIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KL 828 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

331 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1966
Số bằng: QX 088 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1965

332 Liệt sĩ: **VŨ DUY CHƯỚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1970
Số bằng: QI 881 bm Quyết định số: 68 - /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

333 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG BƯỞI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1975
Số bằng: YD 038 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

334 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐẠO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1972
Số bằng: ĐR 847 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

335 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC HƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1954
Số bằng: GH 545 bm Quyết định số: 1228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003

336 Liệt sĩ: **VŨ AM**
Tự vệ đỏ, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 4 năm 1931
Số bằng: BC 975 kp Quyết định số: 145-/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

337 Liệt sĩ: **VŨ TIỆNG**
Hội viên nông hội đỏ, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 7 năm 1931
Số bằng: AC 877 kp Quyết định số: 145./TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

338 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHỈ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 19 tháng 1 năm 1931
Số bằng: ZL 970 kp Quyết định số: 124 - /TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963

339 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN NGUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NV 603 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1974

340 Liệt sĩ: **ĐINH TRỌNG LIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: BE 432 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 12 tháng 8 năm 1971

341 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN BẢN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UB 478 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

342 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC HUỀ**
Công nhân ty GTVT tỉnh Nghệ An, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1972
Số bằng: MM 430 cm Quyết định số: 512/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1974

343 Liệt sĩ: **CAO THỊ TUYẾT**
Cán bộ ty lương thực, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: R 1,586 cm Quyết định số: 124/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1972

344 Liệt sĩ: **CAO CƠ**
Cán bộ cách mạng, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 21 tháng 1 năm 1930
Số bằng: zB 591 cp Quyết định số: 157/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1962

345 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 1 năm 1985
Số bằng: AU 592 bt Quyết định số: 352/CTKT ngày 18 tháng 9 năm 1985

346 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 468 bv Quyết định số: 283/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

347 Liệt sĩ: **LƯU THÀNH ĐỒNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: LK 186 bm Quyết định số: 331/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

348 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH LÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lăng thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KB 923 bm Quyết định số: 529/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973

349 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LONG**
Trung sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1969
Số bằng: BL 379 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

350 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THƯ**
Tiểu đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9I 949 bt Quyết định số: 34/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1980

351 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1968

Số bằng: KM 966 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1968

352 Liệt sĩ: **TRẦN TỬ ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
Số bằng: EH 841 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

353 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HUỲNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AH 045 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

354 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HV 441 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

355 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HẠNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ĐQ 542 bm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

356 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ THẬP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1975
Số bằng: SP 931 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

357 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MP 702 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

358 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG LONG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1969
Số bằng: EK 140 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973

359 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 9 năm 1978
Số bằng: AO 729 bt Quyết định số: 115CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985

360 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HOÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1970
Số bằng: NY 297 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

361 Liệt sĩ: **CAO XUÂN CỪ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8Y 112 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

362 Liệt sĩ: **HOÀNG LƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 27Y 183 cm Quyết định số: 1186/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

363 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐẲNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1954
Số bằng: HC 348 bP Quyết định số: 210/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

364 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC TỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: cp 081 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

365 Liệt sĩ: **CAO ĐĂNG ĐÀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OM 620 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969

366 Liệt sĩ: **THÁI BÁ THANH**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: NB 188 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

367 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN VIÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1973
Số bằng: RA 527 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

368 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU THIẾP**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 2 năm 1953
Số bằng: ZK 280 bP Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

369 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC LỄ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XA 572 bP Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

370 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG QUẢNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1966
Số bằng: RP 062 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

371 Liệt sĩ: **TẠ KHẮC KỶ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1966
Số bằng: SH 678 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

372 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AL 056 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

373 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ HÀO**
Chính trị viên Đại đội, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1971
Số bằng: LR 248 bm Quyết định số: 259 T.Tg ngày 23 tháng 5 năm 1974

374 Liệt sĩ: **HOÀNG TRỌNG ĐẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CK 937 bm Quyết định số: 288T.Tg ngày 14 tháng 7 năm 1972

375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT TRÌ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NK 267 bm Quyết định số: 350T.Tg ngày 5 tháng 7 năm 1974

376 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ ÁNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1970
Số bằng: ĐQ 801 bm Quyết định số: 53 T.Tg ngày 17 tháng 2 năm 1973

377 Liệt sĩ: **LÊ XUÂNHUỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EZ 161 bm Quyết định số: 124 /TTga ngày 6 tháng 7 năm 1963

378 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: NT 539 bm Quyết định số: 489 /TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

379 Liệt sĩ: **ĐÀO NGỌC MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1966
Số bằng: YG 710 bm Quyết định số: 458/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1977

380 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH LUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐQ 879 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

381 Liệt sĩ: **LẠI VĂN TRINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1977
Số bằng: UR 737 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

382 Liệt sĩ: **CAO BÁ ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1970
Số bằng: UĐ 761 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

383 Liệt sĩ: **QUẾ VĂN THỐNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1974
Số bằng: NT 544 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

384 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG LÝ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1973
Số bằng: PE 095 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

385 Liệt sĩ: **VÕ NGỌC CÁT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1972
Số bằng: QI 769 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

386 Liệt sĩ: **TRẦN HOÀNG**
Trưởng ban Cán bộ sư đoàn, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LK 337 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

387 Liệt sĩ: **CHU VĂN CHIÊU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VM 017 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

388 Liệt sĩ: **CHU VĂN CHIÊU**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1970
Số bằng: KO 108 bm Quyết định số: 160/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1974

389 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC THANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BL 406 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

390 Liệt sĩ: **QUẾ VĂN CÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: NK 057 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

391 Liệt sĩ: **CHU CÔNG ĐẬU**
Thuyền trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968
Số bằng: QM 616 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969

392 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC HOA**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1969
Số bằng: SH 292 bm Quyết định số: 970/TTga ngày 5 tháng 9 năm 1977

393 Liệt sĩ: **CHU VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EH 920 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

394 Liệt sĩ: **TRẦN NGỢI**
Công nhân đường sắt, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1967
Số bằng: cm 016 cm Quyết định số: 48/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1969

395 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THIẾT**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1971
Số bằng: KV 250 bm Quyết định số: 599/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973

396 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ NGỌC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1967
Số bằng: OM 669 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969

397 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHỊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 8E 440 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

398 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1965
Số bằng: HZ 727 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1966

399 Liệt sĩ: **LÊ LAM BÍCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1968
Số bằng: PK 852 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1975

400 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1971

Số bằng: CN 013 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

401 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1969
Số bằng: R 1,512 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

402 Liệt sĩ: **ĐẬU TRỌNG ĐẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 964 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

403 Liệt sĩ: **MAI THANH TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 5S 182 bt Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

404 Liệt sĩ: **VŨ TRUNG QUANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1966
Số bằng: JM 413 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

405 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHANH**
Trợ lý tham mưu quân đoàn, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1974
Số bằng: SR 159 bm Quyết định số: 20/TTg ngày 27 tháng 6 năm 2012

406 Liệt sĩ: **PHẠM TRỌNG TÍN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QL 601 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 26 tháng 10 năm 2012

407 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG TUYỂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1974
Số bằng: SL 103 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

408 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC ÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968
Số bằng: TM 968 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

409 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HÒE**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 931 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

410 Liệt sĩ: **HOÀNG MAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1970
Số bằng: LG 194 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

411 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY HỒ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1970
Số bằng: PE 029 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

412 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY LIỆU**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972

Số bằng: NT 524 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

413 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HG 001 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

414 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1970
Số bằng: bt 216 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

415 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1975
Số bằng: RA 450 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

416 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN QUÊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1968
Số bằng: LE 049 bm Quyết định số: 161/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1974

417 Liệt sĩ: **LƯU VĂN BỐN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OM 617 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969

418 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NĂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1974
Số bằng: UK 003 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

419 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN YÊNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9Q 796 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

420 Liệt sĩ: **ĐINH CÔNG Ý**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968

Số bằng: CV 009 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

421 Liệt sĩ: **LÊ MINH SỸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9Q 635 bt Quyết định số: 463/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1980

422 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG NGHỊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1954

Số bằng: DZ 333 bp Quyết định số: 278/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1962

423 Liệt sĩ: **LÊ PHÁP**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XD 282 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 4 tháng 1 năm 1958

424 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: GH 457 bp Quyết định số: 1228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003

425 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LỘC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9I 745 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

426 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1965
Số bằng: HZ 746 bm Quyết định số: 042/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1966

427 Liệt sĩ: **TẠ XUÂN LAN**
Thượng uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1984
Số bằng: BI 515 bt Quyết định số: 37/CT/KT ngày 18 tháng 2 năm 1987

428 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 966 bt Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

429 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 963 bt Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

430 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1951
Số bằng: GH 470 bp Quyết định số: 1228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003

431 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHẮC**
Số bằng: SH 813 Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

432 Liệt sĩ: **HOÀNG KÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UD 419 bt Quyết định số: 165/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

433 Liệt sĩ: **CAO MINH THỰC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UH 336 bt Quyết định số: 157/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

434 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SI 096 bt Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

435 Liệt sĩ: **CAO BÁ DŨNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 618 bt Quyết định số: 558/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1981

436 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN Y**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 12 năm 1969

Số bằng: NK 310 bt Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

437 Liệt sĩ: **PHAN HỮU NIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 967
Số bằng: bm 964 bt Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

438 Liệt sĩ: **NGUYỄN DƯƠNG THỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1973
Số bằng: P 1,764 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

439 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC QUỲ**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1969
Số bằng: LG 210 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

440 Liệt sĩ: **CAO TRỌNG HIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1972
Số bằng: YT 063 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

441 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1967
Số bằng: EK 269 bm Quyết định số: 144/TTg ngày 14 tháng 4 năm 1973

442 Liệt sĩ: **ĐINH ĐỨC KHÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8Q 917 bt Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

443 Liệt sĩ: **VÕ THÀNH TÂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970
Số bằng: UR 807 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

444 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,490 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

445 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG SANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1966
Số bằng: GK 901 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1973

446 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÁNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 02 năm 1971
Số bằng: GL 801 bm Quyết định số: 479/TTga ngày 1 tháng 11 năm 2004

447 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN TIẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 07 năm 1972
Số bằng: KV 187 bm Quyết định số: 599/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973

448 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN HOÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 01 năm 1952
Số bằng: CZ 843 bp Quyết định số: 157/TTg ngày 5 tháng 6 năm 1962

449 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG TỨ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1972
Số bằng: OE 487 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

450 Liệt sĩ: **HOÀNG QUÁCH CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: BE 078 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

451 Liệt sĩ: **CAO CẦN**
Dân công , Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 12 năm 1952
Số bằng: GB 924 kp Quyết định số: 287/TTg ngày 17 tháng 3 năm 2003

452 Liệt sĩ: **VÕ QUANG THOẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1971
Số bằng: LG 227 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

453 Liệt sĩ: **VÕ TRỌNG QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1969
Số bằng: cp 110 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

454 Liệt sĩ: **VÕ TRỌNG MINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 8E 427 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

455 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ĐK 857 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

456 Liệt sĩ: **THÁI BÁ LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1972
Số bằng: HV 464 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

457 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1967
Số bằng: YP 434 bm Quyết định số: 468/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

458 Liệt sĩ: **CAO THỊ THU**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1971
Số bằng: ĐM 155 Quyết định số: 669/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1997

459 Liệt sĩ: **HỒ PHÚ THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1966
Số bằng: MB 769 bp Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

460 Liệt sĩ: **BÙI SÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 8 năm 1953
Số bằng: ZM 544 bp Quyết định số: 455/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1958

461 Liệt sĩ: **BÙI MINH DUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MS 597 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1970

462 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7Đ 649 bt Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

463 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI CÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 5S 093 bt Quyết định số: 725/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1978

464 Liệt sĩ: **ĐẬU NGỌC KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: VQ 825 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

465 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG PHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981
Số bằng: 2AB 826 bt Quyết định số: 313/CTKT ngày 10 tháng 9 năm 1982

466 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1971
Số bằng: UĐ 788 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1977

467 Liệt sĩ: **NGÔ KIM TOÀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1966
Số bằng: IM 596 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

468 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ NGHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1968
Số bằng: RA 481 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1976

469 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đồng huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966
Số bằng: MĐ 289 bm Quyết định số: 78/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1970

470 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1972
Số bằng: QG 671 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

471 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 9 năm 1954
Số bằng: XA 411 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

472 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BN 483 bt Quyết định số: 159CTKT ngày 7 tháng 5 năm 1987

473 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ HIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MP 071 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970

474 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN UYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1966
Số bằng: bm 219 bm Quyết định số: 135TTg ngày 2 tháng 8 năm 1967

475 Liệt sĩ: **CAO BÁ THÌN**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: NM 072 cm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

476 Liệt sĩ: **CAO NHẤT DUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7A 330 bt Quyết định số: 1209TTg ngày 17 tháng 11 năm 1978

477 Liệt sĩ: **CAO THANH XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1968
Số bằng: QG 416 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

478 Liệt sĩ: **CAO TRUNG HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1967

Số bằng: IM 576 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

479 Liệt sĩ: **CAO VĂN MIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972
Số bằng: QL 550 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

480 Liệt sĩ: **CAO XUÂN NGOẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: UB 921 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

481 Liệt sĩ: **CAO XUÂN PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1973
Số bằng: OK 548 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

482 Liệt sĩ: **CAO XUÂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 2AB 843 bt Quyết định số: 313CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1982

483 Liệt sĩ: **HOÀNG HỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 4 năm 1954
Số bằng: HC 335 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

484 Liệt sĩ: **LÊ DUY TRINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LK 384 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

485 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NK 095 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

486 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH TY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1969
Số bằng: LK 329 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

487 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ HOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: ĐH 759 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

488 Liệt sĩ: **NGÔ SĨ THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 795 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

489 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ THUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XG 193 bp Quyết định số: 226TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958

490 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KIM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1951
Số bằng: ZX 746 bp Quyết định số: 313TTg ngày 12 tháng 12 năm 1960

491 Liệt sĩ: **NGÔ VIẾT LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1966
Số bằng: bm 261 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1967

492 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1965
Số bằng: HZ 485 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 23 tháng 7 năm 1965

493 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÀI CẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971
Số bằng: HB 905 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

494 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 671 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

495 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UR 781 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

496 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LG 158 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1974

497 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MB 505 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

498 Liệt sĩ: **TẠ QUANG LỤC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1970
Số bằng: AP 850 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

499 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1967
Số bằng: IM 382 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

500 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN VÕ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MT 521 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970

501 Liệt sĩ: **THÁI HỒNG HƯỚNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UB 813 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

502 Liệt sĩ: **THÁI HỒNG HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: YP 770 bm Quyết định số: 692/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1977

503 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC NHĨ**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MP 089 cm Quyết định số: 208/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970

504 Liệt sĩ: **VÕ QUANG VIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 1H 449 bm Quyết định số: 807/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977

505 Liệt sĩ: **VÕ SỸ CANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1972
Số bằng: ĐH 719 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

506 Liệt sĩ: **VÕ SỸ TĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EG 684 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

507 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Khê, huyện Phú Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: Fd 773 bp Quyết định số: 171TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

508 Liệt sĩ: **CAO XUÂN BỔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8E 271 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

509 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NHẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968
Số bằng: bt 667 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1972

510 Liệt sĩ: **CAO THANH LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 8E 385 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

511 Liệt sĩ: **NGÔ TRÍ THỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 2 năm 1951
Số bằng: HC 326 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

512 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 7X 641 bt Quyết định số: 206/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1979

513 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 6 năm 1951
Số bằng: ZG 400 bp Quyết định số: 130TTg ngày 13 tháng 4 năm 1957

514 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UR 642 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

515 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LG 190 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

516 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG HOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1973
Số bằng: SH 220 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

517 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1968
Số bằng: OM 756 bm Quyết định số: 109TTg-A ngày 14 tháng 7 năm 1969

518 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THÙY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1973
Số bằng: PE 189 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

519 Liệt sĩ: **THÁI HỒNG HƯỚNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UB 813 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

520 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ HOÁN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967

Số bằng: ĐH 759 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

521 Liệt sĩ: **CAO GIÁM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện diễn châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZX 006 bp Quyết định số: 208TTg ngày 16 tháng 9 năm 1960

522 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN KHANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện diễn châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970
Số bằng: ĐH 773 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

523 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HƯỜNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 892 cm Quyết định số: 218 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

524 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1968
Số bằng: VQ 887 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

525 Liệt sĩ: **CAO VĂN CHINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1970
Số bằng: bt 036 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

526 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TRẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZM 653 bp Quyết định số: 483 TTg ngày 3 tháng 11 năm 1958

527 Liệt sĩ: **HOÀNG KHÁNH VINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu,

Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: UB 892 bm Quyết định số: 167 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

528 Liệt sĩ: **HOÀNG DU**
Trợ lý cán bộ, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UDD 357 cm Quyết định số: 165 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

529 Liệt sĩ: **KIỀU THANH TAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1966
Số bằng: bm 283 bm Quyết định số: 135 TTg ngày 2 tháng 8 năm 1967

530 Liệt sĩ: **CAO TRỌNG TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MB 656 bm Quyết định số: 57 /TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

531 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUÝ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1973
Số bằng: NK 229 bm Quyết định số: 345/TTg ngày 1/2/1900 tháng 7 năm 1974

532 Liệt sĩ: **HỒ SỸ TÙNG**
Uỷ viên Tổng bộ TNCM ĐCH, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1929
Số bằng: AC 878 bp Quyết định số: 145/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

533 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: cp 027 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

534 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BE 459 bm Quyết định số: 186TTg ngày 8 tháng 12 năm 1971

535 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUẤN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7X 692 bm Quyết định số: 206TTg ngày 26 tháng 3 năm 1979

536 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THẢO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1975
Số bằng: U 001 bm Quyết định số: 191TTg ngày 28 tháng 3 năm 1977

537 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TÀI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: BL 685 bm Quyết định số: 39/TTg ngày 15 tháng 4 năm 2003

538 Liệt sĩ: **HOÀNG QUYẾT THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7X 665 bt Quyết định số: 206TTg ngày 26 tháng 3 năm 1979

539 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀO**
Trung đội phó Quân đội n hân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 6 năm 1980
Số bằng: 2AB 730 bt Quyết định số: 253CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

540 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1970
Số bằng: 1P 8,576 bm Quyết định số: 221TTg ngày 6 tháng 9 năm 1971

541 Liệt sĩ: **PHAN TRỌNG QUÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: LG 211 bm Quyết định số: 218TTg ngày 12 tháng 5 năm 2003

542 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: Vs 754 bm Quyết định số: 324TTg ngày 15 tháng 4 năm 2003

543 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG PHƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NT 542 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

544 Liệt sĩ: **CAO MINH THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: HC 324 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

545 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LG 183 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1974

546 Liệt sĩ: **TRẦN DẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1973
Số bằng: NK 069 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

547 Liệt sĩ: **LÊ HUY NHUY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NY 464 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

548 Liệt sĩ: **LÊ HUY THIẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1966
Số bằng: BE 323 bm Quyết định số: 286/TTg ngày 8 tháng 12 năm 1971

549 Liệt sĩ: **LÊ THỊ QUYẾT**
Dân công, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12
Số bằng: LA 895 cm Quyết định số: 218/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1974

550 Liệt sĩ: **PHAN TRUNG KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1967
Số bằng: QM 623 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969

551 Liệt sĩ: **CAO VĂN NĂM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LR 261 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

552 Liệt sĩ: **HOÀNG KHẮC THƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 1 năm 1983
Số bằng: ĐM 206 bt Quyết định số: 669/CTKT ngày 22 tháng 8 năm 1997

553 Liệt sĩ: **CAO VĂN QUYÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: AL 831 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

554 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1969
Số bằng: CN 009 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

555 Liệt sĩ: **CAO XUÂN TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 7AA 694 bt Quyết định số: 58/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1981

556 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971
Số bằng: GL 752 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

557 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG KỲ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 1982
Số bằng: ĐK 647 bt Quyết định số: 482/CTKT ngày 1 tháng 10 năm 1983

558 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 1K 344 bm Quyết định số: 740/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

559 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QG 429 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

560 Liệt sĩ: **PHAN HUY CHẨM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1968
Số bằng: BA 916 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

561 Liệt sĩ: **NGUYỄN BỘT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 10 năm 1952
Số bằng: GB 930 cp Quyết định số: 287/TTg ngày 17 tháng 3 năm 2003

562 Liệt sĩ: **PHAN VIẾT ĐOAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1973
Số bằng: VT 692 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

563 Liệt sĩ: **LÊ ANH XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SH 297 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

564 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1952
Số bằng: GH 471 bp Quyết định số: 1228/TTg ngày 11 tháng 10 năm 2003

565 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1967
Số bằng: BE 439 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

566 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THẮNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1975

Số bằng: VT 473 bm Quyết định số: 320/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

567 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MB 540 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

568 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HUỀ**
Thợ lái ca nô, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1967
Số bằng: HM 168 cm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

569 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GK 936 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

570 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8Y 498 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

571 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN SAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1967
Số bằng: IM 590 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

572 Liệt sĩ: **TĂNG NGỌC NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1973
Số bằng: PL 393 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1975

573 Liệt sĩ: **PHẠM THANH CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NY 258 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

574 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÀU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1968
Số bằng: SH 541 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

575 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1971
Số bằng: NY 265 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

576 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 864 bt Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1979

577 Liệt sĩ: **KIỀU QUNAG KỶ**
Tểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZC 098 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

578 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH LONG**
Tểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1967
Số bằng: KM 433 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

579 Liệt sĩ: **CHU BÁ TRẠC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 5S 178 bm Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

580 Liệt sĩ: **CHU VĂN HOẠT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CK 995 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

581 Liệt sĩ: **CHU QUANG YÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1974
Số bằng: SH 675 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

582 Liệt sĩ: **CHU DUY TẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: EZ 260 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963

583 Liệt sĩ: **CHU VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MB 087 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

584 Liệt sĩ: **CHU VĂN TIẾP**
Tểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MB 214 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1967

585 Liệt sĩ: **LÊ KIM LỆ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HA 713 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1973

586 Liệt sĩ: **HỒ THỊ TƯ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: AL 156 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

587 Liệt sĩ: **CHU VĂN TỤY**
Số bằng: A Đ 535 Quyết định số: 41/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

588 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1966
Số bằng: CR 595 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1972

589 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TRI (CHI)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 7 năm 1976
Số bằng: MB 698 bt Quyết định số: 057/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1970

590 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG ĐIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 9Q 354 bt Quyết định số: 474/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

591 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1972
Số bằng: UK 188 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

592 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1971
Số bằng: ĐQ 880 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

593 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: bt 123 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

594 Liệt sĩ: **LÊ DUY NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 1 năm 1983
Số bằng: AC 635 bt Quyết định số: 229/CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984

595 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MẪN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966
Số bằng: MZ 401 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

596 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ MƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1953
Số bằng: ZF 144 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

597 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1970
Số bằng: LK 277 bm Quyết định số: 331/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

598 Liệt sĩ: **LÊ PHỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: MC 573 bp Quyết định số: 110/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1975

599 Liệt sĩ: **CAO VĂN QUẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9X 263 bt Quyết định số: 672/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1960

600 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NK 243 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

601 Liệt sĩ: **ĐOÀN MINH THIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 2 năm 1979
Số bằng: M 898 bt Quyết định số: 216/CTKT ngày 6 tháng 5 năm 1983

602 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG TRUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: GK 918 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

603 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MT 529 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970

604 Liệt sĩ: **LÔ VĂN THÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ an, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1974
Số bằng: QL 679 bm Quyết định số: 561/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1976

605 Liệt sĩ: **HÙNG VĂN HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: LB 658 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

606 Liệt sĩ: **MOONG VĂN ON**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: Cg 505 bm Quyết định số: 234/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972

607 Liệt sĩ: **KHA VĂN NHÚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: DL 325 bp Quyết định số: 531/TTg ngày 3 tháng 11 năm 1993

608 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐIỀNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 3 năm 1953
Số bằng: ZX 012 bp Quyết định số: 208/TTg ngày 16 tháng 9 năm 1960

609 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 11 năm 1950
Số bằng: GZ 604 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964

610 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN SINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KV 141 bm Quyết định số: 596/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973

611 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969
Số bằng: YD 029 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

612 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG LĨNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LB 299 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

613 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1972
Số bằng: KM 213 km Quyết định số: 144/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

614 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH THỦY**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9U 171 kt Quyết định số: 541/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980

615 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NÒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thạch, Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1954
Số bằng: ZP 363 bt Quyết định số: 001/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

616 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC VĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phúc, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972
Số bằng: LB 706 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

617 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 2 năm 1981
Số bằng: F 546 bt Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

618 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: SR 720 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

619 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG TĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: CQ 933 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

620 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1971
Số bằng: QI 813 bm Quyết định số: 68 /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

621 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG SOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1973
Số bằng: LB 481 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974

622 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐƯỢC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UĐ 790 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

623 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ ĐẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: LG 888 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1974

624 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969
Số bằng: YT 060 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

625 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1973
Số bằng: 1L 324 bm Quyết định số: 791/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

626 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KHOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1979
Số bằng: F 540 bt Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

627 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ĐH 830 cp Quyết định số: 279/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1997

628 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NT 516 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

629 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1971
Số bằng: VY 611 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

630 Liệt sĩ: **LƯU ĐÌNH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 1982
Số bằng: DE 183 bt Quyết định số: 190/CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1992

631 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRỌNG TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 7 năm 1979
Số bằng: HB 979 bt Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

632 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8B 648 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

633 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8Q 985 bt Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

634 Liệt sĩ: **LÊ THANH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: YT 069 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

635 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9Q 707 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

636 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 1 năm 1985
Số bằng: BN 457 bt Quyết định số: 159/CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987

637 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1966
Số bằng: VS 723 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

638 Liệt sĩ: **ĐẶNG THẾ HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZU 496 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

639 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1951
Số bằng: ZU 674 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

640 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: CR 506 bm Quyết định số: 386/TTg ngày 19 tháng 9 năm 1972

641 Liệt sĩ: **ĐẶNG DOÃN HIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1976
Số bằng: 8B 579 bt Quyết định số: 283/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

642 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: RA 459 bp Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

643 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NUÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: GZ 594 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964

644 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC LỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: ĐS 659 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

645 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EH 805 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1973

646 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN CHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1969
Số bằng: LR 060 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 21 tháng 5 năm 1974

647 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1980
Số bằng: AQ 633 bt Quyết định số: 306/CTKT ngày 7 tháng 8 năm 1985

648 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 6 năm 1950
Số bằng: GZ 641 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6/ tháng 5/ năm 1964

649 Liệt sĩ: **ĐẬU XUÂN THƯ**
Số bằng: MK 781 Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

650 Liệt sĩ: **VŨ HỒ BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PK 857 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

651 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1966
Số bằng: BB 450 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

652 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 8Q 999 bt Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

653 Liệt sĩ: **LÊ MINH NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: NV 396 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

654 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG VỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: HB 964 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

655 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1968

Số bằng: MB 736 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

656 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH BIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 9Q 281 bt Quyết định số: 469/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

657 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NĂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐN 026 bm Quyết định số: 475/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1972

658 Liệt sĩ: **CAO VĂN DUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐS 330 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

659 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1970
Số bằng: VY 386 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

660 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẰNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1966
Số bằng: BA 983 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

661 Liệt sĩ: **LƯU ĐÌNH NAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1970
Số bằng: BL 672 bm Quyết định số: 29/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

662 Liệt sĩ: **LÊ PHẠM HOẠCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 9Q 416 bm Quyết định số: 469 /TTga ngày 7 tháng 1 năm 1980

663 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN THẢO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1974
Số bằng: SI 131 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

664 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1970
Số bằng: AP 917 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

665 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH TRÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 2AA 294 bt Quyết định số: 10/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1981

666 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VY 568 bm Quyết định số: 367/TTg ngày 27 tháng 4 năm 1977

667 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MB 731 bm Quyết định số: 57 /TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

668 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VINH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1966
Số bằng: IM 349 bm Quyết định số: 178/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1968

669 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UĐ 781 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

670 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UH 223 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

671 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1958
Số bằng: 8R 042 bm Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 18 năm 1979

672 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GZ 591 bm Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

673 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 5 năm 1954
Số bằng: GZ 544 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

674 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TUỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bằng: RA 561 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

675 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH HỒNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1969
Số bằng: GK 842 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1973

676 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7A 263 bt Quyết định số: 1299/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978

677 Liệt sĩ: **LÊ ANH ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PB 570 bm Quyết định số: 2637/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1975

678 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1966
Số bằng: BE 434 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

679 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH KHIẾNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1952
Số bằng: ZQ 4,580 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

680 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MR 759 bm Quyết định số: 719/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1970

681 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SR 563 bp Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

682 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1949
Số bằng: GZ 601 bp Quyết định số: 70/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

683 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂU**
Hội viên Nông hội đỏ, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 7 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZC 546 cp Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

684 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 9QK 444 bt Quyết định số: 474/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

685 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1972
Số bằng: KL 784 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

686 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN TUYẾT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Vinh, huyện Kim động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GK 636 bm Quyết định số: 335/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972

687 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KQ 797 bm Quyết định số: 86TTg ngày 7 tháng 3 năm 1974

688 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NGHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 11 năm 1978
Số bằng: bt 099 bt Quyết định số: 317 CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987

689 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1972
Số bằng: LK 224 bm Quyết định số: 331 /TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

690 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969
Số bằng: VS 939 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

691 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHI HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BL 356 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1972

692 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ẤT**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 10 năm 1968
Số bằng: NK 026 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1974

693 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG LIỄU**
Y tá đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1967
Số bằng: AM 366 cm Quyết định số: 48/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1968

694 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NHU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1966
Số bằng: QN 048 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

695 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 805 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1974

696 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KIM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 790 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

697 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MO 181 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

698 Liệt sĩ: **LÊ THỊ THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: bm 201 cm Quyết định số: 235/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1968

699 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG KIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 467 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

700 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 8B 791 bt Quyết định số: 288/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

701 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG THI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1966
Số bằng: VT 544 bm Quyết định số: 317/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

702 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AP 802 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 9 tháng 6 năm 1971

703 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHƯỚC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐK 969 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1973

704 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LUYỆN**
Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1972

Số bằng: NK 207 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1974

705 Liệt sĩ: **PHẠM THANH TỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: GJ 483 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1973

706 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CẢNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1970
Số bằng: VY 542 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

707 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TỪ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UA 565 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

708 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ THẾ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 4 năm 1986
Số bằng: CD 994 bt Quyết định số: 08/CTKT ngày 5 tháng 1 năm 1989

709 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1971
Số bằng: 9I 574 bm Quyết định số: 07/TTga ngày 1 tháng 5 năm 1980

710 Liệt sĩ: **CHẾ ĐÌNH TRẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,512 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

711 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI BÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 1 năm 1984
Số bằng: AK 764 bt Quyết định số: 381/CTKT ngày 11 tháng 7 năm 1984

712 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG VIỆT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1967
Số bằng: ĐK 953 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1973

713 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8Y 141 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

714 Liệt sĩ: **LƯU VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 9Q 649 bt Quyết định số: 463/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1980

715 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TỰ**
Trợ lí chính trị viên tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1971
Số bằng: RA 552 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

716 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 5 năm 1985
Số bằng: BB 046 bt Quyết định số: 135 CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986

717 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THUẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1970
Số bằng: AP 912 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

718 Liệt sĩ: **LÊ HỮU THÀNH**
Chính trị viên phó tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1971
Số bằng: CV 037 bm Quyết định số: 354 /TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

719 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8Y 301 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

720 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỈU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1953

Số bằng: ZU 594 bp Quyết định số: 152 TTg ngày 7/ tháng 2/ năm 1960

721 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ CẦN**
Trợ lí Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: ĐS 272 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

722 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: YS 042 bm Quyết định số: 467 /TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

723 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH HUỆ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969

Số bằng: GP 749 bm Quyết định số: 347 /TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

724 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG THỌ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 01 năm 1952

Số bằng: ZQ 4,507 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1959

725 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1971
Số bằng: KQ 783 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974

726 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NAM**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1972
Số bằng: ON 325 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1974

727 Liệt sĩ: **CAO VĂN NGHIÊM**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NY 345 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

728 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN NGUÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1951
Số bằng: MC 571 bp Quyết định số: 110/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1975

729 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÚC THÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1967
Số bằng: BE 333 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

730 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN MẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 12 năm 1972
Số bằng: NY 373 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

731 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN KỶ**
Cán bộ tiền lương sở, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: AI 803 cm Quyết định số: 383/CTKT ngày 7 tháng 11 năm 1984

732 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UK 136 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

733 Liệt sĩ: **DƯƠNG MINH TƯỜNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1971
Số bằng: QL 635 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

734 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ MINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: QG 629 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

735 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ THANH**
Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1970
Số bằng: HM 606 cm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

736 Liệt sĩ: **ĐẬU XUÂN LAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KL 989 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1973

737 Liệt sĩ: **ĐẬU XUÂN CHÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1965
Số bằng: CQ 972 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

738 Liệt sĩ: **LÊ HUY THANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1974
Số bằng: SR 635 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

739 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÚC SO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1970
Số bằng: UA 379 bm Quyết định số: 192/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

740 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZD 025 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 4 tháng 3 năm 1957

741 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊM**
Cán bộ Hợp tác xã, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: cm 323 cm Quyết định số: 57/CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1990

742 Liệt sĩ: **ĐẬU NGỌC KHÁNH**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KQ 807 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974

743 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1965
Số bằng: BE 341 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

744 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OI 815 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1975

745 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1966
Số bằng: LG 832 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1974

746 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH HUÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KL 922 bm Quyết định số: 5878/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

747 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐỀ (ĐỂ)**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MB 301 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

748 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: MB 209 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

749 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RA 442 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

750 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGHINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: VM 277 bm Quyết định số: 15 /TTga ngày 15 tháng 1 năm 1970

751 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: VY 444 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

752 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂU**
Hội viên Nông hội đỏ , Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 7 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZC 546 cp Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

753 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 9Q 444 bt Quyết định số: 474 /TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

754 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1972
Số bằng: KL 784 bm Quyết định số: 573 /TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

755 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KQ 797 bm Quyết định số: 86/TTg ngày 7 tháng 3 năm 1974

756 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH HỢP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965
Số bằng: BB 165 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

757 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1973
Số bằng: TY 490 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

758 Liệt sĩ: **CHU VĂN SINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LA 762 bm Quyết định số: 38 /TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

759 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC LẠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1970
Số bằng: QV 500 bm Quyết định số: 150 /TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

760 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1967
Số bằng: MB 201 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

761 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH HƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UB 811 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

762 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1972

Số bằng: QL 598 bm Quyết định số: 52 /TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

763 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1969
Số bằng: GP 750 bm Quyết định số: 347 /TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

764 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: VT 407 bm Quyết định số: 350 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

765 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KQ 910 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1974

766 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1974
Số bằng: VT 402 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

767 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7X 497 bt Quyết định số: 187/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1979

768 Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN VIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 4AA 386 bt Quyết định số: 233/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1981

769 Liệt sĩ: **HOÀNG TRẦN THỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QL 319 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

770 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EH 825 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

771 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1972
Số bằng: VS 738 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

772 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ TỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HV 508 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

773 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ ĐẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KQ 722 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1974

774 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 7 năm 1986
Số bằng: BN 607 bt Quyết định số: 159/CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987

775 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÍ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1972
Số bằng: GJ 489 bm Quyết định số: 390 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

776 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC NĂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1974
Số bằng: VT 339 bm Quyết định số: 350 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

777 Liệt sĩ: **UÔNG MINH TUẤN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: RA 571 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

778 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA VỸ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UB 856 bm Quyết định số: 167 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

779 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 8 năm 1985
Số bằng: DE 197 bt Quyết định số: 190 CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1992

780 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA TƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1973
Số bằng: R 1,382 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1972

781 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TUYÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KV 209 bm Quyết định số: 599 /TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973

782 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT TUẤN**

Dân công, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 9 năm 1952
Số bằng: CH 193 bp Quyết định số: 185 CTKT ngày 27 tháng 9 năm 1989

783 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỔ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: QN 068 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

784 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MG 977 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970

785 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HZ 339 bm Quyết định số: 113 /TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

786 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÊN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1964
Số bằng: DE 146 bm Quyết định số: 190 CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1992

787 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN YÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1981
Số bằng: DL 675 bt Quyết định số: 50 TTg ngày 2 tháng 2 năm 1994

788 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY KÝ**
Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: MT 127 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970

789 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 1/12/1900 năm 1978
Số bằng: 9T 731 bt Quyết định số: 559/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

790 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HIẾN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1968
Số bằng: BA 999 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

791 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MĐ 146 bm Quyết định số: 62 /TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

792 Liệt sĩ: **ĐÀM XUÂN TUỆ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1966
Số bằng: BB 384 bm Quyết định số: 279 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

793 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969

Số bằng: ĐN 054 bm Quyết định số: 475/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1972

794 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1966
Số bằng: VY 436 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

795 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ ĐIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1969
Số bằng: BA 965 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

796 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT LỊCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MB 242 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

797 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VĨNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: QI 908 bm Quyết định số: 68 /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

798 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MT 178 bm Quyết định số: 272 /TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970

799 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9X 115 bt Quyết định số: 655 /TTga ngày 8 tháng 10 năm 1980

800 Liệt sĩ: **ĐẶNG TẤT BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BL 171 bm Quyết định số: 36 /TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

801 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ NHƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972

Số bằng: KQ 966 bm Quyết định số: 34 /TTga ngày 17 tháng 1 năm 1974

802 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HV 503 bm Quyết định số: 148 /TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

803 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MZ 450 bm Quyết định số: 86- /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1971

804 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1973
Số bằng: UĐ 756 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

805 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MĐ 120 bm Quyết định số: 62-/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

806 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG HIẾN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 7AA 607 bt Quyết định số: 075-CT/KT ngày 11 tháng 4 năm 1981

807 Liệt sĩ: **ĐẶNG THÁI VINH**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1979
Số bằng: 9U 212 bt Quyết định số: 541 /TTga ngày 8 tháng 88 năm 1980

808 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1966
Số bằng: RB 083 bm Quyết định số: 149 /TTga ngày 28 tháng 4 năm 1967

809 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1978
Số bằng: 4AA 293 bt Quyết định số: 230 /TTga ngày 12 tháng 6 năm 1981

810 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8Y 175 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

811 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1968
Số bằng: VT 331 bm Quyết định số: 350 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

812 Liệt sĩ: **ĐẶNG PHÚ QUỐC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KQ 824 bm Quyết định số: 86 /TTga ngày 3 tháng 7 năm 1974

813 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ LIÊN**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1968
Số bằng: HM 566 cm Quyết định số: 39/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

814 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8Y 342 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

815 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HÙNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1969
Số bằng: GK 844 bm Quyết định số: 397 /TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

816 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HỢP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 6 năm 1949
Số bằng: QI 149 bp Quyết định số: 11/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1976

817 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: BL 369 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

818 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TĨNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: YA 129 bm Quyết định số: 310/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

819 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 10 năm 1982
Số bằng: Q 025 bt Quyết định số: 317 CTKT ngày 9/ tháng 4/ năm 1983

820 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THUẦN**
Công nhân, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1971
Số bằng: V 267 km Quyết định số: 08 CTKT ngày 11 tháng 1 năm 1984

821 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẤT**

Cán bộ phòng lương thực, Nghi lộc, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1966
Số bằng: DL 812 cm Quyết định số: 45 TTg ngày 31 tháng 1 năm 1994

822 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 6 năm 1983
Số bằng: BN 456 bt Quyết định số: 159 CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987

823 Liệt sĩ: **PHÙNG BÁ DANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8Q 786 bt Quyết định số: 585 /TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

824 Liệt sĩ: **ĐẬU KHẮC HUỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9I 684 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

825 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC TÝ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1973
Số bằng: ĐK 975 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

826 Liệt sĩ: **VƯƠNG ĐÌNH THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 9 năm 1982
Số bằng: BB 034 bt Quyết định số: 73 CTKT ngày 3/ tháng 9/ năm 1986

827 Liệt sĩ: **HOÀNG THANH PHONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: PB 681 bm Quyết định số: 191 /TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

828 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ĐỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1967
Số bằng: MZ 383 bm Quyết định số: 86 /TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

829 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9U 162 bt Quyết định số: 541 /TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980

830 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẤT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: MO 205 bm Quyết định số: 154 /TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

831 Liệt sĩ: **NGUYỄN ÁNH HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 2AB 774 bt Quyết định số: 253 CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

832 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UĐ 720 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

833 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LONG**
Y sỹ, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: QM 280 cm Quyết định số: 161/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

834 Liệt sĩ: **NGUYỄN KẾ CƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1953
Số bằng: GZ 522 bp Quyết định số: 75 /TTga ngày 6/ tháng 5/ năm 1964

835 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: LC 806 bp Quyết định số: 440 /TTga ngày 28 tháng 8 năm 1974

836 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CK 964 bm Quyết định số: 288 /TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

837 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1970
Số bằng: SR 527 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

838 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BB 233 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

839 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QG 500 bm Quyết định số: 55 /TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

840 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH NIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Diên - huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1965
Số bằng: HZ 491 bm Quyết định số: 114 /TTga ngày 23 tháng 7 năm 1965

841 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MÃO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1975
Số bằng: RA 432 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

842 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: RA 573 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

843 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ MINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1985
Số bằng: BB 145 bm Quyết định số: 135 CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986

844 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1965
Số bằng: ĐH 795 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

845 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÀO (DÀO)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XG 315 bp Quyết định số: 226 TTg ngày 5/ tháng /1 năm 1958

846 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ LƯU**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
Số bằng: cp 264 bm Quyết định số: 298 /TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972

847 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGƯƠN**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AM 971 km Quyết định số: 132/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1970

848 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YP 415 bm Quyết định số: 468/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

849 Liệt sĩ: **THÁI VĂN HIỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1966
Số bằng: CQ 804 bm Quyết định số: 17/CTKT ngày 17 tháng 2 năm 1991

850 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ THINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 6 năm 1978

Số bằng: 7AA 721 bt Quyết định số: 58/CTKT ngày 23 tháng 10 năm 1981

851 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1968
Số bằng: OI 879 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1975

852 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: CK 990 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

853 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1971
Số bằng: PI 788 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

854 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY SƠN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MR 742 bm Quyết định số: 256/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1970

855 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢI ĐỒNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1972
Số bằng: UĐ 751 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

856 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7A 408 bt Quyết định số: 1321/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978

857 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÀI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1973
Số bằng: VT 648 bm Quyết định số: 374/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

858 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1954
Số bằng: ZA 381 bp Quyết định số: 173/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1972

859 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HÒA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9I 657 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

860 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ LIỄU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 2Đ 163 bm Quyết định số: 1186/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

861 Liệt sĩ: **TẠ QUANG PHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Quang, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GR 602 bm Quyết định số: 385 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

862 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BK 064 bt Quyết định số: 47/CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1987

863 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN HINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1967
Số bằng: bt 709 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

864 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG VẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 9 năm 1951
Số bằng: XG 368 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1958

865 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1978
Số bằng: CL 008 bt Quyết định số: 574/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

866 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẬP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1972
Số bằng: NY 320 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

867 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Vân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1970
Số bằng: AR 786 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1971

868 Liệt sĩ: **TÔN VĂN THẮNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1971
Số bằng: EK 258 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

869 Liệt sĩ: **NGUYỄN TỪ TAM**
Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐH 829 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

870 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG KHANG**

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZA 218 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1957

871 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG NGŨ**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 455 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

872 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NUÔI**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1961
Số bằng: QO 405 bm Quyết định số: 72/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1976

873 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TAM**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 8E 510 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

874 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG NHÃ**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MO 998 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970

875 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG NHUẬN**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1970
Số bằng: EG 636 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

876 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG CẬT**
Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1966
Số bằng: SH 544 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

877 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG BÁT**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1966
Số bằng: DP 885 km Quyết định số: 169/TTga ngày 17 tháng 3 năm 1995

878 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUẾ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MF 962 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1970

879 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHỊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KQ 679 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974

880 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC BẢY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1972
Số bằng: QK 402 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

881 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC KHÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZM 316 bp Quyết định số: 430/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1958

882 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HZ 833 bm Quyết định số: 086/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

883 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HZ 834 bm Quyết định số: 086/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

884 Liệt sĩ: **VÕ QUANG VINH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972
Số bằng: EK 119 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973

885 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC DINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NK 083 bm Quyết định số: 344 /TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

886 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUỐC ÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UB 440 bm Quyết định số: 137/TT ga ngày 15 tháng 3 năm 1977

887 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TRÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
Số bằng: NG 434 bm Quyết định số: 487TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

888 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂU NGỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1969
Số bằng: GL 802 bm Quyết định số: 479 /TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

889 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 2Đ 267 bm Quyết định số: 1189/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

890 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN ĐỨC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 2AB 735 bt Quyết định số: 253/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

891 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1968
Số bằng: PM 972 bm Quyết định số: 146 /TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

892 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TAM**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KQ 644 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974

893 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG SÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 8E 489 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

894 Liệt sĩ: **VÕ VĂN DUẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UĐ 359 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

895 Liệt sĩ: **PHẠM KIM LAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SR 119 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

896 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN BÁ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NY 243 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 18 tháng 10 năm 2012

897 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU CHỈNH**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1966
Số bằng: YP 503 bm Quyết định số: 468/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

898 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ MINH**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LB 327 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

899 Liệt sĩ: **PHẠM GIA KHANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1973

Số bằng: LA 484 cm Quyết định số: 456/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

900 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG PHIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1976
Số bằng: VH 983 bt Quyết định số: 456/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

901 Liệt sĩ: **LÊ BÁ THỪA**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Dũng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1972
Số bằng: EG 724 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

902 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH TỨ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PI 714 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

903 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH CHÂU**
Số bằng: SR 106 Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

904 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN NAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MH 011 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970

905 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8K 123 bt Quyết định số: 574/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

906 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 579 bm Quyết định số: 385/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

907 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT TRƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 8 năm 1953
Số bằng: ZA 352 bp Quyết định số: 190 /TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957

908 Liệt sĩ: **CHU VĂN BIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XA 521 bp Quyết định số: 551 /TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

909 Liệt sĩ: **ĐẶNG CÔNG HUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8B 610 bt Quyết định số: 287 /TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

910 Liệt sĩ: **VÕ QUANG THÀNH**
Trung đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: KQ 666 bm Quyết định số: 23 /TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974

911 Liệt sĩ: **BÀNH VĂN LƯỢNG**
Thượng sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,594 bp Quyết định số: 424 TTg ngày 12 tháng 1/ năm 1959

912 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐỆ**
Tiểu đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZU 477 bp Quyết định số: 152 TTg ngày 7/ tháng 2/ năm 1960

913 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHƯƠNG**
Thượng sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MI 593 bm Quyết định số: 139 /TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

914 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BẰNG**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QH 547 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

915 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG PHONG**
Số bằng: MB 812 Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

916 Liệt sĩ: **TỪ ĐỨC TUẤN**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KQ 646 bm Quyết định số: 23 /TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974

917 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XG 211 bp Quyết định số: 226TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958

918 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PM 928 bt Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

919 Liệt sĩ: **NGÔ MINH KHÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1966
Số bằng: R 1,340 bm Quyết định số: 92TTg ngày 18 tháng 3 năm 1972

920 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC THUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZK 285 bp Quyết định số: 551TTg ngày 11 tháng 5 năm 1957

921 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÙNG NHÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 290 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UE 364 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

922 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971
Số bằng: YP 562 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

923 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1970
Số bằng: GJ 446 bm Quyết định số: 190/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1976

924 Liệt sĩ: **VI NGỌC HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HV 440 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1974

925 Liệt sĩ: **LÔ VĂN LƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1975
Số bằng: YS 048 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

926 Liệt sĩ: **VI VĂN DIỄN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ an , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1967
Số bằng: MK 961 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1970

927 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC DANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RA 195 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

928 Liệt sĩ: **HÀ KIM ĐỒNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1967
Số bằng: HZ 325 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

929 Liệt sĩ: **VI VĂN GƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1968
Số bằng: QI 146 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1976

930 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH KHUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1970
Số bằng: cp 299 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

931 Liệt sĩ: **VI VĂN NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967
Số bằng: F 467 bm Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

932 Liệt sĩ: **VI KIM PHÒNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1971
Số bằng: QN 072 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

933 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH SIÊNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1967
Số bằng: MB 614 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

934 Liệt sĩ: **VI VĂN XƯỞNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PD 351 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1975

935 Liệt sĩ: **VI VĂN YẾN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1971
Số bằng: QI 857 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

936 Liệt sĩ: **LANG VĂN TRIỀU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SI 011 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

937 Liệt sĩ: **LANG VĂN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9Q 759 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

938 Liệt sĩ: **LÔ VĂN NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HB 954 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

939 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN QUỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1972

Số bằng: LK 284 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1974

940 Liệt sĩ: **LÔ VĂN HỌC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 1L 377 bt Quyết định số: 791/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

941 Liệt sĩ: **SẦM VĂN ĐÒN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cắm Muộn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1953
Số bằng: DZ 244 bp Quyết định số: 278/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1962

942 Liệt sĩ: **LANG VĂN TUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1968
Số bằng: NU 583 bm Quyết định số: 518/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1974

943 Liệt sĩ: **VI VĂN CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MI 584 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1970

944 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHIẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 4E 662 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1978

945 Liệt sĩ: **NGÂN QUÝ LƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SR 135 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

946 Liệt sĩ: **LƯƠNG QUANG VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KQ 656 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1974

947 Liệt sĩ: **LANG HỒNG THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1970
Số bằng: HV 485 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1974

948 Liệt sĩ: **HOÀNG TRUNG DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1961
Số bằng: GZ 782 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1964

949 Liệt sĩ: **LÔ VĂN NHO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong,

tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1970
Số bằng: bt 160 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

950 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THƯ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1970
Số bằng: MR 499 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1970

951 Liệt sĩ: **LỘC XUÂN TIẾP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1973
Số bằng: NY 675 bm Quyết định số: 510/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1974

952 Liệt sĩ: **QUANG VĂN KÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Thôn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BN 306 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1972

953 Liệt sĩ: **HÀ TRUNG CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1967
Số bằng: cp 025 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

954 Liệt sĩ: **LANG VĂN DÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1972
Số bằng: HV 431 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1974

955 Liệt sĩ: **LANG XUÂN HÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1975
Số bằng: QL 401 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

956 Liệt sĩ: **HÀ MINH KHUYÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QV 484 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

957 Liệt sĩ: **QUANG HỒNG MIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1970
Số bằng: cp 220 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972

958 Liệt sĩ: **SÀM BÁ NAM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1974
Số bằng: SH 749 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

959 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGỌC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 9 năm 1981
Số bằng: ĐT 433 bt Quyết định số: 854/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 1998

960 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHÒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 10 năm 1978
Số bằng: DV 948 bt Quyết định số: 572/TTg ngày 14 tháng 9 năm 1995

961 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC SƠN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: DQ 926 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

962 Liệt sĩ: **LÔ VĂN SINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972
Số bằng: ON 382 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1974

963 Liệt sĩ: **QUANG CHÍ THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QL 292 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 2 tháng 10 năm 1976

964 Liệt sĩ: **VI VĂN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1970
Số bằng: BK 458 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

965 Liệt sĩ: **QUANG VĂN THƯỜNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970
Số bằng: cp 288 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

966 Liệt sĩ: **LANG VĂN THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MK 937 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1970

967 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HIẾU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hạnh, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QV 406 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

968 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CT 465 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

969 Liệt sĩ: **VÕ MINH TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GJ 484 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

970 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 7Đ 625 bt Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

971 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8Y 257 bt Quyết định số: 791/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1979

972 Liệt sĩ: **HỒ KHẮC TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1973
Số bằng: RA 547 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

973 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỪU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1953
Số bằng: GL 324 bp Quyết định số: 675/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2004

974 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OK 525 bm Quyết định số: 675/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2004

975 Liệt sĩ: **HỒ HỮU HÒA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 9Z 382 bt Quyết định số: 735/TTg ngày 24 tháng 11 năm 1980

976 Liệt sĩ: **HỒ ĐÌNH CAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LR 227 bm Quyết định số: 259/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1974

977 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THỌ**
Chiến sĩ Quân đôiụ nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 1H 360 bt Quyết định số: 761/TTg ngày 27 tháng 7 năm 1977

978 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ LIÊM**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SG 133 bm Quyết định số: 465/TTg ngày 21 tháng 10 năm 1976

979 Liệt sĩ: **HỒ ĐĂNG CẦU**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1967
Số bằng: QM 603 bm Quyết định số: 184/TTg ngày 29 tháng 10 năm 1969

980 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LUYỆN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 5S 133 bm Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

981 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẦM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: LR 224 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

982 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỘ LƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: BS 040 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1972

983 Liệt sĩ: **VŨ NHƯ MẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1973
Số bằng: TB 657 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

984 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9I 727 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

985 Liệt sĩ: **PHẠM DUY TÔ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1970
Số bằng: TY 480 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

986 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIỆM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PB 662 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

987 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: YA 865 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

988 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971

Số bằng: NP 792 bm Quyết định số: 414/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974

989 Liệt sĩ: **HỒ NHƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: HC 529 bm Quyết định số: 192/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

990 Liệt sĩ: **TRƯƠNG TẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1951
Số bằng: HC 516 bP Quyết định số: 107/TTga ngày 2 tháng 2 năm 2005

991 Liệt sĩ: **NGÔ CHUNG TOẢN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MI 040 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

992 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TÁM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 năm 1952
Số bằng: GZ 453 bp Quyết định số: 61/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1964

993 Liệt sĩ: **TRẦN ĐẠI**
Đảng viên, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1930
Số bằng: ZD 354 cp Quyết định số: 218/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

994 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CR 609 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1972

995 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SINH**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: BB 287 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

996 Liệt sĩ: **TRẦN XỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1953
Số bằng: ZU 671 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1960

997 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THƯ**
Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1974
Số bằng: VT 607 bm Quyết định số: 317/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

998 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHUẨN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MB 427 bm Quyết định số: 58/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1970

999 Liệt sĩ: **HỒ VIẾT HOAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 938 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1975

1000 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN QUANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UG 534 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1001 Liệt sĩ: **HOÀNG SỸ CAO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1954
Số bằng: EZ 585 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1964

1002 Liệt sĩ: **HOÀNG TRUNG CHUNG**
Chiến sĩ quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1983
Số bằng: bt 110 bm Quyết định số: 317/CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987

1003 Liệt sĩ: **PHAN ĐÌNH TRÁT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9Z 450 bt Quyết định số: 735/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

1004 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN TRINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1971
Số bằng: cp 046 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

1005 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HZ 836 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1966

1006 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THƯ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1954
Số bằng: EZ 722 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

1007 Liệt sĩ: **CÙ CHÍNH LAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1952
Số bằng: YZ 515 bm Quyết định số: 1191/TTg ngày 22 tháng 12 năm 1956

1008 Liệt sĩ: **LÊ NHẬT MỸ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 2AB 808 bt Quyết định số: 313/CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1982

1009 Liệt sĩ: **LÊ CỰ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BK 432 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

1010 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1971
Số bằng: LA 828 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

1011 Liệt sĩ: **TRẦN THIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZQ 1,123 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 6 tháng 1 năm 1959

1012 Liệt sĩ: **DƯƠNG BÁ CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1957
Số bằng: XA 370 bm Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

1013 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN DỰC**
Kỹ sư trồng trọt, Ty Nông nghiệp tỉnh Nghệ An, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: IM 157 cm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

1014 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 433 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

1015 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU XƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8B 788 bt Quyết định số: 288/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

1016 Liệt sĩ: **VÕ XUÂN DUNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1974
Số bằng: QI 810 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

1017 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG TÍN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1974
Số bằng: TI 265 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1018 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LỢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 05 năm 1970
Số bằng: VS 720 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1019 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC ĐÔI**
Chiến sỹ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MK 801 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1970

1020 Liệt sĩ: **HỒ KIM NGÂM**
Uỷ viên Uỷ ban hành chính xã, Nguyên quán: xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1966
Số bằng: DQ 889 bm Quyết định số: 179 /TTga ngày 17 tháng 3 năm 1995

1021 Liệt sĩ: **PHẠM MINH THUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972
Số bằng: QL 332 bm Quyết định số: 41/CTKT ngày 10 tháng 2 năm 1986

1022 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH PHƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 04 năm 1972
Số bằng: QL 358 bm Quyết định số: 41/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2005

1023 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZQ 1,098 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959

1024 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 04 năm 1972
Số bằng: YI 1,999 bm Quyết định số: 152/TTg ngày 07 tháng 2 năm 1960

1025 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN QÚY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 04 năm 1978
Số bằng: 7Đ 515 bt Quyết định số: 1393/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978

1026 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HOAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: SR 708 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1027 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XA 311 bp Quyết định số: 109/TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957

1028 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
Số bằng: PR 073 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

1029 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TỚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8Y 461 bt Quyết định số: 734/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1979

1030 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 1 năm 1953
Số bằng: ZA 310 bp Quyết định số: 190/TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957

1031 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG THẠC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OA 235 bm Quyết định số: 556/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1032 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1965
Số bằng: AM 495 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1973

1033 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG KHOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:xã Quỳnh Long,huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1972
Số bằng: QL 265 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

1034 Liệt sĩ: **HỒ SĨ VY**
Trung đội trưởng dân quân du kích, Nguyên quán:xã Quỳnh Long,huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AM 438 km Quyết định số: 245/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968

1035 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG SỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:xã Quỳnh Long,huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 895 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1036 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ LONG**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1969
Số bằng: KM 214 cm Quyết định số: 144/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

1037 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHUYÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969

Số bằng: CV 031 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

1038 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**
Tiểu đội trưởng quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: YV 004 bm Quyết định số: 456/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

1039 Liệt sĩ: **TRẦN QUYẾT THẮNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1973
Số bằng: UH 422 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1040 Liệt sĩ: **ĐẶNG CÔNG CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HT 843 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1041 Liệt sĩ: **VŨ THỊ LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LB 307 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1042 Liệt sĩ: **MAI VĂN CẬY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 802 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

1043 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN DŨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NY 238 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

1044 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỦ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 1 năm 1981
Số bằng: DK 674 bt Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1993

1045 Liệt sĩ: **HỒ VĂN NGỌ**
Chiến sĩ Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 1981
Số bằng: F 562 bt Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

1046 Liệt sĩ: **HỒ ĐỨC SƠN**
Tiểu đội trưởng Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QN 086 bt Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

1047 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN VINH**
Chiến sỹ Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1974
Số bằng: UB 895 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1048 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐẮC DỤ**
Tiểu đội trưởng Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1967
Số bằng: cm 173 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1969

1049 Liệt sĩ: **HỒ MINH DỤNG**
Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1967
Số bằng: HM 603 cm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968

1050 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ ÂN**
Thuyền phó, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1966
Số bằng: HM 164 cm Quyết định số: 81/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1971

1051 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MK 804 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

1052 Liệt sĩ: **HỒ KIM**
Chiến sĩ Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CR 521 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1053 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỐNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1969
Số bằng: MK 780 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

1054 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1974
Số bằng: SI 114 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

1055 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 9 năm 1946
Số bằng: XG 231 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958

1056 Liệt sĩ: **ĐINH VIẾT THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966
Số bằng: bm 276 bm Quyết định số: 135/TTg ngày 2 tháng 8 năm 1967

1057 Liệt sĩ: **HỒ LONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1951
Số bằng: GZ 228 bp Quyết định số: 32/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1963

1058 Liệt sĩ: **TRẦN KIM HÓA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 10 năm 1987
Số bằng: DC 933 bt Quyết định số: 126/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1987

1059 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THUNG**
Trưởng phòng Công an, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1968
Số bằng: NM 608 cm Quyết định số: 27/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

1060 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TUY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: BE 374 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

1061 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC THỊNH**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: ZM 361 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958

1062 Liệt sĩ: **NGÔ ANH TUẤN**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HT 807 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1063 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ QUY**
Công nhân bộ Nội Thương, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: NM 704 cm Quyết định số: 146/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

1064 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NIÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 10 năm 1949
Số bằng: ZD 367 kp Quyết định số: 219/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

1065 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: ZK 259 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

1066 Liệt sĩ: **HỒ SƠN TĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KQ 409 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

1067 Liệt sĩ: **ĐẬU THỊ HOA**
Công nhân vận tải biển, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: NM 643 cm Quyết định số: 72/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1976

1068 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN XÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 8M 364 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

1069 Liệt sĩ: **HỒ VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1970
Số bằng: MR 484 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1970

1070 Liệt sĩ: **TÔ DUY PHỤNG**
Xã viên Hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1966
Số bằng: NM 451 cm Quyết định số: 11/TTga ngày 10 tháng 01 năm 1976

1071 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1978
Số bằng: 8B 653 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 04 năm 1979

1072 Liệt sĩ: **HỒ HỮU THÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1967
Số bằng: UR 700 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

1073 Liệt sĩ: **VŨ HUY LẬP**
Trợ lý Chính trị Tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1972
Số bằng: KQ 870 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1974

1074 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: LR 264 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

1075 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1972
Số bằng: HT 771 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 09 tháng 04 năm 1974

1076 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH DỰ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: NK 076 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

1077 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8B 583 bt Quyết định số: 283/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

1078 Liệt sĩ: **BÙI DUY THÔNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 9I 946 bt Quyết định số: 34/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1980

1079 Liệt sĩ: **HỒ NGẠNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: ZD 369 kp Quyết định số: 219/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

1080 Liệt sĩ: **HỒ HỮU KỶ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1979
Số bằng: MO 995 bt Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

1081 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH DIỆM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: QH 587 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

1082 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH CƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QH 576 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 2 tháng 10 năm 1976

1083 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐÀO**
Thuyền trưởng vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: HM 546 cm Quyết định số: 36/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972

1084 Liệt sĩ: **ĐÀM ĐỨC HUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: EZ 620 bp Quyết định số: 218/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1963

1085 Liệt sĩ: **HỒ NGỌC HIỂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PR 226 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 23 tháng 09 năm 1975

1086 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 03 năm 1967

Số bằng: BK 615 bm Quyết định số: 48/CTKT ngày 03 tháng 04 năm 1987

1087 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 05 năm 1965
Số bằng: BK 492 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 17 tháng 07 năm 1965

1088 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1970
Số bằng: BK 355 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972

1089 Liệt sĩ: **THÁI NGUYÊN LỢI**
Xã viên hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 07 năm 1966
Số bằng: EM 008 cm Quyết định số: 55/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

1090 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 07 năm 1966
Số bằng: bt 117 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

1091 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÂN**
Thuyền trưởng vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 05 năm 1965
Số bằng: 2Q 863 cm Quyết định số: 425/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

1092 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Tân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 8Y 321 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1093 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ANH NHƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HV 536 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1094 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TUYẾT**
Xã viên hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1968
Số bằng: EM 163 cm Quyết định số: 87/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1970

1095 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỤ**
Xã viên hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 6N 891 cm Quyết định số: 215/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982

1096 Liệt sĩ: **TÔ DUY NHỢI**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HZ 859 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

1097 Liệt sĩ: **HỒ HỮU DUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HP 914 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

1098 Liệt sĩ: **LÊ TIỀN TIÊU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1968
Số bằng: NĐ 500 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974

1099 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1971
Số bằng: CT 540 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

1100 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHIỆM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 8E 451 bm Quyết định số: 248/TTg ngày 18 tháng 5 năm 1979

1101 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ NGÀ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QL 360 bt Quyết định số: 41/TTga ngày 2 tháng 10 năm 1976

1102 Liệt sĩ: **VĂN ĐỨC DIỆM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 4 năm 1970
Số bằng: RA 196 bt Quyết định số: 152/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

1103 Liệt sĩ: **HOÀNG DANH CHÂU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 10 năm 1984

Số bằng: bt 107 bt Quyết định số: 317/CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987

1104 Liệt sĩ: **LÊ TIỀN TIÊU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1968
Số bằng: NĐ 500 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974

1105 Liệt sĩ: **PHẠM NHU**
Công nhân, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1966
Số bằng: EG 088 cm Quyết định số: 344/TTg ngày 26 tháng 4 năm 2000

1106 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DƯ**
Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 1989
Số bằng: CZ 791 ct Quyết định số: 15/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1992

1107 Liệt sĩ: **HỒ MẬU DOANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 8 năm 1951
Số bằng: EZ 601 bp Quyết định số: 218/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1963

1108 Liệt sĩ: **BÙI DUY NGUYÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9I 813 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

1109 Liệt sĩ: **HỒ VIẾT NHUNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1966
Số bằng: R 1,352 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1972

1110 Liệt sĩ: **HỒ ĐỨC DU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1967
Số bằng: YM 403 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1111 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: VO 160 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1112 Liệt sĩ: **HỒ MẬU TRỊNH**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HT 738 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1113 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN LỤC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VS 755 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1114 Liệt sĩ: **ĐÀM NGỌC QUỲNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: UG 589 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1115 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN TRẠCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 8E 592 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

1116 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THỈNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1973
Số bằng: UR 504 bm Quyết định số: 446/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

1117 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÍ (CHÍ)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1975
Số bằng: NK 178 bm Quyết định số: 345/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1974

1118 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 7A 274 bt Quyết định số: 159/TTTg ngày 7 tháng 5 năm 1987

1119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẤT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1968
Số bằng: BE 313 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1971

1 Liệt sĩ: **NGÔ THÚC THIÊM**
Bí thư Đoàn Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, Nguyên quán: xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc tháng 2 năm 1929
Số bằng: ZC 707 kp Quyết định số: 86/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

2 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÔI**
Bí thư nông hội đỏ, Nguyên quán: xã Hưng Tiến, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc tháng 4 năm 1931
Số bằng: ZB 720 cp Quyết định số: 278/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1962

3 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UĐ 689 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

4 Liệt sĩ: **ĐẬU QUANG DẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: QH 582 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

5 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HOÀI**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1968
Số bằng: cm 479 km Quyết định số: 100/TTga ngày 24 tháng 6 năm 1969

6 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Nhân viên công an xóm, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZC 165 cp Quyết định số: 218/TTg ngày 27 tháng 11 năm 1963

7 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1966
Số bằng: BB 365 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

8 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC DỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 7 năm 1980
Số bằng: 7AA 583 bt Quyết định số: 75/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

9 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁT**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9Q 263 bt Quyết định số: 469/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

10 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỤC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1967
Số bằng: UĐ 950 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

11 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966
Số bằng: MZ 399 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

12 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TRUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8E 602 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

13 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐỨC TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 07 năm 1972
Số bằng: LA 826 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

14 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐỨC ĐÀO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 04 năm 1979

Số bằng: 9I 601 bt Quyết định số: 07/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

15 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HUỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên ,

tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NK 120 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

16 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỤC**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐM 162 cm Quyết định số: 669/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1997

17 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1981
Số bằng: M 794 bt Quyết định số: 262/CTKT ngày 7 tháng 6 năm 1983

18 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHÂM**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1972
Số bằng: MM 447 cm Quyết định số: 512/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1974

19 Liệt sĩ: **VÕ QUÝ NẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ZL 263 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

20 Liệt sĩ: **CHU XUÂN LỤC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1973
Số bằng: PE 106 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

21 Liệt sĩ: **NGÔ ĐẮC LƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZL 256 bm Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

22 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẤN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: TY 408 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

23 Liệt sĩ: **VÕ SĨ LIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1971
Số bằng: cp 250 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972

24 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG SÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NK 299 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

25 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT HƯNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ
An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 11 năm 1975
Số bằng: UB 838 bt Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

26 Liệt sĩ: **ĐẬU ĐÌNH LIÊN**
Tự vệ đỏ, Nguyên quán:xã Thanh Tài, hyệnThanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1931
Số bằng: ZC 932 Quyết định số: 278/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1962

27 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HA 649 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

28 Liệt sĩ: **LÊ HỮU HỢI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QV 429 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

29 Liệt sĩ: **HỒ SỸ BẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1973
Số bằng: OV 946 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

30 Liệt sĩ: **HỒ QUANG CẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MB 138 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

31 Liệt sĩ: **HỒ THỊ QUANG**
Đội viên Tuyên truyền huyện, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: BL 404 cm Quyết định số: 119/CTKT ngày 6 tháng 10 năm 1983

32 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1973
Số bằng: PI 740 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

33 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THÁI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1969
Số bằng: NK 288 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

34 Liệt sĩ: **NGÔ ĐỨC HỶ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UK 119 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

35 Liệt sĩ: **HỒ SỸ CƯỜNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1967
Số bằng: UE 295 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

36 Liệt sĩ: **THÁI THANH TOÀN**
Nhân viên thủ kho, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1972
Số bằng: Z 778 bm Quyết định số: 96/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1984

37 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1972
Số bằng: RA 172 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

38 Liệt sĩ: **PHAN THANH LIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1972
Số bằng: ON 302 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1974

39 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1966
Số bằng: IM 642 b1m Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

40 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÂM**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Khánh Xương, tỉnh Phú Khánh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3AA 779 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981

41 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐỨC THÔNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GJ 878 bm Quyết định số: 532/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1973

42 Liệt sĩ: **LÊ NGUYÊN HÒA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: HT 820 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

43 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐĂNG BÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,389 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 01 tháng 12 năm 1959

44 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC MẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968

Số bằng: KM 888 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1968

45 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ MINH**
Chiến sĩ Thanh niên xung phong Chống Mỹ, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1967
Số bằng: bm 794 cm Quyết định số: 22/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1969

46 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THÀNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OR 114 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1975

47 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG KIM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1969
Số bằng: BS 413 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1972

48 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN THẺ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
Số bằng: MV 327 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1970

49 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC DUỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OI 789 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1975

50 Liệt sĩ: **CAO QUANG THẺ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
Số bằng: SI 134 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

51 Liệt sĩ: **VÕ QUÝ CUNG**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: EX 366 cp Quyết định số: 525/QĐ- TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002

52 Liệt sĩ: **CAO VĂN LIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 1L 156 bm Quyết định số: 792/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

53 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1954
Số bằng: LC 752 bp Quyết định số: 440/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1974

54 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TOÀN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7Đ 559 bm Quyết định số: 1393/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

55 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UK 179 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

56 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1974
Số bằng: TY 504 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

57 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7A 444 bm Quyết định số: 1321/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978

58 Liệt sĩ: **CAO VĂN BÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954
Số bằng: EZ 580 bp Quyết định số: 218/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1963

59 Liệt sĩ: **CAO QUANG LUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1966
Số bằng: UĐ 945 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

60 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1966
Số bằng: BE 340 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

61 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THẾ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1974
Số bằng: SI 133 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1976

62 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ LỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1966
Số bằng: MK 791 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

63 Liệt sĩ: **NGUYỄN LƯƠNG CHÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1951
Số bằng: ZX 713 bp Quyết định số: 313/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1960

64 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 6 năm 1975
Số bằng: BB 054 bt Quyết định số: 135/CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986

65 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1947
Số bằng: ZU 978 bp Quyết định số: 208/TTg ngày 9 tháng 6 năm 1960

66 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 3H 586 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1978

67 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐẢN**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: EX 364 cp Quyết định số: 525/QĐ-TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002

68 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẺ**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: EX 362 cp Quyết định số: 525/QĐ-TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002

69 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐQ 635 bm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

70 Liệt sĩ: **LÊ SỸ KÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QG 525 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

71 Liệt sĩ: **LA THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EH 767 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

72 Liệt sĩ: **NGUYỄN NAM CHÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UG 632 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

73 Liệt sĩ: **NGUYỄN NAM PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PM 989 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

74 Liệt sĩ: **THÁI BÁ THỤY**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: EX 365 cp Quyết định số: 525/QĐ- TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002

75 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN NHẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1967
Số bằng: UE 375 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

76 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN NGHĨA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 7Đ 697 bm Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

77 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1970
Số bằng: bt 075 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

78 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA VỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EG 650 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

79 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THANG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Minh, huyện huyện Bắc Bình, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 4E 522 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978

80 Liệt sĩ: **LƯU ĐỨC VIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1966
Số bằng: ĐK 950 bp Quyết định số: 25/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

81 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN DỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1953
Số bằng: HZ 232 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1965

82 Liệt sĩ: **CHU VĂN THÌN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VK 253 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973

83 Liệt sĩ: **NGUYỄN KINH THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BL 711 bm Quyết định số: 39 /TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972

84 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1970
Số bằng: HA 660 bm Quyết định số: 478 /TTga ngày 06 tháng 11 năm 1973

85 Liệt sĩ: **LÊ SỸ LƯU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 8E 404 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

86 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1968
Số bằng: YP 526 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

87 Liệt sĩ: **LÊ NGUYÊN HÒA**
Trợ lý Quân nhu Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: HT 820 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

88 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1978
Số bằng: 9L 538 bt Quyết định số: 07/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

89 Liệt sĩ: **TRẦN CƯƠNG**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZA 451 lp Quyết định số: 130/TTg ngày 4 tháng 1 năm 1959

90 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN MAI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1966
Số bằng: BS 713 bm Quyết định số: 487/TTg ngày 6 tháng 11 năm 1976

91 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN PHÚ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 5 năm 1975
Số bằng: Ty 481 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

92 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH TÍCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 2 năm 1966
Số bằng: UR 869 bt Quyết định số: 449/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

93 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1987

Số bằng: CC 732 bt Quyết định số: 238/CTKT ngày 2 tháng 11 năm 1988

94 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 01 năm 1978
Số bằng: 7A 461 bt Quyết định số: 1321/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978

95 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1974
Số bằng: QN 001 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

96 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC KỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: HC 437 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

97 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU CÀU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UE 232 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

98 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1970
Số bằng: BL 318 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

99 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH THI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NY 663 bm Quyết định số: 510/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974

100 Liệt sĩ: **CAO KỶ**
Quần chúng Cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZC 005 cp Quyết định số: 124/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1963

101 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KV 315 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

102 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 4 năm 1952
Số bằng: EZ 174 bp Quyết định số: 124/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1963

103 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH CƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1974
Số bằng: UE 291 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

104 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRÍ PHÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1974
Số bằng: QL 357 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

105 Liệt sĩ: **HỒ VĂN CÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
Số bằng: AG 929 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

106 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SEN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1969
Số bằng: YP 525 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

107 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DUNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: bt 052 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

108 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TẤN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TY 414 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

109 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG CA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PK 871 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1975

110 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NỌI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 8 năm 1950
Số bằng: ZX 783 bp Quyết định số: 313/TTg ngày 13 tháng 12 năm 1960

111 Liệt sĩ: **LÊ MINH TÂN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8E 514 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

112 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 5 năm 1950
Số bằng: XG 309 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958

113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1981
Số bằng: M 794 bt Quyết định số: 262/CTKT ngày 7 tháng 1 năm 1983

114 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN TAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: HC 429 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

115 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN THIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: HC 430 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

116 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐÔNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KL 861 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

117 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH ĐỨC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1974
Số bằng: YP 693 bm Quyết định số: 692/TTga ngày 04 tháng 7 năm 1977

118 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MI 073 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

119 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ TỤNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HM 892 cm Quyết định số: 417/TTga ngày 05 tháng 10 năm 1972

120 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN XƯỚC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 01 năm 1971
Số bằng: YE 980 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1977

121 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ THƯ**
Đội viên tuyên truyền huyện, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: BL 405 cm Quyết định số: 119/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

122 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LR 181 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 21 tháng 5 năm 1974

123 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THÁI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 02 tháng 10 năm 1977
Số bằng: 7Đ 580 bt Quyết định số: 1393/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978

124 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NK 259 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1974

125 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TY**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1967
Số bằng: QM 003 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

126 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN PHÚC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OK 549 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 18 tháng 01 năm 1978

127 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1966
Số bằng: NA 170 bm Quyết định số: 400/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1983

128 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MAI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1967
Số bằng: CQ 963 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

129 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 01 năm 1952

Số bằng: XD 272 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 01 tháng 4 năm 1958

130 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CƯỜNG**
Công nhân lao động, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1967
Số bằng: bm 700 cm Quyết định số: 245/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968

131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIÊM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1967
Số bằng: AR 782 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 06 tháng 7 năm 1971

132 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÂN**
Cán bộ tuyên huấn, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1975

Số bằng: MM 781 bm Quyết định số: 484/TTg ngày 6 tháng 1 năm 1976

133 Liệt sĩ: **HỒ MẠNH ĐÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1975
Số bằng: YZ 755 bm Quyết định số: 808/TTg ngày 3 tháng 8 năm 1977

134 Liệt sĩ: **HỒ VĨNH THIỆN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SR 638 bm Quyết định số: 557/TTg ngày 31 tháng 12 năm 1976

135 Liệt sĩ: **HỒ SỸ TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1952
Số bằng: ZF 009 bm Quyết định số: 171/TTg ngày 4 tháng 3 năm 1957

136 Liệt sĩ: **ĐINH NHO MÃO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1974
Số bằng: RA 433 bm Quyết định số: 168/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1976

137 Liệt sĩ: **HỒ VĂN SỨC**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SH 325 bm Quyết định số: 461/TTg ngày 21 tháng 10 năm 1976

138 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA NHU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1950
Số bằng: LC 762 kp Quyết định số: 440/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1974

139 Liệt sĩ: **PHẠM NIÊM HOẶC VIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 6 năm 1954
Số bằng: EZ 226 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963

140 Liệt sĩ: **PHẠM MINH KHAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ZM 276 bm Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1985

141 Liệt sĩ: **LÊ CHƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1952
Số bằng: HC 438 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

142 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA SỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZU 582 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 7 tháng 2 năm 1960

143 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NAM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 10 năm 1986
Số bằng: BN 547 bt Quyết định số: 59/TTg ngày 15 tháng 7 năm 1987

144 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZF 011 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

145 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 10 năm 1953
Số bằng: GS 341 bp Quyết định số: 107/TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005

146 Liệt sĩ: **LÊ MƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 04 tháng 7 năm 1930
Số bằng: ZC 015 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 17 tháng 6 năm 1963

147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IM 392 bm Quyết định số: 7/TTg ngày 22 tháng 7 năm 1987

148 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 01 năm 1968
Số bằng: OM 660 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1969

149 Liệt sĩ: **VÕ CÔNG LỄ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 10 năm 1952

Số bằng: HC 372 bp Quyết định số: 210/TTg ngày 06 tháng 01 năm 1972

150 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÕ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1951
Số bằng: ZL 297 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

151 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 8 năm 1930
Số bằng: BC 285 kp Quyết định số: 132/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1972

152 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỆ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1948
Số bằng: DE 655 kp Quyết định số: 27/TTg ngày 13 tháng 01 năm 1997

153 Liệt sĩ: **NGÔ ĐỨC CHẤT**
Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1966
Số bằng: NM 449 cm Quyết định số: 11/TTga ngày 10 tháng 01 năm 1976

154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9Q 738 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

155 Liệt sĩ: **VƯƠNG ĐÌNH QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9T 967 bt Quyết định số: 572/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1970

156 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ NIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1978
Số bằng: bt 493 bt Quyết định số: 1321/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1977

157 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1967
Số bằng: NK 190 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1974

158 Liệt sĩ: **LÊ NGUYÊN LƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1948
Số bằng: ZM 578 bp Quyết định số: 461/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1953

159 Liệt sĩ: **PHẠM TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KQ 909 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1974

160 Liệt sĩ: **CAO TIẾN MÃN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1969
Số bằng: AP 190 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

161 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1974
Số bằng: PĐ 420 bm Quyết định số: 204 /TTga ngày 27 tháng 5 năm 1975

162 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8Y 132 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

163 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
Số bằng: ĐS 001 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

164 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CR 485 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

165 Liệt sĩ: **PHẠM HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ZX 743 bp Quyết định số: 313/TTga ngày 12 tháng 3 năm 1960

166 Liệt sĩ: **NGUYỄN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 9 năm 1952
Số bằng: GZ 541 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964

167 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UB 888 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

168 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 3 năm 1953
Số bằng: GZ 534 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964

169 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐS 341 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

170 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CQ 944 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

171 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NGƯỠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969

Số bằng: SR 055 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

172 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THÁI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Phong, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1950
Số bằng: GN 825 bp Quyết định số: 950/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2004

173 Liệt sĩ: **VÕ KHẮC TỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZU 610 bp Quyết định số: 152/QĐ-/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1960

174 Liệt sĩ: **PHAN TỨ KỶ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NK 307 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

175 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LỘC**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lam, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1966
Số bằng: bm 255 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1957

176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIÊU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1968
Số bằng: PM 998 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

177 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GK 856 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

178 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hùng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1966
Số bằng: HZ 429 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

179 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OE 851 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1975

180 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1972
Số bằng: HT 740 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

181 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 4AA 358bt Quyết định số: 233/TTga ngày '12 tháng 6 năm 1981

182 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1972
Số bằng: QK 389 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

183 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤT**
Cán bộ Đoàn địa chất, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: HK 741 ct Quyết định số: 558/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

184 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT QUYỀN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973

Số bằng: KB 072 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1975

185 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1965
Số bằng: bt 244 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

186 Liệt sĩ: **NGUYỄN MỸ DỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: UD 361 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

187 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7Đ 662 bt Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

188 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1966
Số bằng: NM 482 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

189 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU MINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: RA 446 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

190 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BA 869 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1970

191 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HIẾU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1966
Số bằng: IZ 177 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966

192 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 435 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

193 Liệt sĩ: **PHAN VĂN DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1969
Số bằng: MT 481 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970

194 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KB 676 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973

195 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Sơn, huyện Nghi Hợp, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1974
Số bằng: SH 641 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

196 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 7x 625 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1972

197 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ĐIỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1970
Số bằng: QK 466 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

198 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1954
Số bằng: QZ 237 bp Quyết định số: 32/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1964

199 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1965
Số bằng: HZ 842 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1966

200 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: YS 059 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

201 Liệt sĩ: **ĐỖ HỒ BẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã bình Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 12 năm 1979
Số bằng: BB 002 bt Quyết định số: 73/CTKT ngày 19 tháng 5 năm 1986

202 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG TIẾN**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TY 4,596 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

203 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG LỊCH**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: VS 677 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

204 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BN 322 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1972

205 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRUNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KQ 863 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1974

206 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẾ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 11 năm 1975
Số bằng: VS 971 bt Quyết định số: 395/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

207 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1972
Số bằng: EG 641 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1973

208 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8G 862 bt Quyết định số: 585/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

209 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÚ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 1 năm 1979
Số bằng: GT 918 bt Quyết định số: 572/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1980

210 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1966

Số bằng: GP 716 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

211 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NGUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1969
Số bằng: GK 910 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 9 tháng 8 năm 1973

212 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU MÀY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MB 548 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

213 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DUYỆT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1968
Số bằng: bt 056 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1970

214 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐỨC LỢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GP 765 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

215 Liệt sĩ: **NGÔ CHU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: XA 372 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

216 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đô, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 894 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

217 Liệt sĩ: **ĐẬU HUY CHẤT**
Trợ lý hậu cần, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1971
Số bằng: GK 868 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

218 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: ĐS 332 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

219 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1949
Số bằng: HC 505 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

220 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KV 054 bm Quyết định số: 596/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973

221 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 8 tháng 4 năm 1945
Số bằng: HC 474 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

222 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HỒ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 10 năm 1947
Số bằng: HC 864 bp Quyết định số: 1005/TTga ngày 20 tháng 7 năm 2006

223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EK 124 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973

224 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QN 058 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1976

225 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH SỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QN 006 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

226 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CHỚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 2 tháng 5 năm 1931
Số bằng: ZA 5,325 cp Quyết định số: 293/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1961

227 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG DINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972
Số bằng: PB 553 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

228 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU HINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CR 499 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

229 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐQ 554 bm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

230 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG DIỆM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Yên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 1 năm 1947
Số bằng: DK 591 bp Quyết định số: 482/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1993

231 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lạc, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: CB 893 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1988

232 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG PHIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 30 tháng 9 năm 1939

Số bằng: ZA 390 kp Quyết định số: 98/TTg ngày 2 tháng 3 năm 1959

233 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÉ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KV 127 bm Quyết định số: 596/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973

234 Liệt sĩ: **CAO MINH THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XG 201 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1958

235 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Trung, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1971
Số bằng: cp 168 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

236 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC MIÊNG**
Trưởng phòng tín dụng NH Nghệ An, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AS 938 cm Quyết định số: 266/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1985

237 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XA 462 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

238 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT XOAN**
Đảng viên 1930. Hội viên công hội đỏ, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 4 tháng 3 năm 1934

Số bằng: ZC 013 cp Quyết định số: 107/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972

239 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XUÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 5, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972

Số bằng: VS 892 bm Quyết định số: 316/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

240 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRÂNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Xuân Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: QK 991 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

241 Liệt sĩ: **MAI XUÂN TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8R 111 bt Quyết định số: 574/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

242 Liệt sĩ: **VÕ VIẾT THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UH 463 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

243 Liệt sĩ: **HỒ TƯ HẢO**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MB 469 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

244 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TẠI**
Tham mưu phó trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: TP 094 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1977

245 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU HÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Phú, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1964

Số bằng: OI 838 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1975

246 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC HUỆ**
Đại úy công an nhân dân, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1992
Số bằng: DD 115 kt Quyết định số: 1277/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1983

247 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHÂU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 5S 099 bm Quyết định số: 125/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1978

248 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN HÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Tùng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9X 135 bt Quyết định số: 665/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1980

249 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YY 991 bm Quyết định số: 765/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

250 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ QUANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1973
Số bằng: UG 547 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

251 Liệt sĩ: **PHAN VĂN QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CT 459 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

252 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC THUẬN**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Trường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1946
Số bằng: ZX 856 bp Quyết định số: 313/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1960

253 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT HỒ**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: CT 394 bm Quyết định số: 330/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

254 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUƠN**
Y tá trạm y tế, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1966
Số bằng: MN 610 bm Quyết định số: 18/CTKT ngày 22 tháng 1 năm 1976

255 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TRÂM**
Dược sỹ, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1968
Số bằng: HM 576 km Quyết định số: 39/TTg ngày 27 tháng 1 năm 1972

256 Liệt sĩ: **PHAN THỊ LOAN**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: cm 826 km Quyết định số: 135/TTg ngày 23 tháng 8 năm 1969

257 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KV 005 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

258 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1974
Số bằng: RA 213 bm Quyết định số: 152/TTg ngày 28 tháng 4 năm 1976

259 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN CÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QI 774 bm Quyết định số: 68/TTg ngày 27 tháng 2 năm 1976

260 Liệt sĩ: **LÊ MAO**
Uy viên Trung ương Đảng-bí thư xứ ủy Trung Kỳ, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 2 tháng 5 năm 1931
Số bằng: ZC 701 cp

261 Liệt sĩ: **TẠ KHẮC DƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BA 948 bm Quyết định số: 278/TTg ngày 30 tháng 11 năm 1971

262 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1980
Số bằng: 4AA 329 bt Quyết định số: 233/TTg ngày 12 tháng 6 năm 1981

263 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CƯ**
Công nhân công trường 7E thuộc bộ Giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Nam Tân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968

Số bằng: QL 143 cm Quyết định số: 11/TTg ngày 10 tháng 1 năm 1976

264 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG**
Công nhân nhà máy gỗ Vinh, Nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1968
Số bằng: DR 523 cm Quyết định số: 264/TTg ngày 3 tháng 5 năm 1995

265 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN LIÊN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 12 năm 1978
Số bằng: GQ 498 bt Quyết định số: 474/TTg ngày 4 tháng 7 năm 1980

266 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MẪN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Xuyên, huyện bình Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: MX 782 bp Quyết định số: 326/TTg ngày 11 tháng 12 năm 1962

267 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TRIỆN**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1948
Số bằng: ZL 289 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

268 Liệt sĩ: **ĐINH BIỂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 6 năm 1954
Số bằng: QZ 548 bp Quyết định số: 256/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1961

269 Liệt sĩ: **LÊ KẾ BANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 6 năm 1951

Số bằng: IZ 496 bp Quyết định số: 008/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1957

270 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TĨNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 2AA 195 bt Quyết định số: 10/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

271 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIẾT HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 4, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 777 bt Quyết định số: 559/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

272 Liệt sĩ: **TRẦN DUY LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 4, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 9X 194 bt Quyết định số: 655/TTg ngày 8 tháng 10 năm 1980

273 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1964
Số bằng: HZ 403 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

274 Liệt sĩ: **VƯƠNG ĐÌNH TỰU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hải, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1931
Số bằng: AC 670 Quyết định số: 340/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973

275 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1973
Số bằng: SH 643 Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

276 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TOẢN**
Số bằng: NM 147 Quyết định số: 526/TTg ngày 15 tháng 10 năm 1974

277 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LƯỢC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐK 887 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

278 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRẠCH**

Số bằng: SR 592 Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

279 Liệt sĩ: **CHU VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8B 622 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

280 Liệt sĩ: **VÕ MINH ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1974
Số bằng: VT 708 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

281 Liệt sĩ: **TẠ HỮU TĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1968
Số bằng: YS 233 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1977

282 Liệt sĩ: **TẠ HỮU VƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: Ny 457 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

283 Liệt sĩ: **TẠ HỮU THỊNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
Số bằng: NK 016 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

284 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TRANG**
, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1965
Số bằng: AL 013 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

285 Liệt sĩ: **TĂNG KHẮC VỸ**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RA 508 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

286 Liệt sĩ: **CAO MINH DUY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: EH 831 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

287 Liệt sĩ: **CAO XUÂN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1965
Số bằng: HZ 696 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1966

288 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1987
Số bằng: CN 790 tt Quyết định số: 129/CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1990

289 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUỆ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1972
Số bằng: UB 760 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

290 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1968
Số bằng: NM 343 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

291 Liệt sĩ: **TĂNG VĂN NHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YL 526 bm Quyết định số: 793/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

292 Liệt sĩ: **TĂNG NGỌC HOÈ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1971
Số bằng: R- 1,439 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

293 Liệt sĩ: **LÊ HUY MẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1970
Số bằng: AP 866 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

294 Liệt sĩ: **LÊ HUY CẦU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PK 877 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1975

295 Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1967
Số bằng: QF 267 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 16 tháng 7 năm 1979

296 Liệt sĩ: **VƯƠNG NGỌC LAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1951
Số bằng: HC 342 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

297 Liệt sĩ: **TẠ HỮU HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LA 945 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

298 Liệt sĩ: **TẠ DANH CƯ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1966
Số bằng: R 375 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1972

299 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐỨC LỘC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1974
Số bằng: YA 964 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

300 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LINH**
Trợ lý hậu cần tiểu đoàn, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1973
Số bằng: LR 270 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

301 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH ĐIỂN**
Thiếu uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972
Số bằng: IL 766 bm Quyết định số: 808/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977

302 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ TÌNH**
Dân quân, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1968
Số bằng: Am 902 bm Quyết định số: 78/TTg ngày 2 tháng 4 năm 1970

303 Liệt sĩ: **LÊ VĂN GIẢNG**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967
Số bằng: MB 444 bm Quyết định số: 58/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1970

304 Liệt sĩ: **TRƯƠNG SỸ HUYNH**
Trợ lý tác chiến Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UB 829 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

305 Liệt sĩ: **CHU VIẾT QUẾ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1971
Số bằng: GK 920 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

306 Liệt sĩ: **CHU KIM LOÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BL 376 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 7 năm 1972

307 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1974
Số bằng: QG 599 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

308 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 623 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

309 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LA 921 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1974

310 Liệt sĩ: **CHU MINH NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MK 9,516bm Quyết định số: 210/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970

311 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 2Đ 405 bm Quyết định số: 1312/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

312 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN MINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: MS 640 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970

313 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 6 năm 1982
Số bằng: ĐM 205 bt Quyết định số: 669/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1997

314 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC THÀNH**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1986
Số bằng: bt 143 bt Quyết định số: 317/CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987

315 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: VT 515 bm Quyết định số: 317/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

316 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1972
Số bằng: VQ 782 bm Quyết định số: 340/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977

317 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1981
Số bằng: M 803 bt Quyết định số: 262/CTKT ngày 6 tháng 7 năm 1983

318 Liệt sĩ: **LÊ SAO ĐIỂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1974
Số bằng: QH 621 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

319 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1964
Số bằng: ZH 391 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

320 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN TIỂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LG 222 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

321 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1972
Số bằng: NY 405 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

322 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHU LỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1972
Số bằng: VS 669 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

323 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1966
Số bằng: SH 226 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

324 Liệt sĩ: **TRẦN LIÊN HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: BB 152 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

325 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1969
Số bằng: BN 339 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1972

326 Liệt sĩ: **ĐOÀN NGỌC HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9I 697 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

327 Liệt sĩ: **TRỊNH THỊ SÁU**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968

Số bằng: EM 297 cm Quyết định số: 132/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1976

328 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ PHƯỚC**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1974
Số bằng: SH 806 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

329 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TÍN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1966
Số bằng: BE 388 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

330 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC DIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KL 828 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

331 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1966
Số bằng: QX 088 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1965

332 Liệt sĩ: **VŨ DUY CHƯỚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1970
Số bằng: QI 881 bm Quyết định số: 68 - /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

333 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG BƯỞI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1975
Số bằng: YD 038 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

334 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐẠO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1972
Số bằng: ĐR 847 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

335 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC HƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1954
Số bằng: GH 545 bm Quyết định số: 1228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003

336 Liệt sĩ: **VŨ AM**
Tự vệ đỏ, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 4 năm 1931
Số bằng: BC 975 kp Quyết định số: 145-/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

337 Liệt sĩ: **VŨ TIỆNG**
Hội viên nông hội đỏ, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh

vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 7 năm 1931
Số bằng: AC 877 kp Quyết định số: 145./TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

338 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHỈ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 19 tháng 1 năm 1931
Số bằng: ZL 970 kp Quyết định số: 124 - /TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963

339 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN NGUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NV 603 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1974

340 Liệt sĩ: **ĐINH TRỌNG LIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: BE 432 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 12 tháng 8 năm 1971

341 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN BẢN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UB 478 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

342 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC HUỀ**
Công nhân ty GTVT tỉnh Nghệ An, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1972
Số bằng: MM 430 cm Quyết định số: 512/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1974

343 Liệt sĩ: **CAO THỊ TUYẾT**
Cán bộ ty lương thực, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: R 1,586 cm Quyết định số: 124/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1972

344 Liệt sĩ: **CAO CƠ**
Cán bộ cách mạng, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 21 tháng 1 năm 1930
Số bằng: zB 591 cp Quyết định số: 157/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1962

345 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 1 năm 1985
Số bằng: AU 592 bt Quyết định số: 352/CTKT ngày 18 tháng 9 năm 1985

346 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 468 bv Quyết định số: 283/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

347 Liệt sĩ: **LƯU THÀNH ĐỒNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: LK 186 bm Quyết định số: 331/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

348 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH LÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lăng thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KB 923 bm Quyết định số: 529/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973

349 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LONG**
Trung sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1969
Số bằng: BL 379 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

350 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THƯ**
Tiểu đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9I 949 bt Quyết định số: 34/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1980

351 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1968
Số bằng: KM 966 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1968

352 Liệt sĩ: **TRẦN TỬ ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
Số bằng: EH 841 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

353 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HUỲNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AH 045 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

354 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HV 441 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

355 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HẠNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ĐQ 542 bm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

356 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ THẬP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1975
Số bằng: SP 931 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

357 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MP 702 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

358 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG LONG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1969
Số bằng: EK 140 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973

359 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 9 năm 1978
Số bằng: AO 729 bt Quyết định số: 115CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985

360 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HOÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1970
Số bằng: NY 297 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

361 Liệt sĩ: **CAO XUÂN CỪ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8Y 112 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

362 Liệt sĩ: **HOÀNG LƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 27Y 183 cm Quyết định số: 1186/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

363 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐẲNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1954
Số bằng: HC 348 bP Quyết định số: 210/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

364 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC TỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: cp 081 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

365 Liệt sĩ: **CAO ĐĂNG ĐÀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OM 620 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969

366 Liệt sĩ: **THÁI BÁ THANH**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: NB 188 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

367 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN VIÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1973
Số bằng: RA 527 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

368 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU THIẾP**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 2 năm 1953
Số bằng: ZK 280 bP Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

369 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC LỄ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XA 572 bP Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

370 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG QUẢNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1966
Số bằng: RP 062 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

371 Liệt sĩ: **TẠ KHẮC KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1966
Số bằng: SH 678 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

372 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AL 056 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

373 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ HÀO**
Chính trị viên Đại đội, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1971
Số bằng: LR 248 bm Quyết định số: 259 T.Tg ngày 23 tháng 5 năm 1974

374 Liệt sĩ: **HOÀNG TRỌNG ĐẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CK 937 bm Quyết định số: 288T.Tg ngày 14 tháng 7 năm 1972

375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT TRÌ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NK 267 bm Quyết định số: 350T.Tg ngày 5 tháng 7 năm 1974

376 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ ÁNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1970

Số bằng: ĐQ 801 bm Quyết định số: 53 T.Tg ngày 17 tháng 2 năm 1973

377 Liệt sĩ: **LÊ XUÂNHUỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EZ 161 bm Quyết định số: 124 /TTga ngày 6 tháng 7 năm 1963

378 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: NT 539 bm Quyết định số: 489 /TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

379 Liệt sĩ: **ĐÀO NGỌC MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1966
Số bằng: YG 710 bm Quyết định số: 458/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1977

380 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH LUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐQ 879 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

381 Liệt sĩ: **LẠI VĂN TRINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1977
Số bằng: UR 737 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

382 Liệt sĩ: **CAO BÁ ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1970
Số bằng: UĐ 761 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

383 Liệt sĩ: **QUÉ VĂN THỐNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1974
Số bằng: NT 544 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

384 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG LÝ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1973
Số bằng: PE 095 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

385 Liệt sĩ: **VÕ NGỌC CÁT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1972
Số bằng: QI 769 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

386 Liệt sĩ: **TRẦN HOÀNG**
Trưởng ban Cán bộ sư đoàn, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy

sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LK 337 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

387 Liệt sĩ: **CHU VĂN CHIÊU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VM 017 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

388 Liệt sĩ: **CHU VĂN CHIỀU**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1970
Số bằng: KO 108 bm Quyết định số: 160/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1974

389 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC THANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BL 406 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

390 Liệt sĩ: **QUẾ VĂN CÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: NK 057 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

391 Liệt sĩ: **CHU CÔNG ĐẬU**
Thuyền trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968
Số bằng: QM 616 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969

392 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC HOA**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1969
Số bằng: SH 292 bm Quyết định số: 970/TTga ngày 5 tháng 9 năm 1977

393 Liệt sĩ: **CHU VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EH 920 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

394 Liệt sĩ: **TRẦN NGỢI**
Công nhân đường sắt, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1967
Số bằng: cm 016 cm Quyết định số: 48/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1969

395 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THIẾT**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1971
Số bằng: KV 250 bm Quyết định số: 599/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973

396 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ NGỌC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1967
Số bằng: OM 669 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969

397 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHỊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 8E 440 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

398 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1965
Số bằng: HZ 727 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1966

399 Liệt sĩ: **LÊ LAM BÍCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1968
Số bằng: PK 852 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1975

400 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CN 013 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

401 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1969
Số bằng: R 1,512 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

402 Liệt sĩ: **ĐẬU TRỌNG ĐẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 964 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

403 Liệt sĩ: **MAI THANH TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 5S 182 bt Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

404 Liệt sĩ: **VŨ TRUNG QUANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1966
Số bằng: JM 413 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

405 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHANH**
Trợ lý tham mưu quân đoàn, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1974
Số bằng: SR 159 bm Quyết định số: 20/TTg ngày 27 tháng 6 năm 2012

406 Liệt sĩ: **PHẠM TRỌNG TÍN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QL 601 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 26 tháng 10 năm 2012

407 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG TUYỂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1974
Số bằng: SL 103 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

408 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC ÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968
Số bằng: TM 968 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

409 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HÒE**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 931 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

410 Liệt sĩ: **HOÀNG MAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1970
Số bằng: LG 194 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

411 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY HỒ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1970
Số bằng: PE 029 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

412 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY LIỆU**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972

Số bằng: NT 524 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

413 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HG 001 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

414 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1970
Số bằng: bt 216 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

415 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1975

Số bằng: RA 450 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

416 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN QUÊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1968
Số bằng: LE 049 bm Quyết định số: 161/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1974

417 Liệt sĩ: **LƯU VĂN BỐN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OM 617 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969

418 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NĂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1974
Số bằng: UK 003 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

419 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN YÊNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9Q 796 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

420 Liệt sĩ: **ĐINH CÔNG Ý**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968

Số bằng: CV 009 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

421 Liệt sĩ: **LÊ MINH SỸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9Q 635 bt Quyết định số: 463/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1980

422 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG NGHỊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1954

Số bằng: DZ 333 bp Quyết định số: 278/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1962

423 Liệt sĩ: **LÊ PHÁP**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XD 282 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 4 tháng 1 năm 1958

424 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: GH 457 bp Quyết định số: 1228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003

425 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LỘC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9I 745 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

426 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1965
Số bằng: HZ 746 bm Quyết định số: 042/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1966

427 Liệt sĩ: **TẠ XUÂN LAN**
Thượng uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1984
Số bằng: BI 515 bt Quyết định số: 37/CT/KT ngày 18 tháng 2 năm 1987

428 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 966 bt Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

429 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 963 bt Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

430 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1951
Số bằng: GH 470 bp Quyết định số: 1228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003

431 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHẮC**
Số bằng: SH 813 Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

432 Liệt sĩ: **HOÀNG KÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UD 419 bt Quyết định số: 165/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

433 Liệt sĩ: **CAO MINH THỰC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UH 336 bt Quyết định số: 157/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

434 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SI 096 bt Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

435 Liệt sĩ: **CAO BÁ DŨNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 618 bt Quyết định số: 558/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1981

436 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN Y**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 12 năm 1969

Số bằng: NK 310 bt Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

437 Liệt sĩ: **PHAN HỮU NIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 967
Số bằng: bm 964 bt Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

438 Liệt sĩ: **NGUYỄN DƯƠNG THỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1973
Số bằng: P 1,764 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

439 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC QUỲ**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1969
Số bằng: LG 210 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

440 Liệt sĩ: **CAO TRỌNG HIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1972
Số bằng: YT 063 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

441 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1967
Số bằng: EK 269 bm Quyết định số: 144/TTg ngày 14 tháng 4 năm 1973

442 Liệt sĩ: **ĐINH ĐỨC KHÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8Q 917 bt Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

443 Liệt sĩ: **VÕ THÀNH TÂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970
Số bằng: UR 807 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

444 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,490 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

445 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG SANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1966
Số bằng: GK 901 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1973

446 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NẮNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 02 năm 1971
Số bằng: GL 801 bm Quyết định số: 479/TTga ngày 1 tháng 11 năm 2004

447 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN TIẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 07 năm 1972
Số bằng: KV 187 bm Quyết định số: 599/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973

448 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN HOÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 01 năm 1952
Số bằng: CZ 843 bp Quyết định số: 157/TTg ngày 5 tháng 6 năm 1962

449 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG TỨ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1972
Số bằng: OE 487 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

450 Liệt sĩ: **HOÀNG QUÁCH CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: BE 078 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

451 Liệt sĩ: **CAO CÀN**
Dân công , Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 12 năm 1952
Số bằng: GB 924 kp Quyết định số: 287/TTg ngày 17 tháng 3 năm 2003

452 Liệt sĩ: **VÕ QUANG THOẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1971
Số bằng: LG 227 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

453 Liệt sĩ: **VÕ TRỌNG QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1969
Số bằng: cp 110 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

454 Liệt sĩ: **VÕ TRỌNG MINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 8E 427 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

455 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ĐK 857 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

456 Liệt sĩ: **THÁI BÁ LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1972
Số bằng: HV 464 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

457 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1967
Số bằng: YP 434 bm Quyết định số: 468/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

458 Liệt sĩ: **CAO THỊ THU**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1971
Số bằng: ĐM 155 Quyết định số: 669/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1997

459 Liệt sĩ: **HỒ PHÚ THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1966
Số bằng: MB 769 bp Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

460 Liệt sĩ: **BÙI SÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 8 năm 1953
Số bằng: ZM 544 bp Quyết định số: 455/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1958

461 Liệt sĩ: **BÙI MINH DUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MS 597 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1970

462 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7Đ 649 bt Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

463 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI CÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 5S 093 bt Quyết định số: 725/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1978

464 Liệt sĩ: **ĐẬU NGỌC KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: VQ 825 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

465 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG PHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981
Số bằng: 2AB 826 bt Quyết định số: 313/CTKT ngày 10 tháng 9 năm 1982

466 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1971
Số bằng: UĐ 788 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1977

467 Liệt sĩ: **NGÔ KIM TOÀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1966
Số bằng: IM 596 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

468 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ NGHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1968
Số bằng: RA 481 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1976

469 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đồng huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966
Số bằng: MĐ 289 bm Quyết định số: 78/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1970

470 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1972
Số bằng: QG 671 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

471 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 9 năm 1954
Số bằng: XA 411 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

472 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BN 483 bt Quyết định số: 159CTKT ngày 7 tháng 5 năm 1987

473 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ HIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MP 071 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970

474 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN UYÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1966
Số bằng: bm 219 bm Quyết định số: 135TTg ngày 2 tháng 8 năm 1967

475 Liệt sĩ: **CAO BÁ THÌN**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: NM 072 cm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

476 Liệt sĩ: **CAO NHÁT DUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7A 330 bt Quyết định số: 1209TTg ngày 17 tháng 11 năm 1978

477 Liệt sĩ: **CAO THANH XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1968
Số bằng: QG 416 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

478 Liệt sĩ: **CAO TRUNG HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1967
Số bằng: IM 576 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

479 Liệt sĩ: **CAO VĂN MIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972
Số bằng: QL 550 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

480 Liệt sĩ: **CAO XUÂN NGOẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: UB 921 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

481 Liệt sĩ: **CAO XUÂN PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1973
Số bằng: OK 548 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

482 Liệt sĩ: **CAO XUÂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 2AB 843 bt Quyết định số: 313CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1982

483 Liệt sĩ: **HOÀNG HỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 4 năm 1954
Số bằng: HC 335 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

484 Liệt sĩ: **LÊ DUY TRINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LK 384 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

485 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NK 095 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

486 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH TY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1969
Số bằng: LK 329 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

487 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ HOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: ĐH 759 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

488 Liệt sĩ: **NGÔ SĨ THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 795 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

489 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ THUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XG 193 bp Quyết định số: 226TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958

490 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KIM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1951
Số bằng: ZX 746 bp Quyết định số: 313TTg ngày 12 tháng 12 năm 1960

491 Liệt sĩ: **NGÔ VIẾT LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1966
Số bằng: bm 261 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1967

492 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1965
Số bằng: HZ 485 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 23 tháng 7 năm 1965

493 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÀI CẨN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971
Số bằng: HB 905 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

494 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 671 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

495 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UR 781 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

496 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LG 158 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1974

497 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MB 505 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

498 Liệt sĩ: **TẠ QUANG LỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1970
Số bằng: AP 850 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

499 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1967
Số bằng: IM 382 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

500 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN VÕ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MT 521 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970

501 Liệt sĩ: **THÁI HỒNG HƯỚNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UB 813 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

502 Liệt sĩ: **THÁI HỒNG HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: YP 770 bm Quyết định số: 692/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1977

503 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC NHĨ**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1969

Số bằng: MP 089 cm Quyết định số: 208/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970

504 Liệt sĩ: **VÕ QUANG VIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 1H 449 bm Quyết định số: 807/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977

505 Liệt sĩ: **VÕ SỸ CANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1972
Số bằng: ĐH 719 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

506 Liệt sĩ: **VÕ SỸ TĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EG 684 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

507 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Khê, huyện Phú Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: Fd 773 bp Quyết định số: 171TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

508 Liệt sĩ: **CAO XUÂN BỔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8E 271 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

509 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NHẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968
Số bằng: bt 667 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1972

510 Liệt sĩ: **CAO THANH LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 8E 385 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

511 Liệt sĩ: **NGÔ TRÍ THỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 2 năm 1951
Số bằng: HC 326 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

512 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 7X 641 bt Quyết định số: 206/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1979

513 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 6 năm 1951
Số bằng: ZG 400 bp Quyết định số: 130TTg ngày 13 tháng 4 năm 1957

514 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UR 642 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

515 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LG 190 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

516 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG HOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1973
Số bằng: SH 220 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

517 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1968
Số bằng: OM 756 bm Quyết định số: 109TTg-A ngày 14 tháng 7 năm 1969

518 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THÙY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1973
Số bằng: PE 189 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

519 Liệt sĩ: **THÁI HỒNG HƯỚNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UB 813 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

520 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ HOÁN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967

Số bằng: ĐH 759 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

521 Liệt sĩ: **CAO GIÁM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện diễn châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZX 006 bp Quyết định số: 208TTg ngày 16 tháng 9 năm 1960

522 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN KHANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện diễn châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970
Số bằng: ĐH 773 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

523 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HƯỜNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 892 cm Quyết định số: 218 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

524 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1968
Số bằng: VQ 887 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

525 Liệt sĩ: **CAO VĂN CHINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1970
Số bằng: bt 036 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

526 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TRẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZM 653 bp Quyết định số: 483 TTg ngày 3 tháng 11 năm 1958

527 Liệt sĩ: **HOÀNG KHÁNH VINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: UB 892 bm Quyết định số: 167 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

528 Liệt sĩ: **HOÀNG DU**
Trợ lý cán bộ, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UDD 357 cm Quyết định số: 165 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

529 Liệt sĩ: **KIỀU THANH TAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1966
Số bằng: bm 283 bm Quyết định số: 135 TTg ngày 2 tháng 8 năm 1967

530 Liệt sĩ: **CAO TRỌNG TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MB 656 bm Quyết định số: 57 /TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

531 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUÝ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1973
Số bằng: NK 229 bm Quyết định số: 345/TTg ngày 1/2/1900 tháng 7 năm 1974

532 Liệt sĩ: **HỒ SỸ TÙNG**
Uỷ viên Tổng bộ TNCM ĐCH, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1929
Số bằng: AC 878 bp Quyết định số: 145/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

533 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: cp 027 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

534 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BE 459 bm Quyết định số: 186TTg ngày 8 tháng 12 năm 1971

535 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUẤN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7X 692 bm Quyết định số: 206TTg ngày 26 tháng 3 năm 1979

536 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THẢO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1975
Số bằng: U 001 bm Quyết định số: 191TTg ngày 28 tháng 3 năm 1977

537 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TÀI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: BL 685 bm Quyết định số: 39/TTg ngày 15 tháng 4 năm 2003

538 Liệt sĩ: **HOÀNG QUYẾT THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7X 665 bt Quyết định số: 206TTg ngày 26 tháng 3 năm 1979

539 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀO**
Trung đội phó Quân đội n hân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 6 năm 1980
Số bằng: 2AB 730 bt Quyết định số: 253CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

540 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1970
Số bằng: 1P 8,576 bm Quyết định số: 221TTg ngày 6 tháng 9 năm 1971

541 Liệt sĩ: **PHAN TRỌNG QUÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: LG 211 bm Quyết định số: 218TTg ngày 12 tháng 5 năm 2003

542 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971

Số bằng: Vs 754 bm Quyết định số: 324TTg ngày 15 tháng 4 năm 2003

543 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG PHƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NT 542 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

544 Liệt sĩ: **CAO MINH THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: HC 324 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

545 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LG 183 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1974

546 Liệt sĩ: **TRẦN DẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1973
Số bằng: NK 069 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

547 Liệt sĩ: **LÊ HUY NHUY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NY 464 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

548 Liệt sĩ: **LÊ HUY THIẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1966
Số bằng: BE 323 bm Quyết định số: 286/TTg ngày 8 tháng 12 năm 1971

549 Liệt sĩ: **LÊ THỊ QUYẾT**
Dân công, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12
Số bằng: LA 895 cm Quyết định số: 218/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1974

550 Liệt sĩ: **PHAN TRUNG KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1967
Số bằng: QM 623 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969

551 Liệt sĩ: **CAO VĂN NĂM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LR 261 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

552 Liệt sĩ: **HOÀNG KHẮC THƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 1 năm 1983
Số bằng: ĐM 206 bt Quyết định số: 669/CTKT ngày 22 tháng 8 năm 1997

553 Liệt sĩ: **CAO VĂN QUYÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: AL 831 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

554 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1969
Số bằng: CN 009 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

555 Liệt sĩ: **CAO XUÂN TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 7AA 694 bt Quyết định số: 58/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1981

556 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971
Số bằng: GL 752 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

557 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG KỲ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 1982
Số bằng: ĐK 647 bt Quyết định số: 482/CTKT ngày 1 tháng 10 năm 1983

558 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 1K 344 bm Quyết định số: 740/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

559 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QG 429 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

560 Liệt sĩ: **PHAN HUY CHẨM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1968
Số bằng: BA 916 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

561 Liệt sĩ: **NGUYỄN BỘT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 10 năm 1952
Số bằng: GB 930 cp Quyết định số: 287/TTg ngày 17 tháng 3 năm 2003

562 Liệt sĩ: **PHAN VIẾT ĐOAN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1973
Số bằng: VT 692 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

563 Liệt sĩ: **LÊ ANH XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SH 297 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

564 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1952
Số bằng: GH 471 bp Quyết định số: 1228/TTg ngày 11 tháng 10 năm 2003

565 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1967
Số bằng: BE 439 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

566 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THẮNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VT 473 bm Quyết định số: 320/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

567 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MB 540 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

568 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HUÉ**
Thợ lái ca nô, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1967
Số bằng: HM 168 cm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

569 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GK 936 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

570 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8Y 498 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

571 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN SAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1967
Số bằng: IM 590 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

572 Liệt sĩ: **TĂNG NGỌC NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1973
Số bằng: PL 393 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1975

573 Liệt sĩ: **PHẠM THANH CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NY 258 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

574 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÀU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1968
Số bằng: SH 541 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

575 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1971
Số bằng: NY 265 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

576 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 864 bt Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1979

577 Liệt sĩ: **KIỀU QUNAG KỶ**
Tểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZC 098 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

578 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH LONG**
Tểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1967
Số bằng: KM 433 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

579 Liệt sĩ: **CHU BÁ TRẠC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 5S 178 bm Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

580 Liệt sĩ: **CHU VĂN HOẠT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CK 995 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

581 Liệt sĩ: **CHU QUANG YÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1974
Số bằng: SH 675 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

582 Liệt sĩ: **CHU DUY TẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: EZ 260 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963

583 Liệt sĩ: **CHU VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MB 087 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

584 Liệt sĩ: **CHU VĂN TIẾP**
Tểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MB 214 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1967

585 Liệt sĩ: **LÊ KIM LỆ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HA 713 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1973

586 Liệt sĩ: **HỒ THỊ TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: AL 156 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

587 Liệt sĩ: **CHU VĂN TỤY**
Số bằng: A Đ 535 Quyết định số: 41/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

588 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1966
Số bằng: CR 595 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1972

589 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TRI (CHI)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 7 năm 1976
Số bằng: MB 698 bt Quyết định số: 057/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1970

590 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG ĐIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 9Q 354 bt Quyết định số: 474/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

591 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1972
Số bằng: UK 188 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

592 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1971
Số bằng: ĐQ 880 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

593 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: bt 123 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

594 Liệt sĩ: **LÊ DUY NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 1 năm 1983
Số bằng: AC 635 bt Quyết định số: 229/CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984

595 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MẪN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966
Số bằng: MZ 401 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

596 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ MƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1953
Số bằng: ZF 144 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

597 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1970
Số bằng: LK 277 bm Quyết định số: 331/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

598 Liệt sĩ: **LÊ PHỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: MC 573 bp Quyết định số: 110/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1975

599 Liệt sĩ: **CAO VĂN QUẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9X 263 bt Quyết định số: 672/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1960

600 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NK 243 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

601 Liệt sĩ: **ĐOÀN MINH THIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 2 năm 1979
Số bằng: M 898 bt Quyết định số: 216/CTKT ngày 6 tháng 5 năm 1983

602 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG TRUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: GK 918 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

603 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MT 529 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970

604 Liệt sĩ: **LÔ VĂN THÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ an, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1974
Số bằng: QL 679 bm Quyết định số: 561/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1976

605 Liệt sĩ: **HÙNG VĂN HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: LB 658 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

606 Liệt sĩ: **MOONG VĂN ON**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: Cg 505 bm Quyết định số: 234/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972

607 Liệt sĩ: **KHA VĂN NHÚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: DL 325 bp Quyết định số: 531/TTg ngày 3 tháng 11 năm 1993

608 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐIỀNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 3 năm 1953
Số bằng: ZX 012 bp Quyết định số: 208/TTg ngày 16 tháng 9 năm 1960

609 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 11 năm 1950
Số bằng: GZ 604 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964

610 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN SINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KV 141 bm Quyết định số: 596/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973

611 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969

Số bằng: YD 029 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

612 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG LĨNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LB 299 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

613 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1972
Số bằng: KM 213 km Quyết định số: 144/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

614 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH THỦY**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9U 171 kt Quyết định số: 541/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980

615 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NÒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thạch, Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1954
Số bằng: ZP 363 bt Quyết định số: 001/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

616 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC VĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phúc, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972
Số bằng: LB 706 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

617 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 2 năm 1981
Số bằng: F 546 bt Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

618 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: SR 720 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

619 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG TĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: CQ 933 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

620 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1971
Số bằng: QI 813 bm Quyết định số: 68 /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

621 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG SOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1973
Số bằng: LB 481 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974

622 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐƯỢC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UĐ 790 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

623 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ ĐẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: LG 888 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1974

624 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969
Số bằng: YT 060 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

625 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1973
Số bằng: 1L 324 bm Quyết định số: 791/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

626 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KHOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1979
Số bằng: F 540 bt Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

627 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ĐH 830 cp Quyết định số: 279/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1997

628 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NT 516 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

629 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1971
Số bằng: VY 611 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

630 Liệt sĩ: **LƯU ĐÌNH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 1982
Số bằng: DE 183 bt Quyết định số: 190/CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1992

631 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRỌNG TÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 7 năm 1979
Số bằng: HB 979 bt Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

632 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8B 648 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

633 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8Q 985 bt Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

634 Liệt sĩ: **LÊ THANH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: YT 069 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

635 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9Q 707 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

636 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 1 năm 1985
Số bằng: BN 457 bt Quyết định số: 159/CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987

637 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1966
Số bằng: VS 723 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

638 Liệt sĩ: **ĐẶNG THẾ HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZU 496 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

639 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1951
Số bằng: ZU 674 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

640 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: CR 506 bm Quyết định số: 386/TTg ngày 19 tháng 9 năm 1972

641 Liệt sĩ: **ĐẶNG DOÃN HIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1976
Số bằng: 8B 579 bt Quyết định số: 283/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

642 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: RA 459 bp Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

643 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NUÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: GZ 594 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964

644 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC LỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: ĐS 659 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

645 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EH 805 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1973

646 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN CHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1969
Số bằng: LR 060 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 21 tháng 5 năm 1974

647 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1980
Số bằng: AQ 633 bt Quyết định số: 306/CTKT ngày 7 tháng 8 năm 1985

648 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 6 năm 1950
Số bằng: GZ 641 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6/ tháng 5/ năm 1964

649 Liệt sĩ: **ĐẬU XUÂN THƯ**
Số bằng: MK 781 Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

650 Liệt sĩ: **VŨ HỒ BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PK 857 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

651 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1966
Số bằng: BB 450 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

652 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 8Q 999 bt Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

653 Liệt sĩ: **LÊ MINH NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: NV 396 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

654 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG VỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: HB 964 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

655 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MB 736 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

656 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH BIỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 9Q 281 bt Quyết định số: 469/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

657 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NĂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐN 026 bm Quyết định số: 475/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1972

658 Liệt sĩ: **CAO VĂN DUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐS 330 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

659 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1970
Số bằng: VY 386 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

660 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẰNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1966
Số bằng: BA 983 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

661 Liệt sĩ: **LƯU ĐÌNH NAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1970
Số bằng: BL 672 bm Quyết định số: 29/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

662 Liệt sĩ: **LÊ PHẠM HOẠCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 9Q 416 bm Quyết định số: 469 /TTga ngày 7 tháng 1 năm 1980

663 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN THẢO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1974
Số bằng: SI 131 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

664 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1970
Số bằng: AP 917 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

665 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH TRÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 2AA 294 bt Quyết định số: 10/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1981

666 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VY 568 bm Quyết định số: 367/TTg ngày 27 tháng 4 năm 1977

667 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MB 731 bm Quyết định số: 57 /TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

668 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VINH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1966
Số bằng: IM 349 bm Quyết định số: 178/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1968

669 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UĐ 781 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

670 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UH 223 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

671 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1958
Số bằng: 8R 042 bm Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 18 năm 1979

672 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GZ 591 bm Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

673 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 5 năm 1954
Số bằng: GZ 544 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

674 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TUỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bằng: RA 561 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

675 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH HỒNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1969
Số bằng: GK 842 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1973

676 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7A 263 bt Quyết định số: 1299/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978

677 Liệt sĩ: **LÊ ANH ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PB 570 bm Quyết định số: 2637/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1975

678 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1966
Số bằng: BE 434 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

679 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH KHIẾNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1952
Số bằng: ZQ 4,580 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

680 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969

Số bằng: MR 759 bm Quyết định số: 719/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1970

681 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SR 563 bp Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

682 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1949
Số bằng: GZ 601 bp Quyết định số: 70/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

683 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂU**
Hội viên Nông hội đỏ, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 7 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZC 546 cp Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

684 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 9QK 444 bt Quyết định số: 474/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

685 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1972
Số bằng: KL 784 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

686 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN TUYẾT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Vinh, huyện Kim động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GK 636 bm Quyết định số: 335/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972

687 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KQ 797 bm Quyết định số: 86TTg ngày 7 tháng 3 năm 1974

688 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NGHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 11 năm 1978
Số bằng: bt 099 bt Quyết định số: 317 CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987

689 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1972
Số bằng: LK 224 bm Quyết định số: 331 /TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

690 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969
Số bằng: VS 939 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

691 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHI HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BL 356 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1972

692 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ÁT**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 10 năm 1968
Số bằng: NK 026 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1974

693 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG LIỄU**
Y tá đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1967
Số bằng: AM 366 cm Quyết định số: 48/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1968

694 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NHU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1966
Số bằng: QN 048 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

695 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 805 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1974

696 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KIM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 790 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

697 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MO 181 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

698 Liệt sĩ: **LÊ THỊ THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: bm 201 cm Quyết định số: 235/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1968

699 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG KIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 467 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

700 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 8B 791 bt Quyết định số: 288/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

701 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG THI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1966
Số bằng: VT 544 bm Quyết định số: 317/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

702 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AP 802 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 9 tháng 6 năm 1971

703 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHƯỚC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐK 969 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1973

704 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LUYỆN**
Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NK 207 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1974

705 Liệt sĩ: **PHẠM THANH TỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: GJ 483 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1973

706 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CẢNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1970
Số bằng: VY 542 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

707 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TỪ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UA 565 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

708 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ THẾ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 4 năm 1986
Số bằng: CD 994 bt Quyết định số: 08/CTKT ngày 5 tháng 1 năm 1989

709 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1971
Số bằng: 9I 574 bm Quyết định số: 07/TTga ngày 1 tháng 5 năm 1980

710 Liệt sĩ: **CHẾ ĐÌNH TRẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,512 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

711 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI BÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 1 năm 1984
Số bằng: AK 764 bt Quyết định số: 381/CTKT ngày 11 tháng 7 năm 1984

712 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG VIỆT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1967
Số bằng: ĐK 953 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1973

713 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8Y 141 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

714 Liệt sĩ: **LƯU VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 9Q 649 bt Quyết định số: 463/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1980

715 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TỰ**
Trợ lí chính trị viên tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1971
Số bằng: RA 552 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

716 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 5 năm 1985
Số bằng: BB 046 bt Quyết định số: 135 CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986

717 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THUẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1970
Số bằng: AP 912 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

718 Liệt sĩ: **LÊ HỮU THÀNH**
Chính trị viên phó tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1971
Số bằng: CV 037 bm Quyết định số: 354 /TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

719 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8Y 301 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

720 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỈU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1953

Số bằng: ZU 594 bp Quyết định số: 152 TTg ngày 7/ tháng 2/ năm 1960

721 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ CÀN**
Trợ lí Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: ĐS 272 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

722 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: YS 042 bm Quyết định số: 467 /TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

723 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH HUỆ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969
Số bằng: GP 749 bm Quyết định số: 347 /TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

724 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG THỌ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 01 năm 1952

Số bằng: ZQ 4,507 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1959

725 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1971
Số bằng: KQ 783 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974

726 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NAM**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1972
Số bằng: ON 325 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1974

727 Liệt sĩ: **CAO VĂN NGHIÊM**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NY 345 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

728 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN NGUÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1951
Số bằng: MC 571 bp Quyết định số: 110/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1975

729 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÚC THÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1967
Số bằng: BE 333 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

730 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN MẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 12 năm 1972
Số bằng: NY 373 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

731 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN KỶ**
Cán bộ tiền lương sở, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: AI 803 cm Quyết định số: 383/CTKT ngày 7 tháng 11 năm 1984

732 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UK 136 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

733 Liệt sĩ: **DƯƠNG MINH TƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1971
Số bằng: QL 635 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

734 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ MINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: QG 629 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

735 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ THANH**
Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1970
Số bằng: HM 606 cm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

736 Liệt sĩ: **ĐẬU XUÂN LAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KL 989 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1973

737 Liệt sĩ: **ĐẬU XUÂN CHÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1965
Số bằng: CQ 972 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

738 Liệt sĩ: **LÊ HUY THANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1974

Số bằng: SR 635 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

739 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÚC SO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1970
Số bằng: UA 379 bm Quyết định số: 192/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

740 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZD 025 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 4 tháng 3 năm 1957

741 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊM**
Cán bộ Hợp tác xã, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: cm 323 cm Quyết định số: 57/CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1990

742 Liệt sĩ: **ĐẬU NGỌC KHÁNH**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KQ 807 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974

743 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1965
Số bằng: BE 341 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

744 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OI 815 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1975

745 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1966
Số bằng: LG 832 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1974

746 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH HUÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KL 922 bm Quyết định số: 5878/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

747 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐỀ (ĐỂ)**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MB 301 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

748 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: MB 209 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

749 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RA 442 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

750 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGHINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: VM 277 bm Quyết định số: 15 /TTga ngày 15 tháng 1 năm 1970

751 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: VY 444 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

752 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂU**
Hội viên Nông hội đỏ , Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 7 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZC 546 cp Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

753 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 9Q 444 bt Quyết định số: 474 /TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

754 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1972
Số bằng: KL 784 bm Quyết định số: 573 /TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

755 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KQ 797 bm Quyết định số: 86/TTg ngày 7 tháng 3 năm 1974

756 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH HỢP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965
Số bằng: BB 165 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

757 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1973
Số bằng: TY 490 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

758 Liệt sĩ: **CHU VĂN SINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LA 762 bm Quyết định số: 38 /TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

759 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC LẠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1970
Số bằng: QV 500 bm Quyết định số: 150 /TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

760 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1967
Số bằng: MB 201 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

761 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH HƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UB 811 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

762 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1972
Số bằng: QL 598 bm Quyết định số: 52 /TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

763 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1969
Số bằng: GP 750 bm Quyết định số: 347 /TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

764 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: VT 407 bm Quyết định số: 350 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

765 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KQ 910 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1974

766 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1974
Số bằng: VT 402 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

767 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7X 497 bt Quyết định số: 187/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1979

768 Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN VIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 4AA 386 bt Quyết định số: 233/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1981

769 Liệt sĩ: **HOÀNG TRẦN THỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QL 319 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

770 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EH 825 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

771 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1972
Số bằng: VS 738 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

772 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ TỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HV 508 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

773 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ ĐẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KQ 722 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1974

774 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 7 năm 1986
Số bằng: BN 607 bt Quyết định số: 159/CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987

775 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÍ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1972
Số bằng: GJ 489 bm Quyết định số: 390 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

776 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC NĂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1974
Số bằng: VT 339 bm Quyết định số: 350 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

777 Liệt sĩ: **UÔNG MINH TUẤN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: RA 571 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

778 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA VỸ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UB 856 bm Quyết định số: 167 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

779 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 8 năm 1985
Số bằng: DE 197 bt Quyết định số: 190 CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1992

780 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA TƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1973
Số bằng: R 1,382 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1972

781 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TUYÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KV 209 bm Quyết định số: 599 /TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973

782 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT TUẤN**
Dân công, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 9 năm 1952
Số bằng: CH 193 bp Quyết định số: 185 CTKT ngày 27 tháng 9 năm 1989

783 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỎ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: QN 068 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

784 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MG 977 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970

785 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HZ 339 bm Quyết định số: 113 /TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

786 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÊN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1964
Số bằng: DE 146 bm Quyết định số: 190 CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1992

787 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN YÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1981

Số bằng: DL 675 bt Quyết định số: 50 TTg ngày 2 tháng 2 năm 1994

788 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY KÝ**
Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: MT 127 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970

789 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 1/12/1900 năm 1978
Số bằng: 9T 731 bt Quyết định số: 559/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

790 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HIẾN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1968
Số bằng: BA 999 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

791 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MĐ 146 bm Quyết định số: 62 /TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

792 Liệt sĩ: **ĐÀM XUÂN TUỆ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1966
Số bằng: BB 384 bm Quyết định số: 279 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

793 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969

Số bằng: ĐN 054 bm Quyết định số: 475/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1972

794 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1966
Số bằng: VY 436 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

795 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ ĐIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1969
Số bằng: BA 965 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

796 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT LỊCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MB 242 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

797 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VĨNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: QI 908 bm Quyết định số: 68 /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

798 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MT 178 bm Quyết định số: 272 /TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970

799 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9X 115 bt Quyết định số: 655 /TTga ngày 8 tháng 10 năm 1980

800 Liệt sĩ: **ĐẶNG TẤT BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BL 171 bm Quyết định số: 36 /TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

801 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ NHƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KQ 966 bm Quyết định số: 34 /TTga ngày 17 tháng 1 năm 1974

802 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HV 503 bm Quyết định số: 148 /TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

803 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MZ 450 bm Quyết định số: 86- /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1971

804 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1973
Số bằng: UĐ 756 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

805 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MĐ 120 bm Quyết định số: 62-/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

806 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG HIỂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 7AA 607 bt Quyết định số: 075-CT/KT ngày 11 tháng 4 năm 1981

807 Liệt sĩ: **ĐẶNG THÁI VINH**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1979
Số bằng: 9U 212 bt Quyết định số: 541 /TTga ngày 8 tháng 88 năm 1980

808 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1966
Số bằng: RB 083 bm Quyết định số: 149 /TTga ngày 28 tháng 4 năm 1967

809 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1978
Số bằng: 4AA 293 bt Quyết định số: 230 /TTga ngày 12 tháng 6 năm 1981

810 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8Y 175 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

811 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1968
Số bằng: VT 331 bm Quyết định số: 350 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

812 Liệt sĩ: **ĐẶNG PHÚ QUỐC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KQ 824 bm Quyết định số: 86 /TTga ngày 3 tháng 7 năm 1974

813 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ LIÊN**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1968
Số bằng: HM 566 cm Quyết định số: 39/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

814 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8Y 342 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

815 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HÙNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1969
Số bằng: GK 844 bm Quyết định số: 397 /TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

816 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HỢP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 6 năm 1949
Số bằng: QI 149 bp Quyết định số: 11/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1976

817 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: BL 369 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

818 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TĨNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: YA 129 bm Quyết định số: 310/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

819 Liệt sĩ: **PHẠM ĐINH CHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 10 năm 1982
Số bằng: Q 025 bt Quyết định số: 317 CTKT ngày 9/ tháng 4/ năm 1983

820 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THUẦN**
Công nhân, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1971
Số bằng: V 267 km Quyết định số: 08 CTKT ngày 11 tháng 1 năm 1984

821 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẤT**
Cán bộ phòng lương thực, Nghi lộc, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1966
Số bằng: DL 812 cm Quyết định số: 45 TTg ngày 31 tháng 1 năm 1994

822 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 6 năm 1983
Số bằng: BN 456 bt Quyết định số: 159 CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987

823 Liệt sĩ: **PHÙNG BÁ DANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8Q 786 bt Quyết định số: 585 /TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

824 Liệt sĩ: **ĐẬU KHẮC HUỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9I 684 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

825 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC TÝ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1973
Số bằng: ĐK 975 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

826 Liệt sĩ: **VƯƠNG ĐÌNH THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 9 năm 1982

Số bằng: BB 034 bt Quyết định số: 73 CTKT ngày 3/ tháng 9/ năm 1986

827 Liệt sĩ: **HOÀNG THANH PHONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: PB 681 bm Quyết định số: 191 /TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

828 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ĐỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1967
Số bằng: MZ 383 bm Quyết định số: 86 /TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

829 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9U 162 bt Quyết định số: 541 /TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980

830 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẤT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: MO 205 bm Quyết định số: 154 /TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

831 Liệt sĩ: **NGUYỄN ÁNH HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 2AB 774 bt Quyết định số: 253 CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

832 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UĐ 720 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

833 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LONG**
Y sỹ, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: QM 280 cm Quyết định số: 161/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

834 Liệt sĩ: **NGUYỄN KẾ CƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1953
Số bằng: GZ 522 bp Quyết định số: 75 /TTga ngày 6/ tháng 5/ năm 1964

835 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: LC 806 bp Quyết định số: 440 /TTga ngày 28 tháng 8 năm 1974

836 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CK 964 bm Quyết định số: 288 /TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

837 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1970
Số bằng: SR 527 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

838 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BB 233 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

839 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QG 500 bm Quyết định số: 55 /TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

840 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH NIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Diên - huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1965
Số bằng: HZ 491 bm Quyết định số: 114 /TTga ngày 23 tháng 7 năm 1965

841 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MÃO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1975
Số bằng: RA 432 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

842 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: RA 573 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

843 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ MINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1985
Số bằng: BB 145 bm Quyết định số: 135 CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986

844 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1965
Số bằng: ĐH 795 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

845 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÀO (DÀO)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XG 315 bp Quyết định số: 226 TTg ngày 5/ tháng /1 năm 1958

846 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ LƯU**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
Số bằng: cp 264 bm Quyết định số: 298 /TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972

847 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGƯƠN**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AM 971 km Quyết định số: 132/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1970

848 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YP 415 bm Quyết định số: 468/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

849 Liệt sĩ: **THÁI VĂN HIỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1966
Số bằng: CQ 804 bm Quyết định số: 17/CTKT ngày 17 tháng 2 năm 1991

850 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ THINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 7AA 721 bt Quyết định số: 58/CTKT ngày 23 tháng 10 năm 1981

851 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1968
Số bằng: OI 879 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1975

852 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: CK 990 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

853 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1971
Số bằng: PI 788 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

854 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY SƠN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MR 742 bm Quyết định số: 256/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1970

855 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢI ĐỒNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1972
Số bằng: UĐ 751 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

856 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7A 408 bt Quyết định số: 1321/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978

857 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÀI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1973
Số bằng: VT 648 bm Quyết định số: 374/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

858 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1954
Số bằng: ZA 381 bp Quyết định số: 173/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1972

859 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HÒA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9I 657 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

860 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ LIỄU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 2Đ 163 bm Quyết định số: 1186/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

861 Liệt sĩ: **TẠ QUANG PHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Quang, huyện Nam Đàn , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GR 602 bm Quyết định số: 385 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

862 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BK 064 bt Quyết định số: 47/CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1987

863 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN HINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1967
Số bằng: bt 709 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

864 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG VẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 9 năm 1951
Số bằng: XG 368 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1958

865 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1978
Số bằng: CL 008 bt Quyết định số: 574/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

866 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẬP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1972
Số bằng: NY 320 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

867 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Vân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1970
Số bằng: AR 786 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1971

868 Liệt sĩ: **TÔN VĂN THẮNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1971
Số bằng: EK 258 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

869 Liệt sĩ: **NGUYỄN TỪ TAM**
Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐH 829 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

870 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG KHANG**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZA 218 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1957

871 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG NGŨ**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 455 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

872 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NUÔI**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1961
Số bằng: QO 405 bm Quyết định số: 72/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1976

873 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TAM**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 8E 510 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

874 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG NHÃ**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MO 998 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970

875 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG NHUẦN**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1970

Số bằng: EG 636 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

876 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG CẬT**
Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1966
Số bằng: SH 544 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

877 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG BÁT**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1966
Số bằng: DP 885 km Quyết định số: 169/TTga ngày 17 tháng 3 năm 1995

878 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUẾ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MF 962 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1970

879 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHỊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KQ 679 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974

880 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC BẢY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1972
Số bằng: QK 402 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

881 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC KHÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZM 316 bp Quyết định số: 430/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1958

882 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HZ 833 bm Quyết định số: 086/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

883 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HZ 834 bm Quyết định số: 086/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

884 Liệt sĩ: **VÕ QUANG VINH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972
Số bằng: EK 119 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973

885 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC DINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NK 083 bm Quyết định số: 344 /TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

886 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUỐC ÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UB 440 bm Quyết định số: 137/TT ga ngày 15 tháng 3 năm 1977

887 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TRÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
Số bằng: NG 434 bm Quyết định số: 487TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

888 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂU NGỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1969
Số bằng: GL 802 bm Quyết định số: 479 /TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

889 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 2Đ 267 bm Quyết định số: 1189/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

890 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN ĐỨC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 2AB 735 bt Quyết định số: 253/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

891 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1968
Số bằng: PM 972 bm Quyết định số: 146 /TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

892 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TAM**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KQ 644 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974

893 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG SÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 8E 489 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

894 Liệt sĩ: **VÕ VĂN DUẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UĐ 359 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

895 Liệt sĩ: **PHẠM KIM LAM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SR 119 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

896 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN BÁ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NY 243 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 18 tháng 10 năm 2012

897 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU CHỈNH**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1966
Số bằng: YP 503 bm Quyết định số: 468/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

898 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ MINH**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LB 327 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

899 Liệt sĩ: **PHẠM GIA KHANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1973
Số bằng: LA 484 cm Quyết định số: 456/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

900 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG PHIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1976
Số bằng: VH 983 bt Quyết định số: 456/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

901 Liệt sĩ: **LÊ BÁ THỪA**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Dũng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1972
Số bằng: EG 724 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

902 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH TỨ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PI 714 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

903 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH CHÂU**
Số bằng: SR 106 Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

904 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN NAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MH 011 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970

905 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8K 123 bt Quyết định số: 574/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

906 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 579 bm Quyết định số: 385/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

907 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT TRƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 8 năm 1953
Số bằng: ZA 352 bp Quyết định số: 190 /TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957

908 Liệt sĩ: **CHU VĂN BIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XA 521 bp Quyết định số: 551 /TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

909 Liệt sĩ: **ĐẶNG CÔNG HUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8B 610 bt Quyết định số: 287 /TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

910 Liệt sĩ: **VÕ QUANG THÀNH**
Trung đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: KQ 666 bm Quyết định số: 23 /TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974

911 Liệt sĩ: **BÀNH VĂN LƯỢNG**
Thượng sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,594 bp Quyết định số: 424 TTg ngày 12 tháng 1/ năm 1959

912 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐỆ**
Tiểu đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZU 477 bp Quyết định số: 152 TTg ngày 7/ tháng 2/ năm 1960

913 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHƯƠNG**
Thượng sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MI 593 bm Quyết định số: 139 /TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

914 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BẢNG**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QH 547 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

915 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG PHONG**

Số bằng: MB 812 Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

916 Liệt sĩ: **TỪ ĐỨC TUẤN**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KQ 646 bm Quyết định số: 23 /TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974

917 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XG 211 bp Quyết định số: 226TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958

918 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PM 928 bt Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

919 Liệt sĩ: **NGÔ MINH KHÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1966
Số bằng: R 1,340 bm Quyết định số: 92TTg ngày 18 tháng 3 năm 1972

920 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC THUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZK 285 bp Quyết định số: 551TTg ngày 11 tháng 5 năm 1957

921 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÙNG NHÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 290 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UE 364 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

922 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971
Số bằng: YP 562 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

923 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1970
Số bằng: GJ 446 bm Quyết định số: 190/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1976

924 Liệt sĩ: **VI NGỌC HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HV 440 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1974

925 Liệt sĩ: **LÔ VĂN LƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1975
Số bằng: YS 048 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

926 Liệt sĩ: **VI VĂN DIỄN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ an , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1967
Số bằng: MK 961 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1970

927 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC DANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RA 195 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

928 Liệt sĩ: **HÀ KIM ĐỒNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1967
Số bằng: HZ 325 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

929 Liệt sĩ: **VI VĂN GƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1968
Số bằng: QI 146 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1976

930 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH KHUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1970
Số bằng: cp 299 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

931 Liệt sĩ: **VI VĂN NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967
Số bằng: F 467 bm Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

932 Liệt sĩ: **VI KIM PHÒNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1971
Số bằng: QN 072 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

933 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH SIÊNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1967
Số bằng: MB 614 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

934 Liệt sĩ: **VI VĂN XƯỞNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PD 351 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1975

935 Liệt sĩ: **VI VĂN YẾN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong , tỉnh Nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1971
Số bằng: QI 857 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

936 Liệt sĩ: **LANG VĂN TRIỀU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SI 011 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

937 Liệt sĩ: **LANG VĂN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9Q 759 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

938 Liệt sĩ: **LÔ VĂN NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HB 954 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

939 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN QUỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LK 284 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1974

940 Liệt sĩ: **LÔ VĂN HỌC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 1L 377 bt Quyết định số: 791/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

941 Liệt sĩ: **SẦM VĂN ĐÒN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cắm Muộn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1953
Số bằng: DZ 244 bp Quyết định số: 278/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1962

942 Liệt sĩ: **LANG VĂN TUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1968
Số bằng: NU 583 bm Quyết định số: 518/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1974

943 Liệt sĩ: **VI VĂN CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MI 584 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1970

944 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHIẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 4E 662 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1978

945 Liệt sĩ: **NGÂN QUÝ LƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SR 135 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

946 Liệt sĩ: **LƯƠNG QUANG VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KQ 656 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1974

947 Liệt sĩ: **LANG HỒNG THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1970
Số bằng: HV 485 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1974

948 Liệt sĩ: **HOÀNG TRUNG DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1961
Số bằng: GZ 782 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1964

949 Liệt sĩ: **LÔ VĂN NHO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1970
Số bằng: bt 160 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

950 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THƯ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1970
Số bằng: MR 499 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1970

951 Liệt sĩ: **LỘC XUÂN TIẾP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1973
Số bằng: NY 675 bm Quyết định số: 510/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1974

952 Liệt sĩ: **QUANG VĂN KÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Thôn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BN 306 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1972

953 Liệt sĩ: **HÀ TRUNG CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1967
Số bằng: cp 025 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

954 Liệt sĩ: **LANG VĂN DÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1972
Số bằng: HV 431 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1974

955 Liệt sĩ: **LANG XUÂN HÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1975
Số bằng: QL 401 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

956 Liệt sĩ: **HÀ MINH KHUYÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QV 484 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

957 Liệt sĩ: **QUANG HỒNG MIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1970
Số bằng: cp 220 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972

958 Liệt sĩ: **SÀM BÁ NAM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1974
Số bằng: SH 749 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

959 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 9 năm 1981
Số bằng: ĐT 433 bt Quyết định số: 854/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 1998

960 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHÒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 10 năm 1978
Số bằng: DV 948 bt Quyết định số: 572/TTg ngày 14 tháng 9 năm 1995

961 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC SƠN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: DQ 926 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

962 Liệt sĩ: **LÔ VĂN SINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972
Số bằng: ON 382 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1974

963 Liệt sĩ: **QUANG CHÍ THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QL 292 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 2 tháng 10 năm 1976

964 Liệt sĩ: **VI VĂN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1970

Số bằng: BK 458 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

965 Liệt sĩ: **QUANG VĂN THƯỜNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970
Số bằng: cp 288 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

966 Liệt sĩ: **LANG VĂN THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MK 937 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1970

967 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HIẾU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hạnh, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QV 406 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

968 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CT 465 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

969 Liệt sĩ: **VÕ MINH TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GJ 484 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

970 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 7Đ 625 bt Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

971 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8Y 257 bt Quyết định số: 791/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1979

972 Liệt sĩ: **HỒ KHẮC TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1973
Số bằng: RA 547 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

973 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỪU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1953
Số bằng: GL 324 bp Quyết định số: 675/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2004

974 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OK 525 bm Quyết định số: 675/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2004

975 Liệt sĩ: **HỒ HỮU HÒA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 9Z 382 bt Quyết định số: 735/TTg ngày 24 tháng 11 năm 1980

976 Liệt sĩ: **HỒ ĐÌNH CAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LR 227 bm Quyết định số: 259/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1974

977 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THỌ**
Chiến sĩ Quân đôiụ nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 1H 360 bt Quyết định số: 761/TTg ngày 27 tháng 7 năm 1977

978 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ LIÊM**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SG 133 bm Quyết định số: 465/TTg ngày 21 tháng 10 năm 1976

979 Liệt sĩ: **HỒ ĐĂNG CẦU**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1967
Số bằng: QM 603 bm Quyết định số: 184/TTg ngày 29 tháng 10 năm 1969

980 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LUYỆN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 5S 133 bm Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

981 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẢM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: LR 224 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

982 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỘ LƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: BS 040 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1972

983 Liệt sĩ: **VŨ NHƯ MẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1973
Số bằng: TB 657 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

984 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9I 727 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

985 Liệt sĩ: **PHẠM DUY TÔ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1970
Số bằng: TY 480 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

986 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIỆM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PB 662 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

987 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: YA 865 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

988 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: NP 792 bm Quyết định số: 414/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974

989 Liệt sĩ: **HỒ NHƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: HC 529 bm Quyết định số: 192/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

990 Liệt sĩ: **TRƯƠNG TẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1951
Số bằng: HC 516 bP Quyết định số: 107/TTga ngày 2 tháng 2 năm 2005

991 Liệt sĩ: **NGÔ CHUNG TOẢN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MI 040 bm Qùyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

992 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TÁM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 năm 1952
Số bằng: GZ 453 bp Quyết định số: 61/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1964

993 Liệt sĩ: **TRẦN ĐẠI**
Đảng viên, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1930
Số bằng: ZD 354 cp Quyết định số: 218/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

994 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CR 609 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1972

995 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SINH**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: BB 287 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

996 Liệt sĩ: **TRẦN XỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1953
Số bằng: ZU 671 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1960

997 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THƯ**
Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1974
Số bằng: VT 607 bm Quyết định số: 317/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

998 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHUẨN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MB 427 bm Quyết định số: 58/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1970

999 Liệt sĩ: **HỒ VIẾT HOAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 938 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1975

1000 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN QUANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UG 534 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1001 Liệt sĩ: **HOÀNG SỸ CAO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1954
Số bằng: EZ 585 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1964

1002 Liệt sĩ: **HOÀNG TRUNG CHUNG**
Chiến sĩ quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1983
Số bằng: bt 110 bm Quyết định số: 317/CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987

1003 Liệt sĩ: **PHAN ĐÌNH TRÁT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9Z 450 bt Quyết định số: 735/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

1004 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN TRINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1971
Số bằng: cp 046 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

1005 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HZ 836 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1966

1006 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THƯ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1954
Số bằng: EZ 722 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

1007 Liệt sĩ: **CÙ CHÍNH LAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1952
Số bằng: YZ 515 bm Quyết định số: 1191/TTg ngày 22 tháng 12 năm 1956

1008 Liệt sĩ: **LÊ NHẬT MỸ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 2AB 808 bt Quyết định số: 313/CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1982

1009 Liệt sĩ: **LÊ CỰ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BK 432 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

1010 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1971
Số bằng: LA 828 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

1011 Liệt sĩ: **TRẦN THIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZQ 1,123 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 6 tháng 1 năm 1959

1012 Liệt sĩ: **DƯƠNG BÁ CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1957
Số bằng: XA 370 bm Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

1013 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN DỰC**
Kỹ sư trồng trọt, Ty Nông nghiệp tỉnh Nghệ An, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968

Số bằng: IM 157 cm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

1014 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 433 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

1015 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU XƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8B 788 bt Quyết định số: 288/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

1016 Liệt sĩ: **VÕ XUÂN DUNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1974
Số bằng: QI 810 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

1017 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG TÍN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1974
Số bằng: TI 265 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1018 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LỢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 05 năm 1970
Số bằng: VS 720 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1019 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC ĐÔI**
Chiến sỹ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MK 801 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1970

1020 Liệt sĩ: **HỒ KIM NGÂM**
Uỷ viên Uỷ ban hành chính xã, Nguyên quán: xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1966
Số bằng: DQ 889 bm Quyết định số: 179 /TTga ngày 17 tháng 3 năm 1995

1021 Liệt sĩ: **PHẠM MINH THUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972
Số bằng: QL 332 bm Quyết định số: 41/CTKT ngày 10 tháng 2 năm 1986

1022 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH PHƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 04 năm 1972
Số bằng: QL 358 bm Quyết định số: 41/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2005

1023 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZQ 1,098 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959

1024 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 04 năm 1972
Số bằng: YI 1,999 bm Quyết định số: 152/TTg ngày 07 tháng 2 năm 1960

1025 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN QÚY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 04 năm 1978
Số bằng: 7Đ 515 bt Quyết định số: 1393/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978

1026 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HOAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: SR 708 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1027 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XA 311 bp Quyết định số: 109/TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957

1028 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
Số bằng: PR 073 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

1029 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TỚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8Y 461 bt Quyết định số: 734/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1979

1030 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 1 năm 1953
Số bằng: ZA 310 bp Quyết định số: 190/TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957

1031 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG THẠC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OA 235 bm Quyết định số: 556/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1032 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1965
Số bằng: AM 495 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1973

1033 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG KHOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:xã Quỳnh Long,huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1972
Số bằng: QL 265 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

1034 Liệt sĩ: **HỒ SĨ VY**
Trung đội trưởng dân quân du kích, Nguyên quán:xã Quỳnh Long,huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AM 438 km Quyết định số: 245/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968

1035 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG SỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:xã Quỳnh Long,huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 895 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1036 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ LONG**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1969
Số bằng: KM 214 cm Quyết định số: 144/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

1037 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHUYÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: CV 031 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

1038 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**
Tiểu đội trưởng quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: YV 004 bm Quyết định số: 456/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

1039 Liệt sĩ: **TRẦN QUYẾT THẮNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1973
Số bằng: UH 422 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1040 Liệt sĩ: **ĐẶNG CÔNG CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HT 843 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1041 Liệt sĩ: **VŨ THỊ LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LB 307 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1042 Liệt sĩ: **MAI VĂN CẬY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 802 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

1043 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN DŨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NY 238 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

1044 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÙ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 1 năm 1981
Số bằng: DK 674 bt Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1993

1045 Liệt sĩ: **HỒ VĂN NGỌ**
Chiến sĩ Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 1981
Số bằng: F 562 bt Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

1046 Liệt sĩ: **HỒ ĐỨC SƠN**
Tiểu đội trưởng Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QN 086 bt Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

1047 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN VINH**
Chiến sỹ Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1974
Số bằng: UB 895 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1048 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐẮC DỤ**
Tiểu đội trưởng Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1967
Số bằng: cm 173 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1969

1049 Liệt sĩ: **HỒ MINH DỤNG**
Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1967
Số bằng: HM 603 cm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968

1050 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ ÂN**
Thuyền phó, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1966
Số bằng: HM 164 cm Quyết định số: 81/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1971

1051 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MK 804 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

1052 Liệt sĩ: **HỒ KIM**
Chiến sĩ Quân đôi nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CR 521 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1053 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÓNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1969
Số bằng: MK 780 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

1054 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1974
Số bằng: SI 114 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

1055 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 9 năm 1946
Số bằng: XG 231 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958

1056 Liệt sĩ: **ĐINH VIẾT THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966
Số bằng: bm 276 bm Quyết định số: 135/TTg ngày 2 tháng 8 năm 1967

1057 Liệt sĩ: **HỒ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1951
Số bằng: GZ 228 bp Quyết định số: 32/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1963

1058 Liệt sĩ: **TRẦN KIM HÓA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 10 năm 1987
Số bằng: DC 933 bt Quyết định số: 126/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1987

1059 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THUNG**
Trưởng phòng Công an, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1968
Số bằng: NM 608 cm Quyết định số: 27/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

1060 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TUY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: BE 374 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

1061 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC THỊNH**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: ZM 361 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958

1062 Liệt sĩ: **NGÔ ANH TUẤN**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1972

Số bằng: HT 807 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1063 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ QUY**
Công nhân bộ Nội Thương, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: NM 704 cm Quyết định số: 146/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

1064 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NIÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 10 năm 1949
Số bằng: ZD 367 kp Quyết định số: 219/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

1065 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: ZK 259 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

1066 Liệt sĩ: **HỒ SƠN TĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KQ 409 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

1067 Liệt sĩ: **ĐẬU THỊ HOA**
Công nhân vận tải biển, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: NM 643 cm Quyết định số: 72/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1976

1068 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN XÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 8M 364 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

1069 Liệt sĩ: **HỒ VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1970
Số bằng: MR 484 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1970

1070 Liệt sĩ: **TÔ DUY PHỤNG**
Xã viên Hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1966
Số bằng: NM 451 cm Quyết định số: 11/TTga ngày 10 tháng 01 năm 1976

1071 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1978
Số bằng: 8B 653 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 04 năm 1979

1072 Liệt sĩ: **HỒ HỮU THÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1967
Số bằng: UR 700 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

1073 Liệt sĩ: **VŨ HUY LẬP**
Trợ lý Chính trị Tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1972
Số bằng: KQ 870 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1974

1074 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: LR 264 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

1075 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1972
Số bằng: HT 771 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 09 tháng 04 năm 1974

1076 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH DỰ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: NK 076 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

1077 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8B 583 bt Quyết định số: 283/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

1078 Liệt sĩ: **BÙI DUY THÔNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 9I 946 bt Quyết định số: 34/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1980

1079 Liệt sĩ: **HỒ NGẠNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: ZD 369 kp Quyết định số: 219/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

1080 Liệt sĩ: **HỒ HỮU KỶ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1979
Số bằng: MO 995 bt Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

1081 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH DIỆM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: QH 587 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

1082 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH CƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QH 576 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 2 tháng 10 năm 1976

1083 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐÀO**
Thuyền trưởng vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: HM 546 cm Quyết định số: 36/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972

1084 Liệt sĩ: **ĐÀM ĐỨC HUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: EZ 620 bp Quyết định số: 218/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1963

1085 Liệt sĩ: **HỒ NGỌC HIỂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PR 226 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 23 tháng 09 năm 1975

1086 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 03 năm 1967
Số bằng: BK 615 bm Quyết định số: 48/CTKT ngày 03 tháng 04 năm 1987

1087 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 05 năm 1965
Số bằng: BK 492 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 17 tháng 07 năm 1965

1088 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1970
Số bằng: BK 355 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972

1089 Liệt sĩ: **THÁI NGUYÊN LỢI**
Xã viên hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 07 năm 1966
Số bằng: EM 008 cm Quyết định số: 55/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

1090 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 07 năm 1966
Số bằng: bt 117 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

1091 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÂN**
Thuyền trưởng vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 05 năm 1965
Số bằng: 2Q 863 cm Quyết định số: 425/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

1092 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Tân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 8Y 321 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1093 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ANH NHƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HV 536 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1094 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TUYẾT**
Xã viên hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1968
Số bằng: EM 163 cm Quyết định số: 87/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1970

1095 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỤ**
Xã viên hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 6N 891 cm Quyết định số: 215/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982

1096 Liệt sĩ: **TÔ DUY NHỢI**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HZ 859 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

1097 Liệt sĩ: **HỒ HỮU DUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HP 914 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

1098 Liệt sĩ: **LÊ TIỀN TIÊU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1968
Số bằng: NĐ 500 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974

1099 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1971
Số bằng: CT 540 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

1100 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHIỆM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 8E 451 bm Quyết định số: 248/TTg ngày 18 tháng 5 năm 1979

1101 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ NGÀ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QL 360 bt Quyết định số: 41/TTga ngày 2 tháng 10 năm 1976

1102 Liệt sĩ: **VĂN ĐỨC DIỆM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 4 năm 1970
Số bằng: RA 196 bt Quyết định số: 152/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

1103 Liệt sĩ: **HOÀNG DANH CHÂU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 10 năm 1984

Số bằng: bt 107 bt Quyết định số: 317/CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987

1104 Liệt sĩ: **LÊ TIỀN TIÊU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1968
Số bằng: NĐ 500 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974

1105 Liệt sĩ: **PHẠM NHU**
Công nhân, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1966
Số bằng: EG 088 cm Quyết định số: 344/TTg ngày 26 tháng 4 năm 2000

1106 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DƯ**
Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 1989
Số bằng: CZ 791 ct Quyết định số: 15/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1992

1107 Liệt sĩ: **HỒ MẬU DOANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 8 năm 1951
Số bằng: EZ 601 bp Quyết định số: 218/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1963

1108 Liệt sĩ: **BÙI DUY NGUYÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9I 813 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980

1109 Liệt sĩ: **HỒ VIẾT NHUNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1966
Số bằng: R 1,352 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1972

1110 Liệt sĩ: **HỒ ĐỨC DU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1967
Số bằng: YM 403 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1111 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: VO 160 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1112 Liệt sĩ: **HỒ MẬU TRỊNH**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HT 738 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1113 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN LỤC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VS 755 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1114 Liệt sĩ: **ĐÀM NGỌC QUỲNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: UG 589 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1115 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN TRẠCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 8E 592 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

1116 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THỈNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1973
Số bằng: UR 504 bm Quyết định số: 446/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

1117 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÍ (CHÍ)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1975
Số bằng: NK 178 bm Quyết định số: 345/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1974

1118 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 7A 274 bt Quyết định số: 159/TTTg ngày 7 tháng 5 năm 1987

1119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẤT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1968
Số bằng: BE 313 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1971

II. TỈNH LONG AN

1 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HOÀNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1960
Số bằng: 7E 203 bm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

2 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1967
Số bằng: K 334 km Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983

3 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NUÔI**
Du kích ấp, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1962
Số bằng: 2K 292 km Quyết định số: 171/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

4 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TÀI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 2E 161 km Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

5 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN XÊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 2T 218 bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

6 Liệt sĩ: **HỒ VĂN CÒ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YL 205bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

7 Liệt sĩ: **HỒ VĂN NÊN**
Huyện đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 1S 373bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

8 Liệt sĩ: **HỒ VĂN NIỆM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1966
Số bằng: YL 212 bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

9 Liệt sĩ: **HỒ VĂN QUỐC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 2O 156 bm Quyết định số: 1239/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977

10 Liệt sĩ: **HUỲNH THỊ HÀ**
Cán sự phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2M 859 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

11 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN BỜ**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: KC 132 kp Quyết định số: 171/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

12 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1947
Số bằng: OC 413 cp Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978

13 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN THU**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 2E 163km Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

14 Liệt sĩ: **LẠI VĂN MỴ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 2P 931 pm Quyết định số: 4/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1978

15 Liệt sĩ: **LẠI VĂN NGHIÊM**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1956
Số bằng: XM 589 cm Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

16 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC ẨN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 1X 222bm Quyết định số: 983/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

17 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẬM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 3Đ 977bm Quyết định số: 1454/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977

18 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÀNH**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1969
Số bằng: 4A 003km Quyết định số: 311/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981

19 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGÀU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1961
Số bằng: 7U 859bm Quyết định số: 154/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979

20 Liệt sĩ: **MAI VĂN THẤT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 9M 588bm Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

21 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÒA THÀNH**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1950
Số bằng: UC 679 cp Quyết định số: 463/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

22 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1974
Số bằng: 2H 704bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

23 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 6E 846bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

24 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GHE**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1965
Số bằng: 2P 927bm Quyết định số: 4/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1978

25 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀ**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 10 năm 1950
Số bằng: GC 583 cp Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

26 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUÊ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2B 337km Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

27 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỚN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2L 810km Quyết định số: 336/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

28 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 8U 713bm Quyết định số: 701/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979

29 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1965
Số bằng: 3E 118bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

30 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1963
Số bằng: 2E 185km Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

31 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỂU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1953
Số bằng: 1SC 389 bp Quyết định số: 50/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1979

32 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGUYỆT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 4R 602bm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

33 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHÃ**
Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 9 năm 1949
Số bằng: GC 280 cp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

34 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGÂN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1964
Số bằng: 3B 727km Quyết định số: 1031/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

35 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THEO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 6G 147bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

36 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐẢNH**
Trưởng công an huyện, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 4I 622 cm Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

37 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÁM**
Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: 1AC 750 cp Quyết định số: 311/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981

38 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THỊ NGỰ**
Ban chấp hành chi đoàn xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: BG 966 cm Quyết định số: 328/CTKT ngày 3 tháng 12 năm 1986

39 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LĂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1972

Số bằng: 2E 422km Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

40 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NAM**
Đội trưởng đội thanh niên cứu quốc, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1948
Số bằng: BG 931 kp Quyết định số: 328/CTKT ngày 3 tháng 12 năm 1986

41 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ON**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1T 258km Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

42 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TRANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 1U 974bm Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

43 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TƯƠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1965
Số bằng: 3V 486km Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

44 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THƯƠNG**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1967
Số bằng: VM 161km Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

45 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TÁM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 1K 968bm Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

46 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1964
Số bằng: 8Đ 837bm Quyết định số: 350/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

47 Liệt sĩ: **ĐÀO KIM ĐỒNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1962
Số bằng: 2|M 241km Quyết định số: 335/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

48 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HUỲNH**
Đảng ủy viên xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1959
Số bằng: AB 053 cm Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

49 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN KÍCH**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1963
Số bằng: QM 757km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

50 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN TRỌNG**
Liên lạc viên Thôn bộ Việt Minh, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 2 năm 1948
Số bằng: CN 615 cp Quyết định số: 220/CTKT ngày 19 tháng 11 năm 1990

51 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1966
Số bằng: VM 813km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

52 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TƯ**
Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1959
Số bằng: 2T 774 cm Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978

53 Liệt sĩ: **LỮ VĂN NHO**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1964
Số bằng: 1E 756 cm Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

54 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HẠNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2O 202bm Quyết định số: 1239/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977

55 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH PHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Khê, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 6R 998bm Quyết định số: 1109/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978

56 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 2 năm 1948
Số bằng: IC 679 kp Quyết định số: 1454/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977

57 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁNG**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1967
Số bằng: AB 028km Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

58 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 5Y 452bm Quyết định số: 742/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978

59 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Trưởng công an xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 1Đ 783 cm Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

60 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1966
Số bằng: YM 874km Quyết định số: 981/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

61 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XỨNG**
Trưởng ban nông hội xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1949
Số bằng: OC 409 cp Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978

62 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965
Số bằng: AY 095bm Quyết định số: 418/CTKT ngày 6 tháng 11 năm 1985

63 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TRANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 10 năm 1952

Số bằng: 1XC 691 bp Quyết định số: 546/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

64 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LẠC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Khê, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1967
Số bằng: 8K 701bm Quyết định số: 463/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

65 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SÚNG (SƠN)**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1962
Số bằng: 6O 831bm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

66 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XOÀI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1969
Số bằng: VM 844km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

67 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN LẸ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 1L 824km Quyết định số: 1305/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

68 Liệt sĩ: **VÕ PHI YẾN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1963
Số bằng: 1A 155km Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

69 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NGÃ**
Công dân, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1963
Số bằng: 3D 024km Quyết định số: 906/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978

70 Liệt sĩ: **BÙI PHÚ HỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 6O 723bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

71 Liệt sĩ: **BÙI THỊ CAM**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: PM 208 cm Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

72 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀNG**
Cán bộ huyện, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 1H 152 cm Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

73 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SINH**
Cán bộ giao liên xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 8 năm 1947
Số bằng: ĐC 474 cp Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

74 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÂY**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1953
Số bằng: MC 290 kp Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

75 Liệt sĩ: **CA VĂN VIÊN**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 5 năm 1951
Số bằng: CC 764 cp Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

76 Liệt sĩ: **CA VĂN VOI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1962
Số bằng: PM 175 cm Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

77 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 1V 906bm Quyết định số: 943/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

78 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TRÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1969

Số bằng: YL 203bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

79 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN LÙ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2O 140bm Quyết định số: 1239/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977

80 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN DINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1952
Số bằng: 1MC 579 bp Quyết định số: 1109/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978

81 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 1 năm 1953
Số bằng: YC 814 bp Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

82 Liệt sĩ: **HỒ VĂN GIÁC**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1961
Số bằng: ĐM 491km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

83 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TÀN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1946
Số bằng: NC 845 kp Quyết định số: 854/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

84 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THẮNG**
Chiến sĩ giao liên xã Mỹ Lệ, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 1G 739 cm Quyết định số: 1178/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

85 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN KHÔI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1953
Số bằng: 1GC 082 bp Quyết định số: 632/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

86 Liệt sĩ: **HUỲNH CÔNG NỞ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 12 năm 1985
Số bằng: BT 826 bt Quyết định số: 126/CTKT ngày 16 tháng 6 năm 1988

87 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN GIÀU**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1962
Số bằng: 1M 788km Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

88 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN TÍNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 4B 725bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

89 Liệt sĩ: **LẠI MINH HIỀN**
Công an huyện, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1945
Số bằng: GC 689 cp Quyết định số: 20/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

90 Liệt sĩ: **LÂM VĂN CỘI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1951
Số bằng: QC 962 kp Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

91 Liệt sĩ: **LÂM VĂN ĐẾN**
Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ĐC 444 cp Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

92 Liệt sĩ: **LÂM VĂN ĐỎ**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐM 494km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

93 Liệt sĩ: **LÂM VĂN LAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 1V 920bm Quyết định số: 943/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

94 Liệt sĩ: **LÂM VĂN MÀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 7U 944bm Quyết định số: 154/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979

95 Liệt sĩ: **LÊ HÙNG SƠN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Thọ, huyện Long Thành , tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 3V 549km Quyết định số: 241/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

96 Liệt sĩ: **LÊ PHÁT VỈNH**
Cán bộ thôn, Nguyên quán: xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 4 năm 1946
Số bằng: ĐC 035 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

97 Liệt sĩ: **LÊ TRUNG HẢO**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: EM 028km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

98 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÍN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 5Y 358bm Quyết định số: 742/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978

99 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẢNH**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ĐE 931 kp Quyết định số: 27/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1997

100 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOA**
Đội viên du kích xã , Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1952
Số bằng: HC 306 kp Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

101 Liệt sĩ: **LÊ VĂN OANH**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 3 năm 1989
Số bằng: CR 368 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

102 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thọ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1962
Số bằng: DK 134bm Quyết định số: 450/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1993

103 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỦ**
Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 2M 906 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978

104 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐA**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 2 năm 1951
Số bằng: HC 294 kp Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

105 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN QUỐC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968
Số bằng: YL 199bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

106 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TRÌ**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐM 488km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

107 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÒNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1972
Số bằng: YL 198bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

108 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ NÔ**
Trưởng ban công an quận 8, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 9 năm 1950
Số bằng: MC 627 cp Quyết định số: 345/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

109 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ THẮNG**
Trưởng ban Công an xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: SC 974 cp Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

110 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BẠN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: S 114 bp Quyết định số: 387/CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1983

111 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HOA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2T 202bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

112 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TƯ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 3E 158bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

113 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ÚT LÙN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 2P 885bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

114 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUẤN KIỆT**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1953
Số bằng: LC 468 kp Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

115 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 4Đ 256bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1963
Số bằng: 2M 165bm Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

117 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1967
Số bằng: YL 202bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

118 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BIỆN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 11 năm 1948
Số bằng: EC 368 kp Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 4Z 535bm Quyết định số: 335/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

120 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁT**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YL 233bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

121 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHƠI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2L 920bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

122 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỪNG**
Thư ký xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 2 năm 1952
Số bằng: GC 273 cp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

123 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 4B 668bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

124 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÀN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ĐM 483km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

125 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DIỆP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 1U 880bm Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỰC**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1967
Số bằng: QM 750km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

127 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỰC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968

Số bằng: 1P 138bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

128 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1975
Số bằng: DM 692bm Quyết định số: 264/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1994

129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀO**
Đội viên tổ trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: PM 152km Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965
Số bằng: 2T 204bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỂN**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1948
Số bằng: EC 639 kp Quyết định số: 400/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

132 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẮM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 6O 439bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

133 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊN**
Chi đoàn thanh niên cứu quốc xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1951
Số bằng: ZC 064 cp Quyết định số: 93/TTga ngày 30 tháng 1 năm 1980

134 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỚN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 2P 791bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

135 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 2T 200bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

136 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NẾP**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1969
Số bằng: ĐM 485km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

137 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỜ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước , tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1969
Số bằng: DC 447km Quyết định số: 93/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992

138 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 10 năm 1951
Số bằng: EC 999 kp Quyết định số: 736/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

139 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGUYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 2 năm 1953
Số bằng: 2AC 177 bp Quyết định số: 701/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979

140 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ON**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 4B 804bm Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

141 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**
Trưởng ban công an xã, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 11 năm 1953
Số bằng: CC 757 cp Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

142 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1965
Số bằng: CQ 812bm Quyết định số: 86/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

143 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1965
Số bằng: LM 339km Quyết định số: 597/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

144 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỚM**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1952
Số bằng: ĐC 007 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

145 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SUNG**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1953
Số bằng: EC 640 kp Quyết định số: 400/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1977

146 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 1 năm 1986
Số bằng: BX 716 bt Quyết định số: 165/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1988

147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔI**

Phó xã đội du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 1L 849km Quyết định số: 1305/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

148 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: YL 197bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

149 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỢNG**
Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 1E 740 cm Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

150 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIÊU**
Trưởng Ban Thông tin xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1952
Số bằng: MC 588 cp Quyết định số: 336/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

151 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1952
Số bằng: K 290 kp Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983

152 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỚC**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1963
Số bằng: ĐM 487km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

153 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỚC**
Bí thư chi đoàn xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 12 năm 1947
Số bằng: UC 931 cp Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIỄN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1968
Số bằng: LM 367km Quyết định số: 571/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

155 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÕ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1952
Số bằng: EC 418 kp Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

156 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VOI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐS 604km Quyết định số: 629/TTg ngày 18 tháng 7 năm 1998

157 Liệt sĩ: **NHÂM THOẠI GIANG**
Cán bộ ủy viên tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 2 năm 1946
Số bằng: TC 502 cp Quyết định số: 154/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979

158 Liệt sĩ: **PHẠM NHƯ BỬU**
Cán bộ ủy viên tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1955
Số bằng: AS 677 cm Quyết định số: 264/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1985

159 Liệt sĩ: **PHẠM NHƯ KHUÔN**
Chánh văn phòng Công an huyện Cần Đước, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 9 năm 1948
Số bằng: LC 721 cp Quyết định số: 218/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1978

160 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BUÔI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1962
Số bằng: ĐM 486km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

161 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÍNH**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1957
Số bằng: 4N 309 cm Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981

162 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỈNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 3E 186bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

163 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÔM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1962
Số bằng: EM 025km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

164 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CỨNG**
Trưởng ban công an xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: XM 383 cm Quyết định số: 712/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

165 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐẠO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 3Đ 981bm Quyết định số: 1454/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977

166 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỐI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 8 năm 1949
Số bằng: KC 617 kp Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978

167 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN GIA**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1970
Số bằng: YL 200bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

168 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HAI**
Đội viên du kích xã , Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1963
Số bằng: VM 812km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

169 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 2P 854bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

170 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NÊN**
Chủ tịch mặt trận liên việt xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 1 năm 1952
Số bằng: T 967 cp Quyết định số: 431/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1983

171 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHIẾM**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: HM 467km Quyết định số: 476/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1977

172 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SƠN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 7 năm 1949

Số bằng: EC 994 kp Quyết định số: 736/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

173 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC XƯỚNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1966
Số bằng: CG 136bm Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989

174 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐẢNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 1L 178km Quyết định số: 1239/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977

175 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HAI**
Trưởng Công an xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 5 năm 1950
Số bằng: ĐA 133 cp Quyết định số: 459/TTa ngày 9 tháng 7 năm 1996

176 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 8Đ 869bm Quyết định số: 350/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

177 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGÔ**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 10 năm 1947
Số bằng: ĐC 388 cp Quyết định số: 731/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

178 Liệt sĩ: **PHAN VĂN SÁU**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 2 năm 1952
Số bằng: SC 306 kp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1970

179 Liệt sĩ: **THÁI NGỌC HÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8P 592 bt Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

180 Liệt sĩ: **THÁI VĂN HUỆ**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1962
Số bằng: EM 026km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

181 Liệt sĩ: **THÁI VĂN KHA**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 4 năm 1954
Số bằng: LC 476 kp Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

182 Liệt sĩ: **THÁI VĂN MÓT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1948
Số bằng: ĐV 329 bp Quyết định số: 19/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999

183 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ MINH ĐÀM**
Dân công tải đạn hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SM 872 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

184 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẢNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1967
Số bằng: LM 278km Quyết định số: 597/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

185 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ỚN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐM 492km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

186 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1951
Số bằng: QC 709 bp Quyết định số: 1152/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

187 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 5 năm 1984
Số bằng: AP 866 btt Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

188 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SŨNG**
Y tá trưởng xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: SM 963 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

189 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XÍCH**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1952
Số bằng: EC 638 kp Quyết định số: 400/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

190 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN COI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 4Đ 288bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

191 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN THIỆT**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1968
Số bằng: PM 183 cm Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

192 Liệt sĩ: **TRƯƠNG MINH GẤT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 1R 894bm Quyết định số: 893/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977

193 Liệt sĩ: **TRƯƠNG NGỌC THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 12 năm 1983
Số bằng: AP 867 bt Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

194 Liệt sĩ: **UNG VĂN NHÂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 6H 317bm Quyết định số: 856/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

195 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG DANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 1U 877bm Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

196 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG HỨA**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 2 năm 1953
Số bằng: ĐC 376 cp Quyết định số: 731/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

197 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG THANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: 8U 690bm Quyết định số: 701/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979

198 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG TỐT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: 8X 340bm Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

199 Liệt sĩ: **VĂN THỊ KIM NƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 4Z 553bm Quyết định số: 335/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

200 Liệt sĩ: **VĂN THỊ NGỌC SƯƠNG**
Trưởng bệnh xá dân y huyện, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: SM 960 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

201 Liệt sĩ: **VÕ THỊ NGỌC EM**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1969
Số bằng: PM 178 cm Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

202 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CẢM**
Đoàn trưởng thanh niên xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1953
Số bằng: CC 943 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

203 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CHỈ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 8 năm 1953
Số bằng: 1XC 922 bp Quyết định số: 596/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

204 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CỦA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 9B 410bm Quyết định số: 52/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980

205 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HIẾU**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1963
Số bằng: VM 470km Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

206 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LÊ**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc , tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3B 521km Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

207 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MƯỜI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: YL 201bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

208 Liệt sĩ: **VƯƠNG GIA KIỂN**
Cán bộ công an xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1946
Số bằng: CC 974 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

209 Liệt sĩ: **CAO VĂN DÌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 2H 715bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

210 Liệt sĩ: **HỒ VĂN MY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 9Y 232bm Quyết định số: 730/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

211 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1964
Số bằng: 2M 077bm Quyết định số: 1219/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

212 Liệt sĩ: **LÊ TẤN HIỆP**
Cán bộ tuyên truyền xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946
Số bằng: UC 949 cp Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

213 Liệt sĩ: **LÊ THỊ TUYẾT**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2H 653 cm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

214 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BƯNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1968
Số bằng: VM 452km Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

215 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỘNG**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1975

Số bằng: QM 745km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

216 Liệt sĩ: **LƯU VĂN KẸO**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1S 119km Quyết định số: 1701/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1983

217 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NGON**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 3E 200bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

218 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ĐÁO**
Ban cán sự ấp, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 5 năm 1949
Số bằng: ĐC 660 cp Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

219 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ PHƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1966
Số bằng: 6H 335bm Quyết định số: 856/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

220 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÔNG TỎ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 3E 151bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

221 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 2H 700bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

222 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỎN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2M 083bm Quyết định số: 1219/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẢI**
Ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1965
Số bằng: 3Z 814km Quyết định số: 278/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1981

224 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GẢNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 4Đ 854bm Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

225 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GÁO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước,

tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 9K 941bm Quyết định số: 93/TTga ngày 30 tháng 1 năm 1980

226 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GÒN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1969
Số bằng: 1K 802km Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GÓP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 2M 127bm Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

228 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỆP**
Tiểu đội phó Giao bưu tỉnh, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1966
Số bằng: XM 406 cm Quyết định số: 712/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

229 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAM**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1969
Số bằng: VM 815km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

230 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẾN**
Cán bộ Kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1971
Số bằng: XM 413 cm Quyết định số: 712/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

231 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGAY**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1969
Số bằng: 1Đ 493 cm Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

232 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHẠN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 6O 818bm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

233 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 7 năm 1981
Số bằng: P 343 bt Quyết định số: 316/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983

234 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 6H 390bm Quyết định số: 856/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẤY**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: VM 170km Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

236 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1948

Số bằng: 1TC 954 bp Quyết định số: 343/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979

237 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRẮNG**
Ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3B 543km Quyết định số: 986/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

238 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 4Đ 264bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

239 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VẠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 6H 417bm Quyết định số: 856/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

240 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1968
Số bằng: 2N 623bm Quyết định số: 1250/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977

241 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHUỘT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 6O 648bm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

242 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 4Y 650bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

243 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÚNG**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 2Q 120km Quyết định số: 457/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

244 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NỮA**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1971
Số bằng: 6G 005bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

245 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1966
Số bằng: YM 589km Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

246 Liệt sĩ: **PHAN VĂN DỮ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 5T 131bm Quyết định số: 646/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1978

247 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THƯỜNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1966
Số bằng: 4Y 814bm Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978

248 Liệt sĩ: **QUẢN VĂN TU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 2H 782bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

249 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN DIỆP**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 2 năm 1952
Số bằng: GC 984 kp Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

250 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN DỮ**
A phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1976
Số bằng: BT 765 bt Quyết định số: 126/CTKT ngày 16 tháng 6 năm 1988

251 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN LANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 2M 060bm Quyết định số: 1219/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

252 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN NÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 9Z 567bm Quyết định số: 771/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1980

253 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 8S 441bm Quyết định số: 618/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1979

254 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1968

Số bằng: 4Đ 223bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

255 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XIÉU**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1969
Số bằng: YM 631km Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

256 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN SÁU**
Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1970
Số bằng: 1E 741 cm Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

257 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NGÔN**
Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1946
Số bằng: YC 083 cp Quyết định số: 563/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1979

258 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 6O 362bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

259 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ĐỦ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: Q 716bm Quyết định số: 373/CTKT ngày 19 tháng 10 năm 1983

260 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TRẢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 1K 971bm Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

261 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN VÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2M 342bm Quyết định số: 1223/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

262 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN ĐOẠN (MINH HÙNG)**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1969
Số bằng: 6H 062bm Quyết định số: 854/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

263 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN THIÊN**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1955
Số bằng: 4I 695 cm Quyết định số: 247/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

264 Liệt sĩ: **KIỀU MINH ĐỨC**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh

Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3I 939bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

265 Liệt sĩ: **LÂM BÁ HUÊ**
Cán bộ nông hội xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1947
Số bằng: CC 968 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

266 Liệt sĩ: **LÊ THỊ MỸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1974
Số bằng: 8P 255bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

267 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHẢN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1948
Số bằng: YC 815 bp Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

268 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẦU**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1962
Số bằng: 1E 036 cm Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

269 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 6E 986bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

270 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NÉT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 1K 949bm Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

271 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ÁN**
Ban cán sự nông hội xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
Số bằng: 3D 607 cm Quyết định số: 890/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978

272 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CHƠI (DẦU)**
Cán bộ nông hội xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 4A 856 cm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

273 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN MƠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: OM 666km Quyết định số: 731/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

274 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NHÂN**

Cán bộ Binh vận xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1968
Số bằng: SM 936 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

275 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1967
Số bằng: 3I 950bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

276 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TƯƠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1971
Số bằng: LM 363km Quyết định số: 571/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

277 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO QUÝ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1967
Số bằng: VR 918bm Quyết định số: 341/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977

278 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG BIÊN**
ủy Viên Tài chính xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1950
Số bằng: CC 930 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

279 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG NHÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 2 năm 1985
Số bằng: BC 445 bt Quyết định số: 192/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1986

280 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG XINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 3E 175bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

281 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HẢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2M 134bm Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

282 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BAY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 6O 602bm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

283 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BEO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1967
Số bằng: VR 863bm Quyết định số: 341/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977

284 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1947
Số bằng: PC 716 bp Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

285 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỂ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: L 328bm Quyết định số: 168/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1983

286 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1964
Số bằng: LM 274km Quyết định số: 597/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

287 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HANH**
Cán bộ xã đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 9 năm 1948
Số bằng: ĐC 447 cp Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

288 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LONG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 12 năm 1980
Số bằng: 9AA 903 bt Quyết định số: 87/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1982

289 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỰT**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 3E 204bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

290 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 2M 341bm Quyết định số: 1223/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

291 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 11 năm 1949
Số bằng: Q 703 bp Quyết định số: 320/CTKT ngày 19 tháng 10 năm 1983

292 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1964
Số bằng: 1R 899bm Quyết định số: 893/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977

293 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HUẤN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1954
Số bằng: QC 705bm Quyết định số: 1152/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

294 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MẠNH**
Phó bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ĐC 254 cp Quyết định số: 631/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

295 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MẠNH**
Xã đoàn phó thanh niên, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1952
Số bằng: TC 056 cp Quyết định số: 50/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1979

296 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SUNG**
Ban kinh tài ấp, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1946
Số bằng: ZC 908 cp Quyết định số: 730/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1980

297 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MƯỜI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 2M 116bm Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

298 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÀNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 5 năm 1946
Số bằng: EC 956 kp Quyết định số: 712/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

299 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHIỄU**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1948
Số bằng: EC 434 kp Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

300 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1947
Số bằng: 1CC 109 bp Quyết định số: 321/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

301 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 6P 046bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

302 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN PHỦ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 10 năm 1979
Số bằng: P 341 bt Quyết định số: 316/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983

303 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN ÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1969

Số bằng: 3G 054bm Quyết định số: 1503/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

304 Liệt sĩ: **ĐẶNG NHUẬN ĐỨC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1973
Số bằng: 7U 910bm Quyết định số: 154/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979

305 Liệt sĩ: **DỊP TÚ ĐỪNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2E 096km Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

306 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CÒN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: 3I 964bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

307 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CHƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3I 862bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

308 Liệt sĩ: **HỒ VĂN MẠNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 7B 704bm

309 Liệt sĩ: **HUỲNH THỊ LỰU**
Dân nuôi cán bộ, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1969
Số bằng: CG 105 cm Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989

310 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN CƯNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 12 năm 1981
Số bằng: K 400 bt Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983

311 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN ĐÂY**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1970
Số bằng: 6P 028bm Quyết định số: 1031/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

312 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN MÙA**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 2B 343km Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

313 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN PHƯỚNG**
Đoàn viên thanh niên, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 1 năm 1946
Số bằng: OC 308 cp Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

314 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN QUÝ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 6P 109bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

315 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN SĂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 9M 579bm Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

316 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN THÉN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: 4Đ 211bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

317 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN XÍCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 6O 911bm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

318 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH THƠM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1965
Số bằng: QM 793km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

319 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÀNH**
Trưởng ban y tế xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 3 năm 1948
Số bằng: GC 263 cp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

320 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẦU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2M 102bm Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

321 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÍ**
Trưởng ban y tế xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 2|N 617 cm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978

322 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1952
Số bằng: YC 725 bp Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

323 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÁNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9Q 233 bt Quyết định số: 446/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1980

324 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1963
Số bằng: 2T 824bm Quyết định số: 1338/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

325 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NÂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 4R 611bm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

326 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NẢY**
Phó chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: MC 873 cp Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978

327 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SO**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1H 166 cm Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

328 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SOÀI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 4Y 704bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

329 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SON**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3E 132bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

330 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1963
Số bằng: 9Y 274bm Quyết định số: 730/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

331 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÉ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 2 năm 1952
Số bằng: 1BC 009 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978

332 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯƠNG**
Cán bộ giao liên huyện, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1952
Số bằng: GC 685 cp Quyết định số: 20/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

333 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRE**
Trung đội bậc phó Quân đội nhân dân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1967

Số bằng: YL 207bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

334 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 4Đ 929bm Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

335 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1947
Số bằng: 2AC 595 bp Quyết định số: 52/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980

336 Liệt sĩ: **LÝ VĂN CHÂU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 7 năm 1949
Số bằng: MC 275 kp Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

337 Liệt sĩ: **LÝ VĂN PHÓ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1947
Số bằng: QC 692 bp Quyết định số: 1152/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

338 Liệt sĩ: **NGÔ CHÂU ĐẠT**
Chủ Tịch xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1950
Số bằng: BG 844 cp

339 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐA**
Cán bộ xã , Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 4Đ 777bm Quyết định số: 20/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

340 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NGHĨA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 2T 216bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

341 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN PHỤNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: 3K 524bm Quyết định số: 1794/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977

342 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN RÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1965

Số bằng: 2P 829bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

343 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TE**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2H 775bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

344 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG LẬP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 4B 697bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

345 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN CÔNG**
Trưởng Ban Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 5 năm 1952
Số bằng: YC 212 cp Quyết định số: 596/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1979

346 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIỆU**
Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 5 năm 1947
Số bằng: QC 936 cp Quyết định số: 1098/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978

347 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN A**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1964
Số bằng: 3AA 788bm Quyết định số: 133/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981

348 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÁT**
Ấp đội phó, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 1N 364km Quyết định số: 1335/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

349 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1965
Số bằng: 3Đ 936bm Quyết định số: 1454/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977

350 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BAN**
Trưởng Ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2Y 727 cm Quyết định số: 723/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

351 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 4Z 822bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978

352 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh

Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 6O 301bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

353 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 8R 861bm Quyết định số: 593/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1979

354 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 2T 215bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

355 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÉCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 7E 196bm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

356 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1965
Số bằng: 2L 996bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

357 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1985
Số bằng: CG 126 kt Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989

358 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN IN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2P 830bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

359 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1974
Số bằng: YL 209bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

360 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 8K 409bm Quyết định số: 424/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

361 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÍT**
Cán bộ liên lạc xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 10 năm 1948
Số bằng: EC 102 cp Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

362 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 3P 363bm Quyết định số: 1590/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

363 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỪNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3I 971bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

364 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1968
Số bằng: 5R 937bm Quyết định số: 632/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

365 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGOẠN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1970
Số bằng: AS 731bm Quyết định số: 283/CTKT ngày 25 tháng 5 năm 1985

366 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÌ**
Công an viên ấp Đông Nhì, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 2S 180 cm Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

367 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHUẦN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 5AA 086bm Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981

368 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHUNG**
Hội trưởng Hội Liên việt xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 7 năm 1951
Số bằng: LC 634 cp Quyết định số: 192/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978

369 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PAUL**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 6H 043bm Quyết định số: 864/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

370 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHẤN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7Q 254bm Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

371 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RE**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1966
Số bằng: 3L 173bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

372 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÀN**
Đội viên du kích xã , Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1963
Số bằng: K 353km Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983

373 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẬU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1969
Số bằng: YM 466km Quyết định số: 943/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

374 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 2E 733bm Quyết định số: 1178/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÒN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 3S 015km Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

376 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỒNG**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1948
Số bằng: GC 557 cp Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

377 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1968
Số bằng: 6G 101bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

378 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG THƯỜNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 8X 348bm Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

379 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CỘI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 1V 893bm Quyết định số: 943/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

380 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DÀNH**
Trưởng ban y tế xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1947
Số bằng: ZC 910 cp Quyết định số: 730/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1980

381 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỞM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3I 933bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

382 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 6 năm 1946
Số bằng: QC 485 bp Quyết định số: 1178/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

383 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NỞ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1969
Số bằng: 8S 024bm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

384 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 3U 339bm Quyết định số: 1737/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

385 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1971
Số bằng: YL 188bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

386 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XIA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2N 645bm Quyết định số: 1250/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977

387 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BẢNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 10 năm 1953

Số bằng: RC 323 bp Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

388 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BỜ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 2L 756km Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

389 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐẤU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 11 năm 1951
Số bằng: LC 284 kp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

390 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DẺO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 4B 777bm Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

391 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐẸT**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1954
Số bằng: GC 268 cp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

392 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỘ**
Công dân, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1948
Số bằng: IC 737 cp Quyết định số: 1490/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977

393 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÁ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1977
Số bằng: 6O 715 bt Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

394 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KÈ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 3L 163bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

395 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHIÊM**
Đội viên du kích xã , Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 8 năm 1949
Số bằng: GC 974 kp Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

396 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1967
Số bằng: YL 208bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

397 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỪNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3Z 124km Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981

398 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1967
Số bằng: 6O 782bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

399 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 8K 075bm Quyết định số: 423/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

400 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUẬP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 1Y 034bm Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

401 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SUM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 5L 580bm Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

402 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRẠCH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: 1X 583bm Quyết định số: 971/TTga ngày 5 tháng 9 năm 1977

403 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VĨNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 3Y 862bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

404 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG DANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: 6E 894bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

405 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NHÃ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1965
Số bằng: LM 397km Quyết định số: 571/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

406 Liệt sĩ: **VÕ THỊ THANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 2L 957bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

407 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KHUYNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1972
Số bằng: 2N 646bm Quyết định số: 1250/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977

408 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LỰA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 2O 179bm Quyết định số: 1239/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977

409 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TRÒ**
Cán bộ Ban tuyên huấn huyện, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 1 năm 1953
Số bằng: NC 691 cp Quyết định số: 457/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

410 Liệt sĩ: **VÕ VĂN VÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1946
Số bằng: 2N 671 bp Quyết định số: 1250/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977

411 Liệt sĩ: **BÙI QUỐC NAM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 6H 120bm Quyết định số: 853/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

412 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SƠN**
Cán bộ ban trừ gian huyện, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 2 năm 1946
Số bằng: DK 984 cp Quyết định số: 553/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1993

413 Liệt sĩ: **CỎ KIM ĐIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1963
Số bằng: 1S 304bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

414 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC HOÀNH**
Cán bộ Binh vận xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1966
Số bằng: 2S 460 cm Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978

415 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN KÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: 1XC 940 bp Quyết định số: 596/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

416 Liệt sĩ: **HUỲNH TIẾN BỘ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 1K 934bm Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

417 Liệt sĩ: **LÊ QUANG QUÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 4Z 800bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978

418 Liệt sĩ: **LÊ QUANG VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2M 001bm Quyết định số: 1219/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

419 Liệt sĩ: **LÊ VĂN AN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1964
Số bằng: AB 025km Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

420 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỘT**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1966
Số bằng: 3B 724km Quyết định số: 1031/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

421 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TẶNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 2H 771bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

422 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TÀI**
Đại đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YT 230bm Quyết định số: 476/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1977

423 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 3K 536bm Quyết định số: 1794/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977

424 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RÔ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: 3R 507bm Quyết định số: 1592/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

425 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỐT**
ủy viên Ban chấp hành thanh niên xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 2 năm 1949
Số bằng: ZC 913 cp Quyết định số: 730/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1980

426 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC SANG**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 1S 354bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

427 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BƯỜNG**
Cán bộ thư ký nông dân Hội Liên Việt xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 1 năm 1948
Số bằng: EC 258 cp Quyết định số: 937/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

428 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÂU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1967
Số bằng: 6O 645bm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

429 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LÊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 1R 915bm Quyết định số: 893/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977

430 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NAM**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1969

Số bằng: QM 767km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

431 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XƯƠNG**
Đoàn trưởng thanh niên tiền phong, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 8 năm 1947
Số bằng: MC 564 cp Quyết định số: 336/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

432 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ẨM**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969
Số bằng: VM 499km Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

433 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẦU**
Dân công, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1962
Số bằng: 1N 841 cm Quyết định số: 4/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1978

434 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XÍCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1967
Số bằng: YM 475km Quyết định số: 943/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

435 Liệt sĩ: **VĂN THỊ NGHI**
Dân công tải đạn, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 1E 057 cm Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

436 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 3I 937bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

437 Liệt sĩ: **CHUNG NGỌC THẠCH**
Đội viên du kích thị trấn Cần Đước, Nguyên quán: thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước , tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1949
Số bằng: CC 904 kp Quyết định số: 217/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1989

438 Liệt sĩ: **ĐẶNG HỒNG THANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hựu, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1951

Số bằng: YC 065 bp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

439 Liệt sĩ: **LÊ THANH TOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước , tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 10 năm 1982
Số bằng: U 049 bt Quyết định số: 431/CTKT ngày 30 tháng 11 năm 1983

440 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢO VĨNH**

Du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước , tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1948
Số bằng: EC 450 kp Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

441 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước , tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1952
Số bằng: 1XC 011 bp Quyết định số: 423/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

442 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẮNG**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1968
Số bằng: 3B 554km Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

443 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước , tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 9L 712bm Quyết định số: 199/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

444 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỐT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1967
Số bằng: 4Đ 293bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

445 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 1S 423bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

446 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 4Y 807bm Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978

447 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỶ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 4Đ 289bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

448 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐA**
Dân quân du kích xã, Nguyên quán: thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước , tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1950
Số bằng: CC 897 kp Quyết định số: 217/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1989

449 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NINH**
Phó bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1955
Số bằng: PM 750 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

450 Liệt sĩ: **TRẦN NGUYÊN PHI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lam Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1970
Số bằng: HP 415bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

451 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐIỂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 8Đ 723bm Quyết định số: 315/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1979

452 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHẠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1963
Số bằng: 4Z 803bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978

453 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HIỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1967
Số bằng: VR 910bm Quyết định số: 341/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977

454 Liệt sĩ: **LÊ VĂN GIÂY**
Phó ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Long Hựu, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 4R 113 cm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1978

455 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Phó Ban An Ninh thị xã, Nguyên quán: xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1970
Số bằng: cm 627 cm Quyết định số: 155/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

456 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**
Cán bộ an ninh huyện, Nguyên quán: xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 01 năm 1971
Số bằng: PM 811 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

457 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN BIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hoà, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1974
Số bằng: 3L 195bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

458 Liệt sĩ: **THÁI VĂN XÍCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hoà, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 3G 120bm Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

459 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỢI**
Tiểu đội trưởng du kích xã , Nguyên quán: xã An Ninh Tây, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: DL 001km Quyết định số: 553/TTg ngày 11 tháng 11 năm 1993

460 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 5Y 454bm Quyết định số: 742/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978

461 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÀY**
Cán bộ Nông hội ấp, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 3K 171 cm Quyết định số: 1098/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978

462 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NƠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 1Z 376km Quyết định số: 1706/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977

463 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN ĐỐ (ĐỒNG)**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Bửu, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 8 năm 1952
Số bằng: EI 299 bp Quyết định số: 1198/TTg ngày 29 tháng 11 năm 2000

464 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ỬNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 7 năm 1974

Số bằng: 5N 965bm Quyết định số: 572/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1978

465 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ QUÍ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7E 244bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

466 Liệt sĩ: **PHAN VĂN RÁNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tạo, huyện Tân Bình, tỉnh Gia Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 6AA 828bm Quyết định số: 311/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1981

467 Liệt sĩ: **VÕ VĂN GIẬN**
Tiểu đội trưởng du kích xã , Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1969
Số bằng: 3O 955km Quyết định số: 343/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979

468 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DÀNH**
Hạ sĩ Trinh sát tỉnh, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1964
Số bằng: 5R 485bm Quyết định số: 596/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1978

469 Liệt sĩ: **CÁI VĂN RÍ**

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 7 năm 1947

Số bằng: CC 874 bp Quyết định số: 217/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1989

470 Liệt sĩ: **HỒ VĂN DŨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 8Đ 740bm Quyết định số: 315/TTga ngày 07 tháng 5 năm 1979

471 Liệt sĩ: **LẠI VĂN ĐÀY**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tạo, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1975
Số bằng: DK 993bm Quyết định số: 553/TTg ngày 11 tháng 11 năm 1993

472 Liệt sĩ: **LÂM PHƯỚC TRƯỜNG**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 09 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8Đ 853 bt Quyết định số: 350/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

473 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGỘ**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 01 năm 1972
Số bằng:km 930km Quyết định số: 534/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1977

474 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN TÀI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 6O 869bm Quyết định số: 1018/TTga ngày 08 tháng 9 năm 1978

475 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NỞ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 6O 461bm Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

476 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẦN**
Cán bộ nông hội ấp, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1963
Số bằng: RM 818 cm Quyết định số: 527/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1977

477 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DIỆT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1949
Số bằng: TC 275 bp Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

478 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 01 năm 1946
Số bằng: CC 875 bp Quyết định số: 217/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1989

479 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RẢNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Lợi, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 7U 929bm Quyết định số: 154/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1979

480 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TỐN**
Cơ sở cách mạng xã, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1965
Số bằng: 1G 733 cm Quyết định số: 1178/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

481 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÂM**
Nhân viên Công an xã, Nguyên quán: xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1969
Số bằng: CQ 192 cm Quyết định số: 80/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

482 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NỞ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 1, thị xã Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8S 480 bt Quyết định số: 618/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1979

483 Liệt sĩ: **LÝ CÔNG LUẬN**
Bí thư chi bộ xã , Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 7 năm 1962
Số bằng: AD 676 cm Quyết định số: 199/CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984

484 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU ĐỨC**
Bí thư Huyện ủy, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1951
Số bằng: NC 598 cp Quyết định số: 906/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978

485 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SON**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 3 năm 1972
Số bằng: BT 916km Quyết định số: 153/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

486 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 8K 740bm Quyết định số: 463/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

487 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BÉ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1969
Số bằng: YL 244bm Quyết định số: 400/TTga ngày 02 tháng 5 năm 1977

488 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN BÁ**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1962

Số bằng: 2B 324km Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

489 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN NHÂN**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1974
Số bằng: AB 037km Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

490 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐƯỚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7Q 166bm Quyết định số: 111/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1979

491 Liệt sĩ: **DƯƠNG CÔNG LỄ**
Trưởng Ban Binh vận xã , Nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 1U 323 cm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

492 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẶNG**
Đội viên du kích xã , Nguyên quán: xã Bình Hoà Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐD 989km Quyết định số: 841/TTg ngày 12 tháng 11 năm 1996

493 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẠNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1966
Số bằng: 3R 698km Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

494 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHƠN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 2E 460km Quyết định số: 26/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1978

495 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỰC**
Du kích xã , Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1967
Số bằng: A 638km Quyết định số: 279/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982

496 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHANH**
Cán bộ ủy viên kinh tài xã , Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 3Y 082 cm Quyết định số: 339/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979

497 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 6 năm 1949
Số bằng: HN 867 bp Quyết định số: 217/TTg ngày 11 tháng 02 năm 2015

498 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CHỜ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Ngãi Thuận, huyện Bến Thủ,

tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: 1KC 080 bp Quyết định số: 853/Ttga ngày 07 tháng 8 năm 1978

499 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 3G 126bm Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

500 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỰC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 8Đ 771bm Quyết định số: 320/TTga ngày 09 tháng 5 năm 1979

501 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỘT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Trinh Đông, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1967
Số bằng: 2P 898bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

502 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆT**
Bí thư Chi bộ xã, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: EC 401 cp Quyết định số: 943/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

503 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỚNG**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quan, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1961
Số bằng: 2L 427km Quyết định số: 283/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978

504 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1960
Số bằng: 8Q 402bm Quyết định số: 563/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1979

505 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN SƯU**
Cán bộ Nông hội huyện, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 2M 820 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

506 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUỘNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhật Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 3L 205bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

507 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CHO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: K 319bm Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983

508 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƠN**

Hạ sĩ công an nhân dân huyện, Nguyên quán: xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1948
Số bằng: UC 948 cp Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

509 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**
Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 8 năm 1952
Số bằng: LC 631 cp Quyết định số: 192/TTga ngày 03 tháng 3 năm 1978

510 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN HẠ**
Hạ sĩ công an nhân dân, Nguyên quán: xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1971
Số bằng: AR 643bm Quyết định số: 145/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1971

511 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TO**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 1S 409bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

512 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẮC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 3 năm 1949
Số bằng: 1UC 015 bp Quyết định số: 347/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

513 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN VĨNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1Y 044bm Quyết định số: 982/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1977

514 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN PHƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1965
Số bằng: CN 637bm Quyết định số: 220/CTKT ngày 19 tháng 11 năm 1990

515 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN BA**
Phó Ban Binh vận thị xã, Nguyên quán: xã An Vĩnh Ngãi, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1962
Số bằng: XM 721 cm Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

516 Liệt sĩ: **HÀ PHÚ HỘ**
Cán bộ Ty Công an, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: YC 268 cp Quyết định số: 618/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1979

517 Liệt sĩ: **HỒ MINH TIÊN**
Trưởng Ban An ninh xã , Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 1E 744 cm Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

518 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN KIỂM**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 2T 818bm Quyết định số: 1338/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

519 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRONG**
Du kích xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1973
Số bằng: DM 596km Quyết định số: 262/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

520 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SÁNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam , Nguyên quán: xã An Thanh, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 8 năm 1962
Số bằng: 8P 505bm Quyết định số: 540/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1979

521 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TƯƠI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 3Y 859bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

522 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN NGỌC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Ngãi Trị, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 01 năm 1970
Số bằng: 8P 104bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

523 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 1L 854km Quyết định số: 1305/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

524 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BIỂU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: EC 935bm Quyết định số: 703/TTg ngày 09 tháng 7 năm 1999

525 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỰC**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Khê, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1968
Số bằng: ĐM 781km Quyết định số: 400/TTga ngày 02 tháng 5 năm 1977

526 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHIÊN**
ủy viên Ban chấp hành Nông hội xã, Nguyên quán: xã Mỹ hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1971
Số bằng: BX 627 cm Quyết định số: 165/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1988

527 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔN**
Phó Bí thư xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1963
Số bằng: QM 382 cm Quyết định số: 487/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1977

528 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 4Y 789bm Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978

529 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHƯỚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1968
Số bằng: K 316bm Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983

530 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỐT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 1T 284km Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

531 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ƠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1965
Số bằng: ĐM 938km Quyết định số: 321/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

532 Liệt sĩ: **TRẦN THIỆN TRẤT**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1966

Số bằng: 2X 576bm Quyết định số: 1455/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1977

533 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 11 năm 1952

Số bằng: SC 378 bp Quyết định số: 1391/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977

534 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THUẬT**
Trưởng Ban Chấp hành Nông hội xã, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1936
Số bằng: TM 010 cp Quyết định số: 571/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

535 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MINH**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 1X 790km Quyết định số: 1592/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

536 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RÔ**
Trung úy-Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Nhựt Chánh, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3H 620 cm Quyết định số: 986/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1978

537 Liệt sĩ: **LÝ VĂN BA**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Lập, TX Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 7 năm 1978
Số bằng: 3R 992 kt Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

538 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, thị xã Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 02 năm 1983
Số bằng: AF 404 bt Quyết định số: 276/CTKT ngày 15 tháng 8 năm 1984

539 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 2 năm 1950
Số bằng: YC 611 bp Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

540 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỮ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 2 năm 1947
Số bằng: KC 131 kp Quyết định số: 171/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

541 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỞNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lợi Bình Nhơn, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1963
Số bằng: YM 582km Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

542 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGUYỆT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1949
Số bằng: 1UC 383 bp Quyết định số: 905/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

543 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÁP**
Trưởng ban Công An xã, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 6 năm 1952
Số bằng: XM 535 cp Quyết định số: 743/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

544 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hậu, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 4 năm 1984
Số bằng: AP 869 bt Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

545 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DẢ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1963
Số bằng: LM 241km Quyết định số: 597/Ttga ngày 15 tháng 6 năm 1977

546 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍCH**
Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1962
Số bằng: SM 982 cm Quyết định số: 558/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1977

547 Liệt sĩ: **CAO VĂN XE**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 2D 509 cm Quyết định số: 192/Ttga ngày 3 tháng 3 năm 1978

548 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỰC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Ngãi Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 8AA 432bm Quyết định số: 45/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

549 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỌNG**
Nhân viên cấp dưỡng tỉnh, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 2A 703 cm Quyết định số: 1775/Ttga ngày 28 tháng 12 năm 1977

550 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CUÔNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 1K 936bm Quyết định số: 745/Ttga ngày 18 tháng 7 năm 1977

551 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẲNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1969
Số bằng: OM 929km Quyết định số: 737/Ttga ngày 15 tháng 7 năm 1977

552 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2P 972bm Quyết định số: 04/Ttga ngày 2 tháng 1 năm 1978

553 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1968
Số bằng: PM 153km Quyết định số: 759/Ttga ngày 27 tháng 7 năm 1977

554 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
Trưởng ban kinh tài, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1969
Số bằng: XM 732 cm Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

555 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỰC**
Trưởng ban giao liên huyện, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 1R 927 cm Quyết định số: 893/Ttga ngày 19 tháng 8 năm 1977

556 Liệt sĩ: **TẠ VĂN LƯỢNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1969

Số bằng: 6H 095bm Quyết định số: 854/Ttga ngày 7 tháng 8 năm 1978

557 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THẾ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 3G 097bm Quyết định số: 1503/Ttga ngày 16 tháng 11 năm 1977

558 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUỀ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 3I 899bm Quyết định số: 1502/Ttga ngày 16 tháng 11 năm 1977

559 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**
Trung sĩ Công An nhân dân, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2M 790 cm Quyết định số: 321/Ttga ngày 29 tháng 3 năm 1978

560 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHÊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hựu, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 3Y 873bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

561 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẬT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 7 năm 1977
Số bằng: 1K 787 bt Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

562 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN ĐỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1953
Số bằng: EC 520 kp Quyết định số: 258/Ttga ngày 25 tháng 4 năm 1977

563 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIÊU**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1966
Số bằng: DM 674km Quyết định số: 262/Ttga ngày 5 tháng 4 năm 1977

564 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN DÈ**
ủy viên Ban chấp hành Nông hội xã, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1966
Số bằng: BC 393 cm Quyết định số: 192/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1986

565 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TUẤN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 3G 123bm Quyết định số: 1744/Ttga ngày 21 tháng 12 năm 1977

566 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**
ấp đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2L 765km Quyết định số: 322/Ttga ngày 29 tháng 3 năm 1978

567 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUẢNG**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1956
Số bằng: HI 181 cm Quyết định số: 1742/Ttga ngày 2 tháng 12 năm 2008

568 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THO**
Y tá ty Công An, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1973
Số bằng: XM 468 cm Quyết định số: 705/Ttga ngày 8 tháng 7 năm 1977

569 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƠM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1967
Số bằng: 6O 882bm Quyết định số: 1018/Ttga ngày 8 tháng 9 năm 1978

570 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỰC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 5R 486bm Quyết định số: 596/Ttga ngày 7 tháng 6 năm 1978

571 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HUYỆN**
ấp đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1967
Số bằng: DM 660km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

572 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SUÔNG**
Phó ban An ninh xã, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1971
Số bằng: DM 666km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

573 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SẠM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2T 243bm Quyết định số: 1306/Ttga ngày 24 tháng 10 năm 1977

574 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUÍT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 4Z 799bm Quyết định số: 386/Ttga ngày 19 tháng 4 năm 1978

575 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẾ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 1K 742bm Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

576 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ƠN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 1951
Số bằng: LC 519 kk Quyết định số: 31/TTg ngày 11 tháng 1 năm 1978

577 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ DIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1961
Số bằng: 3V 135km Quyết định số: 179/Ttga ngày 10 tháng 3 năm 1980

578 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 4Y 571km Quyết định số: 334/Ttga ngày 31 tháng 3 năm 1978

579 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TRÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 9M 585bm Quyết định số: 244/TTg ngày 7 tháng 4 năm 1980

580 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 6O 428bm Quyết định số: 1010/Ttga ngày 6 tháng 9 năm 1978

581 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DU**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1960
Số bằng: 6P 015bm Quyết định số: 1031/Ttga ngày 11 tháng 9 năm 1978

582 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TẮC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 2P 851bm Quyết định số: 1304/TTg ngày 24 tháng 10 năm 1977

583 Liệt sĩ: **HỒNG VĂN DỨT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 1K 746bm Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

584 Liệt sĩ: **VÕ VĂN GON**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 7H 340bm Quyết định số: 1134/TTg ngày 24 tháng 1 năm 1978

585 Liệt sĩ: **LƯƠNG QUỐC THẠNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1958
Số bằng: 9L 450bm Quyết định số: 179/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1980

586 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN RẠNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 4N 755 cm Quyết định số: 245/Ttga ngày 17 tháng 6 năm 1981

587 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN KHEN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 1K 816km Quyết định số: 1732/Ttga ngày 19 tháng 12 năm 1977

588 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN BƯỚNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 4Y 497bm Quyết định số: 332/TTg ngày 29 tháng 3 năm 1978

589 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÂU**
Chiến sĩ Công An, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1947
Số bằng: AB 011 cp Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

590 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TÀI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1965
Số bằng: CG 120km Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989

591 Liệt sĩ: **LÝ VĂN KHUYNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 2T 196bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

592 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1963
Số bằng: 2L 873km Quyết định số: 336/Ttga ngày 31 tháng 3 năm 1978

593 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BÁO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Lợi, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1949
Số bằng: 2BC 707 bp Quyết định số: 446/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1980

594 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1965
Số bằng: G 752bm Quyết định số: 52/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983

595 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1969
Số bằng: YT 231bm Quyết định số: 476/Ttga ngày 27 tháng 5 năm 1977

596 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIẾU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 4Y 640bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

597 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÁM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 6G 113bm Quyết định số: 855/Ttga ngày 7 tháng 8 năm 1978

598 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LANH**
Phó Công An xã, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 2H 627 cm Quyết định số: 31/Ttga ngày 11 tháng 1 năm 1978

599 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỦ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1K 745bm Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

600 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ Á**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1969
Số bằng: 1AB 245bm Quyết định số: 116/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982

601 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGOI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1974
Số bằng: 8Đ 645bm Quyết định số: 320/Ttga ngày 9 tháng 5 năm 1979

602 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 2T 859bm Quyết định số: 1338/Ttga ngày 28 tháng 10 năm 1977

603 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XẠ**
Nông hội xã, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 3H 674 cm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

604 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BỰ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1P 120bm Quyết định số: 872/Ttga ngày 17 tháng 8 năm 1977

605 Liệt sĩ: **LƯƠNG THỊ BUA**
Giao liên, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1966

Số bằng: 2M 757 cm Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

606 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 6P 074bm Quyết định số: 1041/Ttga ngày 13 tháng 9 năm 1978

607 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GẠNH**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 3M 795km Quyết định số: 111/Ttga ngày 2 tháng 2 năm 1979

608 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KHỎI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1948
Số bằng: SC 159 bp Quyết định số: 1335/Ttga ngày 28 tháng 10 năm 1977

609 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GỞI**
Trung đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 6P 037bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

610 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ LỚN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 6O 988bm Quyết định số: 1031/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

611 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ NHỎ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 5R 605bm Quyết định số: 607/Ttga ngày 7 tháng 6 năm 1978

612 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1K 671bm Quyết định số: 705/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1977

613 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUỐC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 5L 604bm Quyết định số: 494/Ttga ngày 15 tháng 5 năm 1978

614 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1952

Số bằng: 1EC 092 bp Quyết định số: 457/Ttga ngày 8 tháng 5 năm 1978

615 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN MINH**

ấp đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1963
Số bằng: HM 630km Quyết định số: 518/Ttga ngày 3 tháng 6 năm 1977

616 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN DU**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HM 592km Quyết định số: 518/Ttga ngày 3 tháng 6 năm 1977

617 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1973
Số bằng: 5R 706bm Quyết định số: 607/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

618 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 1P 193bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

619 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGÓ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1964
Số bằng: 2P 984bm Quyết định số: 4/Ttga ngày 2 tháng 1 năm 1978

620 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1947
Số bằng: RC 889 bp Quyết định số: 1305/Ttga ngày 24 tháng 10 năm 1977

621 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN SƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 4Đ 860bm Quyết định số: 26/Ttga ngày 9 tháng 1 năm 1978

622 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NÀO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1953
Số bằng: 1KC 090 bp Quyết định số: 853/Ttga ngày 7 tháng 8 năm 1978

623 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG SINH**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1949
Số bằng: HN 868 kp Quyết định số: 217/TTg ngày 11 tháng 2 năm 2015

624 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÚNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 2Q 121km Quyết định số: 457/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

625 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỌN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1961
Số bằng: 8Đ 735bm Quyết định số: 315/Ttga ngày 7 tháng 5 năm 1979

626 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TRIỆU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1968
Số bằng: DM 594km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

627 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN MƯỜI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 12 năm 1985
Số bằng: CC 825 bt Quyết định số: 163/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1989

628 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1967
Số bằng: DK 187km Quyết định số: 452/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1993

629 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 3N 316km Quyết định số: 50/Ttga ngày 11 tháng 1 năm 1979

630 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRỪ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 4Đ 767bm Quyết định số: 20/Ttga ngày 9 tháng 1 năm 1978

631 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 8P 172bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

632 Liệt sĩ: **PHAN THÀNH CÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 8Đ 749bm Quyết định số: 315/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1979

633 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TRÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1970
Số bằng: DM 602km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

634 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG QUAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 11 năm 1952

Số bằng: 2CC 526 bp Quyết định số: 211/Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1981

635 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẢM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 2D 573 cm Quyết định số: 192/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978

636 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÊN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1952
Số bằng: BO 414 kp Quyết định số: 196/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

637 Liệt sĩ: **NINH VĂN NGUYÊN**
ủy viên Nông hội xã, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1951
Số bằng: ĐA 124 cp Quyết định số: 459/TTg ngày 9 tháng 7 năm 1996

638 Liệt sĩ: **NINH VĂN LÃ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1K 606bm Quyết định số: 705/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1977

639 Liệt sĩ: **NINH VĂN SOÀI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7Q 269bm Quyết định số: 1481/Ttga ngày 25 tháng 12 năm 1978

640 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SỌC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1968
Số bằng: EN 478km Quyết định số: 478/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2001

641 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÓI**
Trưởng ban Nông hội xã, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1980
Số bằng: AH 948 ct Quyết định số: 367/CTKT ngày 21 tháng 10 năm 1984

642 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGÓ**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1968
Số bằng: 3Z 128km Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981

643 Liệt sĩ: **LÊ VĂN GIÁY**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 8R 878bm Quyết định số: 593/Ttga ngày 17 tháng 8 năm 1979

644 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long

An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 6 năm 1953
Số bằng: EN 472 kp Quyết định số: 478/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2001

645 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 8P 166bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

646 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
Cán bộ Binh vận tỉnh, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1968
Số bằng: P 298 cm Quyết định số: 316/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983

647 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TIẾU**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1970
Số bằng: PM 062km Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

648 Liệt sĩ: **TÔ VĂN TRUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7H 366bm Quyết định số: 1334/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1978

649 Liệt sĩ: **VÕ VĂN XUÂN**
Phó Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1957
Số bằng: AP 838 cm Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

650 Liệt sĩ: **TÔ VĂN CANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 2H 711bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

651 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Trưởng ban Nông hội xã, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1972
Số bằng: XM 828 cm Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

652 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 8P 222bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

653 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 3Z 123km Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981

654 Liệt sĩ: **DƯƠNG TẤN HUỆ**

Cán bộ giao liên, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1951
Số bằng: DN 915 cp Quyết định số: 687/TTg ngày 17 tháng 11 năm 1994

655 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỤC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 6G 043bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

656 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 5AA 084bm Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981

657 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 8P 140bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

658 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẦN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1964
Số bằng: 2Z 188km Quyết định số: 854/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

659 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1963
Số bằng: ĐĐ 004km Quyết định số: 982/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1996

660 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ DŨNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 8 năm 1975
Số bằng: 8AA 428 bt Quyết định số: 45/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

661 Liệt sĩ: **VÕ VĂN VIỆT**
Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1968
Số bằng: GU 929 cm Quyết định số: 352/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2005

662 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁO**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1956
Số bằng: GX 623bm Quyết định số: 903/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2005

663 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỄ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1961
Số bằng: PM 045km Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

664 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1974
Số bằng: X 832 cm Quyết định số: 97/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1984

665 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỌC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 4Y 633bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

666 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN RÙM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1963
Số bằng: GD 242km Quyết định số: 603/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2003

667 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 7E 247bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

668 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN DỮ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 6P 014bm Quyết định số: 1031/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

669 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Cán bộ Nông hội xã, Nguyên quán: xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1969
Số bằng: ĐA 082 cm Quyết định số: 381/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1996

670 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TONG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 3Z 134 kt Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981

671 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1974
Số bằng: 3E 031bm Quyết định số: 1701/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977

672 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÒN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: PM 031km Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

673 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 1U 407bm Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

674 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN MAI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1961
Số bằng: 5L 721bm Quyết định số: 465/TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978

675 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯỜNG**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 2M 306km Quyết định số: 326/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

676 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHUYỂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 3E 192bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

677 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KEN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1968
Số bằng: PM 041km Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

678 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOÁCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 9L 736bm Quyết định số: 199/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

679 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỰC**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2E 146km Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

680 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7E 225bm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

681 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XINH**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 1T 792km Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

682 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC NỞ**
Trưởng ban Nông hội, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1961
Số bằng: 1O 978 cm Quyết định số: 1335/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

683 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC ẨN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968

Số bằng: 6O 593bm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

684 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TRỪ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 4Đ 930bm Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

685 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NĂNG**
Đội viên tự vệ, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: PC 827 kp Quyết định số: 1482/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

686 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1963
Số bằng: AS 738bm Quyết định số: 283/CTKT ngày 22 tháng 7 năm 1985

687 Liệt sĩ: **MAI CÔNG DANH**
Thường vụ Huyện ủy, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 3Y 047 cm Quyết định số: 339/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979

688 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHAI**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 2A 705 cm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

689 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HOANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1973
Số bằng: 4Đ 928bm Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

690 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NÔ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1973
Số bằng: 4Y 683bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

691 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẢNH**
Trưởng ban công binh, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 1 năm 1950
Số bằng: GC 695 cp Quyết định số: 20/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

692 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NÀY**
Cán bộ An ninh xã, Nguyên quán: xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1964
Số bằng: SM 925 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

693 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3M 787bm Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

694 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN A**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1K 571bm Quyết định số: 705/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1977

695 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN BẢY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 2L 931bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

696 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỨNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1962
Số bằng: QM 746km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

697 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN NAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhựt Tân, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 1AB 267bm Quyết định số: 116/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982

698 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGỞI**
Chiến sĩ Công an Nhân dân, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1949
Số bằng: CT 535 cp Quyết định số: 123/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1991

699 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỰC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 1P 135bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

700 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1962
Số bằng: 2P 921bm Quyết định số: 4/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1978

701 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1972
Số bằng: VL 512bm Quyết định số: 258/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

702 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGƯƠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1948
Số bằng: 1KC 125 bp Quyết định số: 856/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

703 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 6G 115bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

704 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÊ**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3O 685 cm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

705 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHI**
Cán bộ huyện đoàn, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 4B 267 cm Quyết định số: 663/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1979

706 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỆM**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã An Nhựt Tân, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 2Q 125km Quyết định số: 475/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

707 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHƠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 4Y 558bm Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

708 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 7Q 266bm Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

709 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1967
Số bằng: L 362bm Quyết định số: 168/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1983

710 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN DÀY**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1947
Số bằng: RC 896 cp Quyết định số: 1304/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

711 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỰC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 1P 134bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

712 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BAY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: L 326bm Quyết định số: 168/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1983

713 Liệt sĩ: **ĐẶNG KIM BẢNG**
Cán bộ thôn chánh chủ nhiệm, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 9 năm 1947
Số bằng: MC 561 cp Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

714 Liệt sĩ: **ĐẶNG KIM NGÔN**
Trưởng ban kinh tài, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2M 953 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978

715 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRẠCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1947
Số bằng: HD 661 kp Quyết định số: 1379/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2006

716 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BA**
Phó ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2H 323 cm Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

717 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MƯỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: L 361bm Quyết định số: 168/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1983

718 Liệt sĩ: **ĐẶNG KIM QUÉ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 11 năm 1952
Số bằng: 1XC 822 bp Quyết định số: 563/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1979

719 Liệt sĩ: **VÕ VĂN XÂY**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1946
Số bằng: PC 842 kp Quyết định số: 1482/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

720 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUANG**
ủy viên ủy ban hành chánh, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 2 năm 1951
Số bằng: CC 635 cp Quyết định số: 282/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

721 Liệt sĩ: **VÕ VĂN AN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1949
Số bằng: 1BC 035 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978

722 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN CẢNH**
Cán bộ nghiên cứu, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1973
Số bằng: PM 631 cm Quyết định số: 281/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

723 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN SƠN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1962
Số bằng: 3V 464km Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

724 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TÒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1962
Số bằng: DM 565km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

725 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 3E 041bm Quyết định số: 1701/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977

726 Liệt sĩ: **TRỊNH PHƯỚC CẢM**
Chiến sĩ bảo vệ, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3X 589 cm Quyết định số: 423/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

727 Liệt sĩ: **HỒ VĂN KÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1952
Số bằng: 1XC 990 bp Quyết định số: 618/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1979

728 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CÃI**
Trưởng ban An ninh, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1967
Số bằng: PM 639 cm Quyết định số: 281/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

729 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1964
Số bằng: 9Y 275bm Quyết định số: 730/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

730 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DIỆU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1969
Số bằng: DM 530km Quyết định số: 358/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

731 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XỆ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 2 năm 1948
Số bằng: EC 526 kp Quyết định số: 358/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

732 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BẠN**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968

Số bằng: DM 574km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

733 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TRỪ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 6G 121bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

734 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VUÔNG**
Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1966
Số bằng: PM 636 cm Quyết định số: 281/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

735 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THƠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1965
Số bằng: 2M 490bm Quyết định số: 1218/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

736 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀN**
Cán bộ kinh tài huyện, Nguyên quán: xã An Nhựt Tân, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1957
Số bằng: AP 836 cm Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

737 Liệt sĩ: **HUỲNH CÔNG MẬT**
Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 2 năm 1946
Số bằng: YC 346 cp Quyết định số: 663/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1979

738 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3L 145bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

739 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CAI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7Q 153bm Quyết định số: 111/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979

740 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN NHỎ**
Trưởng ban giao liên , Nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1971
Số bằng: 4B 984 cm Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

741 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHONG**
Trung đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu A, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1966
Số bằng: 6P 105bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

742 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN SỪ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 3B 586km Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

743 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: AP 828km Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

744 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN CHUỘNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu A, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1969
Số bằng: AH 916km Quyết định số: 367/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984

745 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NGẦU**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu A, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 4A 841 cm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

746 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1961
Số bằng: 6G 087bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

747 Liệt sĩ: **LÂM VĂN PHÚ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 6P 104bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

748 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1972
Số bằng: BT 916km Quyết định số: 153/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

749 Liệt sĩ: **LÂM VĂN NHỰT**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1972
Số bằng: CQ 161km Quyết định số: 80/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

750 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 6O 480bm Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

751 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN ĐẾ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 3M 730bm Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

752 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁI**

ấp đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1965
Số bằng: AD 668km Quyết định số: 199/CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984

753 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Đội viên vũ trang du kích, Nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1960
Số bằng: VM 451km Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

754 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1961
Số bằng: 6H 090bm Quyết định số: 854/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

755 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 4X 493bm Quyết định số: 256/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1978

756 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẦU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 6R 941bm Quyết định số: 1109/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978

757 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1972
Số bằng: BT 916km Quyết định số: 153/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

758 Liệt sĩ: **TẠ VĂN MÁCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 6O 784bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

759 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỸ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: 7M 521bm Quyết định số: 1493/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1978

760 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỚI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1952
Số bằng: 1GC 820 bp Quyết định số: 722/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

761 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 8 năm 1977
Số bằng: 8N 989 bt Quyết định số: 540/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1979

762 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÌNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1960
Số bằng: VM 862km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

763 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu A, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1962
Số bằng: 8P 143bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

764 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BI**
Ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 3R 996km Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

765 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SIỀU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1972
Số bằng: 3B 587km Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

766 Liệt sĩ: **ĐOÀN MINH TRUNG**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 7Y 123bm Quyết định số: 222/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1979

767 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 12 năm 1947
Số bằng: 1OC 975 bp Quyết định số: 1304/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

768 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÊ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hưng Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3H 347km Quyết định số: 1272/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1978

769 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VẸN**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Trị, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 5R 722bm Quyết định số: 607/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

770 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ CHÂU**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: B 024km Quyết định số: 312/CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1982

771 Liệt sĩ: **HÀ HỮU NHÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 8 năm 1988
Số bằng: CN 692 tt Quyết định số: 220/CTKT ngày 19 tháng 11 năm 1990

772 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KÉO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 3 năm 1954
Số bằng: DH 708 bp Quyết định số: 252/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1993

773 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LÁNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1957
Số bằng: BC 406 Quyết định số: 192/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1986

774 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚNG**
Cán bộ Đảng viên, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1948
Số bằng: SC 964 cp Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

775 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐUÔNG**
Công An xã, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2S 456 cm Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978

776 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐV 362bm Quyết định số: 19/QĐ-TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999

777 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, tiểu đội trưởng, Nguyên quán: xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1965
Số bằng: ĐV 360bm Quyết định số: 19/QĐ-TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999

778 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN XÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Xương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 4R 537 bmQuyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

779 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 11 năm 1982
Số bằng: AH 946 bt Quyết định số: 367/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984

780 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHĨA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1960
Số bằng: 4Y 754bm Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978

781 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HÙNG**
Trưởng phòng, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1964
Số bằng: 3O 672 cm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

782 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SON**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1950
Số bằng: QC 952 kp Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

783 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN ĐẢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1951

Số bằng: AA 984 bp Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

784 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH ĐẠT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 4B 682bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

785 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM KHANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8P 112bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

786 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NƯỚC**
Cán bộ nội tuyến, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: AY 197 cm Quyết định số: 393/CTKT ngày 25 tháng 10 năm 1985

787 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÁNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1948
Số bằng: 1XC 931 bp Quyết định số: 596/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

788 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẢNG**
Tổ trưởng tổ vận tải, Nguyên quán: xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 4R 348 cm Quyết định số: 546/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

789 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XỮNG**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; ngày 1 tháng 11 năm 1965
Số bằng: NM 466km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

790 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN YÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1967
Số bằng: HN 1,002bm Quyết định số: 753/QĐ-TTg ngày 2 tháng 6 năm 2015

791 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ GIỮA**
Ban chấp hành phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1967
Số bằng: UM 267 cm Quyết định số: 651/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1977

792 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 4R 542bm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

793 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU DỊ**
Ban chấp hành nông hội xã, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1952
Số bằng: TC 998 cp Quyết định số: 339/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979

794 Liệt sĩ: **VÕ VĂN RIÊNG**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1959
Số bằng: 4A 556 cm Quyết định số: 563/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1979

795 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN KHUYẾN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 2T 556km Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

796 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DÔNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1948
Số bằng: 2CC 624 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981

797 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN ĐỐ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Bửu, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 8 năm 1952
Số bằng: EI 299 bp Quyết định số: 1198/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2000

798 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NHUNG**
Phó Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2M 942 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978

799 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH CÔNG**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1972
Số bằng: YT 637bm Quyết định số: 448/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

800 Liệt sĩ: **TRẦN MINH KHẢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1968

Số bằng: 6E 974bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

801 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRUNG TRỊ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1974
Số bằng: 3G 271km Quyết định số: 1191/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1978

802 Liệt sĩ: **LÊ VĂN RÔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 6O 827 bt Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

803 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGÀN**
Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Bình Tân, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GD 257 cm Quyết định số: 603/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2003

804 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 6O 384bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

805 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÚNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3B 558km Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

806 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN TÔN**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3P 594 cm Quyết định số: 1335/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

807 Liệt sĩ: **LÝ VĂN HÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7E 207bm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

808 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÂN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 10 năm 1946
Số bằng: PC 838 kp Quyết định số: 1482/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

809 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, chiến sĩ, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1972
Số bằng: 3R 467bm Quyết định số: 1592/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

810 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ SÀNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh

Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 7V 202bm Quyết định số: 145/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1979

811 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHÁI**
Du kích, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 3S 007km Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

812 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÀO**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 3K 272 kt Quyết định số: 1335/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

813 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHANH**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1961
Số bằng: 2S 173 cm Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

814 Liệt sĩ: **VÕ VĂN QUỐC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 4R 586bm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

815 Liệt sĩ: **VÕ TRUNG NAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 6O 791bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

816 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: S 119 bp Quyết định số: 387/CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1983

817 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẦU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1958
Số bằng: X 816bm Quyết định số: 97/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1984

818 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LẮM**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 8X 336 bm Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

819 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUANG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: CQ 163km Quyết định số: 80/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

820 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LANG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 6E 988bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

821 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHỈ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 3Z 130km Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981

822 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1946
Số bằng: ĐE 927 bp Quyết định số: 27/TTg ngày 13 tháng 1 năm 1997

823 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BI**
Phó ban An ninh xã, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 4B 976 cm Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

824 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 3S 885km Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

825 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN ÁI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 6O 290bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

826 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 10 năm 1984
Số bằng: AY 157 bt Quyết định số: 418/CTKT ngày 6 tháng 11 năm 1985

827 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUYÊN**
Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Bến Thủ , tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 3D 013 cm Quyết định số: 906/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978

828 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÔ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1963
Số bằng: 2G 639km Quyết định số: 205/Ttga ngày 3 tháng 3 năm 1978

829 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 3X 724bm Quyết định số: 1779/Ttga ngày 28 tháng 12 năm 1977

830 Liệt sĩ: **NGUYỄN AN VĨNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1985
Số bằng: BX 250 bt Quyết định số: 4/CTKT ngày 11 tháng 1 năm 1989

831 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1962
Số bằng: U 009km Quyết định số: 431/CTKT ngày 30 tháng 11 năm 1983

832 Liệt sĩ: **LÊ THỊ ANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
Số bằng: T 973bm Quyết định số: 431/Ttga ngày 30 tháng 11 năm 1983

833 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TIỆN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1974
Số bằng: 4Y 787bm Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978

834 Liệt sĩ: **KHƯU TÒNG THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Điền, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 5AA 102bm Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981

835 Liệt sĩ: **KHƯU VĂN THÚC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 2H 670 cm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

836 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3AA 828bm Quyết định số: 133/Ttga ngày 15 tháng 4 năm 1981

837 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỪNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1972
Số bằng: 4Z 812bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978

838 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 1K 656bm Quyết định số: 705/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1977

839 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHỮ**
ủy viên quân sự, Nguyên quán: xã Long Trì, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1951
Số bằng: IC 722 kp Quyết định số: 1503/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

840 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2L 970bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

841 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỆ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1964
Số bằng: G 791km Quyết định số: 52/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983

842 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LEO**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1975
Số bằng: DM 615km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

843 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN KHOẠCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 12 năm 1949
Số bằng: DN 899 bp Quyết định số: 687/TTg ngày 17 tháng 11 năm 1994

844 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8P 238bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

845 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÍNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1961
Số bằng: A 620bm Quyết định số: 279/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982

846 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2Y 720 cm Quyết định số: 723/Ttga ngày 5 tháng 7 năm 1978

847 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1947
Số bằng: YC 402 cp Quyết định số: 701/Ttga ngày 8 tháng 10 năm 1979

848 Liệt sĩ: **MAI VĂN BA**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Thạnh Phước, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1960
Số bằng: 2E 445km Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

849 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phước, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1965

Số bằng: 6O 473bm Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

850 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 3K 254km Quyết định số: 1335/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

851 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thủy Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1961
Số bằng: 6O 422bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

852 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NĨ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phước, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 6H 308bm Quyết định số: 856/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

853 Liệt sĩ: **VÕ VĂN VOI**
Y tế xã, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 6N 491 cm Quyết định số: 87/CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1982

854 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÔ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1971
Số bằng: 8P 228bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

855 Liệt sĩ: **HỒNG VĂN CHÍNH**
ủy viên xã đội, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 4 năm 1947
Số bằng: ĐC 476 cp Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

856 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XỆ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ĐĐ 001km Quyết định số: 982/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1996

857 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN DÙA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Đại, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1967
Số bằng: CN 656km Quyết định số: 200/CTKT ngày 19 tháng 11 năm 1990

858 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THỨ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SV 041bm Quyết định số: 529/Ttga ngày 23 tháng 11 năm 1976

859 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH ĐẠT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 3L 157bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

860 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƯA**
Nhân viên Công an, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: CQ 191 cm Quyết định số: 80/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

861 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN ĐỨNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1951
Số bằng: YC 362 bp Quyết định số: 144/Ttga ngày 30 tháng 12 năm 1977

862 Liệt sĩ: **HUỲNH CÔNG KHANH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 6O 743bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

863 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 4B 742bm Quyết định số: 19/Ttga ngày 9 tháng 1 năm 1978

864 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 1X 616bm Quyết định số: 971/Ttga ngày 5 tháng 9 năm 1977

865 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1985
Số bằng: BC 415 bt Quyết định số: 192/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1986

866 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1972
Số bằng: 8P 986bm Quyết định số: 546/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

867 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN QUÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 3L 187bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

868 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RỰC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 6P 113bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

869 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỰC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SV 025bm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

870 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN ÚT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 1X 574bm Quyết định số: 917/Ttga ngày 5 tháng 9 năm 1977

871 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN TRƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1975
Số bằng: YT 666bm Quyết định số: 488/Ttga ngày 1 tháng 6 năm 1977

872 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ƠI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1971
Số bằng: SV 037bm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

873 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 1X 581bm Quyết định số: 971/TTga ngày 5 tháng 9 năm 1977

874 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUEN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 1S 362bm Quyết định số: 912/Ttga ngày 22 tháng 8 năm 1977

875 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CHỊU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1963
Số bằng:bm 735km Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

876 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN CỌT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1967
Số bằng: YT 638bm Quyết định số: 488/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

877 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 1S 431bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

878 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HẾT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 8P 165bm Quyết định số: 555/Ttga ngày 30 tháng 7 năm 1979

879 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHỮ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1973
Số bằng: 1Y 049bm Quyết định số: 982/Ttga ngày 9 tháng 9 năm 1977

880 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LUẬN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1964
Số bằng:bm 712km Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

881 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SẠ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1953
Số bằng:bm 718 kp Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

882 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾU**
Thư kí xã đội, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1966
Số bằng:bm 734km Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

883 Liệt sĩ: **VÕ VĂN RÀO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 6O 499bm Quyết định số: 986/Ttga ngày 4 tháng 9 năm 1978

884 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUÔI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 2 năm 1948
Số bằng: CQ 814 kp Quyết định số: 86/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

885 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRONG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 8P 138bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

886 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HÒN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1971
Số bằng:bm 707km Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

887 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN GIÒ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1971
Số bằng: 2X 553bm Quyết định số: 1455/Ttga ngày 9 tháng 11 năm 1977

888 Liệt sĩ: **VÕ VĂN DẶN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1947
Số bằng: 1XC 634 bp Quyết định số: 540/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1979

889 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỰC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1968
Số bằng: DK 991bm Quyết định số: 553/TTg ngày 11 tháng 11 năm 1993

890 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÍ**
Chủ tịch ủy ban kháng chiến, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1951
Số bằng: CC 196 cp Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

891 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 5R 579bm Quyết định số: 596/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

892 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN CẠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1974
Số bằng: 9Y 290bm Quyết định số: 730/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

893 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIA**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 6O 732bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

894 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN CU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8R 870bm Quyết định số: 593/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1979

895 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN DÍ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 8P 214bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

896 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NHỎ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1971
Số bằng: 4Y 736bm Quyết định số: 3308/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1978

897 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SƯƠNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1970
Số bằng:bm 724km Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

898 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG HOÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1972

Số bằng: 1Y 022bm Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

899 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÌNH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 5R 705bm Quyết định số: 607/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

900 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỦ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1967
Số bằng: SV 024bm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

901 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LẢN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: 1IC 676 bp Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

902 Liệt sĩ: **MAI VĂN XỨ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 1X 618bm Quyết định số: 971/TTga ngày 5 tháng 9 năm 1977

903 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC RIÊNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1973
Số bằng: SV 031bm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

904 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MIÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1962
Số bằng: 6O 448bm Quyết định số: 1042/Ttga ngày 11 tháng 9 năm 1978

905 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 4B 768bm Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

906 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 6S 029bm Quyết định số: 1098/Ttga ngày 27 tháng 9 năm 1978

907 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊU**
Cán bộ ủy viên, Nguyên quán: xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 8 năm 1949
Số bằng: ĐA 137 cp Quyết định số: 459/Ttga ngày 9 tháng 7 năm 1996

908 Liệt sĩ: **LẠI VĂN MAI**
Phó Bí thư đoàn xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1965
Số bằng: CQ 891 cm Quyết định số: 86/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

909 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN NHÀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 8Đ 652bm Quyết định số: 320/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1979

910 Liệt sĩ: **LÊ THÁI HÒA**
Thư kí đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1951
Số bằng: KC 676 cp Quyết định số: 1590/Ttga ngày 25 tháng 11 năm 1977

911 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TƯNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 3O 933km Quyết định số: 343/Ttga ngày 16 tháng 5 năm 1979

912 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHÚ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 1R 866bm Quyết định số: 893/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977

913 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHỨU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 1S 394bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

914 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 8P 231bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

915 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NĂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8P 264 bt Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

916 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SÔNG**
Chi ủy viên, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1941
Số bằng: AD 643 cp Quyết định số: 199/CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984

917 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: 6O 711bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

918 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỪ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 11 năm 1951
Số bằng: T 952 kp Quyết định số: 431/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1983

919 Liệt sĩ: **LÊ TẤN KHOA**
Kĩ sư nông nghiệp, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1968
Số bằng: NM 907 cm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

920 Liệt sĩ: **HUỲNH LƯU BÚT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 5Y 338bm Quyết định số: 742/Ttga ngày 12 tháng 7 năm 1978

921 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỪNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 1T 394bm Quyết định số: 925/Ttga ngày 24 tháng 8 năm 1977

922 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ BÉ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1971
Số bằng: SV 018bm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

923 Liệt sĩ: **THI VĂN ĐẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 4B 716bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

924 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BÉ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 4Y 516bm Quyết định số: 332/Ttga ngày 29 tháng 3 năm 1978

925 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TÌNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 7Q 279bm Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

926 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
Số bằng: CG 151bm Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989

927 Liệt sĩ: **BIỆN VĂN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 6E 844bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

928 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ HỎI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3Y 824bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

929 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BẢM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 2 năm 1954
Số bằng: 1GC 015 bp Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

930 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẢNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969
Số bằng: HM 666km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

931 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐỦ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 2T 826bm Quyết định số: 1338/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

932 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRƠN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
Số bằng: HM 677km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

933 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XUÂN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
Số bằng: LM 345km Quyết định số: 597/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

934 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRỪ**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
Số bằng: OM 700km Quyết định số: 731/Ttga ngày 13 tháng 7 năm 1977

935 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 7Q 216bm Quyết định số: 111/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979

936 Liệt sĩ: **PHAN VĂN OANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: 6G 037bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

937 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CĂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2H 710bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

938 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1952
Số bằng: 2BC 562 bp Quyết định số: 282/Ttga ngày 18 tháng 4 năm 1980

939 Liệt sĩ: **BIỆN VĂN XÊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1954
Số bằng: 1UC 025bm Quyết định số: 347/Ttga ngày 18 tháng 5 năm 1979

940 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1971
Số bằng: 3G 066bm Quyết định số: 1503/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

941 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÃ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 3Y 801bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

942 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỰC**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1971
Số bằng: SM 878 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

943 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỬU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8K 065bm Quyết định số: 423/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

944 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BỘ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: 5Y 343bm Quyết định số: 742/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978

945 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 3G 137bm Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

946 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CỢT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 7 năm 1951
Số bằng: 1GC 018 bp Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

947 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1974

Số bằng: 7U 899bm Quyết định số: 154/Ttga ngày 23 tháng 2 năm 1979

948 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HANH**
Trưởng Công An xã, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1968
Số bằng: QM 693 cm Quyết định số: 488/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

949 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỰC**
Y tá, cán bộ an ninh xã, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1971
Số bằng: 1Đ 478 cm Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

950 Liệt sĩ: **HỨA VĂN NHÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 4Đ 921bm Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

951 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN HỎI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 7 năm 1949
Số bằng: YC 660 bp Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

952 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN TÉM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1951
Số bằng: 1GC 041 bp Quyết định số: 633/Ttga ngày 14 tháng 6 năm 1978

953 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÔ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1954
Số bằng: 1XC 945bm Quyết định số: 596/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

954 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ỒN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 6 năm 1952
Số bằng: EC 133 kp Quyết định số: 488/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

955 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN PHÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 8 năm 1951
Số bằng: 1LC 784 bp Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

956 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 2 năm 1984
Số bằng: AY 123 bt Quyết định số: 418/CTKT ngày 6 tháng 11 năm 1985

957 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KỈNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1961
Số bằng: HM 618km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

958 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN HÀO**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1969
Số bằng: HM 611km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

959 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÙM**
Trung đội trưởng dân quân, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1951
Số bằng: EC 236 kp Quyết định số: 527/Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1977

960 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 4Y 533bm Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

961 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ LÓNG**
Binh nhất, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 1X 280bm Quyết định số: 983/Ttga ngày 9 tháng 9 năm 1977

962 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GÌN**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 4A 852 cm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

963 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẸO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: YM 615km Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

964 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1960
Số bằng: 3AA 882bm Quyết định số: 133/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981

965 Liệt sĩ: **HÀ THỊ XUYẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 1B 344bm Quyết định số: 575/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1977

966 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỎ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1974
Số bằng: 3M 799bm Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

967 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẮNG**

Đội trưởng Ban bảo vệ Ban tuyên huấn, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1972
Số bằng: TM 002 cm Quyết định số: 571/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1977

968 Liệt sĩ: **HỒ VĂN CƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 5R 448bm Quyết định số: 596/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

969 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THÂU**
Liên lạc xã, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 10 năm 1950
Số bằng: CC 211 cp Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

970 Liệt sĩ: **HỒ VĂN LẺ**
Nhân viên an ninh, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3O 872 cm Quyết định số: 1362/Ttga ngày 22 tháng 11 năm 1978

971 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÀNG**
Trưởng ban kinh tài, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1967
Số bằng: QM 735 cm Quyết định số: 488/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

972 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯỚC**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 6O 477bm Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

973 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NHẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 3Y 877bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

974 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN MINH**
Cán bộ ban tuyên huấn, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: SM 923 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

975 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐOẠN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1971
Số bằng: HM 598km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

976 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LƯỢNG**
Phó ban tuyên văn giáo, Nguyên quán: xã Thạnh Lợi, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 2M 788 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

977 Liệt sĩ: **HỒ MINH TRIẾT**
Y tế xã, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 1P 670 cm Quyết định số: 1391/Ttga ngày 2 tháng 11 năm 1977

978 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SEN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3L 202bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

979 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 5R 614bm Quyết định số: 607/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

980 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỒN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1965
Số bằng: CQ 842km Quyết định số: 86/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

981 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KÌA**
Trưởng ban binh vận, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1963
Số bằng: 3D 016 cm Quyết định số: 906/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978

982 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 1S 314bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

983 Liệt sĩ: **MAI VĂN KHƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 1S 395bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

984 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ QUAN**
Nhân viên liên lạc, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: AS 760 cp Quyết định số: 283/CTKT ngày 22 tháng 7 năm 1985

985 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN NHƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 7 năm 1950
Số bằng: 4B 764 bp Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

986 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN MỘT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 4Y 663bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

987 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN THU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 3M 768bm Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

988 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỰNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1972
Số bằng: P 303 cm Quyết định số: 316/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983

989 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 3L 522km Quyết định số: 22/Ttga ngày 3 tháng 1 năm 1979

990 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN ĐỒNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1967
Số bằng: LM 257km Quyết định số: 597/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

991 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN PHÁT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1964
Số bằng: HM 690km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

992 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÚT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1973
Số bằng: RM 923km Quyết định số: 919/Ttga ngày 22 tháng 8 năm 1977

993 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Dân quân hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: UM 298 cm Quyết định số: 651/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1977

994 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 6O 909bm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

995 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: 3AA 835bm Quyết định số: 133/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981

996 Liệt sĩ: **ĐOÀN CÔNG RU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1967

Số bằng: 8Đ 696bm Quyết định số: 320/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1979

997 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ĐÀM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UM 317 cm Quyết định số: 651/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1977

998 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHEN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1954
Số bằng: 1XC 023bm Quyết định số: 423/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

999 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỰC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 9K 945bm Quyết định số: 93/Ttga ngày 30 tháng 1 năm 1980

1000 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LUYỆN**
Chiến sĩ bảo vệ, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 3H 646 cm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1001 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1969
Số bằng: NM 486km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

1002 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 9Y 257bm Quyết định số: 730/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

1003 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỒN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2H 778bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

1004 Liệt sĩ: **ĐINH LA PHỌT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8S 014 bt Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

1005 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1973
Số bằng: BO 450 cm Quyết định số: 196/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

1006 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẦN**
ủy viên thanh niên xã Tân Phú, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy

sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1947
Số bằng: ZC 079 cp Quyết định số: 179/Ttga ngày 10 tháng 3 năm 1980

1007 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÊ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 9N 625bm Quyết định số: 247/Ttga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1008 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1973
Số bằng: NM 399km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

1009 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CỦA**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1966
Số bằng: OM 630km Quyết định số: 731/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

1010 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 1Đ 909bm Quyết định số: 951/Ttga ngày 28 tháng 6 năm 1977

1011 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1974
Số bằng: OM 928km Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

1012 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỰC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1974
Số bằng: NM 412km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

1013 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HỘT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1971
Số bằng: OM 659bm Quyết định số: 731/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

1014 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỰC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970
Số bằng: DK 176km Quyết định số: 452/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1993

1015 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRÓT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 2X 542bm Quyết định số: 1455/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977

1016 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÓT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1974
Số bằng: NM 470km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

1017 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÝ**
ủy viên ban binh vận, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 3H 664 cm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

1018 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUNG**
Chủ tịch Mặt trận Việt Minh, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1946
Số bằng: UC 946 cp Quyết định số: 548/Ttga ngày 27 tháng 7 năm 1979

1019 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2H 712bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

1020 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XỰ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1963
Số bằng: 3S 345km Quyết định số: 663/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1979

1021 Liệt sĩ: **LẠI VĂN MƯỚT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8Đ 641bm Quyết định số: 320/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1979

1022 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢN**
Dân công, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 1Đ 305 cm Quyết định số: 921/Ttga ngày 24 tháng 8 năm 1977

1023 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀM**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1949
Số bằng: SC 694 kp Quyết định số: 116/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982

1024 Liệt sĩ: **MAI VĂN XƯỢC**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1949
Số bằng: T 958 kp Quyết định số: 431/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1983

1025 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 5L 567bm Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

1026 Liệt sĩ: **LÊ THỊ ĐỤC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 1 năm 1953
Số bằng: 2BC 306 bp Quyết định số: 1479/Ttga ngày 10 tháng 3 năm 1980

1027 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỰ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 5R 873bm Quyết định số: 632/Ttga ngày 14 tháng 6 năm 1978

1028 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÁN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 7 năm 1947
Số bằng: K 292 kp Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983

1029 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÓT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 1B 282bm Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

1030 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẦU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1973
Số bằng: 2T 569km Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

1031 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN SANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1Y 038bm Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

1032 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1965
Số bằng: NM 437km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

1033 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỰC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1968
Số bằng: 6H 076bm Quyết định số: 854/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

1034 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỚI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 5L 596bm Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

1035 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN SÀY**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1947
Số bằng: HC 380 kp Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

1036 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN CHỌN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1963
Số bằng: 8Q 361bm Quyết định số: 563/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1979

1037 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RẢNG**
Cán bộ công đoàn huyện, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1947
Số bằng: 1AC 485 cp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981

1038 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ VÀNG**
ủy viên Ban Chấp hành phụ nữ, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AB 062 cm Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

1039 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: AB 034km Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

1040 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ÚT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8K 721bm Quyết định số: 463/Ttga ngày 20 tháng 6 năm 1979

1041 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**
Cán bộ thông tin huyện, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 12 năm 1950
Số bằng: SC 949 cp Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

1042 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ẤN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2Đ 016km Quyết định số: 1794/Ttga ngày 30 tháng 12 năm 1977

1043 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BIỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1958
Số bằng: 2M 075bm Quyết định số: 1219/Ttga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1044 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGĂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1952
Số bằng: 1P 183 bp Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

1045 Liệt sĩ: **HÀ VĂN SĨ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1967

Số bằng: 1P 166bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

1046 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN LÙ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1966
Số bằng: 1P 152bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

1047 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KÉN**
Thiếu úy, Nguyên quán: xã Phú Hòa, huyện Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 9 năm 1949
Số bằng: A 602 cp Quyết định số: 279/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982

1048 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DĂN**
Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 1T 140 cm Quyết định số: 1454/Ttga ngày 9 tháng 11 năm 1977

1049 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠT**
Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 2M 873 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

1050 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1954
Số bằng: 1TC 961 bp Quyết định số: 343/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979

1051 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 3 năm 1978
Số bằng: 9N 616 bt Quyết định số: 247/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1052 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 9Q 171bm Quyết định số: 446/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1980

1053 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TAO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: 1TC 994 bp Quyết định số: 343/TTga ngày 16 tháng 2 năm 1979

1054 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỰC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1965
Số bằng: 2L 918bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1055 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TIỆM**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946
Số bằng: RC 596 kp Quyết định số: 93/TTga ngày 30 tháng 1 năm 1980

1056 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LỘC**
Phó bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1973
Số bằng: 3H 648 cm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1057 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẦM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1969
Số bằng: YT 221bm Quyết định số: 476/Ttga ngày 27 tháng 5 năm 1977

1058 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SẢO**
Cán bộ binh vận huyện, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 9 năm 1951
Số bằng: GC 442 cp Quyết định số: 1794/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977

1059 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 8Đ 631bm Quyết định số: 320/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1979

1060 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHẤN**
Nhân viên giao liên xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1947
Số bằng: BT 868 pp Quyết định số: 153/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

1061 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHẤM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 4Đ 221bm Quyết định số: 39/Ttga ngày 11 tháng 1 năm 1978

1062 Liệt sĩ: **PHẠM HOÀNG PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 7 năm 1988
Số bằng: CG 167 bt Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989

1063 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÀ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1962
Số bằng: 1T 271km Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

1064 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHUẨN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Hậu Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 1T 803km Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

1065 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢO**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 1N 356km Quyết định số: 1355/Ttga ngày 28 tháng 10 năm 1977

1066 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÒN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 1S 446bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

1067 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGỌC**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1953
Số bằng: NC 049 kp Quyết định số: 723/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

1068 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SỞ**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1965
Số bằng: 4I 625 cm Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1069 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỚM**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2E 105km Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

1070 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÍT**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2E 168km Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

1071 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỘNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 4B 848bm Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

1072 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỮU**
Cán bộ nông dân xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 2 năm 1952
Số bằng: KC 849 cp Quyết định số: 1592/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

1073 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2M 322bm Quyết định số: 1223/Ttga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1074 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN LIỄU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 2M 113bm Quyết định số: 1220/Ttga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1075 Liệt sĩ: **ĐOÀN TẤN MỚI**
Nhân viên thư kí văn phòng, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1963
Số bằng: 4A 116 cm Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

1076 Liệt sĩ: **ĐINH TẤN HÙNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 1L 170km Quyết định số: 1239/Ttga ngày 17 tháng 10 năm 1977

1077 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỬU**
Thư kí Ban chấp hành nông dân cứu quốc, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: AA 997 cp Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

1078 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHO**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 1K 809km Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

1079 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN NGUYÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1967
Số bằng: YL 238bm Quyết định số: 400/Ttga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1080 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN QUÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 8S 018bm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

1081 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1961
Số bằng: 4Đ 215bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

1082 Liệt sĩ: **HỒ VĂN BA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: YT 192bm Quyết định số: 476/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1977

1083 Liệt sĩ: **ĐOÀN THỊ TÌNH**
Y tá ấp, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 1N 800 cm Quyết định số: 4/Ttga ngày 2 tháng 1 năm 1978

1084 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1953
Số bằng: TC 130 bp Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

1085 Liệt sĩ: **PHAN MINH ĐỨC**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1953
Số bằng: GC 982 kp Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

1086 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 10 năm 1948
Số bằng: 1XC 733 bp Quyết định số: 546/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

1087 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 11 năm 1949
Số bằng: RC 337 bp Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1088 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1968
Số bằng: 2M 348bm Quyết định số: 1223/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1089 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHIÊM**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 1N 353km Quyết định số: 1335/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

1090 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẢM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 2N 549bm Quyết định số: 1238/Ttga ngày 17 tháng 10 năm 1977

1091 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AQ 890bm Quyết định số: 208/CTKT ngày 25 tháng 5 năm 1985

1092 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XIỂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 3P 384bm Quyết định số: 1590/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

1093 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NHỰT**
Ban tuyên huấn, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1968
Số bằng: QM 375 cm Quyết định số: 487/Ttga ngày 1 tháng 6 năm 1977

1094 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN XUM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1966

Số bằng: 2L 842km Quyết định số: 336/Ttga ngày 31 tháng 3 năm 1978

1095 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: YL 237bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1096 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG MINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1974
Số bằng: 2T 748km Quyết định số: 618/Ttga ngày 12 tháng 6 năm 1978

1097 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỘT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 2H 707bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

1098 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHỨT**
Nhân viên tiếp tế lương thực, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: AP 799 cp Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

1099 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÈ**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Hiệp, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3V 449km Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1100 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƠ**
Nhân dân, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1960
Số bằng: 1O 972 cm Quyết định số: 1335/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

1101 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1950
Số bằng: 1PC 761 bp Quyết định số: 1335/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

1102 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐÓ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1962
Số bằng: 2Đ 301bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

1103 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁNH**
Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 1 năm 1946
Số bằng: UC 141 cp Quyết định số: 347/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

1104 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỎ**
Đội viên tự vệ chiến đấu quân, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã

hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 11 năm 1947
Số bằng: SC 309 kp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1970

1105 Liệt sĩ: **BÙI THỊ MUA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 2M 484bm Quyết định số: 1218/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1106 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HOÀNH**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1962
Số bằng: 2K 300km Quyết định số: 171/Ttga ngày 27 tháng 2 năm 1978

1107 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN MỘT**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1961
Số bằng: 3B 522km Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

1108 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGÔN**
Cán bộ nông dân xã, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 6 năm 1947
Số bằng: GC 697 cp Quyết định số: 20/Ttga ngày 9 tháng 1 năm 1978

1109 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hương, huyện Bến Tranh, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 1 năm 1951
Số bằng: UC 927 bp Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

1110 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TỰU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 1 năm 1974
Số bằng: 3E 167bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

1111 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 1X 306bm Quyết định số: 983/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

1112 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÔI**
Báo vụ bậc 3, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 4A 851 cm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

1113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2N 509bm Quyết định số: 1238/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977

1114 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ PHỤNG**

Hội phó phụ nữ , Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: MC 617 cp Quyết định số: 345/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978

1115 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƠN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 3 năm 1950
Số bằng: 2DC 231 bp Quyết định số: 116/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982

1116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1953
Số bằng: SC 069 cp Quyết định số: 1334/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

1117 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 9Q 192 bt Quyết định số: 446/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1980

1118 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN MẸO**
Trưởng ban bố phòng xã, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1949
Số bằng: KC 247 cp Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

1119 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DƯ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 10 năm 1947
Số bằng: IC 174 kp Quyết định số: 1338/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

1120 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1949
Số bằng: LC 520 kp Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

1121 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÂM**
Cán bộ Đảng viên, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 11 năm 1941
Số bằng: 1AC 488 cp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981

1122 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thạnh Lộc, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1960
Số bằng: 2Z 229km Quyết định số: 890/Ttga ngày 11 tháng 8 năm 1978

1123 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NGUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, thị xã Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1950

Số bằng: UC 030 bp Quyết định số: 1590/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

1124 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 1K 798km Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

1125 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG NGHĨA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1962
Số bằng: 5AA 082bm Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981

1126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỐT**
Cán bộ nghiên cứu, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2M 924 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978

1127 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THUNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1948
Số bằng: GC 081 cp Quyết định số: 1737/Ttga ngày 19 tháng 12 năm 1977

1128 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1947
Số bằng: 1TC 955 bp Quyết định số: 343/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979

1129 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐỊNH**
Chủ nhiệm thôn bộ Việt minh, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1947
Số bằng: IC 500 cp Quyết định số: 1305/Ttga ngày 24 tháng 10 năm 1977

1130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾN**
Cán bộ Công an, Nguyên quán: xã Bình Đức, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1950
Số bằng: YC 006 cp Quyết định số: 546/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

1131 Liệt sĩ: **HỒ VĂN QUYỀN**
Ban chấp hành thanh niên xã, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, thị xã Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 6 năm 1947
Số bằng: GC 087 cp Quyết định số: 1737/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

1132 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TAO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 6S 040bm Quyết định số: 1098/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978

1133 Liệt sĩ: **VÕ VĂN GÒ**
Nhân viên tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1967

Số bằng: 3D 007 cm Quyết định số: 906/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978

1134 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 5A 564bm Quyết định số: 354/Ttga ngày 7 tháng 4 năm 1978

1135 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÙNG**
Cán bộ kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1968
Số bằng: XM 733 cm Quyết định số: 745/Ttga ngày 18 tháng 7 năm 1977

1136 Liệt sĩ: **LÊ HOÀNG TUẤN**
Cán bộ binh vận huyện, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1965
Số bằng: XM 750 cm Quyết định số: 745/Ttga ngày 18 tháng 7 năm 1977

1137 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÉ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1B 274bm Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

1138 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 2M 481bm Quyết định số: 1218/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1139 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỪNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 1X 281bm Quyết định số: 983/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

1140 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN TÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1961
Số bằng: VM 162km Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

1141 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN BÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: BT 977bm Quyết định số: 153/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

1142 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỰNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1965
Số bằng: 2T 754km Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978

1143 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 2H 723bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

1144 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1969
Số bằng: 6H 251bm Quyết định số: 868/Ttga ngày 7 tháng 8 năm 1978

1145 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỆN**
Trung đội trưởng dân quân, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 2L 797km Quyết định số: 336/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

1146 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MÂY**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 1B 317bm Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

1147 Liệt sĩ: **ĐOÀN HOÀNG DŨNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1974
Số bằng: 1X 271bm Quyết định số: 983/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

1148 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HAI**
Huyện ủy viên phụ trách xã, Nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 6 năm 1947
Số bằng: EC 376 cp Quyết định số: 1005/Ttga ngày 12 tháng 9 năm 1977

1149 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TẬP**
Cán bộ xã , Nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1967
Số bằng: QM 061 cm Quyết định số: 487/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

1150 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LỮ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1964
Số bằng:km 890km Quyết định số: 534/Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1977

1151 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN BÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CQ 132bm Quyết định số: 80/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

1152 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1969
Số bằng: CR 356bm Quyết định số: 77/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

1153 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÁT**

Cán bộ Nông hội huyện, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 1Đ 470 cm Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

1154 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TƠM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 3G 141bm Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

1155 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỮU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1969
Số bằng: PM 040km Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

1156 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÁNH**
Tổ trưởng tổ vũ khí, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 3Z 113km Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981

1157 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRUNG TRỊ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1974
Số bằng: 3G 271km Quyết định số: 1191/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1978

1158 Liệt sĩ: **LÊ VĂN RÔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 6O 827 bt Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

1159 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGÀN**
Cơ sở mật , Nguyên quán: xã Bình Tân, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GD 257 cm Quyết định số: 603/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2003

1160 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 6O 384bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1161 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÚNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3B 558km Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

1162 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN TÔN**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3P 594 cm Quyết định số: 1335/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

1163 Liệt sĩ: **LÝ VĂN HÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7E 207bm Quyết định số: 1309/Ttga ngày 20 tháng 11 năm 1978

1164 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÔI**
Trưởng Ban Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 02 năm 1953
Số bằng: MC 587 cp Quyết định số: 336/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

1165 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN ĐẠT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Phú Long, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 6O 677 bt Quyết định số: 985/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1978

1166 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÒA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1961
Số bằng: 2P 865bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

1167 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÙI**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 3D 644 cm Quyết định số: 890/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1978

1168 Liệt sĩ: **LÊ TẤN HUỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1974
Số bằng: DE 237bm Quyết định số: 215/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1992

1169 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƠM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1955
Số bằng: LM 419km Quyết định số: 571/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

1170 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KỴ**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hưng Hòa, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
Số bằng: 7B 175bm Quyết định số: 282/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980

1171 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 8T 835bm Quyết định số: 665/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1979

1172 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHIÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969

Số bằng: VM 851km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

1173 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KÊU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: VM 140km Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

1174 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÀU**
Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2M 724 cm Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

1175 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RÔ**
Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Nhựt Chánh, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3H 620 cm Quyết định số: 986/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 5L 576bm Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

1177 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 3Y 847bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

1178 Liệt sĩ: **PHAN VĂN SIÊNG**
Thợng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1960
Số bằng: 6G 068bm Quyết định số: 855/TTga ngày 07 tháng 8 năm 1978

1179 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN HIẾT**
Ấp đội phó, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969
Số bằng: DM 649km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

III. TỈNH BẮC NINH

1 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 2 năm 1947
Số bằng: GM 107 bp Quyết định số: 899/TTg ngày 16 tháng 8 năm 2004

2 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC VỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1954
Số bằng: GM 076 bp Quyết định số: 899/TTg ngày 16 tháng 8 năm 2004

3 Liệt sĩ: **DƯƠNG GIA NGÔ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 1 năm 1950
Số bằng: XC 897 kp Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

4 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỤ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XY 739 kp Quyết định số: 092/TTg ngày 1 tháng 2 năm 1958

5 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SỬU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 8 năm 1950
Số bằng: XB 394 kp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958

6 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HT 724 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 12 tháng 3 năm 1974

7 Liệt sĩ: **LÊ VĂN AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1972
Số bằng: PI 481 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

8 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TỚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9D 352 bm Quyết định số: 876/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

9 Liệt sĩ: **NGÔ MINH THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1971
Số bằng: QB 684 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

10 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUỲNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh

Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1970
Số bằng: HG 431 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

11 Liệt sĩ: **NGÔ ĐẮC PHÙNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1970
Số bằng: BH 575 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

12 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TỈNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1977
Số bằng: 6V 411 bm Quyết định số: 1230/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

13 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC TỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1953
Số bằng: XU 389 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

14 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1971
Số bằng: VA 172 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

15 Liệt sĩ: **LƯU QUANG TƯ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1973
Số bằng: UY 398 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

16 Liệt sĩ: **LƯU QUANG BỐN**
Trưởng ban Kinh tế, Nguyên quán: xã Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 5 năm 1951
Số bằng: DH 998 cp Quyết định số: 255/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1993

17 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1951
Số bằng: NX 110 bp Quyết định số: 327/TTg ngày 19 tháng 12 năm 1962

18 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1969
Số bằng: AL 560 bm Quyết định số: 99/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1971

19 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾN**
Nhân viên ty bưu điện BN, Nguyên quán: xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: XY 059 cp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957

20 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN QUẾ**

Công nhân Quốc phòng, Nguyên quán: xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1948
Số bằng: NX 741 Quyết định số: 94/TTg ngày 18 tháng 5 năm 1963

21 Liệt sĩ: **TRẦN VIẾT ĐÍCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1949
Số bằng: XB 411 kp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958

22 Liệt sĩ: **PHẠM AN NINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn, tỉnh Nghệ Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RO 695 bm Quyết định số: 294/TTg ngày 3 tháng 7 năm 1976

23 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐANG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 1 năm 1947
Số bằng: XM 897 kp Quyết định số: 327/TTg ngày 19 tháng 12 năm 1962

24 Liệt sĩ: **HÀ VĂN SÍU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1968
Số bằng: EN 928 bm Quyết định số: 168/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1973

25 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUYẾT**
Bí thư xã, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1949
Số bằng: GK 563 cp Quyết định số: 347/TTg ngày 7 tháng 4 năm 2004

26 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN AN**
Giao thông viên, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1967
Số bằng: AM 542 cm Quyết định số: 69/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1968

27 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RƯỢU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1952
Số bằng: AC 002 kp Quyết định số: 60/TTg ngày 7 tháng 4 năm 1966

28 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1950
Số bằng: OC 004 bp Quyết định số: 200/TTg ngày 29 tháng 3 năm 1977

29 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: OC 006 bp Quyết định số: 200/TTg ngày 29 tháng 3 năm 1977

30 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ĐIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 1 năm 1951
Số bằng: NX 140 bp Quyết định số: 327/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1962

31 Liệt sĩ: **LÊ HỮU DƯỢC**
Cơ sở nuôi giấu cán bộ, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1949
Số bằng: DX 486 cp Quyết định số: 841/TTg ngày 21 tháng 12 năm 1995

32 Liệt sĩ: **TRẦN DANH VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: SY 812 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

33 Liệt sĩ: **TRẦN DANH HIẾU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1954
Số bằng: LX 617 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

34 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 3H 995 bm Quyết định số: 156/TTg ngày 22 tháng 2 năm 1978

35 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỤNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1971
Số bằng: HL 096 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

36 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MƯU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HG 421 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

37 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGHI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1970
Số bằng: HD 960 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

38 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1948
Số bằng: LX 623 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

39 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1967
Số bằng: SQ 755 bm Quyết định số: 547/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

40 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC CHÉN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lãng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐH 661 bm Quyết định số: 471/TTg ngày 11 tháng 11 năm 1972

41 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KO 324 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1974

42 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NGỪNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1974
Số bằng: PĐ 134 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

43 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CƯ**
Phó chủ tịch Uỷ Ban xã, Nguyên quán: xã Việt Thống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 4 năm 1953
Số bằng: XA 1,584 cp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

44 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 6V 378 bt Quyết định số: 1203/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

45 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LO 652 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1974

46 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHẦN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XA 381 kp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

47 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC KHUÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: GS 737 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

48 Liệt sĩ: **PHẠM THÀNH TRIỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SY 355 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

49 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC ĐẢNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1953

Số bằng: XA 379 kp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

50 Liệt sĩ: **ĐÀO THỊ NHUẦN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1952
Số bằng: DR 448 kp Quyết định số: 268/TTga ngày 3 tháng 5 năm 1995

51 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN SINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OG 389 bm Quyết định số: 564/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

52 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 9 năm 1951
Số bằng: XR 578 bp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

53 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN YÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SQ 931 bm Quyết định số: 524/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

54 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1971
Số bằng: GS 734 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

55 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GT 887 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

56 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG TÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1969
Số bằng: AB 873 bm Quyết định số: 60/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

57 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN NHUNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1973
Số bằng: VA 482 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

58 Liệt sĩ: **NGUYỄN SĨ BẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 6 năm 1949
Số bằng: HG 103 bp Quyết định số: 1666/TTga ngày 19 tháng 12 năm 2006

59 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾU**
Chấp hành nông hội xã, Nguyên quán: xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1951
Số bằng: YZ 111 cp Quyết định số: 126/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1957

60 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ĐT 501 bp Quyết định số: 854/TTg ngày 22 tháng 9 năm 1998

61 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1968
Số bằng: AU 042 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

62 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỴ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BM 592 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968

63 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SỰ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1971
Số bằng: HG 443 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

64 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN MIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: XU 735 bp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

65 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY VŨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: Tm 818 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

66 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC SÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SY 862 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

67 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1969
Số bằng: RL 785 bm Quyết định số: 314/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

68 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC ĐẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1981
Số bằng: 6AA 147 bm Quyết định số: 302//TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981

69 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC ƯA**

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 2 năm 1950
Số bằng: Y 087 cp Quyết định số: 37/CTKT ngày 15 tháng 2 năm 1984

70 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1971
Số bằng: UQ 469 bm Quyết định số: 229/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

71 Liệt sĩ: **ĐỖ DANH TẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MA 360 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1970

72 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1967
Số bằng: AB 567 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1971

73 Liệt sĩ: **TRẦN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1968
Số bằng: KO 249 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1974

74 Liệt sĩ: **VŨ DUY TRÃI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MA 367 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1970

75 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TỌA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1967
Số bằng: DM 850 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1968

76 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỐI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XR 056 bp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

77 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỰNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: Rb 667 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

78 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XOA**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1973
Số bằng: VD 263 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

79 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN DUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EN 778 bm Quyết định số: 166/TTg ngày 28 tháng 4 năm 1973

80 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG THAO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1948
Số bằng: XM 691 bp Quyết định số: 98/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1959

81 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHỤNG**
Công dân, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 12 năm 1950
Số bằng: XB 550 cp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

82 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC VÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971
Số bằng: SY 834 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

83 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG HỐT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1971
Số bằng: UL 999 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

84 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG BẠP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1973
Số bằng: NG 549 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1974

85 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG PHIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XR 189 bp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

86 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG YÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 2 năm 1951
Số bằng: XH 167 kp Quyết định số: 74/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960

87 Liệt sĩ: **ĐỖ BÁ BƯỞNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trừng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 2 năm 1951
Số bằng: XG 269 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

88 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trừng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AB 718 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

89 Liệt sĩ: **PHẠM HUY TỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UY 299 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

90 Liệt sĩ: **ĐẶNG THẾ ĐƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐG 135 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

91 Liệt sĩ: **PHẠM HUY THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1969
Số bằng: ĐH 692 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1972

92 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MẶC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1968
Số bằng: RL 802 bm Quyết định số: 314/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

93 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1973
Số bằng: SR 381 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

94 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ĐG 388 bm Quyết định số: 405/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

95 Liệt sĩ: **ĐẶNG THẾ NHƯỢNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
Số bằng: SY 770 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

96 Liệt sĩ: **PHẠM HUY CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1970
Số bằng: HL 013 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

97 Liệt sĩ: **PHẠM HUY ĐẢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968
Số bằng: SY 059 bm Quyết định số: 524/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1976

98 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN BÀO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1972

Số bằng: GT 622 bm Quyết định số: 428/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

99 Liệt sĩ: **CAO BÁ TÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: OC 037 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

100 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH TRINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1974
Số bằng: VB 331 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

101 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN XE**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1972
Số bằng: QI 300 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 20 tháng 12 năm 1975

102 Liệt sĩ: **CAO SỸ DẠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HG 154 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

103 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TRỌNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1971
Số bằng: TD 050 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

104 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RL 995 bm Quyết định số: 313/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

105 Liệt sĩ: **VŨ HỮU THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1969
Số bằng: PY 446 bm Quyết định số: 422/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

106 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1976
Số bằng: 7AA 239 bm Quyết định số: 80/CTKT ngày 11 tháng 11 năm 1981

107 Liệt sĩ: **ĐỖ HUY ONG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UQ 673 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

108 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY ĐỚM**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc

kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1950
Số bằng: XA 199 cp Quyết định số: 98/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1959

109 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY NGỌC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1969
Số bằng: BH 607 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

110 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN CẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1980
Số bằng: 2AB 652 bm Quyết định số: 258/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

111 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1972
Số bằng: KB 132 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

112 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1973
Số bằng: SQ 510 bm Quyết định số: 525/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1976

113 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968
Số bằng: SQ 733 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

114 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: TM 749 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

115 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RQ 035 bm Quyết định số: 313/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 9 năm 1953
Số bằng: XX 963 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1960

117 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN QUYỀN**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XA 1,647 cp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

118 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 2 năm 1979
Số bằng: BL 390 bt Quyết định số: 117/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỲNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: SR 490 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

120 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẮM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EN 785 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1973

121 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUY**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 5 năm 1949
Số bằng: ĐX 442 kp Quyết định số: 348/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1999

122 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Hòa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1953
Số bằng: CM 339 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

123 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH QUYỀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: SY 953 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

124 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUYẾT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1964
Số bằng: 4X 124 bm Quyết định số: 258/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1978

125 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1973
Số bằng: VI 088 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

126 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 8 năm 1950
Số bằng: HG 087 bp Quyết định số: 1666/TTga ngày 19 tháng 12 năm 2006

127 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ THANH**
Thương binh, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 7 năm 1984
Số bằng: BL 395 vt Quyết định số: 117/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

128 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NIỆM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1974
Số bằng: SY 316 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯỠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RQ 096 bm Quyết định số: 313/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

130 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY LIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1973
Số bằng: DĐ 106 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẬU**
Phó Chủ tịch , Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1950
Số bằng: XA 1,654 cp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

132 Liệt sĩ: **CAO QUANG DIỄN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SY 186 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

133 Liệt sĩ: **CAO QUANG LẠI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NV 246 bm Quyết định số: 442/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974

134 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DIỆP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SY 187 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

135 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY KHẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NA 298 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

136 Liệt sĩ: **ĐÀO BÁ THƯỞNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SQ 756 bm Quyết định số: 547/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

137 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HD 705 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

138 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1970
Số bằng: RL 910 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

139 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUẮC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HE 152 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1973

140 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN NHẬM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1967
Số bằng: CM 317 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968

141 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN QUẢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
Số bằng: VA 341 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

142 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG CA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 3 năm 1953
Số bằng: MX 474 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

143 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1968
Số bằng: HL 095 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

144 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 7 năm 1979
Số bằng: 9Z 540 bt Quyết định số: 737/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

145 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG DIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LN 356 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

146 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 2 năm 1951
Số bằng: AX 561 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1970

Số bằng: HG 291 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973

148 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐS 931 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

149 Liệt sĩ: **TẰNG VĂN QUANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1969
Số bằng: SY 941 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

150 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÙY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1966
Số bằng: HD 903 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

151 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HIỆN**
Chính trị viên Đại đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1971
Số bằng: HG 314 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973

152 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968
Số bằng: BH 581 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

153 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC KHÁNH**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LH 603 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1974

154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DIỄM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1967
Số bằng: BN 384 bm Quyết định số: 82/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1972

155 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THUÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1967
Số bằng: CM 299 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968

156 Liệt sĩ: **PHÍ HỮU THỬ**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1951
Số bằng: XA 1,686 cp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

157 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CAO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài,

tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1970
Số bằng: HD 416 bm Quyết định số: 3/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

158 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1973
Số bằng: LO 596 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1974

159 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG DỰ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 4 năm 1981
Số bằng: 2AB 606 bt Quyết định số: 258/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

160 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 8 năm 1980
Số bằng: 9AA 437 bt Quyết định số: 52/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

161 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XOA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1975
Số bằng: VD 264 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

162 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CUỘC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1974
Số bằng: UO 828 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

163 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN DỄ**
Y tá, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1971
Số bằng: SY 180 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

164 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG SỬ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1972
Số bằng: OG 918 bm Quyết định số: 644/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1974

165 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG THÁI**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VA 595 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

166 Liệt sĩ: **LÊ MINH LẠI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HG 386 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

167 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN TIẾN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1967
Số bằng: OĐ 637 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1974

168 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN NGHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 307 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968

169 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HÃN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3H 905 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978

170 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BẠ**
Trưởng thôn, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1952
Số bằng: ĐC 195 cp Quyết định số: 693/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1977

171 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG ICH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1953
Số bằng: MX 491 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

172 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG THỎA**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 1 năm 1951
Số bằng: ĐC 800 kp Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

173 Liệt sĩ: **TRẦN VIẾT HỆ**
Chính trị viên huyện đội, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 1 năm 1952
Số bằng: MX 493 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

174 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TRAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MO 156 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970

175 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1970
Số bằng: SQ 589 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

176 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TỐ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1973
Số bằng: OT 293 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1975

177 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HÂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1973
Số bằng: RL 760 bm Quyết định số: 314/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

178 Liệt sĩ: **LƯU VĂN HÒA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1974
Số bằng: UL 993 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

179 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIỄU**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1950
Số bằng: EC 059 kp Quyết định số: 506/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

180 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNG**
Thông tin tuyên truyền xã, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1952
Số bằng: AO 440 cp Quyết định số: 82/CTKT ngày 6 tháng 3 năm 1985

181 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NV 198 bm Quyết định số: 442/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974

182 Liệt sĩ: **LƯU VĂN KHẢN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1947
Số bằng: CĐ 038 kp Quyết định số: 33/CTKT ngày 1 tháng 3 năm 1989

183 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1967
Số bằng: EN 819 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1973

184 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1951
Số bằng: DH 094 kp Quyết định số: 255/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1993

185 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 7L 427 bt Quyết định số: 1455/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1978

186 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÁP**
Thương binh, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 10 năm 1991
Số bằng: DC 420 vt Quyết định số: 46/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992

187 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**
Thương binh, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1976
Số bằng: BC 977 vt Quyết định số: 180/CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1986

188 Liệt sĩ: **ĐỒNG KHẮC PHẨM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 12 năm 1950
Số bằng: XM 143 bp Quyết định số: 518/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1958

189 Liệt sĩ: **LƯU VĂN GỘC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1949
Số bằng: BC 274 kp Quyết định số: 132/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1972

190 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CÁNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1947
Số bằng: CĐ 039 kp Quyết định số: 03/CTKT ngày 1 tháng 3 năm 1989

191 Liệt sĩ: **LƯU QUANG KHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
Số bằng: EK 917 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1973

192 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 9 năm 1951
Số bằng: XM 149 bp Quyết định số: 518/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1958

193 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TIẾU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1967
Số bằng: AT 996 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

194 Liệt sĩ: **HÁN VĂN BỘT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1971
Số bằng: RL 710 bm Quyết định số: 314/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

195 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐIỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 12 năm 1950
Số bằng: XG 282 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

196 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1951

Số bằng: Gk 485 bp Quyết định số: 347/TTg ngày 7 tháng 4 năm 2004

197 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ CỘI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1950
Số bằng: GA 127 kp Quyết định số: 1142/TTg ngày 29 tháng 11 năm 2002

198 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 2 năm 1953
Số bằng: MX 494 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

199 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHỐI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 9 năm 1980
Số bằng: 3AA 710 bt Quyết định số: 156/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1981

200 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1969
Số bằng: SY 365 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

201 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
Số bằng: PG 816 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

202 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIỄM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LG 995 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1974

203 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THƯỞNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XR 435 bp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

204 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỞNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 1 năm 1952
Số bằng: NX 148 bp Quyết định số: 327/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1962

205 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LỰC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SQ 876 bm Quyết định số: 547/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

206 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lãng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1969
Số bằng: SY 707 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

207 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lãng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 8 năm 1986
Số bằng: BR 132 bt Quyết định số: 249/CTKT ngày 28 tháng 10 năm 1987

208 Liệt sĩ: **NGUYỄN ÁI CHUYÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1969
Số bằng: SY 611 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

209 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG TIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: Bb 078 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

210 Liệt sĩ: **ĐOÀN KHẮC KỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trừng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RB 747 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

211 Liệt sĩ: **ĐOÀN KHẮC THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trừng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1973
Số bằng: VE 313 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

212 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NHẠN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Hòa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 4 năm 1953
Số bằng: XG 324 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

213 Liệt sĩ: **VŨ VIẾT QUẢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8R 444 bt Quyết định số: 584/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

214 Liệt sĩ: **TỐNG ĐỨC ĐẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1947
Số bằng: ZC 876 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

215 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TÙY**
Y tá, Nguyên quán: xã Phá Lãng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1953
Số bằng: XR 484 bp Quyết định số: 396//TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

216 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÒA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968
Số bằng: AL 501 bm Quyết định số: 99//TTga ngày 29 tháng 4 năm 1971

217 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ ĐÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: GQ 040 bm Quyết định số: 322/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1973

218 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NHƯỢC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NV 443 bm Quyết định số: 507/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974

219 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1951
Số bằng: XM 260 kp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

220 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN THÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1967
Số bằng: VO 299 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

221 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUYÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1951
Số bằng: GH 221 kp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

222 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TU**
Dân công , Nguyên quán: xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1950
Số bằng: GH 275 cp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 2 năm 1953
Số bằng: LX 569 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

224 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG LIỄN**
Công an, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 1 năm 1949
Số bằng: XB 491 cp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

225 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968
Số bằng: SR 397 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

226 Liệt sĩ: **BÙI HỮU KHỎN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968
Số bằng: VH 187 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8R 475 bt Quyết định số: 584/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

228 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 9 năm 1949
Số bằng: LX 564 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

229 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIẾT HỒNG**
Công nhân, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 4M 196 ct Quyết định số: 737//TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

230 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẦN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XG 288 kp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

231 Liệt sĩ: **TRẦN TIẾN THÙ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8M 065 bt Quyết định số: 445/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

232 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: HG 141 bm Quyết định số: 1666/TTga ngày 19 tháng 12 năm 2006

233 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG SỦNG**
Công an, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 9 năm 1948
Số bằng: XB 490 cp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

234 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THẤT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1973
Số bằng: LO 640 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1974

235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÙY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ET 441 bm Quyết định số: 167/TTg ngày 3 tháng 5 năm 1973

236 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY SÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1952

Số bằng: LX 553 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

237 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC THƯỞNG**
Thông tin viên xã, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1947
Số bằng: Xb 494 cp Quyết định số: 95//TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

238 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NHIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: AT 811 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

239 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ KÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1973
Số bằng: LN 387 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

240 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1949
Số bằng: LX 562 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

241 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UL 896 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

242 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯỚNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1953
Số bằng: LX 572 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

243 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG DỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1970
Số bằng: SY 192 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

244 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LỤC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: SQ 875 bm Quyết định số: 547/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

245 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh,

đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1953
Số bằng: GH 118 bp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

246 Liệt sĩ: **TRẦN TIẾN PHIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1975
Số bằng: VO 199 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

247 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT KHOAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1971
Số bằng: HL 123 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

248 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG VƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: HL 233 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

249 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT PHÚC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1971
Số bằng: EK 894 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1973

250 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TÁC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AĐ 721 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

251 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÙNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1950
Số bằng: XG 300 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

252 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIỄU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1952

Số bằng: XH 798 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

253 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHẢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1973
Số bằng: VH 061 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

254 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUẤN CHỮ**
Thương binh, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 1 năm 1984
Số bằng: BL 383 vt Quyết định số: 117/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

255 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1970
Số bằng: OG 981 bm Quyết định số: 644/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1974

256 Liệt sĩ: **LƯU MINH HIẾU**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Rạch Giá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1965
Số bằng: OR 667 bm Quyết định số: 90/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1976

257 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC DẦN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1971
Số bằng: HG 152 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

258 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 8 năm 1950
Số bằng: XR 925 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

259 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC BIỆN**
Nhân viên, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1967
Số bằng: HM 116 cm Quyết định số: 43/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1971

260 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG BÁI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EN 721 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1973

261 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ BÚT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1972
Số bằng: PY 412 bm Quyết định số: 422/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

262 Liệt sĩ: **HOÀNG BÁ RỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1953
Số bằng: GH 115 bp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

263 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐỨC THẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1970
Số bằng: VA 581 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

264 Liệt sĩ: **TRẦN DUY KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: PL 831 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975

265 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC PHỔ**
Đảng viên, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1950
Số bằng: XB 512 cp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

266 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DUI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EN 767 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1973

267 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1971
Số bằng: QB 435 bm Quyết định số: 456/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1975

268 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CHĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1967
Số bằng: CM 852 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1968

269 Liệt sĩ: **LÊ DANH HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968
Số bằng: AT 907 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

270 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẬM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1974
Số bằng: SY 739 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

271 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHƯƠNG**
Phó chủ tịch Uỷ Ban xã, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 6 năm 1947
Số bằng: XA 1,659 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

272 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1967
Số bằng: CM 316 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968

273 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÁN**
Y tá, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UL 870 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

274 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968

Số bằng: KB 172 bm Quyết định số: 482//TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

275 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG THỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1971
Số bằng: NA 265 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

276 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TIẾT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1969
Số bằng: SR 890 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

277 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG KHÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1968
Số bằng: AB 501 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1971

278 Liệt sĩ: **LƯU VĂN MẬM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1968
Số bằng: ER 416 bm Quyết định số: 211/TTg ngày 2 tháng 6 năm 1973

279 Liệt sĩ: **LƯU XUÂN CHÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 3AA 727 bt Quyết định số: 156/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1981

280 Liệt sĩ: **VŨ HUY THĂNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 2 năm 1950
Số bằng: Xm 241 kp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

281 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG THÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1967
Số bằng: GA 210 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

282 Liệt sĩ: **ĐOÀN CÔNG SOẠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1971
Số bằng: KO 234 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1974

283 Liệt sĩ: **TRẦN THẾ CỐNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 2 năm 1952
Số bằng: LX 541 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

284 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÊM**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc

kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1948
Số bằng: GH 215 kp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

285 Liệt sĩ: **CÁT VĂN TRÀ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1969
Số bằng: GA 127 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

286 Liệt sĩ: **CÁT VĂN SANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1971
Số bằng: BK 267 bm Quyết định số: 33/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

287 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1971
Số bằng: GO 267 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

288 Liệt sĩ: **ĐOÀN TRẮC ĐIỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XM 116 bp Quyết định số: 518/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1958

289 Liệt sĩ: **ĐẶNG DANH TOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1968
Số bằng: HL 071 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

290 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM TÝ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1970
Số bằng: UY 330 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

291 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI BẢO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1974
Số bằng: RB 637 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

292 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÓ**
Công dân, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1953
Số bằng: XB 480 cp Quyết định số: 95/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1962

293 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1947
Số bằng: XR 433 bp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

294 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ VIỆT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: GT 892 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

295 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1973
Số bằng: UA 975 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

296 Liệt sĩ: **ĐOÀN CÔNG QUÂN**
Thương binh, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1977
Số bằng: AQ 134 vm Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

297 Liệt sĩ: **ĐOÀN TRẮC THUẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: NM 191 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1969

298 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bằng: YL 504 bm Quyết định số: 762/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

299 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH VƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1949
Số bằng: XQ 2,348 bm Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

300 Liệt sĩ: **LÊ TIẾN TRỊ**
Phó Chủ tịch, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1953
Số bằng: ĐN 371 bp Quyết định số: 995/TTg ngày 22 tháng 11 năm 1997

301 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THỦY**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1971

Số bằng: HG 529 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

302 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9Q 912 bt Quyết định số: 499/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

303 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LƯỢNG**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8V 203 bt Quyết định số: 705/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979

304 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8AA 522 bt Quyết định số: 118/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1981

305 Liệt sĩ: **LƯƠNG GIA CỐ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1949
Số bằng: XQ 2,289 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1959

306 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY HOÀNG**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SR 429 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

307 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC CHƠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lãng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1952
Số bằng: XG 279 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

308 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỜ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BL 290 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972

309 Liệt sĩ: **PHẠM CÁT TÁI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1950
Số bằng: XM 595 kp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

310 Liệt sĩ: **PHẠM CÁT TẤT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 51 năm 1951
Số bằng: MX 482 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

311 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐĂNG THIỆN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SQ 641 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

312 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỆ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HD 592 bm Quyết định số: 3/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

313 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1969

Số bằng: NA 241 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

314 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1968
Số bằng: HM 747 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968

315 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐỨC CAO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NG 560 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1974

316 Liệt sĩ: **VŨ QUANG DY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1971
Số bằng: PG 706 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

317 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THỦY**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9R 114 bm Quyết định số: 497/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

318 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1974
Số bằng: UY 292 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

319 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KHIÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 7 năm 1951
Số bằng: XG 306 kp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

320 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN QUÝ**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9D 307 bt Quyết định số: 844/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

321 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN MÃO**
Công an, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 2 năm 1949
Số bằng: XA 2,088 cp Quyết định số: 74/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1960

322 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THÍCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1967
Số bằng: DM 799 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1968

323 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG NĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1968
Số bằng: SY 309 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

324 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN HIỂN**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 2 năm 1952
Số bằng: XH 293 kp Quyết định số: 101/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960

325 Liệt sĩ: **LẠI TRỌNG CUNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ĐE 619 kp Quyết định số: 22/TTg ngày 13 tháng 1 năm 1977

326 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG XẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: HL 131 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

327 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUYNH**
Tham mưu trưởng, Nguyên quán: xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1967
Số bằng: KM 678 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

328 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hải Hưng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ED 545 bm Quyết định số: 122/TTg ngày 15 tháng 2 năm 2000

329 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XB 373 kp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958

330 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ LỚP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ER 483 bm Quyết định số: 211/TTg ngày 2 tháng 6 năm 1973

331 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHOA KHANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1970
Số bằng: QB 764 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

332 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KHÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1952
Số bằng: XX 031 bp Quyết định số: 101/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960

333 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NGHĨA**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973
Số bằng: LG 985 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1974

334 Liệt sĩ: **HÀ SỸ KHOÁNG**
Chánh văn phòng huyện, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: XY 384 cp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958

335 Liệt sĩ: **DƯƠNG DANH NHẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1968
Số bằng: SY 744 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

336 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: MX 053 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

337 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHÂN LẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1967
Số bằng: BM 617 bm Quyết định số: 154/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1967

338 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHÂN NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1968
Số bằng: HL 154 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

339 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9D 165 bt Quyết định số: 836/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

340 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: NM 119 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1969

341 Liệt sĩ: **DƯƠNG PHÚ CHIỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1969
Số bằng: NV 314 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974

342 Liệt sĩ: **LẠI ĐẮC TRƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GQ 114 bm Quyết định số: 322/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1973

343 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 12 năm 1955
Số bằng: XQ 2,342 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

344 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN XUẤT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1968
Số bằng: AT 981 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

345 Liệt sĩ: **TẠ HỮU TIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1973
Số bằng: SR 874 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

346 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1968
Số bằng: HG 124 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

347 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: HG 045 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

348 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1973
Số bằng: PI 494 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

349 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HL 960 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

350 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: O 059 bt Quyết định số: 247/CTKT ngày 29 tháng 6 năm 1983

351 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC HOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1979
Số bằng: BC 967 bt Quyết định số: 180/CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1986

352 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG PHỒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: GH 192 kp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

353 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1970
Số bằng: HG 369 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973

354 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LƯỠNG**
Bính nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1965
Số bằng: NM 124 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1969

355 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1975
Số bằng: VA 759 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

356 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TÀM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: SR 827 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

357 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG LỘC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VE 154 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

358 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỶ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1968
Số bằng: HE 023 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1973

359 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TRÁI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1972
Số bằng: VB 277 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

360 Liệt sĩ: **MAI TIẾN CHĂM**
Chính trị viên phó đại đội, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1967
Số bằng: ĐG 076 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

361 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT TIẾN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XX 049 kp Quyết định số: 101/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960

362 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968

Số bằng: AB 959 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1971

363 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1954
Số bằng: XU 498 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

364 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1966
Số bằng: PX 551 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966

365 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHÈ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XH 287 kp Quyết định số: 101/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

366 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 3 năm 1952
Số bằng: MX 044 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

367 Liệt sĩ: **VŨ THỌ CHU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1946
Số bằng: XX 016 bp Quyết định số: 101/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

368 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TỌA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 11 năm 1946
Số bằng: AX 540 bp Quyết định số: 152//TTga ngày 12 tháng 7 năm 1960

369 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN DƯỢC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1970
Số bằng: NK 914 bm Quyết định số: 388//TTga ngày 26 tháng 7 năm 1974

370 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN MẬU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 555 bt Quyết định số: 39//TTga ngày 10 tháng 1 năm 1979

371 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN NĂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1952
Số bằng: XU 509 kp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

372 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BÙI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã

hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HG 077 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

373 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NGHIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1966
Số bằng: EK 900 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1973

374 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC HÒE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 9 năm 1987
Số bằng: CG 054 bt Quyết định số: 106/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1989

375 Liệt sĩ: **ĐOÀN PHÚ THƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8R 485 bt Quyết định số: 584/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

376 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG LƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1970
Số bằng: ĐR 115 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

377 Liệt sĩ: **ĐỖ CAO THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AĐ 678 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

378 Liệt sĩ: **VŨ SĨ PHÓNG**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1972
Số bằng: PG 832 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

379 Liệt sĩ: **VŨ SĨ CHÙY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1973
Số bằng: VG 122 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 26 tháng 5 năm 2003

380 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐỨC BỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BH 560 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

381 Liệt sĩ: **NGUYỄN SĨ QUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 4 năm 1951
Số bằng: GK 463 bp Quyết định số: 347/TTg ngày 7 tháng 4 năm 2004

382 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 371 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968

383 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ YẾN**
Quân nhân sản xuất, Nguyên quán: xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1966
Số bằng: ĐM 811 cm Quyết định số: 22/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1970

384 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY CUNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1950
Số bằng: XM 461 kp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

385 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY NGUYÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vân Dương, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9D 259 bm Quyết định số: 844/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

386 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: OG 944 bm Quyết định số: 644/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1974

387 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH ĐA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 3 năm 1950
Số bằng: DH 937 kp Quyết định số: 255/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1993

388 Liệt sĩ: **ĐỖ KHẮC LAN**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1950
Số bằng: DX 482 cp Quyết định số: 841/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1995

389 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG KHẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 6V 435 bt Quyết định số: 1203/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

390 Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC THUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1966
Số bằng: BS 001 bm Quyết định số: 82/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1972

391 Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC HỢP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1966
Số bằng: TA 392 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

392 Liệt sĩ: **CHU XUÂN THU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BN 438 bm Quyết định số: 82/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1972

393 Liệt sĩ: **CHU VĂN CHẢN**
Thượng sĩ Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SY 516 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

394 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG QUYỀN**
ủy viên BCH Nông dân cứu Quốc xã, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: XC 138 cp Quyết định số: 227/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963

395 Liệt sĩ: **LÊ KIM SINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1971
Số bằng: VA 226 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

396 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN XUYẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MK 676 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

397 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THƯỞNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: XU 654 bp Quyết định số: 2//TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

398 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KHANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1971
Số bằng: HL 108 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

399 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: VE 287 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

400 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG PHONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1974
Số bằng: VP 878 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

401 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CÀM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 2 năm 1950
Số bằng: CZ 237 kp Quyết định số: 279/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1991

402 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG CHÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HD 933 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

403 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HD 507 bm Quyết định số: 562/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1973

404 Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC KHANG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 8 năm 1948
Số bằng: NX 963 bp Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

405 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUYỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1966
Số bằng: BL 292 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972

406 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1971
Số bằng: PL 803 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975

407 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1951

Số bằng: XM 498 bp Quyết định số: 98/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1959

408 Liệt sĩ: **ĐỖ DUY CHẮN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1966
Số bằng: PG 813 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

409 Liệt sĩ: **HOÀNG NHƯ BẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1952
Số bằng: XM 446 bp Quyết định số: 98/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1959

410 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BỒNG**
Chính trị viên tiểu đoàn, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969
Số bằng: VB 168 bm Quyết định số: 229/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

411 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NẠP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc

Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9D 239 bt Quyết định số: 836/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

412 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1971
Số bằng: SR 829 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

413 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỰ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AM 270 bm Quyết định số: 37/TTg ngày 21 tháng 2 năm 1967

414 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU BỒI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: SQ 521 bm Quyết định số: 525/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1976

415 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9D 158 bm Quyết định số: 836/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

416 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MK 617 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

417 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XU 380 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

418 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ ĐƯỜNG**
trưởng thôn, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1951
Số bằng: XC 082 cp Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

419 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bằng: QO 809 bm Quyết định số: 103/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1976

420 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÔNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 3N 766 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 13 tháng 2 năm 1978

421 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VP 854 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

422 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUYỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1951
Số bằng: XN 233 kp Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

423 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 11 năm 1950
Số bằng: XN 234 kp Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

424 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT MAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NE 548 bm Quyết định số: 257/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

425 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUY**
Chủ tịch UBCH xã , Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XY 578 cp Quyết định số: 283/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1958

426 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU BÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1972
Số bằng: QS 505 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

427 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN KHANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1975
Số bằng: VH 142 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

428 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG PHÚC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: VD 207 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

429 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HOÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1966
Số bằng: AB 475 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1971

430 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN AN**
Trung đội trưởng, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HG 021 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

431 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XD 837 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958

432 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1952
Số bằng: DH 933 kp Quyết định số: 255/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1993

433 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NE 655 bm Quyết định số: 257/CTKT ngày 23 tháng 5 năm 1974

434 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1969
Số bằng: QO 853 bm Quyết định số: 103/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1976

435 Liệt sĩ: **LƯU VĂN LIỄN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VS 607 bm Quyết định số: 320/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

436 Liệt sĩ: **LƯU QUANG VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ER 557 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

437 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VG 111 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

438 Liệt sĩ: **KIỀU VĂN THUẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1974
Số bằng: VA 789 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

439 Liệt sĩ: **LƯU VĂN THỤC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1968
Số bằng: SQ 726 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

440 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN QUỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966
Số bằng: VA 371 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

441 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHUNG**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1972

Số bằng: GO 137 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

442 Liệt sĩ: **KIỀU VĂN TỌA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1966
Số bằng: ER 589 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

443 Liệt sĩ: **KIỀU MINH HOÀNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NB 878 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1974

444 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LG 762 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

445 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9D 121 bt Quyết định số: 836/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

446 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NGỌC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 11 năm 1953
Số bằng: AX 476 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

447 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1970
Số bằng: VS 613 bm Quyết định số: 320/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

448 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972
Số bằng: GT 973 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

449 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH CHI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ĐC 807 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

450 Liệt sĩ: **PHÙNG THẾ CHUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc

Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9D 067 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979

451 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TỈN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 10 năm 1949
Số bằng: NC 975 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

452 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH TỬU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1947
Số bằng: XC 907 kp Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

453 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CỐN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1954
Số bằng: GH 276 bp Quyết định số: 1228/TTga ngày 10 tháng 11 năm 2003

454 Liệt sĩ: **NGUYỄN SĨ ĐẮC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GS 671 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

455 Liệt sĩ: **PHÙNG BÁ TRAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1968
Số bằng: NM 135 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1969

456 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HS 633 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

457 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẢO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1950
Số bằng: DH 935 kp Quyết định số: 225/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1993

458 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 6 năm 1954
Số bằng: XU 363 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

459 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỰ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: AB 646 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

460 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1967
Số bằng: VP 686 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

461 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GT 815 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

462 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THỜI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SQ 679 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

463 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SY 595 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

464 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỈNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1968
Số bằng: SY 581 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

465 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẢO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XN 228 km Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

466 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ẤM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1971
Số bằng: ĐY 192 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1973

467 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ TÁN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1969
Số bằng: MZ 242 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971

468 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HIẾU**
Y tá, Nguyên quán: xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 1984
Số bằng: AI 285 btt Quyết định số: 345/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984

469 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1967
Số bằng: DM 874 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1968

470 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9D 450 bt Quyết định số: 876/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979

471 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC VỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: NV 463 bm Quyết định số: 507/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974

472 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QB 685 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

473 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG CÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1968
Số bằng: AB 037 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1971

474 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OG 288 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

475 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SÁ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1949
Số bằng: XU 642 bp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

476 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẢ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 4 năm 1953
Số bằng: XU 639 bp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

477 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH MẠCH**
Bí thư nông dẫn xã, Nguyên quán: xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 4 năm 1952
Số bằng: DH 984 cp Quyết định số: 225/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1993

478 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH ĐƯỢC**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1967
Số bằng: NU 782 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1974

479 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẦN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1970
Số bằng: SQ 714 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

480 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1985
Số bằng: BL 388 bt Quyết định số: 117/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

481 Liệt sĩ: **NGÔ PHÚ PHÀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 7Z 143 bt Quyết định số: 230/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1979

482 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ ĐƯỢC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1970
Số bằng: NE 542 bm Quyết định số: 257/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1974

483 Liệt sĩ: **ĐÀO SĨ HIỆP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NE 588 bm Quyết định số: 257/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

484 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1966
Số bằng: RK 465 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976

485 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MẠNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1969
Số bằng: SY 699 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

486 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẲNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1973
Số bằng: 3H 878 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978

487 Liệt sĩ: **KIỀU VĂN DY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 2 năm 1952
Số bằng: AX 482 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

488 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÀI TRẠC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 2 năm 1951
Số bằng: XU 755 kp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

489 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9D 066 bt Quyết định số: 880/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979

490 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8V 233 bt Quyết định số: 714/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1979

491 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THÁT**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 3 năm 1953
Số bằng: XG 452 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

492 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1949
Số bằng: XT 334 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

493 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1951
Số bằng: XC 053 cp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957

494 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1951
Số bằng: AX 468 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

495 Liệt sĩ: **NGÔ MẠNH KẺ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 8E 671 bt Quyết định số: 346/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

496 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1953
Số bằng: XM 643 bp Quyết định số: 98/TTg ngày 2 tháng 3 năm 1959

497 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1967
Số bằng: HM 664 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968

498 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OS 185 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975

499 Liệt sĩ: **CHU VIẾT CHÌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc

Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1970
Số bằng: GS 651 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

500 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CHÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1972
Số bằng: VY 238 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

501 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1967
Số bằng: AB 806 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

502 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XU 362 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

503 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1969
Số bằng: HL 254 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

504 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SY 908 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

505 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1972
Số bằng: SY 295 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

506 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẢI VƯỢNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh , tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: MX 101 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

507 Liệt sĩ: **PHẠM QUẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1950
Số bằng: ĐC 540 bp Quyết định số: 141/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972

508 Liệt sĩ: **CAO VĂN KÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh , tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 9 năm 1949

Số bằng: ET 100 bp Quyết định số: 1606/TTg ngày 24 tháng 12 năm 2001

509 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC KỲ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh , tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1967
Số bằng: SQ 944 bm Quyết định số: 524/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

510 Liệt sĩ: **HOÀNG MAI LĨNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1972
Số bằng: VE 134 bm Quyết định số: 253/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

511 Liệt sĩ: **CAO VĂN THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh , tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: PL 916 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975

512 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH CHÍNH**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1952

Số bằng: XD 800 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958

513 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĨNH SỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
Số bằng: RL 838 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

514 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: RD 467 bm Quyết định số: 183/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

515 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CHUYÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh , tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1969
Số bằng: HG 139 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

516 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐÌNH QUYỀN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1971

Số bằng: GS 788 bm Quyết định số: 501/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

517 Liệt sĩ: **NGUYỄN DOÃN THÚY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 6 năm 1952
Số bằng: NX 971 bp Quyết định số: 144/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1963

518 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚ**

Nhân viên y tế, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XY 052 cp Quyết định số: 467/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1957

519 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỒNG THÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1966
Số bằng: AM 111 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1967

520 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1971
Số bằng: HL 216 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

521 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NV 440 bm Quyết định số: 507/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974

522 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1971
Số bằng: HG 203 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973

523 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XD 795 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958

524 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ NGỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OZ 044 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1975

525 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT BẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LG 709 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

526 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8R 417 bt Quyết định số: 584/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

527 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 6V 409 bt Quyết định số: 1203/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

528 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍCH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1971

Số bằng: UY 291 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

529 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1979
Số bằng: AM 543 bt Quyết định số: 80/CTKT ngày 6 tháng 3 năm 1985

530 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHIẾN ĐẤU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1974
Số bằng: PI 507 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

531 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969
Số bằng: QB 269 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

532 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỐNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1971

Số bằng: ĐG 070 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

533 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠCH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1974

Số bằng: QB 630 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

534 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1947

Số bằng: XH 787 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

535 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1967
Số bằng: AĐ 565 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

536 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1967
Số bằng: HM 661 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968

537 Liệt sĩ: **NGUYỄN DOÃN TIẾP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1974

Số bằng: SR 891 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

538 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1951

Số bằng: XU 395 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

539 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9D 290 bt Quyết định số: 844/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

540 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHỦNG**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 2 năm 1948
Số bằng: GA 181 cp Quyết định số: 1142/TTg ngày 29 tháng 11 năm 2002

541 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HƯNG**
Thượng sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RB 741 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

542 Liệt sĩ: **LÊ SỸ ĐEN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1966
Số bằng: ET 669 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

543 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Y tá, Nguyên quán: Tổ 161 khối 49, khu Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1967
Số bằng: HM 097 cm Quyết định số: 37/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

544 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN MY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MZ 228 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971

545 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SR 466 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

546 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN VẬN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1968
Số bằng: PL 864 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975

547 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỦNG**
Hội đồng nông dân xã, Nguyên quán: xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 12 năm 1948
Số bằng: XC 015 cp Quyết định số: 94/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1963

548 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1969
Số bằng: SY 936 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

549 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3H 961 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978

550 Liệt sĩ: **VŨ VĂN PHÁO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 3N 749 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 13 tháng 2 năm 1978

551 Liệt sĩ: **CAO VĂN CHINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐY 239 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1973

552 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THỊNH**
Phó Chủ tịch xã , Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XB 532 cp Quyết định số: 95/TTg ngày 2 tháng 4 năm 1962

553 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÁ DOANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PY 459 bm Quyết định số: 422/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

554 Liệt sĩ: **LÊ DANH HOA**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1966
Số bằng: TA 394 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

555 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 3H 976 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978

556 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH RỘNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1948
Số bằng: XG 145 km Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959

557 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN BÌNH**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1953
Số bằng: XB 917 kp Quyết định số: 130/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1959

558 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1970
Số bằng: QB 694 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

559 Liệt sĩ: **VƯƠNG HUY TÚC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1972
Số bằng: UY 428 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

560 Liệt sĩ: **LÊ DANH LẢN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973

Số bằng: RB 751 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

561 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGA**
Phó Chủ tịch Uy ban Kháng chiến Hành chính xã, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: XB 353 cp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

562 Liệt sĩ: **CHU KHẮC TIẾN**
Chiến sĩ Công an nhân dân, Nguyên quán: xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 11 năm 1995
Số bằng: ĐE 649 bt Quyết định số: 27/TTg ngày 13 tháng 1 năm 1997

563 Liệt sĩ: **VƯƠNG BÁ CHÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1967
Số bằng: AB 072 bm Quyết định số: 17/TTg ngày 20 tháng 1 năm 1971

564 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHI**
Trưởng ban tuyên truyền, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1949
Số bằng: YC 066 cp Quyết định số: 565/TTg ngày 6 tháng 8 năm 1979

565 Liệt sĩ: **LÊ QUANG LỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968

Số bằng: TM 782 bm Quyết định số: 222/TTg ngày 11 tháng 12 năm 1969

566 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỴ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 2 năm 1953
Số bằng: XM 500 bp Quyết định số: 98/TTg ngày 2 tháng 3 năm 1959

567 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GA 208 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

568 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÚI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HK 970 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973

569 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỰ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1971
Số bằng: QI 241 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 20 tháng 12 năm 1975

570 Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ SOÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1966
Số bằng: GO 259 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

571 Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ HÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1971
Số bằng: BK 235 bm Quyết định số: 33/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

572 Liệt sĩ: **ĐỖ DUY DIỆP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: TM 766 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

573 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ HẢO**
Công dân, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XB 615 cp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

574 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TRỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1968
Số bằng: CM 608 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1969

575 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHUÔNG**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc

Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GS 659 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

576 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 2 năm 1953
Số bằng: XM 635 bp Quyết định số: 98/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1959

577 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1966
Số bằng: TA 396 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

578 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH TUẾ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BB 082 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

579 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SĨ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1970
Số bằng: VA 308 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

580 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG HUY**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 7 năm 1951

Số bằng: XU 881 bp Quyết định số: 74/TTga ngày 21 tháng 3 năm 1960

581 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LỘ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1967
Số bằng: HD 658 bm Quyết định số: 3/TTg ngày 3 tháng 1 năm 1974

582 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1972
Số bằng: UY 506 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

583 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1972
Số bằng: HN 087 bm Quyết định số: 531/TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013

584 Liệt sĩ: **BIỆN XUÂN KHIỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1973
Số bằng: RL 959 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

585 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THUẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1969
Số bằng: SQ 723 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

586 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỚI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1971
Số bằng: BK 256 bm Quyết định số: 33/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

587 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1953
Số bằng: MX 009 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

588 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1973
Số bằng: PY 535 bm Quyết định số: 422/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

589 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1952
Số bằng: MX 010 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

590 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG PHƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1970
Số bằng: VH 109 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

591 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HL 193 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

592 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẦN**
Công an viên, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1950
Số bằng: XA 2,095 cp Quyết định số: 74/TTga ngày 24 tháng 3 năm 1960

593 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÀN**
Công an viên, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 7 năm 1953
Số bằng: XM 418 cp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

594 Liệt sĩ: **VŨ TỬ NGỢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ĐS 966 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

595 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐỘT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1949
Số bằng: ĐN 361 kp Quyết định số: 995/TTg ngày 22 tháng 11 năm 1997

596 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1968
Số bằng: AB 585 bm Quyết định số: 49/TTg ngày 25 tháng 2 năm 1971

597 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ BÔN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 9Q 824 bt Quyết định số: 499/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

598 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ HIỀN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 1984
Số bằng: AI 293 bt Quyết định số: 345/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984

599 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1973
Số bằng: LR 837 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1974

600 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÌNH**
Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1949
Số bằng: XG 594 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

601 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC UY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AT 859 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

602 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1950
Số bằng: OX 490 bp Quyết định số: 138/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1964

603 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÃN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967
Số bằng: HM 703 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968

604 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỰ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1972

Số bằng: PĐ 137 bm Quyết định số: 164/TTg ngày 9 tháng 5 năm 1975

605 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÙY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 10 năm 1951
Số bằng: MX 016 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

606 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỢC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1952
Số bằng: XT 531 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

607 Liệt sĩ: **CHU MINH CÔI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8V 021 bt Quyết định số: 704/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979

608 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KO 233 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1974

609 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỐN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 2 năm 1947
Số bằng: HC 105 kp Quyết định số: 851/TTg ngày 13 tháng 6 năm 2006

610 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƯỞNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Côi, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1952
Số bằng: XM 414 kp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

611 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤT TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1973
Số bằng: QB 605 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

612 Liệt sĩ: **KHÚC ĐÌNH CƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1966
Số bằng: UO 846 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

613 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÁ LẬP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1967
Số bằng: VE 057 bm Quyết định số: 253/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

614 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NGỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc

Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1970
Số bằng: VB 028 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

615 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH HANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1966
Số bằng: UL 892 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

616 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1969
Số bằng: BN 481 bm Quyết định số: 82/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1972

617 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XB 936 bp Quyết định số: 559/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1957

618 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT TUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1981
Số bằng: 2AB 639 bt Quyết định số: 258/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

619 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ DŨNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UQ 747 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

620 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1970
Số bằng: PY 565 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

621 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VẼ (TUYÊN)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1966
Số bằng: UY 525 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

622 Liệt sĩ: **PHẠM VIẾT KHÁNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1967
Số bằng: VH 152 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

623 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG TÀNG**
Công dân, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 1 năm 1952
Số bằng: XB 618 cp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

624 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 2 năm 1947
Số bằng: XU 882 bp Quyết định số: 74/TTga ngày 21 tháng 3 năm 1960

625 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN CƯỜNG**
Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1951
Số bằng: GK 044 cp Quyết định số: 273/TTg ngày 18 tháng 3 năm 2004

626 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1968
Số bằng: KB 065 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1973

627 Liệt sĩ: **PHÙNG QUANG THẠCH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1973
Số bằng: NU 705 bm Quyết định số: 535/TTg ngày 24 tháng 10 năm 1974

628 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HG 463 bm Quyết định số: 583/TTg ngày 24 tháng 12 năm 1973

629 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1969
Số bằng: SR 349 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

630 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỎ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XY 022 kp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957

631 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÁ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1967
Số bằng: AT 660 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

632 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC ĐÁN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 6 năm 1949
Số bằng: XH 064 kp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

633 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHÁP**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: MX 465 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1962

634 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1967
Số bằng: UQ 666 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

635 Liệt sĩ: **LƯU VĂN THÁI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: GS 823 bm Quyết định số: 501/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

636 Liệt sĩ: **VŨ VIẾT DIỄN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
Số bằng: UQ 703 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

637 Liệt sĩ: **TRẦN SAN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1969
Số bằng: VA 180 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

638 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ƯỚT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1947
Số bằng: AX 875 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1960

639 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967
Số bằng: PZ 069 bm Quyết định số: 403/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1975

640 Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN DIÊM**
Công an xã, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 10 năm 1949
Số bằng: XA 1,811 cp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

641 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG TUYỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1952
Số bằng: XT 618 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

642 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG TY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ER 572 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

643 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯ**
Trung sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1968
Số bằng: UQ 732 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

644 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ BỒN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1971
Số bằng: BK 221 bm Quyết định số: 33/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

645 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT TRUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XT 628 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

646 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HD 977 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

647 Liệt sĩ: **NGÔ ĐĂNG PHÀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1968
Số bằng: HG 492 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

648 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGƠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1952
Số bằng: LX 978 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1962

649 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CẤP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970
Số bằng: G 230 bm Quyết định số: 84/CTKT ngày 2 tháng 3 năm 1983

650 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 3 năm 1950
Số bằng: XT 538 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

651 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1951
Số bằng: ĐT 496 bp Quyết định số: 854/TTg ngày 22 tháng 9 năm 1998

652 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1668
Số bằng: MO 139 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970

653 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ ĐIỀN**
Công nhân, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 4M 194 ct Quyết định số: 737/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

654 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ PHA**
Cán bộ bảo vệ, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KM 295 cm Quyết định số: 161/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973

655 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1969
Số bằng: Đy 252 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1973

656 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ MƯỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7L 570 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1979

657 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1968
Số bằng: UA 999 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

658 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN HÙNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HD 526 bm Quyết định số: 562/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1973

659 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1966
Số bằng: AB 500 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1971

660 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971
Số bằng: SR 386 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

661 Liệt sĩ: **NGÔ CHÊNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 10 năm 1951
Số bằng: XH 758 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

662 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT PHẬN**
Dân công, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XC 168 cp Quyết định số: 138/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1964

663 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XT 510 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

664 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1950
Số bằng: XH 823 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

665 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
Trung sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1969
Số bằng: SY 205 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1976

666 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬP**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1953
Số bằng: XG 632 kp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

667 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỘNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 5 năm 1948
Số bằng: XA 373 kp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

668 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SƠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1967
Số bằng: ER 539 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 2 tháng 6 năm 1973

669 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG ƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MK 761 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

670 Liệt sĩ: **CAO VĂN PHÁT**
Cán bộ , Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 2I 076 cm Quyết định số: 100/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1978

671 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẠI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: SQ 765 bm Quyết định số: 547/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

672 Liệt sĩ: **MAI XUÂN THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MK 724 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

673 Liệt sĩ: **MAI ĐẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XT 529 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

674 Liệt sĩ: **PHẠM TÝ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XG 636 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

675 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỪA ĐẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1969
Số bằng: AT 869 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

676 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981
Số bằng: 8AA 495 bt Quyết định số: 118/CTKT ngày 14 tháng 12 năm 1981

677 Liệt sĩ: **DƯƠNG THỊ NHỠ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XG 618 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

678 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1979
Số bằng: AI 554 bt Quyết định số: 347/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984

679 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÁM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968
Số bằng: TM 797 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

680 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ SẢNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XG 627 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

681 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XG 630 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

682 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ CHẤT**
Thư ký Uy ban Kháng chiến Hành chính, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 5 năm 1948
Số bằng: XA 1,805 cp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

683 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÂM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1971
Số bằng: UY 198 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1971

684 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH TRÁT**
Cán bộ tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 6 năm 1950
Số bằng: XA 1,689 cp Quyết định số: 424/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1959

685 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG CHÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SY 518 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

686 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỤC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1974
Số bằng: SY 200 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

687 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC CHÉN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lãng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐH 661 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1972

688 Liệt sĩ: **CAO VĂN SỲ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LO 590 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1974

689 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiên Vân, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1967
Số bằng: PZ 061 bm Quyết định số: 403/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1975

690 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN KẺN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ĐS 941 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

691 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CẢN**
Cán bộ Đội thanh niên, Nguyên quán: xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1951
Số bằng: XC 175 cp Quyết định số: 138/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1964

IV. TỈNH THÁI BÌNH

1 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT SỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trọng Quân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1952
Số bằng: XC 939 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 3 tháng 3 năm 1958

2 Liệt sĩ: **NHÂM VĂN RẬT**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hoàng, huyện Đông Quan, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1959
Số bằng: XC 189 km Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959

3 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HỨA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Châu, huyện Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1947
Số bằng: XL 607 kp Quyết định số: 377TTga ngày 22 tháng 9 năm 1961

4 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÙ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 12 năm 1952
Số bằng: HX 969 bp Quyết định số: 377/TTg ngày 22 tháng 9 năm 1961

5 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LÂU**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 05 năm 1970
Số bằng: ĐP 753 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 02 năm 1973

6 Liệt sĩ: **PHÙNG QUỐC BẢO**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1971
Số bằng: RV 371 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

7 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH KIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1969
Số bằng: QY 123 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1976

8 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: NX 263 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1963

9 Liệt sĩ: **DƯƠNG XUÂN ÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1975
Số bằng: QY 071 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1976

10 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN THƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 10 năm 1976
Số bằng: AL 376 bt Quyết định số: 345/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1984

11 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG CHÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1971
Số bằng: RE 757 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

12 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EK 439 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

13 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1972
Số bằng: PB 272 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

14 Liệt sĩ: **VŨ QUANG LỘC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: AK 059 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1971

15 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC LIÊM**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1947
Số bằng: BG 374 bp Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

16 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THỪ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1971
Số bằng: UV 226 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

17 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN XỨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MF 279 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

18 Liệt sĩ: **BÙI THẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 7 năm 1950
Số bằng: 9H 581 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

19 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1967

Số bằng: HQ 724 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977

20 Liệt sĩ: **TÔ VĂN CẢN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1971
Số bằng: LG 018 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

21 Liệt sĩ: **PHẠM TRỌNG TUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GA 101 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

22 Liệt sĩ: **TẠ NHU**
Thôn đội Trưởng, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XN 002 kp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

23 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHUYỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1970
Số bằng: EO 641 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

24 Liệt sĩ: **TỐNG ĐÌNH HÒA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 2S 1,478 bm Quyết định số: 1288/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

25 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC TUẤN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1954
Số bằng: XM 431 bm Quyết định số: 36/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959

26 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG THẮNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MF 307 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

27 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969
Số bằng: RN 741 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

28 Liệt sĩ: **VŨ THẾ VIỆT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1969
Số bằng: QH 202 bm Quyết định số: 483/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975

29 Liệt sĩ: **TRIỆU QUỐC ĐẠM**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: MH 548 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1970

30 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIỆN MẪN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AK 103 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1971

31 Liệt sĩ: **KHÚC VĂN LĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1972
Số bằng: RN 683 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

32 Liệt sĩ: **LƯƠNG THỊ LÀNH**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1950
Số bằng: ED 252 cp Quyết định số: 803/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 1999

33 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HQ 385 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1973

34 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐỜI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐA 609 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1972

35 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG DUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HQ 108 bm Quyết định số: 437/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1973

36 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: YL 621 bm Quyết định số: 436/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

37 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐỨC TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OE 164 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1974

38 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1971
Số bằng: RV 484 bm Quyết định số: 327/TTg ngày 20 tháng 7 năm 1976

39 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TRÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐG 477 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

40 Liệt sĩ: **NGÔ TÝ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 10 năm 1950
Số bằng: AC 516 kp Quyết định số: 65/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 1999

41 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EL 024 bm Quyết định số: 134/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1974

42 Liệt sĩ: **PHAN THỊ HẰNG**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: bm 288 cm Quyết định số: 181/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1967

43 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1964
Số bằng: NU 522 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1974

44 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TÒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1969
Số bằng: AV 117 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971

45 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EO 748 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

46 Liệt sĩ: **PHẠM THẾ HỆ**
Bí Thư Nông hội xã, Nguyên quán: xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XB 932 cp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1963

47 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHĨ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
Số bằng: QY 167 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

48 Liệt sĩ: **VŨ VĂN SỬ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương,

tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1970
Số bằng: ĐP 747 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

49 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: ĐC 570 bp Quyết định số: 141/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972

50 Liệt sĩ: **PHẠM PHÚ QUÝ**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MH 233 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

51 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC SÚY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1981
Số bằng: F 406 bt Quyết định số: 39/CTKT ngày 2 tháng 2 năm 1983

52 Liệt sĩ: **VŨ DUY TRUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1970
Số bằng: DP 751 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1973

53 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÙNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 2G 552 bm Quyết định số: 1665/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977

54 Liệt sĩ: **NGÔ TẤT DY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1969
Số bằng: ĐP 696 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 4 tháng 2 năm 1973

55 Liệt sĩ: **VŨ CAO QUÝ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968
Số bằng: UV 233 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

56 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN THÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1974
Số bằng: RB 985 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

57 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÍCH**
Trung đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1953
Số bằng: AC 533 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

58 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 9X 894 bm Quyết định số: 678/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1980

59 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC HUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GC 085 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

60 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
Số bằng: RV 584 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

61 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AP 991 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1971

62 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẢY**
Thôn đội phó , Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1949
Số bằng: XM 975 kp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

63 Liệt sĩ: **PHẠM ĐẲNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 1 năm 1953

Số bằng: NX 282 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1969

64 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG SẢO**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UV 177 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

65 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN MỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1967
Số bằng: KB 966 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

66 Liệt sĩ: **TRẦN LƯƠNG THIỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NG 149 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

67 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 9 năm 1949
Số bằng: XY 775 bp Quyết định số: 92/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1958

68 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊNG**
Uy viên Ban Chấp hành Hội nông dân cứu quốc, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 10 năm 1951

Số bằng: ED 255 cp Quyết định số: 803/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 1999

69 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHUÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NG 150 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

70 Liệt sĩ: **ĐÀO QUỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1952
Số bằng: NX 227 bp Quyết định số: 73/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

71 Liệt sĩ: **PHẠM KHOÁI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1954
Số bằng: XM 977 km Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

72 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG ÚY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1971
Số bằng: 2S 251 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

73 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 10 năm 1951
Số bằng: AC 536 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

74 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẤT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 6 năm 1954
Số bằng: AE 536 bp Quyết định số: 335/TTg ngày 4 tháng 2 năm 1956

75 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐỘ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1974
Số bằng: PB 271 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

76 Liệt sĩ: **CHU VĂN NHO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BA 489 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1971

77 Liệt sĩ: **ĐINH THẾ SỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UV 184 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

78 Liệt sĩ: **PHẠM KHOÁI**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1951

Số bằng: NX 307 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

79 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÌM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: EV 677 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1973

80 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LUYỆN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 8 năm 1950
Số bằng: AC 374 kp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

81 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CHIỂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LR 225 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1974

82 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1971
Số bằng: LR 587 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1974

83 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN NHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1971
Số bằng: OR 782 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

84 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHUẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐP 798 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

85 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC HỰU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CE 092 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

86 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TRẬT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1951
Số bằng: XK 271 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 32 tháng 2 năm 1963

87 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970
Số bằng: ĐL 818 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

88 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THAO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: LG 079 bm Quyết định số: 60/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1974

89 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH TƯ**
Chủ nhiệm hậu cần Trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: EV 859 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1973

90 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN OANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1971
Số bằng: bp 608 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1972

91 Liệt sĩ: **VŨ THANH BA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1969
Số bằng: HQ 076 bm Quyết định số: 437/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1973

92 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ÂN**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1951
Số bằng: ĐC 154 cp Quyết định số: 550/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1969

93 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1955
Số bằng: NX 312 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1976

94 Liệt sĩ: **VŨ MẠNH TƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐL 801 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

95 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MÃO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971

Số bằng: EL 151 bm Quyết định số: 145/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

96 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1949
Số bằng: NX 322 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

97 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHỈ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1965
Số bằng: AQ 833 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

98 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC TRUYỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1974
Số bằng: RN 733 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

99 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: ĐC 573 bp Quyết định số: 141/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972

100 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN Y**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1969
Số bằng: RN 688 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

101 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÚT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ES 370 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1973

102 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẾ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐA 743 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1972

103 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN RUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1969
Số bằng: QY 105 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1976

104 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN DŨNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 1 năm 1950
Số bằng: XY 781 kp Quyết định số: 092/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1958

105 Liệt sĩ: **CAO VĂN TRÌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1953
Số bằng: AC 845 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

106 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIỆN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: XY 340 kp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

107 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1970
Số bằng: OS 915 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

108 Liệt sĩ: **PHAN VĂN YẾT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1949
Số bằng: XC 303 kp Quyết định số: 176/TTg ngày 5 tháng 4 năm 1959

109 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TOẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: BG 458 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

110 Liệt sĩ: **BÙI HỮU THO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AK 232 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1971

111 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1968
Số bằng: OS 915 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1975

112 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM HỘ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: OL 043 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1974

113 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1950
Số bằng: AC 723 kp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

114 Liệt sĩ: **PHAN THẾ HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 6X 366 bt Quyết định số: 1212/TTga ngày 23 tháng 12 năm 1978

115 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC TÀM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CG 052 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1972

116 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHỦNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1968
Số bằng: PB 304 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1975

117 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THÁP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MĐ 1,116bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

118 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1967
Số bằng: UV 160 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

119 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN LẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1954
Số bằng: XH 438 bm Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

120 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÚY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1969
Số bằng: LA 321 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974

121 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1954
Số bằng: EC 643 bp Quyết định số: 360/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972

122 Liệt sĩ: **HOÀNG RI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 1 năm 1953
Số bằng: EC 644 bp Quyết định số: 360/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972

123 Liệt sĩ: **TRẦN HỘI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: XH 397 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

124 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỈNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1953
Số bằng: AC 9,882 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

125 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 2G 532 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1977

126 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC TẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XM 845 bp Quyết định số: 098/TTg ngày 3 tháng 2 năm 1959

127 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1970
Số bằng: EV 589 bm Quyết định số: 242/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1973

128 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN KÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1969
Số bằng: PB 296 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

129 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 8 năm 1952
Số bằng: XQ 4,697 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 10 tháng 1 năm 1959

130 Liệt sĩ: **ĐẶNG MÃO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: YZ 722 kp Quyết định số: 171/TTg ngày 3 tháng 4 năm 1957

131 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG QUYNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XH 496 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

132 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÁC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1951
Số bằng: AC 945 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

133 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHÁNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QP 155 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

134 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UV 248 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

135 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THUẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1970
Số bằng: UV 223 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

136 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CAO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1970
Số bằng: UV 336 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

137 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VƠN**
Trung đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9H 513 bt Quyết định số: 22/TTga ngày 1 tháng 5 năm 1980

138 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HK 070 bm Quyết định số: 40/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1973

139 Liệt sĩ: **PHẠM TRINH**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 3 năm 1950
Số bằng: YZ 732 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

140 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Qúy, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 4 năm 1954
Số bằng: QC 571 bp Quyết định số: 117/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

141 Liệt sĩ: **BÙI QUANG THÍCH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Qúy, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1970
Số bằng: GB 688 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1970

142 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1971
Số bằng: NV 108 bm Quyết định số: 441/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974

143 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGÂN**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1969

Số bằng: ĐP 785 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1973

144 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CHUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 2G 618 bm Quyết định số: 1665/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1977

145 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH NHU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BG 483 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

146 Liệt sĩ: **LÊ THANH XUÂN**
Cán bộ Công an, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1956
Số bằng: CV 325 cm Quyết định số: 171/CTKT ngày 1 tháng 7 năm 1991

147 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1951
Số bằng: XC 288 kp Quyết định số: 176/TTg ngày 5 tháng 4 năm 1959

148 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN LƯƠNG**
Y tá, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1970
Số bằng: RV 449 cm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

149 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN NGUYÊN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: bp 901 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1973

150 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUỀ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1953
Số bằng: AC 819 kp Quyết định số: 20/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1973

151 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH KÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1948
Số bằng: XC 886 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 3 tháng 3 năm 1958

152 Liệt sĩ: **ĐINH HỒNG TƠ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐP 874 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

153 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NGHỊ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
Số bằng: UV 293 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

154 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHIẾN**
Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EV 709 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1973

155 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1969
Số bằng: NK 326 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

156 Liệt sĩ: **LÊ VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: AC 877 bp Quyết định số: 20/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1970

157 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 5S 215 bm Quyết định số: 749/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1978

158 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HỢI (HỘI)**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1974
Số bằng: RN 675 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

159 Liệt sĩ: **ĐINH MIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1952
Số bằng: AC 896 bp Quyết định số: 212/TTg ngày 3 tháng 2 năm 1959

160 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1967
Số bằng: EK 517 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

161 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC VĂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3H 688 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1978

162 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HƯNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1974
Số bằng: PV 469 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

163 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN HOAN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1950
Số bằng: AC 181 kp Quyết định số: 20/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1970

164 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1970
Số bằng: PN 498 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

165 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHẢN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1965
Số bằng: AQ 301 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 5 tháng 8 năm 1971

166 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1975
Số bằng: GP 144 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

167 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH THẨM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 6 năm 1950

Số bằng: XA 594 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1958

168 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1970
Số bằng: EV 694 bm Quyết định số: 463/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1972

169 Liệt sĩ: **LÊ NHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1952
Số bằng: AC 917 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

170 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SĨ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1957
Số bằng: AC 816 km Quyết định số: 189/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1970

171 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐB 015 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1972

172 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUỐC KHÁNH**

Trợ lý tuyên huấn Trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HK 012 bm Quyết định số: 402/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1973

173 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC UYỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BT 405 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1972

174 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1973
Số bằng: KD 113 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

175 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1969
Số bằng: RV 589 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

176 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGHINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1954
Số bằng: AC 914 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

177 Liệt sĩ: **TÔ NHẬT THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1971
Số bằng: RN 711 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

178 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHUYỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9H 224 bt Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1980

179 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1966
Số bằng: CG 118 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1973

180 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1969
Số bằng: bp 892 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1972

181 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 1 năm 1950

Số bằng: XC 868 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 3 tháng 3 năm 1958

182 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1951
Số bằng: AC 837 bp Quyết định số: 189/TTga ngày 1 tháng 5 năm 1969

183 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH XUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CV 184 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972

184 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN UYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1969
Số bằng: UV 174 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

185 Liệt sĩ: **TRẦN MẠNH CHÍ**
Cán Bộ Thông tin thôn, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 1 năm 1950
Số bằng: AC 930 cp Quyết định số: 509/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1974

186 Liệt sĩ: **VŨ YÊN QUÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1967
Số bằng: MĐ 500 bm Quyết định số: 940/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

187 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC RỶ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966
Số bằng: EN 705 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

188 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHÚ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1969
Số bằng: CH 442 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1972

189 Liệt sĩ: **BÙI CAO KHẢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967
Số bằng: LA 299 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974

190 Liệt sĩ: **BÙI QUANG TUẤN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1969
Số bằng: RV 486 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

191 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN PHƯỞNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 6 năm 1952
Số bằng: AC 862 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

192 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 10 năm 1953
Số bằng: AC 911 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

193 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TƯ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: HC 783 bp Quyết định số: 208/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

194 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC TỬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1972
Số bằng: EQ 190 bm Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

195 Liệt sĩ: **HÀ BẮC ĐẦU**
Cán Bộ Cục Quản lý đường bộ - Bộ Giao Thông , Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1969
Số bằng: CM 953 cm Quyết định số: 189/TTga ngày 1 tháng 5 năm 1969

196 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1974
Số bằng: RV 568 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

197 Liệt sĩ: **BÙI QUANG HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 7 năm 1976
Số bằng: RV 359 bt Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

198 Liệt sĩ: **BÙI QUỐC BÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1954
Số bằng: AC 933 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1969

199 Liệt sĩ: **VŨ CÔNG HƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MK 278 bm Quyết định số: 198/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

200 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHƯƠNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1949
Số bằng: XA 442 kp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

201 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH KIÊNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HK 090 bm Quyết định số: 402/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1973

202 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SÒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: XY 232 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

203 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: SG 640 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

204 Liệt sĩ: **NGÔ ĐỨC BÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1951
Số bằng: KC 324 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

205 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: YZ 911 kp Quyết định số: 311/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

206 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: HC 835 bp Quyết định số: 208/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1972

207 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1965
Số bằng: OM 516 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1969

208 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC CHỨC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 12 năm 1972
Số bằng: PV 382 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1975

209 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RN 749 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1972

210 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU KHUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AK 356 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

211 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG LỊCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1969
Số bằng: PN 777 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

212 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC BÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RN 747 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

213 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG HÀI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1969
Số bằng: RN 761 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

214 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THẬN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1951
Số bằng: KC 208 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

215 Liệt sĩ: **TẠ VĂN ĐƯỢC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 11 năm 1951

Số bằng: KC 297 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

216 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN BẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 02 năm 1950
Số bằng: BC 177 bp Quyết định số: 223/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1970

217 Liệt sĩ: **DƯƠNG DUY TAY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1952
Số bằng: KC 287 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

218 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÁO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: BC 722 kp Quyết định số: 65/TTga ngày 24 tháng 02 năm 1973

219 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HỒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1972

Số bằng: LR 349 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1974

220 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1976
Số bằng: SG 682 bt Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

221 Liệt sĩ: **ĐẶNG MẠNH CHUYỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1966
Số bằng: PN 543 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1975

222 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1966
Số bằng: CL 755 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973

223 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1967
Số bằng: AK 027 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

224 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT MÔNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1943
Số bằng: PQ 693 bp Quyết định số: 29/TTga ngày 29 tháng 01 năm 1976

225 Liệt sĩ: **ĐÀO CÔNG MINH**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: ZQ 264 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

226 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN KÍNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: KC 354 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

227 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN TỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 6 năm 1954
Số bằng: ZQ 2,659 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

228 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TUYỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1967
Số bằng: MV 532 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1971

229 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN YÊN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: AQ 680 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

230 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1966
Số bằng: RN 778 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

231 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC MẠNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1967
Số bằng: AK 108 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

232 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC DẬU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AT 171 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1971

233 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NHẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1969
Số bằng: MR 356 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970

234 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
Số bằng: bp 707 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1972

235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT THẮNG**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1968
Số bằng: EM 909 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1970

236 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG GIANG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LE 508 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

237 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NGỌ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AQ 311 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1971

238 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CỘNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ò 197 bm Quyết định số: 597/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

239 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG TÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1975
Số bằng: ZG 712 bm Quyết định số: 1664/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1977

240 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TRỊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1968
Số bằng: RN 821 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

241 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN CHINH**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MH 531 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 01 tháng 5 năm 1970

242 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RN 771 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

243 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUYỆT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AV 036 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

244 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUẾ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 02 năm 1960
Số bằng: RV 855 bm Quyết định số: 484TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975

245 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN NHƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1970
Số bằng: OL 767 bm Quyết định số: 04/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1975

246 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TUẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BG 459 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1972

247 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT LUYỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1969
Số bằng: EQ 600 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

248 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1950
Số bằng: YZ 329 kp Quyết định số: 1191/TTg ngày 22 tháng 12 năm 1956

249 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CHUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IM 789 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

250 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AQ 810 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

251 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AV 146 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

252 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1968
Số bằng: CG 397 bm Quyết định số: 235/TTga ngày 01 tháng 10 năm 1971

253 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OR 916 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

254 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1969
Số bằng: PG 494 bm Quyết định số: 248/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1975

255 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC NGƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1968
Số bằng: RV 359 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

256 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẦN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967
Số bằng: KP 127 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1973

257 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUYNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1972
Số bằng: HQ 304 bm Quyết định số: 1437/CTKT ngày 13 tháng 8 năm 1985

258 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH NGHĨA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 11 năm 1973
Số bằng: PU 204 bm Quyết định số: 376T/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

259 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NGHIỄM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HK 029 bm Quyết định số: 402/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1973

260 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TÍCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1954
Số bằng: KC 399 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

261 Liệt sĩ: **ĐÀO TRỌNG LẬP**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1973
Số bằng: LR 360 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1974

262 Liệt sĩ: **DƯƠNG CÔNG HƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1964
Số bằng: PV 817 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975

263 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỆP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1965
Số bằng: PV 810 bm Quyết định số: 484TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975

264 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THAO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 02 năm 1969
Số bằng: AQ 307 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1971

265 Liệt sĩ: **ĐÀO TRỌNG ĐĨNH**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1951
Số bằng: AC 762 kp Quyết định số: 223/Ttga ngày 22 tháng 9 năm 1970

266 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1972
Số bằng: LE 528 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1973

267 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1966

Số bằng: ĐL 568 bm Quyết định số: 455/ TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

268 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT TIẾN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1946
Số bằng: LC 320 bp Quyết định số: 534/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1973

269 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY LẶC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bảo, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: QS 572 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

270 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU ĐÃN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PV 692 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

271 Liệt sĩ: **HOÀ QUANG HIẾU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 4 năm 1976
Số bằng: EQ 626 bt Quyết định số: 175/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

272 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ML 218 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1970

273 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT NĂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1969
Số bằng: SG 702 bm Quyết định số: 491/Ttga ngày 06 tháng 11 năm 1976

274 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN KHAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 5 năm 1973
Số bằng: OL 366 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974

275 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LƯ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1969
Số bằng: AV 050 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

276 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ROAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 6 năm 1997
Số bằng: ĐS 998 bt Quyết định số: 629/TTGa ngày 18 tháng 7 năm 1998

277 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LỘC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AK 057 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

278 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH THỌ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1968
Số bằng: AQ 860 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

279 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIỆN NGỪNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1973
Số bằng: HO 469 bm Quyết định số: 448/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

280 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TRÌNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EL 731 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1975

281 Liệt sĩ: **DƯƠNG TIẾN LỘNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AQ 334 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1971

282 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BA**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AU 512 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

283 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC ĐẠI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 8 năm 1951
Số bằng: KC 392 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

284 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1952
Số bằng: ZQ 2,661 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

285 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THẢN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MD 394 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

286 Liệt sĩ: **NGỌ HỖ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 6 năm 1954

Số bằng: XC 035 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959

287 Liệt sĩ: **NGỌ VĂN SIỂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1950
Số bằng: MX 954 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 01 năm 1962

288 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU LÂU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 4 năm 1952
Số bằng: XA 575 kp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

289 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG Ỷ**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 9 năm 1953
Số bằng: XA 603 kp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

290 Liệt sĩ: **MAI CÔNG TUỲ**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 10 năm 1952
Số bằng: BC 817 bp Quyết định số: 195/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1970

291 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY NUÔI**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1970
Số bằng: SG 744 bm Quyết định số: 491/Ttga ngày 06 tháng 11 năm 1976

292 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH KHIÊU**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1974
Số bằng: SQ 298 bm Quyết định số: 485/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

293 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THAM**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7A 025 bt Quyết định số: 1292/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978

294 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY MỲ**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969
Số bằng: SQ 255 bm Quyết định số: 485/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

295 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1966
Số bằng: BH 999 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 29 tháng 02 năm 1972

296 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GJ 230 bm Quyết định số: 341/TTga ngày 09 tháng 8 năm 1973

297 Liệt sĩ: **BÙI HỮU GIẢNG**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1967
Số bằng: AN 197 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1967

298 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG MỚI**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1950
Số bằng: DZ 044 kp Quyết định số: 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 1999

299 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THANH**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8M 280 bt Quyết định số: 461/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

300 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THANH**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AK 430 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

301 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NINH**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 3H 143 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

302 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG NIÊM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 9A 742 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

303 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SQ 416 bm Quyết định số: 485/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

304 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1974
Số bằng: EO 622 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

305 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TỐN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1966
Số bằng: BH 991 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 29 tháng 02 năm 1972

306 Liệt sĩ: **TRẦN KHẮC NAM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 5 năm 1976
Số bằng: SG 700 bt Quyết định số: 491/Ttga ngày 06 tháng 11 năm 1967

307 Liệt sĩ: **NGUYỄN DOÃN LỢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1970
Số bằng: CV 154 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972

308 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY BẰNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1970
Số bằng: ĐL 539 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972

309 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
Số bằng: LR 423 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1974

310 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1967
Số bằng: MK 321 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

311 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG NINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SG 734 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

312 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ỦY**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 02 năm 1978
Số bằng: 8M 194 bt Quyết định số: 461/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1979

313 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TIÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 2A 424 bt Quyết định số: 07/CTKT ngày 09 tháng 11 năm 1981

314 Liệt sĩ: **HOÀNG THANH SƠN**
Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1986
Số bằng: CA 772 bt Quyết định số: 171/CTKT ngày 27 tháng 7 năm 1988

315 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIỆT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 02 năm 1952
Số bằng: XA 583 kp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

316 Liệt sĩ: **VŨ TIẾN ĐẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PV 031 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

317 Liệt sĩ: **TRẦN KHẮC VỖ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1952
Số bằng: ZQ 2,169 kp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

318 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG LA**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1966
Số bằng: SP 346 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

319 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EO 688 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

320 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG NUÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9B 114 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979

321 Liệt sĩ: **PHẠM QUÝ RUYÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9B 026 bt Quyết định số: 778/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1979

322 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU KIÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 02 năm 1950
Số bằng: XK 910 kp Quyết định số: 53/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1961

323 Liệt sĩ: **NGUYỄN SINH THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1965
Số bằng: MF 317 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

324 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÓ LUẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: DL 684 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972

325 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRỌNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1968
Số bằng: AP 955 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

326 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TRỌNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1969
Số bằng: RV 342 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

327 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1970
Số bằng: CH 378 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972

328 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUYẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972
Số bằng: SP 401 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

329 Liệt sĩ: **VŨ TIẾN THOÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1969
Số bằng: HQ 433 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1973

330 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SỐ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 7Z 605 bt Quyết định số: 234/TTga ngày 04 tháng 4 năm 1979

331 Liệt sĩ: **BÙI GIA RIỄN**
Cán bộ bình dân học vụ, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1951
Số bằng: AC 666 cp Quyết định số: 195/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

332 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGHĨA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 5 năm 1975
Số bằng: QP 656 bt Quyết định số: 29/TTga ngày 29 tháng 01 năm 1976

333 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1954
Số bằng: XL 663 bp Quyết định số: 483 TTg ngày 3 tháng 11 năm 1958

334 Liệt sĩ: **UÔNG TINH HỮU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Dục, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1954

Số bằng: XM 837 kp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

335 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẦM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1973
Số bằng: RE 880 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

336 Liệt sĩ: **VŨ TIẾN ĐỒNG**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 01 năm 1978
Số bằng: 7A 059 bt Quyết định số: 1392/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1978

337 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HOE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 01 năm 1976
Số bằng: QM 459 bt Quyết định số: 197/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

338 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1967
Số bằng: LE 529 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

339 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1971
Số bằng: EV 881 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1973

340 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG MEN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973
Số bằng: RV 275 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

341 Liệt sĩ: **ĐÀO PHÚ HẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1972
Số bằng: PV 038 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

342 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MR 312 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970

343 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RỸ**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 9 năm 1950
Số bằng: XY 212 kp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

344 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TUYNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
Số bằng: RV 265 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

345 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐỨC KIỂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MR 317 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970

346 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHỮ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm 1952
Số bằng: GE 815 kp Quyết định số: 1077/TTga ngày 29 tháng 9 năm 2003

347 Liệt sĩ: **VŨ VĂN LUẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1969
Số bằng: EV 810 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1973

348 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 02 năm 1949
Số bằng: KC 282 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

349 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC THUỶ (THỈ)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1971
Số bằng: CH 598 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

350 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1973
Số bằng: SG 607 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976

351 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1953
Số bằng: KC 333 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

352 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: RN 807 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1976

353 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 8R 719 bt Quyết định số: 59/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1979

354 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RN 743 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1976

355 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGHÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1970
Số bằng: QS 799 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976

356 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG ĐẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MF 161 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

357 Liệt sĩ: **ĐÀO MINH THUẬT**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OB 380 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 09 tháng 12 năm 1974

358 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: MĐ 715 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1970

359 Liệt sĩ: **VŨ DUY ĐÌA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CH 627 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

360 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1972
Số bằng: RN 811 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1976

361 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ML 176 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1970

362 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MF 253 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

363 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: ZG 640 bp Quyết định số: 1664/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1977

364 Liệt sĩ: **VŨ QUANG THIẾP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RE 906 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

365 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN TÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: LC 725 bp Quyết định số: 420/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974

366 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC HỒNG**
Giao thông vận tải Hà Tĩnh, Nguyên quán: xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1967
Số bằng: IM 062 cm Quyết định số: 453/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972

367 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG KHÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 9 năm 1975
Số bằng: QS 796 bt Quyết định số: 113TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976

368 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYẾT**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1974
Số bằng: RG 494 bm Quyết định số: 242/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

369 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÔNG**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 5 năm 1950
Số bằng: GU 505 bp Quyết định số: 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2005

370 Liệt sĩ: **PHẠM KHẮC TÒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 02 năm 1949
Số bằng: BC 169 kp Quyết định số: 223/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1970

371 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGƯ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 10 năm 1979
Số bằng: 2AA 402 bt Quyết định số: 07/CTKT ngày 01 tháng 9 năm 1981

372 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẤU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 02 năm 1966
Số bằng: IM 839 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

373 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 01 năm 1951
Số bằng: KC 168 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1973

374 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 01 năm 1954
Số bằng: AM 301 bp Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1974
Số bằng: QS 787 bm Quyết định số: 113TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976

376 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG BA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1977
Số bằng: 3H 594 bt Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1978

377 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÁO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1951
Số bằng: GE 831 kp Quyết định số: 1077/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2003

378 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN SÁM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1952
Số bằng: KC 318 kp Quyết định số: 197/TTga ngày 14 tháng 9 năm 1972

379 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC THỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1967
Số bằng: LE 530 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

380 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN CHƯƠNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SP 395 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

381 Liệt sĩ: **PHẠM ĐẮC SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1954
Số bằng: MX 662 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

382 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THƯỞNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1952

Số bằng: XY 344 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

383 Liệt sĩ: **BÙI QUANG (DUY) BÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1969
Số bằng: NX 056 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

384 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG SỈNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GB 916 bm Quyết định số: 236/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

385 Liệt sĩ: **DƯƠNG DUY PHƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1970
Số bằng: CV 024 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1972

386 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968
Số bằng: EQ 617 bm Quyết định số: 175TTga ngày 5 tháng 11 năm 1973

387 Liệt sĩ: **BÙI GIA BÒNG**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970
Số bằng: OE 129 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

388 Liệt sĩ: **BÙI TRỌNG CHIẾM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969
Số bằng: RV 323 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

389 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 8 năm 1950
Số bằng: XY 347 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

390 Liệt sĩ: **NGỌ VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2S 007 bm Quyết định số: 1287/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

391 Liệt sĩ: **BÙI GIA LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 9B 095 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979

392 Liệt sĩ: **BÙI DUY VŨ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: NX 055 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

393 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 10 năm 1952
Số bằng: XH 507 bp Quyết định số: 3283/TTg ngày 16 tháng 6 năm 1958

394 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TUYẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2G 694 bm Quyết định số: 1664/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1977

395 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC KHẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1951
Số bằng: NX 058 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

396 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1969
Số bằng: HQ 211 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1973

397 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỎA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AK 437 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 3 tháng 11 năm 1971

398 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NUÔI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1971
Số bằng: RV 235 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

399 Liệt sĩ: **BÙI GIA NGOÃN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MH 459 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1970

400 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1968
Số bằng: RE 915 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

401 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1970
Số bằng: QS 729 bm Quyết định số: 113TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976

402 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1967
Số bằng: PV 857 bm Quyết định số: 484TTga ngày 16 tháng 12 năm 1973

403 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC RỐP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 09 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 5G 187 bt Quyết định số: 459TTga ngày 5 tháng 8 năm 1978

404 Liệt sĩ: **ĐOÀN KIM NHỎN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 02 năm 1972
Số bằng: EV 001 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973

405 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AQ 919 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

406 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1971
Số bằng: CV 494 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1972

407 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9B 092 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979

408 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1969
Số bằng: EO 721 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1971

409 Liệt sĩ: **ĐẶNG TIẾN NGHIỄN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1972
Số bằng: UE 644 bm Quyết định số: 064/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

410 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG TRẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 10 năm 1966
Số bằng: MF 078 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

411 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG LỤY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh

Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1973
Số bằng: EN 650 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

412 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC MẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 01 năm 1984
Số bằng: AH 069 bt Quyết định số: 305/CTKT ngày 09 tháng 12 năm 1984

413 Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC MINH**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MR 334 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970

414 Liệt sĩ: **NGÔ TRỌNG TẢN**
Cán bộ đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 5 năm 1950
Số bằng: AC 637 cp Quyết định số: 195/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

415 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KP 002 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1973

416 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LỘC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SG 714 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976

417 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1966
Số bằng: MĐ 497 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

418 Liệt sĩ: **LÊ HỮU CA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1970
Số bằng: ĐN 220 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1972

419 Liệt sĩ: **ĐÀO TRỌNG HIẾU**
Trợ lý tham mưu tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1968

Số bằng: CH 513 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

420 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG OANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9H 177 bt Quyết định số: 38/Ttga ngày 14 tháng 1 năm 1980

421 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: KC 948 bp Quyết định số: 304/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

422 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TUỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 01 năm 1971
Số bằng: GI 140 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1973

423 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC BẤT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: ĐA 549 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1972

424 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÉU**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 8U 629 bt Quyết định số: 696/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1979

425 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG PHÀ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972

Số bằng: GI 170 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1973

426 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1950
Số bằng: XH 515 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

427 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ER 277 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

428 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NE 033 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

429 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH VỸ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XH 631 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

430 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỤ VUI**

Trung đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 1Z 989 km Quyết định số: 1709/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977

431 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CG 072 bm Quyết định số: 022/TTga ngày 06 tháng 6 năm 1972

432 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UB 564 bm Quyết định số: 058/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

433 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LŨY**
Quân báo xã, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 12 năm 1952
Số bằng: AC 724 kp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

434 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SỸ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1953

Số bằng: XH 914 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

435 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1969
Số bằng: LE 415 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

436 Liệt sĩ: **VŨ QUANG ĐIỆU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XH 375 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

437 Liệt sĩ: **LÊ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XH 433 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

438 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGỪNG**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1974
Số bằng: RH 217 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976

439 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGẢY**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1965

Số bằng: AK 082 bm Quyết định số: 063/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

440 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH LINH**
Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1970
Số bằng: PN 557 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1975

441 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1971
Số bằng: PN 552 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1975

442 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁT**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1971
Số bằng: EK 474 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

443 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TƯỜNG**
Xã viên hợp tác xã vận tải sông Diêm, tỉnh Thái Bình, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 7 năm 1967

Số bằng: HM 192 cm Quyết định số: 075/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1971

444 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẪN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trung, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XK 039 bp Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1978

445 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: EV 096 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973

446 Liệt sĩ: **BÙI VIẾT BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Châu, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1951
Số bằng: DX 024 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

447 Liệt sĩ: **NGUYỄN BIỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 5 năm 1950
Số bằng: CX 821 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

448 Liệt sĩ: **TÔ HUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 3 năm 1954
Số bằng: CX 797 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

449 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CH 244 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972

450 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐĨNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1967
Số bằng: bp 700 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1972

451 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐỨC VIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1967
Số bằng: OM 595 bm Quyết định số: 098/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1969

452 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CÁC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Văn, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1950
Số bằng: XK 673 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

453 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC THĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1971
Số bằng: RO 967 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

454 Liệt sĩ: **HỒ TRỌNG SÓT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 4 năm 1951
Số bằng: XK 602 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

455 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH BAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 1 năm 1951
Số bằng: BC 920 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

456 Liệt sĩ: **GIANG KHẮC CHÍ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: QS 565 bm Quyết định số: 111/TTga ngày 03 tháng 4 năm 1976

457 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1952

Số bằng: CX 830 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

458 Liệt sĩ: **TRẦN HUY KHOÁNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1A 431 bm Quyết định số: 719/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

459 Liệt sĩ: **GIANG VĂN RỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 11 năm 1953
Số bằng: BC 924 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

460 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KIỆN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XK 607 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

461 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG**
Phó Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1964
Số bằng: IZ 496 cm Quyết định số: 1610/TTga ngày 03 tháng 12 năm 1977

462 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1967
Số bằng: AQ 636 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1971

463 Liệt sĩ: **TĂNG MINH TIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MĐ 342 bm Quyết định số: 092/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

464 Liệt sĩ: **VŨ VĂN SẢN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MH 257 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

465 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1970
Số bằng: PG 470 bm Quyết định số: 248/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1975

466 Liệt sĩ: **HÀ ĐỒNG CHÂU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1950
Số bằng: BC 094 kp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

467 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1965
Số bằng: BH 975 bm Quyết định số: 068/TTga ngày 29 tháng 02 năm 1972

468 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 1A 505 bm Quyết định số: 720/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

469 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RV 043 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

470 Liệt sĩ: **VŨ NHƯ HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1952
Số bằng: PX 735 bp Quyết định số: 145/TTga ngày 11 tháng 10 năm 1966

471 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THEO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XK 604 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

472 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÌ**
Thôn đôi trưởng, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 10 năm 1951
Số bằng: EZ 681 kp Quyết định số: 1604/TTg ngày 24 tháng 12 năm 2001

473 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1952
Số bằng: BC 833 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

474 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1970
Số bằng: CG 260 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

475 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐẮC NGHIÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XK 614 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

476 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THAO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 02 năm 1951
Số bằng: GE 824 kp Quyết định số: 1077/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2003

477 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1973

Số bằng: RO 894 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

478 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NE 170 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

479 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐẮC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1974
Số bằng: PB 424 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

480 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN SẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1952
Số bằng: CX 953 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

481 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972
Số bằng: GB 754 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

482 Liệt sĩ: **BÙI THẾ THÁI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1973
Số bằng: QS 555 bm Quyết định số: 111/TTga ngày 03 tháng 4 năm 1976

483 Liệt sĩ: **TRỊNH THUỶ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: XK 652 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

484 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HẢ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RO 887 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

485 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1951
Số bằng: DX 069 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

486 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XA 3,138 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

487 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỜ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XK 650 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

488 Liệt sĩ: **VŨ QUANG VIỆN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1951
Số bằng: CX 857 bp Quyết định số: 334/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1960

489 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN LOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1973
Số bằng: RP 314 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

490 Liệt sĩ: **ĐỖ THỊ KHUYÊN**
Chiến sĩ Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1970
Số bằng: KM 907 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

491 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TẠCH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SD 412 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

492 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH SOÁI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NE 086 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

493 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1969
Số bằng: SD 345 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

494 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRƯỜNG LANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1971
Số bằng: EV 459 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

495 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VỤ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AK 268 bm Quyết định số: 063/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

496 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIỀU**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
Số bằng: SD 347 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

497 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỰ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 5 năm 1951
Số bằng: DP 255 kp Quyết định số: 149/TTg ngày 10 tháng 3 năm 1995

498 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7A 123 bt Quyết định số: 1292/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978

499 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1950
Số bằng: PX 624 bp Quyết định số: 143/TTga ngày 11 tháng 10 năm 1966

500 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TỤC**
Chiến sĩQuân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1950
Số bằng: BC 890 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

501 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH QUYỀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1950
Số bằng: BC 891 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

502 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TẢNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1951
Số bằng: 1HC 079 bp Quyết định số: 1044/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

503 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG PHIẾU**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1971
Số bằng: SD 373 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

504 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG PHỔ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 10 năm 1952

Số bằng: BC 889 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

505 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1966
Số bằng: AK 193 bm Quyết định số: 063/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

506 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH RONG**

Thiếu uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MĐ 580 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1970

507 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THẺ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: GA 036 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1973

508 Liệt sĩ: **TRẦN HUY PHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SD 375 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

509 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU THỨ**
Nhân viên công an, Nguyên quán: xã Thụy Trung, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XY 704 cp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

510 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC HỞN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1965
Số bằng: MF 085 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

511 Liệt sĩ: **VŨ QUANG TIU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1971
Số bằng: EL 784 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1975

512 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TÍT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Cầu, huyện Phụ Dực, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XA 598 kp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

513 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1952
Số bằng: BC 898 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

514 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XM 804 bp Quyết định số: 098/TTg ngày 02 tháng 3 năm 1959

515 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH TƯỚC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1950
Số bằng: DK 688 kp Quyết định số: 469/TTg ngày 16 tháng 9 năm 1993

516 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH XUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XM 334 bp Quyết định số: 098/TTg ngày 02 tháng 3 năm 1959

517 Liệt sĩ: **ĐỖ THANH HỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NE 052 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

518 Liệt sĩ: **VŨ VĂN PHIẾM**
Trợ lý quân giới phân khu Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PV 158 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

519 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN PHI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: EK 424 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

520 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TẠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EF 193 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

521 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẶN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MĐ 214 bm Quyết định số: 079/TTga ngày 02 tháng 4 năm 1970

522 Liệt sĩ: **TÔ VĂN HÃN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1967
Số bằng: QM 504 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

523 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1952
Số bằng: BC 288 bp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

524 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÌU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: XH 063 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 06 tháng 6 năm 1958

525 Liệt sĩ: **TRỊNH QUÝ ĐỊNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1949
Số bằng: BC 290 bp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

526 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO HOẠT**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Thụy Trương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1951
Số bằng: AC 561 cp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1970

527 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐĨNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1968
Số bằng: CG 280 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

528 Liệt sĩ: **PHẠM THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: EQ 997 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1973

529 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC SÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1972
Số bằng: ES 735 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

530 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1970
Số bằng: ĐG 593 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

531 Liệt sĩ: **PHAN TRỌNG MÃ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐG 575 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

532 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9H 462 bt Quyết định số: 022/TTga ngày 05 tháng 01 năm 1980

533 Liệt sĩ: **LÃ VĂN KỶ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HQ 190 bm Quyết định số: 437/Ttga ngày 09 tháng 10 năm 1973

534 Liệt sĩ: **NGUYỄN NAM THIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1971
Số bằng: PV 442 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1975

535 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1968
Số bằng: PV 415 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1975

536 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TRÍCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949
Số bằng: AC 883 kp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

537 Liệt sĩ: **BÙI VIẾT TÍN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HS 235 bm Quyết định số: 447/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

538 Liệt sĩ: **MAI NGỌC ĐÓNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: HO 498 bm Quyết định số: 448/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

539 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN LỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 6 năm 1968
Số bằng: EV 461 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

540 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH DỞN**
Phó ban công an xã, Nguyên quán: xã Thái Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 11 năm 1950
Số bằng: AC 922 kp Quyết định số: 453/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1974

541 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUYÊN BẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 5 năm 1954
Số bằng: BC 230 bp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

542 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC CHỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1952
Số bằng: NE 171 bp Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

543 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MẬU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XA 873 kp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958

544 Liệt sĩ: **HỒ TRỌNG LỪ**
Uỷ ban hành chính xã, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy

sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KM 385 cm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

545 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG XÌNH**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OB 240 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1974

546 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH QUYÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐA 777 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1972

547 Liệt sĩ: **LƯU ĐỨC LỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1967
Số bằng: ĐA 737 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1972

548 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH DŨNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949
Số bằng: AC 884 kp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

549 Liệt sĩ: **BÙI THẾ VĨNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971
Số bằng: KD 105 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

550 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG DŨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1971
Số bằng: UB 037 bm Quyết định số: 059/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

551 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐẤU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1951
Số bằng: BC 231 bp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

552 Liệt sĩ: **BÙI QUANG TUẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1971
Số bằng: KD 011 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

553 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HOÀI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KD 101 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

554 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9S 335 bt Quyết định số: 471/TTga ngày 04 tháng 7 năm 1980

555 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG ƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8M 193 bt Quyết định số: 472/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

556 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1972
Số bằng: PV 633 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

557 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1972
Số bằng: EV 567 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

558 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÓC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AQ 421 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1971

559 Liệt sĩ: **PHẠM DUY ĐÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 9 năm 1979
Số bằng: 9S 183 bt Quyết định số: 466/TTga ngày 04 tháng 7 năm 1980

560 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN KIỆM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐN 245 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1972

561 Liệt sĩ: **LÊ HỮU CHẤT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1972
Số bằng: EF 301 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

562 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN NGỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1967
Số bằng: ĐN 445 bm Quyết định số: 483/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972

563 Liệt sĩ: **PHAN THANH RUÔI**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 7 năm 1975

Số bằng: 3H 606 bt Quyết định số: 058/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1978

564 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1968
Số bằng: RV 087 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

565 Liệt sĩ: **NGUYỄN NĂNG HƯỚNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UB 578 bm Quyết định số: 058/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

566 Liệt sĩ: **LÊ PHÓ THỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1974
Số bằng: RN 880 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

567 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỒNG PHỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1972
Số bằng: ES 689 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

568 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐỨC MIN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 8 năm 1981
Số bằng: P 067 bt Quyết định số: 372/CTKT ngày 19 tháng 10 năm 1983

569 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1968
Số bằng: ĐN 351 bm Quyết định số: 483/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972

570 Liệt sĩ: **TÔ VĂN THÀNH**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐN 344 bm Quyết định số: 483/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972

571 Liệt sĩ: **PHAN VĂN VŨ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1972
Số bằng: OH 088 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1974

572 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐỨC MẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MĐ 623 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1970

573 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN GẤT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1959
Số bằng: KP 135 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 05 tháng 12 năm 1973

574 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC TIẾM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1972
Số bằng: NE 097 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

575 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1972
Số bằng: EL 717 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1975

576 Liệt sĩ: **TRẦN DUY KHẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1970
Số bằng: OE 351 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

577 Liệt sĩ: **BÙI NGUYÊN CHUỘNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1967
Số bằng: RP 432 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

578 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CL 305 bm Quyết định số: 303/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

579 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: OE 304 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

580 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỤNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QS 548 bm Quyết định số: 111/TTga ngày 03 tháng 4 năm 1976

581 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH VƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 1 năm 1984
Số bằng: AC 833 bt Quyết định số: 231/CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984

582 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG RỸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1970
Số bằng: UB 047 bm Quyết định số: 059/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

583 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỈU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CL 244 bm Quyết định số: 303/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

584 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG CẠNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: RV 118 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

585 Liệt sĩ: **VŨ VĂN HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1973
Số bằng: OE 299 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

586 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1967
Số bằng: EN 611 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

587 Liệt sĩ: **BÙI ĐĂNG KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1968
Số bằng: CG 261 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

588 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NE 020 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

589 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH PHỤNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 12 năm 1953
Số bằng: MC 861 bp Quyết định số: 231/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1975

590 Liệt sĩ: **BÙI KHẮC NHƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1972
Số bằng: EV 557 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

591 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC QUANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CG 062 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 06 tháng 6 năm 1972

592 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH KHUÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1951
Số bằng: BC 955 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

593 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN VÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1969
Số bằng: CE 160 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

594 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 3H 080 bm Quyết định số: 1586/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

595 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY GẮT**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1972
Số bằng: bm 330 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

596 Liệt sĩ: **LÂM VĂN NGHỊ**
Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ĐL 884 kp Quyết định số: 579/TTg ngày 25 tháng 7 năm 1997

597 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẮC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1970
Số bằng: UB 113 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

598 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NHẬN**
Đại uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 12 năm 1985
Số bằng: CA 003 bt Quyết định số: 086/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1988

599 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9H 279 bt Quyết định số: 038/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1980

600 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TỀ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 3 năm 1954

Số bằng: BC 207 bp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

601 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1967

Số bằng: IM 862 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

602 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG KHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RN 979 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

603 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TIÊM**
Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1951
Số bằng: ĐY 950 cp Quyết định số: 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 1999

604 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: ES 699 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

605 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1971
Số bằng: EX 108 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1973

606 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LR 652 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1974

607 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG NHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thuỷ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1968
Số bằng: RN 995 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

608 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LỘC**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1952
Số bằng: YZ 721 kp Quyết định số: 171/TTg ngày 04 tháng 3 năm 1957

609 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHÁT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1950
Số bằng: ĐZ 145 kp Quyết định số: 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 1999

610 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TUYỂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1951
Số bằng: ĐZ 203 kp Quyết định số: 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 1999

611 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHẬT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EV 554 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

612 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: UB 579 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

613 Liệt sĩ: **GIANG VĂN TOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: OL 462 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974

614 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LƯU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: RP 318 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

615 Liệt sĩ: **MAI NGỌC THỨ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1971
Số bằng: OL 477 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974

616 Liệt sĩ: **LÃ QUÝ DŨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1973
Số bằng: OL 446 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974

617 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1971
Số bằng: QA 414 bm Quyết định số: 719/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

618 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ PHÒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 1A 376 bm Quyết định số: 719/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

619 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1972
Số bằng: RO 892 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

620 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC VƯỢNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 1A 556 bm Quyết định số: 720/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

621 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIÊN**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1A 498 bm Quyết định số: 720/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

622 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TRIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1A 588 bm Quyết định số: 720/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

623 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SỬ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1969
Số bằng: RP 341 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

624 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VIỄN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1953
Số bằng: BC 854 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

625 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 7Z 516 bt Quyết định số: 235/TTga ngày 04 tháng 4 năm 1979

626 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC HẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1972
Số bằng: RV 133 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

627 Liệt sĩ: **BÙI NGUYÊN CHẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Văn, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
Số bằng: IM 803 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

628 Liệt sĩ: **TÔ VĂN HOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hoàng, huyện Đông Quan, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 10 năm 1948
Số bằng: GD 186 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

629 Liệt sĩ: **TÔ VĂN CANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hoàng, huyện Đông Quan, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CG 084 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1972

630 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XỨNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1969
Số bằng: RV 467 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

631 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG ĐÁNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐL 599 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972

632 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RV 522 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

633 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHỚN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1974
Số bằng: 2S 243 bm Quyết định số: 1287/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

634 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1966
Số bằng: EV 421 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

635 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG THƯỢC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Lạc, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1972
Số bằng: PV 263 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1975

636 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HẠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Lạc, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
Số bằng: QY 091 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

637 Liệt sĩ: **BÙI QUANG GIANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 12 năm 1953
Số bằng: ZD 216 bp Quyết định số: 171/TTtg ngày 23 tháng 4 năm 1957

638 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1950
Số bằng: ZD 082 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

639 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU DUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Kỳ Bá, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QT 330 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1975

640 Liệt sĩ: **HOÀNG KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 01 năm 1952
Số bằng: BC 513 bp Quyết định số: 46/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1970

641 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG THUỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1966
Số bằng: ĐL 831 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972

642 Liệt sĩ: **LƯƠNG THẾ TRINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1974
Số bằng: SP 698 bm Quyết định số: 459/Ttga ngày 21 tháng 10 năm 1976

643 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SỨC**
Công đoàn tỉnh Thái Bình, Nguyên quán: xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 7 năm 1950
Số bằng: XA 587 cp Quyết định số: 375TTga ngày 1 tháng 8 năm 1958

644 Liệt sĩ: **LÊ HOAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Lăng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 3 năm 1950
Số bằng: AC 541 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

645 Liệt sĩ: **MAI VĂN HOẠT**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây An, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 02 năm 1975
Số bằng: RY 134 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

646 Liệt sĩ: **NGUYỄN CỪU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 01 năm 1952
Số bằng: BC 621 bp Quyết định số: 46/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1970

647 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG KIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1972
Số bằng: SQ 147 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

648 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THÁM**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RY 232 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

649 Liệt sĩ: **PHẠM MẠNH CƯỜNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Công, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm

1954
Số bằng: XL 778 bp Quyết định số: 518/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1958

650 Liệt sĩ: **NGUYỄN LÒNG**
Quân báo du kích, Nguyên quán: xã Phương Công, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XY 187 kp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

651 Liệt sĩ: **CHU ĐỨC TIẾN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1946
Số bằng: NK 386 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1963

652 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1968
Số bằng: EO 716 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

653 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: ER 136 bm Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

654 Liệt sĩ: **BÙI KIM QUỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1953
Số bằng: BC 512 bp Quyết định số: 46/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1970

655 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN INH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZA 547 bp Quyết định số: 104/TTg ngày 25 tháng 3 năm 1987

656 Liệt sĩ: **VŨ ĐỊNH CÔNG**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Sơn, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1969
Số bằng: MK 237 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

657 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHUẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1974
Số bằng: RO 369 bm Quyết định số: 306/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

658 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Công, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 3 năm 1967
Số bằng: AV 022 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

659 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CHỬ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SQ 200 bm Quyết định số: 306/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

660 Liệt sĩ: **PHẠM THUYẾT**
Thôn đội phó, Nguyên quán: xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 02 năm 1950
Số bằng: XN 028 kp Quyết định số: 23/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1963

661 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐÀO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9H 249 bt Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1980

662 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC PHỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Sơn , huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 10 năm 1953
Số bằng: AC 706 bp Quyết định số: 185/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969

663 Liệt sĩ: **VŨ VĂN LÃM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1968
Số bằng: NE 755 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1974

664 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG LOÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Việt , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BD 639 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

665 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Thuận , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 11 năm 1983
Số bằng: AK 720 bt Quyết định số: 379/CTKT ngày 07 tháng 4 năm 1984

666 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phong , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1967
Số bằng: EL 131 bm Quyết định số: 134/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1973

667 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TỐT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1970
Số bằng: EQ 742 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

668 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIÊN KIỀU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tự Tân , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 10 năm 1950

Số bằng: MX 891 bp Quyết định số: 326/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1962

669 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÃO**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Tam Tinh , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LE 588 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

670 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG TRIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quan: xã Tam Tinh , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 02 năm 1971
Số bằng: 3H 247 bm Quyết định số: 1710/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977

671 Liệt sĩ: **ĐỖ HỒNG SÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Lãng , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 4 năm 1971
Số bằng: PV 293 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1975

672 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Lãng , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1975
Số bằng: 2S 279 bm Quyết định số: 1287/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

673 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC RẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Lãng , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1965
Số bằng: EN 699 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

674 Liệt sĩ: **PHẠM KHOÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thanh , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 01 năm 1966
Số bằng: MĐ 545 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1970

675 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Lãng , huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1968
Số bằng: UV 037 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

676 Liệt sĩ: **TRẦN TIẾN ICH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây , huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: AC 840 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

677 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MẬN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1972
Số bằng: RV 501 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

678 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phú, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
Số bằng: EC 762 bp Quyết định số: 380/TTga ngày 14 tháng 9 năm 1972

679 Liệt sĩ: **PHAN THANH PHIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: MH 272 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

680 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN DỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 1977
Số bằng: 4K 173 bt Quyết định số: 98/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1978

681 Liệt sĩ: **HOÀNG KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 01 năm 1952
Số bằng: BC 513 bp Quyết định số: 46/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1970

682 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐP 753 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 02 năm 1973

683 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: KC 948 bp Quyết định số: 304/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

684 Liệt sĩ: **PHAN VĂN VŨ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1972
Số bằng: OH 088 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1974

685 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC BÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: ĐA 549 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1972

686 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NẾU**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 8U 629 bt Quyết định số: 696/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1979

687 Liệt sĩ: **LÃ VĂN KỶ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HQ 190 bm Quyết định số: 437/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1973

688 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1968
Số bằng: ĐN 351 bm Quyết định số: 483/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972

689 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ER 277 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

690 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NE 033 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

691 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO HOẠT**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Thụy Trương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1951
Số bằng: AC 561 cp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1970

692 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỤ VUI**
Trung đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 1Z 989 km Quyết định số: 1709/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977

693 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CG 072 bm Quyết định số: 022/TTga ngày 06 tháng 6 năm 1972

694 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UB 564 bm Quyết định số: 058/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

695 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LŨY**
Quân báo xã, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 12 năm 1952
Số bằng: AC 724 kp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

696 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MẬU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XA 873 kp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958

697 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỀM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh

Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1969
Số bằng: LE 415 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

698 Liệt sĩ: **LÊ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XH 433 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

699 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TUỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 01 năm 1971
Số bằng: GI 140 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1973

700 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH DŨNG**
Cán bộ du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949
Số bằng: XC 884 kp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

701 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGỪNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 07 năm 1974
Số bằng: RH 217 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 11 tháng 06 năm 1976

702 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGẢY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 03 năm 1965
Số bằng: AK 082 bm Quyết định số: 063/TTga ngày 08 tháng 03 năm 1971

703 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG PHÀ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972

Số bằng: GI 170 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 26 tháng 06 năm 1973

704 Liệt sĩ: **VŨ QUANG VIỆN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1951
Số bằng: CX 857 bp Quyết định số: 334/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1960

705 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1971
Số bằng: EK 474 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

706 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TƯỜNG**
Xã viên Hợp tác xã vận tải sông Diêm, tỉnh Thái Bình, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 7 năm 1967

Số bằng: HM 192 cm Quyết định số: 075/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1971

707 Liệt sĩ: **TÔ VĂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐN 344 bm Quyết định số: 483/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972

708 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: EV 096 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973

709 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN GẮT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1959
Số bằng: KP 135 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 05 tháng 12 năm 1973

710 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG PHIẾU**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1971
Số bằng: SD 373 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

711 Liệt sĩ: **TRẦN HUY PHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SD 375 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

712 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CH 244 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972

713 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐĨNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1967
Số bằng: bp 700 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1972

714 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐỨC VIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1967
Số bằng: OM 595 bm Quyết định số: 098/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1969

715 Liệt sĩ: **GIANG VĂN TOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: OL 462 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974

716 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC THĂNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1971
Số bằng: RO 967 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

717 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TẠCH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SD 412 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

718 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH BAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 1 năm 1951
Số bằng: BC 920 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

719 Liệt sĩ: **GIANG KHẮC CHÍ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: QS 565 bm Quyết định số: 111/TTga ngày 03 tháng 4 năm 1976

720 Liệt sĩ: **TRẦN DUY KHẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1970
Số bằng: OE 351 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

721 Liệt sĩ: **TRẦN HUY KHOÁNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1A 431 bm Quyết định số: 719/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

722 Liệt sĩ: **GIANG VĂN RỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 11 năm 1953
Số bằng: BC 924 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

723 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1950
Số bằng: XH 515 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

724 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG**
Phó bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 04 năm 1964
Số bằng: IZ 496 cm Quyết định số: 1610/TTga ngày 03 tháng 12 năm 1977

725 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1967
Số bằng: AQ 636 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1971

726 Liệt sĩ: **TĂNG MINH TIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MĐ 342 bm Quyết định số: 092/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

727 Liệt sĩ: **VŨ VĂN SẢN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MH 257 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

728 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1970
Số bằng: PG 470 bm Quyết định số: 248/TTga ngày 01 tháng 07 năm 1975

729 Liệt sĩ: **HÀ ĐỒNG CHÂU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1950
Số bằng: BC 094 cp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

730 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1965
Số bằng: BH 975 bm Quyết định số: 068/TTga ngày 29 tháng 02 năm 1972

731 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 1A 505 bm Quyết định số: 720/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

732 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RV 043 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

733 Liệt sĩ: **VŨ NHƯ HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1952
Số bằng: PX 735 bp Quyết định số: 145/TTga ngày 11 tháng 10 năm 1966

734 Liệt sĩ: **ĐỖ THỊ KHUYÊN**
Chiến sĩ Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1970
Số bằng: KM 907 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

735 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÌ**
Thôn đôi trưởng, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong

cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 10 năm 1951
Số bằng: EZ 681 kp Quyết định số: 1604/TTg ngày 24 tháng 12 năm 2001

736 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1952
Số bằng: BC 833 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

737 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1970
Số bằng: CG 260 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

738 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN NGỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1967
Số bằng: ĐN 445 bm Quyết định số: 483/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972

739 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THAO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 02 năm 1951
Số bằng: GE 824 kp Quyết định số: 1077/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2003

740 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1973
Số bằng: RO 894 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

741 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NE 170 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

742 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐẮC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1974
Số bằng: PB 424 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

743 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC VƯỢNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 1A 556 bm Quyết định số: 720/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

744 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972
Số bằng: GB 754 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

745 Liệt sĩ: **BÙI THẾ THÁI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1973
Số bằng: QS 555 bm Quyết định số: 111/TTga ngày 03 tháng 4 năm 1976

746 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1970
Số bằng: ĐG 593 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

747 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HẢ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RO 887 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

748 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẪN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trung, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XK 039 bm Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1978

749 Liệt sĩ: **BÙI THẾ VĨNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971
Số bằng: KD 105 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

750 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU THỨ**
Nhân viên công an, Nguyên quán: xã Thụy Trung, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XY 704 kp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

751 Liệt sĩ: **BÙI VIẾT BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Châu, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1951
Số bằng: DX 024 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

752 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN LOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1973
Số bằng: RP 314 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

753 Liệt sĩ: **BÙI VIẾT TÍN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HS 235 bm Quyết định số: 447/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

754 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1969

Số bằng: SD 345 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

755 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH SOÁI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NE 086 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

756 Liệt sĩ: **NGUYỄN BIỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 5 năm 1950
Số bằng: CX 821 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

757 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRƯỜNG LANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1971
Số bằng: EV 459 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

758 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VỤ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AK 268 bm Quyết định số: 063/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

759 Liệt sĩ: **NGUYỄN NAM THIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1971
Số bằng: PV 442 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1975

760 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỰ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 5 năm 1951
Số bằng: DP 255 kp Quyết định số: 149/TTg ngày 10 tháng 3 năm 1995

761 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7A 123 bt Quyết định số: 1292/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978

762 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1950
Số bằng: PX 624 bp Quyết định số: 143/TTga ngày 11 tháng 10 năm 1966

763 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1950
Số bằng: BC 890 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

764 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH QUYỀN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1950
Số bằng: BC 891 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

765 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TẢNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1951
Số bằng: 1HC 079 bp Quyết định số: 1044/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

766 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH VỸ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XH 631 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

767 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG PHỔ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 10 năm 1952

Số bằng: BC 889 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

768 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1966
Số bằng: AK 193 bm Quyết định số: 063/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

769 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH RONG**
Thiếu uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MĐ 580 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1970

770 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THẺ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: GA 036 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1973

771 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH QUYÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐA 777 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1972

772 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SỸ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1953

Số bằng: XH 914 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

773 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC HỞN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1965
Số bằng: MF 085 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

774 Liệt sĩ: **VŨ QUANG TIU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1971
Số bằng: EL 784 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1975

775 Liệt sĩ: **LƯU ĐỨC LỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1967
Số bằng: ĐA 737 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 07 tháng 11 năm 1972

776 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1952
Số bằng: BC 898 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

777 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**
Chiến sĩ huyện đội Thái Ninh, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XM 804 bp Quyết định số: 098/TTg ngày 02 tháng 3 năm 1959

778 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH TƯỚC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1950
Số bằng: DK 688 kp Quyết định số: 469/TTg ngày 16 tháng 9 năm 1993

779 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH XUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XM 334 bp Quyết định số: 098/TTg ngày 02 tháng 3 năm 1959

780 Liệt sĩ: **ĐỖ THANH HỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NE 052 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

781 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIÊN**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1A 498 bm Quyết định số: 720/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

782 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN PHI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: EK 424 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

783 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TẠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EF 193 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

784 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẶN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MĐ 214 bm Quyết định số: 079/TTga ngày 02 tháng 4 năm 1970

785 Liệt sĩ: **TÔ VĂN HÃN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1967
Số bằng: QM 504 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

786 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9S 335 bt Quyết định số: 471/TTga ngày 04 tháng 7 năm 1980

787 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÌU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: XH 063 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 06 tháng 6 năm 1958

788 Liệt sĩ: **TÔ HUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 3 năm 1954
Số bằng: CX 797 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

789 Liệt sĩ: **PHAN TRỌNG MÃ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐG 575 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

790 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐĨNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1968
Số bằng: CG 280 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

791 Liệt sĩ: **PHẠM THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: EQ 997 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1973

792 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC SÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1972

Số bằng: ES 735 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

793 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHÁT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1950
Số bằng: ĐZ 145 kp Quyết định số: 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 1999

794 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TUYỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1951
Số bằng: ĐZ 203 kp Quyết định số: 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 1999

795 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9H 462 bt Quyết định số: 022/TTga ngày 05 tháng 01 năm 1980

796 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TIÊM**
Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1951
Số bằng: ĐY 950 kp Quyết định số: 614/QĐ - TTg ngày 04 tháng 6 năm 1999

797 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CÁC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Văn, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1950
Số bằng: XK 673 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

798 Liệt sĩ: **MAI NGỌC THỨ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1971
Số bằng: OL 477 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974

799 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TRÍCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949
Số bằng: AC 883 kp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

800 Liệt sĩ: **MAI NGỌC ĐÓNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: HO 498 bm Quyết định số: 448/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

801 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG ƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8M 193 bt Quyết định số: 472/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

802 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN LỘC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 6 năm 1968
Số bằng: EV 461 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

803 Liệt sĩ: **VŨ QUANG ĐIỆU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XH 375 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

804 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUYÊN BẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1954
Số bằng: BC 230 bm Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

805 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC CHỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1952
Số bằng: NE 171 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

806 Liệt sĩ: **HỒ TRỌNG SÓT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 4 năm 1951
Số bằng: XK 602 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

807 Liệt sĩ: **HỒ TRỌNG LỪ**
Uỷ ban hành chính xã, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KM 385 cm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

808 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1971
Số bằng: QA 414 bm Quyết định số: 719/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

809 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ PHÒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 1A 376 bm Quyết định số: 719/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

810 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: OE 304 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

811 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH DŨNG**
Cán bộ du kích, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949
Số bằng: AC 884 kp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

812 Liệt sĩ: **VŨ VĂN PHIÊM**
Trợ lý quân giới phân khu Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PV 158 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

813 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG DŨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1971
Số bằng: UB 037 bm Quyết định số: 059/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

814 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐẤU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1951
Số bằng: BC 231 bp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

815 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG XÌNH**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OB 240 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1974

816 Liệt sĩ: **VŨ VĂN HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1973
Số bằng: OE 299 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

817 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH LINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1970
Số bằng: PN 557 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1975

818 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TÍT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Cầu, huyện Phụ Dực, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XA 598 kp Quyết định số: 375/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1958

819 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1972
Số bằng: PV 633 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

820 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1972
Số bằng: EV 567 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

821 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÓC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AQ 421 bm Quyết định số: 122 //TTga ngày 22 tháng 5 năm 1971

822 Liệt sĩ: **PHẠM DUY ĐÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 9 năm 1979
Số bằng: 9S 183 bt Quyết định số: 466/TTga ngày 04 tháng 7 năm 1980

823 Liệt sĩ: **LÂM VĂN NGHỊ**
Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ĐL 884 kp Quyết định số: 579/TTg ngày 25 tháng 7 năm 1997

824 Liệt sĩ: **LÊ HỮU CHẤT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1972
Số bằng: EF 301 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

825 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1952

Số bằng: CX 830 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

826 Liệt sĩ: **PHAN THANH RUÔI**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 7 năm 1975
Số bằng: 3H 606 bt Quyết định số: 058/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1978

827 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1968
Số bằng: RV 087 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

828 Liệt sĩ: **NGUYỄN NĂNG HƯỚNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UB 578 bm Quyết định số: 058/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

829 Liệt sĩ: **LÊ PHÓ THỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1974
Số bằng: RN 880 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

830 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỒNG PHỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1972

Số bằng: ES 689 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

831 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐỨC MIN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 8 năm 1981
Số bằng: P 067 bt Quyết định số: 372/CTKT ngày 19 tháng 10 năm 1983

832 Liệt sĩ: **BÙI QUANG TUẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1971
Số bằng: KD 011 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

833 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KIỆN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XK 607 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

834 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THEO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XK 604 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

835 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐỨC MẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MĐ 623 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1970

836 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐẮC NGHIÊM**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XK 614 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

837 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC TIẾM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1972
Số bằng: NE 097 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

838 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1972
Số bằng: EL 717 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1975

839 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HOÀI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KD 101 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

840 Liệt sĩ: **BÙI NGUYÊN CHUỘNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1967
Số bằng: RP 432 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

841 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CL 305 bm Quyết định số: 303/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

842 Liệt sĩ: **LÃ QUÝ DŨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1973
Số bằng: OL 446 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974

843 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỤNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QS 548 bm Quyết định số: 111/TTga ngày 03 tháng 4 năm 1976

844 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH VƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 1 năm 1984
Số bằng: AC 833 bt Quyết định số: 231/CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984

845 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG RỸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1970
Số bằng: UB 047 bm Quyết định số: 059/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

846 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỈU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CL 244 bm Quyết định số: 303/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

847 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG CẠNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: RV 118 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

848 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN KIỆM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐN 245 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1972

849 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1967
Số bằng: EN 611 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

850 Liệt sĩ: **BÙI ĐĂNG KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1968
Số bằng: CG 261 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

851 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NE 020 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

852 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH PHỤNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 12 năm 1953
Số bằng: MC 861 bp Quyết định số: 231/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1975

853 Liệt sĩ: **BÙI KHẮC NHƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1972
Số bằng: EV 557 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

854 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC QUANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CG 062 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 06 tháng 6 năm 1972

855 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH KHUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1951
Số bằng: BC 955 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

856 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN VÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1969
Số bằng: CE 160 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

857 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 3H 080 bm Quyết định số: 1586/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

858 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY GẤT**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1972
Số bằng: bm 330 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

859 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN SẢNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1952
Số bằng: CX 953 bp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

860 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẮC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1970
Số bằng: UB 113 bm Quyết định số: 059/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

861 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NHẬN**
Đại uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 12 năm 1985
Số bằng: CA 003 bt Quyết định số: 086/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1988

862 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9H 279 bt Quyết định số: 038/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1980

863 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TỀ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 3 năm 1954

Số bằng: BC 207 bp Quyết định số: 039/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

864 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IM 862 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

865 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG KHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RN 979 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

866 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1968
Số bằng: PV 415 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1975

867 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: ES 699 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

868 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1971

Số bằng: EX 108 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1973

869 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LR 652 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1974

870 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG NHUNG**
Ha sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thuỷ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1968
Số bằng: RN 995 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

871 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LỘC**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1952
Số bằng: YZ 721 kp Quyết định số: 171/TTg ngày 04 tháng 3 năm 1957

872 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH DỚN**
Phó ban công an xã, Nguyên quán: xã Thái Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 11 năm 1950
Số bằng: AC 922 cp Quyết định số: 453/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1974

873 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1971
Số bằng: PN 552 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1975

874 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHẬT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EV 554 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

875 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: UB 579 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

876 Liệt sĩ: **TRỊNH THUỶ**
Chiến sĩ quân báo, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: XK 652 kp Quyết định số: 334/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

877 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LƯU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: RP 318 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

878 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TUYÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1952
Số bằng: BC 288 bp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

879 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1951
Số bằng: DX 069 bp Quyết định số: 334 /TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

880 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XA 3,138 bp Quyết định số: 334 /TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

881 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỜ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XK 650 bp Quyết định số: 334 /TTg ngày 28 tháng 12 năm 1960

882 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1972
Số bằng: RO 892 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

883 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIỀU**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
Số bằng: SD 347 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1976

884 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TRIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1A 588 bm Quyết định số: 720/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977

885 Liệt sĩ: **TRỊNH QUÝ ĐỊNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1949
Số bằng: BC 290 bp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1970

886 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SỬ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1969
Số bằng: RP 341 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

887 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VIỄN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1953
Số bằng: BC 854 bp Quyết định số: 211/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1970

888 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:, tỉnh Khánh Hòa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 7Z 516 bt Quyết định số: 235/TTga ngày 04 tháng 4 năm 1979

889 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC HẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1972
Số bằng: RV 133 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

890 Liệt sĩ: **BÙI NGUYÊN CHẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Văn, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
Số bằng: IM 803 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

891 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SỨC**
Công đoàn tỉnh Thái Bình, Nguyên quán: xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 7 năm 1950
Số bằng: XA 587 xp Quyết định số: 375/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1958

892 Liệt sĩ: **TÔ VĂN HOÁN**
Chiến sĩ bộ đội chủ lực, Nguyên quán: xã Đông Hoàng, huyện Đông Quan, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 10 năm 1948
Số bằng: gd 186 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

893 Liệt sĩ: **TÔ VĂN CANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hoàng, huyện Đông Quan, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CG 084 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1972

894 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XỨNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1969
Số bằng: RV 467 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

895 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG ĐÁNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐL 599 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972

896 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RV 522 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

897 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHỚN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1974
Số bằng: 2S 243 bm Quyết định số: 1287/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

898 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Đông, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1966
Số bằng: EV 421 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

899 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG THƯỢC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Lạc, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1972
Số bằng: PV 263 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1975

900 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HẠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Lạc, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
Số bằng: QY 091 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

901 Liệt sĩ: **BÙI QUANG GIANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 12 năm 1953
Số bằng: ZD 216 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

902 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1950
Số bằng: ZD 082 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

903 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU DUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu Kỳ Bá, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QT 330 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1975

904 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH KIÊNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HK 090 bm Quyết định số: 402//TTga ngày 15 tháng 9 năm 1973

905 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SÒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: XY 232 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

906 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: SG 640 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

907 Liệt sĩ: **NGÔ ĐỨC BÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1951
Số bằng: KC 324 bp Quyết định số: 64/TTg ngày 23 tháng 02 năm 1973

908 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: YZ 911 kp Quyết định số: 311/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

909 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: HC 835 bp Quyết định số: 208/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1972

910 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN ĐỨC**
Chiếnn sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 0M 516 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1969

911 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC CHỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 12 năm 1972
Số bằng: PV 382 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1975

912 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RN 749 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1972

913 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU KHUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AK 356 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

914 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG LỊCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1969
Số bằng: PN 777 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

915 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC BÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RN 747 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

916 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG HÀI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1969

Số bằng: RN 761 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

917 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THẬN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1951
Số bằng: KC 208 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

918 Liệt sĩ: **TẠ VĂN ĐƯỢC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 11 năm 1951
Số bằng: KC 297 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

919 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN BẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 02 năm 1950
Số bằng: BC 177 bp Quyết định số: 223/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1970

920 Liệt sĩ: **DƯƠNG DUY TAY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1952
Số bằng: KC 287 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

921 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÁO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: BC 722 kp Quyết định số: 65/TTga ngày 24 tháng 02 năm 1973

922 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HỒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LR 349 bm Quyết định số: 24//TTga ngày 16 tháng 5 năm 1974

923 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1976
Số bằng: SG 682 bt Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

924 Liệt sĩ: **ĐẶNG MẠNH CHUYỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1966
Số bằng: PN 543 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1975

925 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1966
Số bằng: CL 755 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973

926 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1967
Số bằng: AK 027 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

927 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT MÔNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1943
Số bằng: PQ 693 bp Quyết định số: 29/TTga ngày 29 tháng 01 năm 1976

928 Liệt sĩ: **ĐÀO CÔNG MINH**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: ZQ 264 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

929 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN KÍNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: KC 354 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

930 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN TỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 6 năm 1954
Số bằng: ZQ 2,659 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

931 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TUYỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1967
Số bằng: MV 532 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1971

932 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN YÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: AQ 680 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

933 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1966
Số bằng: RN 778 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

934 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC MẠNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1967
Số bằng: AK 108 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

935 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC DẬU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1969

Số bằng: AT 171 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1971

936 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NHẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1969
Số bằng: MR 356 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970

937 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
Số bằng: bp 707 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1972

938 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1968
Số bằng: EM 909 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1970

939 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG GIANG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LE 508 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

940 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NGỌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AQ 311 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1971

941 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CỘNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ò 197 bm Quyết định số: 597/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

942 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG TÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1975
Số bằng: ZG 712 bm Quyết định số: 1664/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1977

943 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TRỊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1968
Số bằng: RN 821 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

944 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN CHINH**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MH 531 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 01 tháng 5 năm 1970

945 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RN 771 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1976

946 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUYỆT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AV 036 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

947 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUẾ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 02 năm 1960
Số bằng: RV 855 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975

948 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN NHƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1970
Số bằng: OL 767 bm Quyết định số: 04/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1975

949 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BG 459 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1972

950 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT LUYỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1969
Số bằng: EQ 600 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

951 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1950
Số bằng: YZ 329 kp Quyết định số: 1191/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1956

952 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CHUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IM 789 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

953 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AQ 810 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

954 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AV 146 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

955 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1968
Số bằng: CG 397 bm Quyết định số: 235/TTga ngày 01 tháng 10 năm 1971

956 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OR 916 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

957 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
Hạ sĩ -Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1969
Số bằng: PG 494 bm Quyết định số: 248/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1975

958 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC NGƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1968
Số bằng: RV 359 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

959 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967
Số bằng: KP 127 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1973

960 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUYNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1972
Số bằng: HQ 304 bm Quyết định số: 1437/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1985

961 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH NGHĨA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 11 năm 1973
Số bằng: PU 204 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

962 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG NGHIỄM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HK 029 bm Quyết định số: 402/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1973

963 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TÍCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1954
Số bằng: KC 399 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

964 Liệt sĩ: **ĐÀO TRỌNG LẬP**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh

Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1973
Số bằng: LR 360 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1974

965 Liệt sĩ: **DƯƠNG CÔNG HƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1964
Số bằng: PV 817 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975

966 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỆP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1965
Số bằng: PV 810 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975

967 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THAO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 02 năm 1969
Số bằng: AQ 307 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1971

968 Liệt sĩ: **ĐÀO TRỌNG ĐĨNH**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1951
Số bằng: AC 762 kp Quyết định số: 223/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1970

969 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1972
Số bằng: LE 528 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1973

970 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CHIẾM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Âp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1966
Số bằng: ĐL 568 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

971 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT TIẾN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1946
Số bằng: LC 320 bp Quyết định số: 534/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1973

972 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY LẶC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bảo, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: QS 572 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

973 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU ĐÃN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PV 692 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

974 Liệt sĩ: **HÀ QUANG HIỂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EQ 626 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

975 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ML 218 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1970

976 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT NĂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1969
Số bằng: SG 702 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

977 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN KHAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 5 năm 1973
Số bằng: OL 366 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974

978 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG TRẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 10 năm 1966
Số bằng: MF 078 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

979 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG LỤY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1973
Số bằng: EN 650 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

980 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LƯ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1969
Số bằng: AV 050 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

981 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ROAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 6 năm 1997
Số bằng: ĐS 998 bt Quyết định số: 629/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1998

982 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AK 057 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

983 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH THỌ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh

Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1968
Số bằng: AQ 860 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

984 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIỆN NGỪNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1973
Số bằng: HO 469 bm Quyết định số: 448/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

985 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1954
Số bằng: XL 663 bp Quyết định số: 483/TTga ngày 3 tháng 11 năm 1958

986 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGHĨA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 5 năm 1975
Số bằng: QP 656 bt Quyết định số: 29/TTga ngày 29 tháng 01 năm 1976

987 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TRÌNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EL 731 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1975

988 Liệt sĩ: **DƯƠNG TIẾN LỘNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AQ 334 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1971

989 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BA**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AU 512 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

990 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC ĐẠI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 8 năm 1951
Số bằng: KC 392 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

991 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1952
Số bằng: ZQ 2,661 bp Quyết định số: 287/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1959

992 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THẢN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MD 394 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

993 Liệt sĩ: **NGỌ HỔ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 6 năm 1954
Số bằng: XC 035 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1959

994 Liệt sĩ: **NGỌ VĂN SIỂN**
Tiểu đội phó bộ đội huyện Phụ Dực, Nguyên quán: xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1950
Số bằng: MX 954 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 01 năm 1962

995 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1971
Số bằng: CV 494 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1972

996 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU LÂU**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 4 năm 1952
Số bằng: XA 575 kp Quyết định số: 375/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1958

997 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG Y**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 9 năm 1953
Số bằng: XA 603 kp Quyết định số: 375/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1959

998 Liệt sĩ: **MAI CÔNG TUỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 10 năm 1952
Số bằng: BC 817 bp Quyết định số: 195/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1970

999 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY NUÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1970
Số bằng: SG 744 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

1000 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH KHIÊU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 8 năm 1974
Số bằng: SQ 298 bm Quyết định số: 485/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

1001 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7A 025 bt Quyết định số: 1292/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978

1002 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY MỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969

Số bằng: SQ 255 bm Quyết định số: 485/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

1003 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1966
Số bằng: BH 999 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 29 tháng 02 năm 1972

1004 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GJ 230 bm Quyết định số: 341/TTga ngày 9 tháng 8 năm 1973

1005 Liệt sĩ: **BÙI HỮU GIẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1967
Số bằng: AN 197 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1967

1006 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG MỚI**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1950
Số bằng: DZ 044 kp Quyết định số: 614/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1999

1007 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8M 280 bt Quyết định số: 461/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

1008 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AK 430 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

1009 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 3H 143 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

1010 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG NIÊM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 9A 742 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

1011 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SQ 416 bm Quyết định số: 485/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

1012 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHỈNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: EO 622 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

1013 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TỐN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1966
Số bằng: BH 991 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 29 tháng 02 năm 1972

1014 Liệt sĩ: **TRẦN KHẮC NAM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 5 năm 1976
Số bằng: SG 700 bt Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1967

1015 Liệt sĩ: **NGUYỄN DOÃN LỢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1970
Số bằng: CV 154 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972

1016 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY BẰNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1970
Số bằng: ĐL 539 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972

1017 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
Số bằng: LR 423 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1974

1018 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1967
Số bằng: MK 321 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

1019 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG NINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SG 734 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

1020 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH UY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 02 năm 1978
Số bằng: 8M 194 bt Quyết định số: 461/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1979

1021 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TIÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 2A 424 bt Quyết định số: 07/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1981

1022 Liệt sĩ: **HOÀNG THANH SƠN**
Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1986
Số bằng: CA 772 bt Quyết định số: 171/CTKT ngày 27 tháng 7 năm 1988

1023 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIỆT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 02 năm 1952
Số bằng: XA 583 kp Quyết định số: 375/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1958

1024 Liệt sĩ: **VŨ TIẾN ĐẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PV 031 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

1025 Liệt sĩ: **TRẦN KHẮC VÒ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1952
Số bằng: ZQ 2,169 kp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

1026 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG LA**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1966
Số bằng: SP 346 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1027 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EO 688 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

1028 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG NUÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9B 114 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979

1029 Liệt sĩ: **PHẠM QUÝ RUYÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9B 026 bt Quyết định số: 778/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1979

1030 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU KIÊN**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 02 năm 1950
Số bằng: XK 910 kp Quyết định số: 53/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1961

1031 Liệt sĩ: **NGUYỄN SINH THI**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1965
Số bằng: MF 317 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

1032 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÓ LUẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: DL 684 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972

1033 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRỌNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1968
Số bằng: AP 955 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

1034 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TRỌNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1969
Số bằng: RV 342 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1035 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1970
Số bằng: CH 378 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972

1036 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUYẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972
Số bằng: SP 401 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1037 Liệt sĩ: **VŨ TIẾN THOÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1969
Số bằng: HQ 433 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1973

1038 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SỐ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 7Z 605 bt Quyết định số: 234/TTga ngày 04 tháng 4 năm 1979

1039 Liệt sĩ: **BÙI GIA RIỄN**
Cán bộ bình dân học vụ, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1951
Số bằng: AC 666 cp Quyết định số: 195/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

1040 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGHĨA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1975
Số bằng: QP 656 bm Quyết định số: 29/TTga ngày 29 tháng 01 năm 1976

1041 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1954
Số bằng: XL 663 bp Quyết định số: 483/TTga ngày 3 tháng 11 năm 1958

1042 Liệt sĩ: **UÔNG TINH HỮU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Dục, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1954
Số bằng: XM 837 kp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

1043 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1973
Số bằng: RE 880 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

1044 Liệt sĩ: **VŨ TIẾN ĐỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 01 năm 1978
Số bằng: 7A 059 bt Quyết định số: 1392/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1978

1045 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1967
Số bằng: QM 459 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

1046 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1967
Số bằng: LE 529 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

1047 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1971
Số bằng: EV 881 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1973

1048 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG MEN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973
Số bằng: RV 275 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1049 Liệt sĩ: **ĐÀO PHÚ HẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1972
Số bằng: PV 038 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

1050 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1968

Số bằng: MR 312 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970

1051 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RỸ**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 9 năm 1950
Số bằng: XY 212 kp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

1052 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TUYNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
Số bằng: RV 265 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1053 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐỨC KIỂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MR 317 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970

1054 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHỮ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm 1952
Số bằng: GE 815 kp Quyết định số: 1077/TTga ngày 29 tháng 9 năm 2003

1055 Liệt sĩ: **VŨ VĂN LUẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thái, huyện Quỳnh Phụ , tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1969
Số bằng: EV 810 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1973

1056 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 02 năm 1949
Số bằng: KC 282 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1973

1057 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC THUỶ(THỈ)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1971
Số bằng: CH 598 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

1058 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1973
Số bằng: SG 607 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976

1059 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 01 năm 1953
Số bằng: KC 333 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

1060 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHỤ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: RN 807 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1976

1061 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 8R 719 bt Quyết định số: 592/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1979

1062 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RN 743 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1976

1063 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGHÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1970
Số bằng: QS 799 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976

1064 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG ĐẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MF 161 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

1065 Liệt sĩ: **ĐÀO MINH THUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OB 380 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 09 tháng 12 năm 1974

1066 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: MĐ 715 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1970

1067 Liệt sĩ: **VŨ DUY ĐÌA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CH 627 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

1068 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1972
Số bằng: RN 811 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 07 tháng 02 năm 1976

1069 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ML 176 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1970

1070 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MF 253 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

1071 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: ZG 640 bp Quyết định số: 1664/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1977

1072 Liệt sĩ: **VŨ QUANG THIẾP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RE 906 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

1073 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN TÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
Số bằng: LC 725 bp Quyết định số: 420/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974

1074 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC HỒNG**
Giao thông Vận Tải Hà Tĩnh, Nguyên quán: xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1967
Số bằng: IM 062 cm Quyết định số: 453/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1972

1075 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG KHÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1975
Số bằng: QS 796 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976

1076 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYẾT**
Chính trị viên phó tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1974
Số bằng: RG 494 bm Quyết định số: 242/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

1077 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 5 năm 1950
Số bằng: GU 505 bp Quyết định số: 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2005

1078 Liệt sĩ: **PHẠM KHẮC TÒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 02 năm 1949
Số bằng: BC 169 kp Quyết định số: 223/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1970

1079 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGƯ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 10 năm 1979
Số bằng: 2AA 402 bt Quyết định số: 07/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1981

1080 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẤU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 02 năm 1966
Số bằng: IM 839 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

1081 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 01 năm 1951
Số bằng: KC 168 bp Quyết định số: 64/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1973

1082 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 01 năm 1954
Số bằng: AM 301 bp Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1968

1083 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1974
Số bằng: QS 787 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976

1084 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG BA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hà, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1977
Số bằng: 3H 594 bt Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1978

1085 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÁO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1951
Số bằng: GE 831 kp Quyết định số: 1077/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2003

1086 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN SÁM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1952
Số bằng: KC 318 kp Quyết định số: 197/TTga ngày 14 tháng 9 năm 1972

1087 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC THỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tràng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1967
Số bằng: LE 530 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

1088 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN CHƯƠNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SP 395 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1089 Liệt sĩ: **PHẠM ĐẮC SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Âp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1954
Số bằng: MX 662 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

1090 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THƯỞNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1952
Số bằng: XY 344 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

1091 Liệt sĩ: **BÙI DUY BÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1950
Số bằng: NX 056 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

1092 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG SỈNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GB 916 bm Quyết định số: 236/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

1093 Liệt sĩ: **DƯƠNG DUY PHƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1970
Số bằng: CV 024 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 09 tháng 01 năm 1972

1094 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968
Số bằng: EQ 617 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1973

1095 Liệt sĩ: **BÙI GIA BÒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970
Số bằng: OE 129 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1974

1096 Liệt sĩ: **BÙI TRỌNG CHIỂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969
Số bằng: RV 323 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1097 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 8 năm 1950
Số bằng: XY 347 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

1098 Liệt sĩ: **NGỌ VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2S 007 bm Quyết định số: 1287/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

1099 Liệt sĩ: **BÙI GIA LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 9B 095 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979

1100 Liệt sĩ: **BÙI DUY VŨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: NX 055 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

1101 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 10 năm 1952
Số bằng: XH 507 bp Quyết định số: 3283/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1958

1102 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TUYẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2G 694 bm Quyết định số: 1664/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1977

1103 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC KHẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1951
Số bằng: NX 058 bp Quyết định số: 301/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1962

1104 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1969
Số bằng: HQ 211 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1973

1105 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỎA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AK 437 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 3 tháng 11 năm 1971

1106 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NUÔI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1971
Số bằng: RV 235 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1107 Liệt sĩ: **BÙI GIA NGOÃN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MH 459 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1970

1108 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1968
Số bằng: RE 915 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

1109 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1970
Số bằng: QS 729 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 04 tháng 3 năm 1976

1110 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1967
Số bằng: PV 857 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1973

1111 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC RÓP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 09 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 5G 187 bt Quyết định số: 459/TTga ngày 5 tháng 8 năm 1978

1112 Liệt sĩ: **ĐOÀN KIM NHỎN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 02 năm 1972
Số bằng: EV 001 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973

1113 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AQ 919 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

1114 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1971
Số bằng: CV 494 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1972

1115 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9B 092 bt Quyết định số: 800/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979

1116 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1969
Số bằng: EO 721 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1971

1117 Liệt sĩ: **ĐẶNG TIẾN NGHIỄN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1972

Số bằng: UE 644 bm Quyết định số: 064/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

1118 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG TRẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 10 năm 1966
Số bằng: MF 078 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1119 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG LỤY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1973
Số bằng: EN 650 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

1120 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC MẠNH**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 01 năm 1984
Số bằng: AH 069 bt Quyết định số: 305/CTKT ngày 09 tháng 12 năm 1984

1121 Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC MINH**
Thiếu uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MR 334 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1970

1122 Liệt sĩ: **NGÔ TRỌNG TẢN**
Cán bộ đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 5 năm 1950
Số bằng: AC 637 cp Quyết định số: 195/CTKT ngày 13 tháng 8 năm 1970

1123 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BẢO**
Thượng sĩ chuyên nghiệp, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KP 002 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1973

1124 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SG 714 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976

1125 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1966
Số bằng: MĐ 497 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

1126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÙ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 12 năm 1952
Số bằng: Hx 969 bp Quyết định số: 377/TTg ngày 22 tháng 9 năm 1961

1127 Liệt sĩ: **LÊ HỮU CA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1970
Số bằng: ĐN 220 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1972

1128 Liệt sĩ: **LÊ HOAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Lăng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 3 năm 1950
Số bằng: AC 541 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

1129 Liệt sĩ: **MAI VĂN HOẠT**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây An, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 02 năm 1975
Số bằng: RY 134 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

1130 Liệt sĩ: **NGUYỄN CỪU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 01 năm 1952
Số bằng: BC 621 bp Quyết định số: 46/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1970

1131 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG KIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1972
Số bằng: SQ 147 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

1132 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THÁM**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RY 232 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976

1133 Liệt sĩ: **PHẠM MẠNH CƯỜNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Công, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm 1954
Số bằng: XL 778 bp Quyết định số: 518/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1958

1134 Liệt sĩ: **NGUYỄN LÒNG**
Quân báo du kích, Nguyên quán: xã Phương Công, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XY 187 kp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

1135 Liệt sĩ: **CHU ĐỨC TIẾN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1946
Số bằng: NK 386 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1963

1136 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1968
Số bằng: EO 716 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

1137 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: ER 136 bm Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

1138 Liệt sĩ: **BÙI KIM QUỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1953
Số bằng: BC 512 bp Quyết định số: 46/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1970

1139 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN INH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZA 547 bp Quyết định số: 104/TTg ngày 25 tháng 3 năm 1987

1140 Liệt sĩ: **VŨ ĐỊNH CÔNG**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Sơn, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1969
Số bằng: MK 237 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

1141 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHUẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1974
Số bằng: RO 369 bm Quyết định số: 306/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1976

1142 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Công, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 3 năm 1967
Số bằng: AV 022 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

1143 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CHỮ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SQ 200 bm Quyết định số: 306/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1976

1144 Liệt sĩ: **PHẠM THUYẾT**
Thôn đội phó, Nguyên quán: xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 02 năm 1950
Số bằng: XN 028 kp Quyết định số: 23/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1963

1145 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐÀO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9H 249 bt Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1980

1146 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HỨA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Châu, huyện Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1947
Số bằng: XL 607 kp Quyết định số: 377/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1961

1147 Liệt sĩ: **ĐÀO TRỌNG HIẾU**
Trợ lý tham mưu tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1968

Số bằng: CH 513 bm Quyết định số: 284 /TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

1148 Liệt sĩ: **NHÂM VĂN RẬT**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hoàng, huyện Đông Quan, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1959
Số bằng: XC 189 km Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959

1149 Liệt sĩ: **PHÙNG QUỐC BẢO**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1971
Số bằng: RV 371 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1150 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH KIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1969
Số bằng: QY 123 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1976

1151 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 8 năm 1950
Số bằng: NX 263 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

1152 Liệt sĩ: **DƯƠNG XUÂN ÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1975
Số bằng: QY 071 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1976

1153 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN THƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 10 năm 1976
Số bằng: AL 376 bt Quyết định số: 345/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984

1154 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG CHÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1971
Số bằng: RE 757 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

1155 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EK 439 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

1156 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1972
Số bằng: PB 272 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

1157 Liệt sĩ: **VŨ QUANG LỘC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: AK 059 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1971

1158 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC LIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1947
Số bằng: BG 374 bp Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1159 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THỪ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1971
Số bằng: UV 226 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

1160 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN XỨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MF 279 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

1161 Liệt sĩ: **BÙI THỂ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1950
Số bằng: 9h 581 bm Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

1162 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1967
Số bằng: HQ 724 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977

1163 Liệt sĩ: **TÔ VĂN CẢN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1971
Số bằng: LG 018 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

1164 Liệt sĩ: **PHẠM TRỌNG TUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GA 101 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

1165 Liệt sĩ: **TẠ NHU**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XN 002 kp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

1166 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHUYỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1970
Số bằng: EO 641 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

1167 Liệt sĩ: **TỐNG ĐÌNH HÒA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 2S 1,478 bm Quyết định số: 1288/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

1168 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC TUẤN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1954

Số bằng: XM 431 bp Quyết định số: 36/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

1169 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG THẮNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MF 307 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

1170 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969
Số bằng: RN 741 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

1171 Liệt sĩ: **VŨ THẾ VIỆT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1969
Số bằng: QH 202 bm Quyết định số: 483/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1975

1172 Liệt sĩ: **TRIỆU QUỐC ĐẠM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: MH 548 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1970

1173 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIỆN MẪN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AK 103 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1971

1174 Liệt sĩ: **KHÚC VĂN LĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1972
Số bằng: RN 683 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

1175 Liệt sĩ: **LƯƠNG THỊ LÀNH**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1950
Số bằng: ED 252 cp Quyết định số: 803/TTg ngày 18 tháng 8 năm 1999

1176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HQ 385 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1973

1177 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐỒI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐA 609 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1972

1178 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG DUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HQ 108 bm Quyết định số: 437/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1973

1179 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: YL 621 bm Quyết định số: 436/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

1180 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐỨC TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OE 164 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1974

1181 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1971
Số bằng: RV 484 bm Quyết định số: 327/TTg ngày 20 tháng 7 năm 1976

1182 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TRÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐG 477 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

1183 Liệt sĩ: **NGÔ TÝ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 10 năm 1950
Số bằng: AC 516 kp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1999

1184 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EL 024 bm Quyết định số: 134/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1974

1185 Liệt sĩ: **PHAN THỊ HẰNG**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: bm 288 cm Quyết định số: 181/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1967

1186 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1964
Số bằng: NU 522 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1974

1187 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TÒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1969
Số bằng: AV 117 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971

1188 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EO 748 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

1189 Liệt sĩ: **PHẠM THẾ HỆ**
Bí thư Nông hội xã, Nguyên quán: xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XB 932 cp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1963

1190 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHĨ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
Số bằng: QY 167 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

1191 Liệt sĩ: **VŨ VĂN SỬ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1970
Số bằng: ĐP 747 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

1192 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: ĐC 570 bp Quyết định số: 141/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972

1193 Liệt sĩ: **PHẠM PHÚ QUÝ**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968

Số bằng: MH 233 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

1194 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC SÚY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1981
Số bằng: F 406 bt Quyết định số: 39/CTKT ngày 2 tháng 2 năm 1983

1195 Liệt sĩ: **VŨ DUY TRUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1970
Số bằng: DP 751 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1973

1196 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÙNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 2G 552 bm Quyết định số: 1665/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977

1197 Liệt sĩ: **NGÔ TẤT DY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1969
Số bằng: ĐP 696 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 4 tháng 2 năm 1973

1198 Liệt sĩ: **VŨ CAO QUÝ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968
Số bằng: UV 233 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

1199 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN THÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1974
Số bằng: RB 985 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

1200 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÍCH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1953
Số bằng: AC 533 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

1201 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1967

Số bằng: 9X 894 bm Quyết định số: 678/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1980

1202 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC HUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GC 085 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

1203 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
Số bằng: RV 584 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1204 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AP 991 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1971

1205 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẢY**
Thôn đội phó, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1949
Số bằng: XM 975 kp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

1206 Liệt sĩ: **PHẠM ĐẲNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 1 năm 1953

Số bằng: NX 282 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1969

1207 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG SẢO**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UV 177 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

1208 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN MỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1967
Số bằng: KB 966 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

1209 Liệt sĩ: **TRẦN LƯƠNG THIỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NG 149 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

1210 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỆN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 9 năm 1949
Số bằng: XY 775 kp Quyết định số: 092/TTg ngày 1 tháng 2 năm 1958

1211 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊNG**
Uy viên Ban Chấp hành hội nông dân cứu quốc, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 10 năm 1951

Số bằng: ED 255 kp Quyết định số: 803/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1999

1212 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHUÔNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NG 150 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

1213 Liệt sĩ: **ĐÀO QUỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1952
Số bằng: NX 227 bp Quyết định số: 73/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

1214 Liệt sĩ: **PHẠM KHOÁI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1954
Số bằng: XM 977 kp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

1215 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG UY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1971
Số bằng: 2S 251 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

1216 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 2 năm 1951
Số bằng: AC 536 kp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

1217 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẤT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 6 năm 1954
Số bằng: AE 536 bp Quyết định số: 335/TTga ngày 4 tháng 2 năm 1956

1218 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐỘ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1974
Số bằng: PB 271 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

1219 Liệt sĩ: **CHU VĂN NHO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BA 489 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1971

1220 Liệt sĩ: **ĐINH THẾ SỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UV 184 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

1221 Liệt sĩ: **PHẠM KHOÁI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1951

Số bằng: NX 307 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

1222 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÌM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: EV 677 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1973

1223 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LUYỆN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 8 năm 1950
Số bằng: AC 374 kp Quyết định số: 65/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

1224 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CHIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LR 225 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1974

1225 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1971
Số bằng: LR 587 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1974

1226 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN NHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1971
Số bằng: OR 782 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

1227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHUẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐP 798 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

1228 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC HỰU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CE 092 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

1229 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TRẬT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XK 271 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 1 tháng 8 năm 1958

1230 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THAO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: LG 079 bm Quyết định số: 60/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1974

1231 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH TƯ**

Chủ nhiệm hậu Cần Trung Đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: EV 859 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1973

1232 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN OANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1971
Số bằng: bp 608 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1972

1233 Liệt sĩ: **VŨ THANH BA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1969
Số bằng: HQ 076 bm Quyết định số: 437/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1973

1234 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ÂN**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1951
Số bằng: ĐC 154 cp Quyết định số: 550/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1969

1235 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1955
Số bằng: NX 312 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1976

1236 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MÃO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971
Số bằng: EL 151 bm Quyết định số: 145/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

1237 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1949
Số bằng: NX 322 bp Quyết định số: 23/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1963

1238 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHỈ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1965
Số bằng: AQ 833 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971

1239 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC TRUYỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1974
Số bằng: RN 733 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

1240 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954

Số bằng: ĐC 573 bp Quyết định số: 141/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1972

1241 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN Y**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1969
Số bằng: RN 688 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

1242 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÚT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ES 370 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1973

1243 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẼ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐA 743 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1972

1244 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN RUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1969
Số bằng: QY 105 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1976

1245 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN DŨNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 1 năm 1950
Số bằng: XY 781 kp Quyết định số: 092/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1958

1246 Liệt sĩ: **CAO VĂN TRÌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1953
Số bằng: AC 845 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

1247 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIỆN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: XY 340 kp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

1248 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1970
Số bằng: OS 915 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

1249 Liệt sĩ: **PHAN VĂN YẾT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1949
Số bằng: XC 303 kp Quyết định số: 176/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1959

1250 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TOẢN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: BG 458 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1251 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHỦNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1968
Số bằng: PB 304 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

1252 Liệt sĩ: **BÙI HỮU THO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AK 232 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1971

1253 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1968
Số bằng: OS 915 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1975

1254 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM HỘ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: OL 043 bm Quyết định số: 631/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1974

1255 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1950
Số bằng: AC 723 kp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

1256 Liệt sĩ: **PHAN THẾ HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 6X 366 bt Quyết định số: 1212/TTga ngày 23 tháng 12 năm 1978

1257 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC TÀM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CG 052 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1972

1258 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHỦNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1968
Số bằng: PB 304 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1975

1259 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THÁP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MĐ 1,116bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

1260 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1967
Số bằng: UV 160 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

1261 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN LẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1954
Số bằng: XH 438 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

1262 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÚY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1969
Số bằng: LA 321 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974

1263 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1954
Số bằng: EC 643 bp Quyết định số: 360/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972

1264 Liệt sĩ: **HOÀNG RI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 1 năm 1953
Số bằng: EC 644 bp Quyết định số: 360/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972

1265 Liệt sĩ: **TRẦN HỘI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: XH 397 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

1266 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỈNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1953
Số bằng: AC 9,882 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

1267 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 2G 532 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1977

1268 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC TẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XM 845 bp Quyết định số: 098/TTg ngày 3 tháng 2 năm 1959

1269 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1970
Số bằng: EV 589 bm Quyết định số: 242/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1973

1270 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN KÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1969
Số bằng: PB 296 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1975

1271 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 8 năm 1952
Số bằng: XQ 4,697 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 10 tháng 1 năm 1959

1272 Liệt sĩ: **ĐẶNG MÃO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: YZ 722 kp Quyết định số: 171/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1957

1273 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG QUYNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XH 496 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

1274 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÁC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1951
Số bằng: AC 945 bp Quyết định số: 212/TTg ngày 29 tháng 11 năm 1969

1275 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHÁNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QP 155 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

1276 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UV 248 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

1277 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THUẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1970
Số bằng: UV 223 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

1278 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CAO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1970
Số bằng: UV 336 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

1279 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VƠN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9H 513 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 1 tháng 5 năm 1980

1280 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HK 070 bm Quyết định số: 40/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1973

1281 Liệt sĩ: **PHẠM TRINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 3 năm 1950
Số bằng: YZ 732 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

1282 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 4 năm 1954
Số bằng: QC 571 bp Quyết định số: 117/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

1283 Liệt sĩ: **BÙI QUANG THÍCH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐB 688 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

1284 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1971
Số bằng: NV 108 bm Quyết định số: 441/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974

1285 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGÂN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1969

Số bằng: ĐP 785 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1973

1286 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CHUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 2G 618 bm Quyết định số: 1665/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1977

1287 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH NHU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BG 483 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1288 Liệt sĩ: **LÊ THANH XUÂN**
Cán bộ Công An, Nguyên quán: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1956
Số bằng: CV 325 cm Quyết định số: 171/CTKT ngày 1 tháng 7 năm 1991

1289 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1951
Số bằng: XC 288 kp Quyết định số: 176/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1959

1290 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN LƯƠNG**
Y tá, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1970
Số bằng: RV 449 cm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1291 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN NGUYÊN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: bp 901 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1973

1292 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUỀ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1953
Số bằng: AC 819 kp Quyết định số: 20/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1973

1293 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH KÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1948
Số bằng: XC 886 bp Quyết định số: 134/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1958

1294 Liệt sĩ: **ĐINH HỒNG TƠ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐP 874 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

1295 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NGHỊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
Số bằng: UV 293 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

1296 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EV 709 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1973

1297 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1969
Số bằng: NK 326 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

1298 Liệt sĩ: **LÊ VÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1949
Số bằng: AC 817 kp Quyết định số: 20/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1970

1299 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 5S 215 bm Quyết định số: 749/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1978

1300 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HỢI (HỘI)**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1974
Số bằng: RN 675 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

1301 Liệt sĩ: **ĐINH MIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1952
Số bằng: AC 896 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 3 tháng 2 năm 1959

1302 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1967
Số bằng: EK 517 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

1303 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC VĂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3H 688 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1978

1304 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HƯNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1974
Số bằng: PV 469 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

1305 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN HOAN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1950
Số bằng: AC 181 kp Quyết định số: 20/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1970

1306 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1970
Số bằng: PN 498 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

1307 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHẢN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1965

Số bằng: AQ 301 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 5 tháng 8 năm 1971

1308 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1975
Số bằng: GP 144 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

1309 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH THẮM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 6 năm 1950

Số bằng: XA 594 bp Quyết định số: 375/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1958

1310 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1970
Số bằng: EV 694 bm Quyết định số: 463/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1972

1311 Liệt sĩ: **LÊ NHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1952
Số bằng: AC 917 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

1312 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LÂU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
Số bằng: DP 756 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1973

1313 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SĨ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1957
Số bằng: AC 816 km Quyết định số: 189/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1970

1314 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐB 015 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1972

1315 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUỐC KHÁNH**
Trợ lý Tuyên huấn Trung đoàn, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HK 012 cm Quyết định số: 402/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1973

1316 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC UYỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BT 405 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1972

1317 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1973
Số bằng: KD 113 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 30 tháng 10 năm 1973

1318 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1969
Số bằng: RV 589 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1319 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGHINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1954
Số bằng: AC 914 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

1320 Liệt sĩ: **TÔ NHẬT THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1971
Số bằng: RN 711 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1976

1321 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9H 224 bt Quyết định số: 38/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1980

1322 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1966
Số bằng: CG 118 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1973

1323 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1969
Số bằng: bp 892 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1972

1324 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 1 năm 1950
Số bằng: XC 868 bp Quyết định số: 134/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1958

1325 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1951
Số bằng: AC 837 bp Quyết định số: 189/TTga ngày 1 tháng 5 năm 1969

1326 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH XUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1968

Số bằng: CV 184 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972

1327 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN UYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1969
Số bằng: UV 174 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

1328 Liệt sĩ: **TRẦN MẠNH CHÍ**
Cán bộ Thông tin thôn, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 1 năm 1950
Số bằng: AC 930 cp Quyết định số: 509/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1974

1329 Liệt sĩ: **VŨ YÊN QUÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1967
Số bằng: MĐ 500 bm Quyết định số: 940/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

1330 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC RỶ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966
Số bằng: EN 705 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

1331 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHÚ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1969
Số bằng: CH 442 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1972

1332 Liệt sĩ: **BÙI CAO KHẢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967
Số bằng: LA 299 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974

1333 Liệt sĩ: **BÙI QUANG TUẤN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1969
Số bằng: RV 486 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1334 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN PHƯỞNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 6 năm 1952
Số bằng: AC 862 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

1335 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 10 năm 1953
Số bằng: AC 911 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969

1336 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TƯ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: HC 783 bp Quyết định số: 208/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1337 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC TỬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1972
Số bằng: EQ 190 bm Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1973

1338 Liệt sĩ: **HÀ BẮC ĐẦU**
Cán bộ Cục Quản lý Đường Bộ - Bộ Giao Thông , Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1966
Số bằng: CM 953 cm Quyết định số: 189/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

1339 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1974
Số bằng: RV 568 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1340 Liệt sĩ: **BÙI QUANG HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1976
Số bằng: RV 359 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1976

1341 Liệt sĩ: **BÙI QUỐC BÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 10 năm 1954
Số bằng: AC 933 bp Quyết định số: 121/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1969

1342 Liệt sĩ: **VŨ CÔNG HƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MK 278 bm Quyết định số: 198/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

1343 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHƯƠNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1949
Số bằng: XA 442 kp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

1344 Liệt sĩ: **VŨ VĂN LÃM**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1968
Số bằng: NE 755 bm Quyết định số: 240 /TTga ngày 16 tháng 5 năm 1974

1345 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG LOÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Việt, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BD 639 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972

1346 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 11 năm 1983
Số bằng: AK 720 bt Quyết định số: 379/CTKT ngày 07 tháng 4 năm 1984

1347 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1967
Số bằng: EL 131 bm Quyết định số: 134/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1973

1348 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TỐT**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1970
Số bằng: EQ 742 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

1349 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIÊN KIỀU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 10 năm 1950
Số bằng: MX 891 bp Quyết định số: 326/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1962

1350 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÃO**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Tỉnh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LE 588 bm Quyết định số: 119/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

1351 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG TRIỆU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Tỉnh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 02 năm 1971
Số bằng: 3H 247 bm Quyết định số: 1710/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977

1352 Liệt sĩ: **ĐỖ HỒNG SÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 4 năm 1971
Số bằng: PV 293 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1975

1353 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1975
Số bằng: 2S 279 bm Quyết định số: 1287/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

1354 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC RẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1965
Số bằng: EN 699 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1973

1355 Liệt sĩ: **PHẠM KHOÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thanh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái

Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 01 năm 1966
Số bằng: MĐ 545 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1970

1356 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1968
Số bằng: UV 037 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

V. TỈNH PHÚ THỌ

1 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 02 năm 1972
Số bằng: GV 248 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1973

2 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Nội, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1971
Số bằng: SS 072 bm Quyết định số: 715/TTga ngày 05 tháng 7 năm 1978

3 Liệt sĩ: **HÀ NHƯ KÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 12 năm 1978
Số bằng: DN 408 bt Quyết định số: 497/TTg ngày 16 tháng 9 năm 1994

4 Liệt sĩ: **VI NHƯ THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1970
Số bằng: VO 427 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 13 tháng 5 năm 1977

5 Liệt sĩ: **VI CÔNG VỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thành, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1970
Số bằng: NT 750 bm Quyết định số: 235/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1974

6 Liệt sĩ: **BÙI TIẾN KỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Lỗ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: EB 261 bm Quyết định số: 73/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1973

7 Liệt sĩ: **MAI QUANG ĐÀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1973
Số bằng: PR 446 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

8 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1968
Số bằng: PN 757 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1975

9 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1973
Số bằng: QV 313 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976

10 Liệt sĩ: **MAI VĂN LUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 10 năm 1953
Số bằng: DC 684 bp Quyết định số: 111/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972

11 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC CHÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 01 năm 1971
Số bằng: YI 102 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1977

12 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC SANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Xuyên, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GV 324 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1973

13 Liệt sĩ: **HOÀNG QUANG QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Xuyên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1967
Số bằng: AO 564 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1971

14 Liệt sĩ: **ĐỖ HUY HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Yển, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1971
Số bằng: CP 852 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972

15 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG CHỮ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AM 818 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1968

16 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yển Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 02 năm 1971
Số bằng: SR 517 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

17 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐOÁ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yển Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1970
Số bằng: GE 389 bm Quyết định số: 277/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1973

18 Liệt sĩ: **LÊ MINH ĐÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yển Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AO 485 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1971

19 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yển Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1970
Số bằng: RO 630 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1976

20 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN TIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yển Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1H 221 bm Quyết định số: 728/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

21 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yển Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BL 850 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 01 năm 1972

22 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ĐOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yển Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 8 năm 1973
Số bằng: SO 054 bm Quyết định số: 511/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

23 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUÝ VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yển Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BL 967 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 01 năm 1972

24 Liệt sĩ: **LÊ MAI LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KG 478 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1974

25 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: YK 139 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

26 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 3 năm 1971
Số bằng: H 850 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972

27 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1965
Số bằng: QX 130 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1966

28 Liệt sĩ: **NGUYỄN DƯƠNG LÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1967
Số bằng: GP 680 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 21 tháng 8 năm 1973

29 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ SEN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1953
Số bằng: AX 344 bm Quyết định số: 140/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1960

30 Liệt sĩ: **LÊ HOÀNG LŨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1967
Số bằng: AB 239 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 02 năm 1971

31 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: XQ 4,069bp Quyết định số: 329/TTg ngày 01 tháng 9 năm 1959

32 Liệt sĩ: **VI NGỌC ICH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 9C 665 bm Quyết định số: 841/TTga ngày 03 tháng 12 năm 1979

33 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9C 492 bm Quyết định số: 832/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

34 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1967
Số bằng: AA 156 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 01 tháng 02 năm 1971

35 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1968
Số bằng: NT 755 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1974

36 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1967
Số bằng: KE 230 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1976

37 Liệt sĩ: **HOÀNG QUỐC VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9C 675 bm Quyết định số: 814/TTga ngày 03 tháng 12 năm 1979

38 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1970
Số bằng: BL 882 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 01 năm 1972

39 Liệt sĩ: **NHẠC VĂN KHOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1970
Số bằng: EF 925 bm Quyết định số: 300/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973

40 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ PHÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1967

Số bằng: MN 007bm Quyết định số: 247/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968

41 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: DA 941 bm Quyết định số: 282/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

42 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1971
Số bằng: PN 730 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1975

43 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1971
Số bằng: RO 698 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1976

44 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH MIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1967
Số bằng: G8 249 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1977

45 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1973
Số bằng: YK 085 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

46 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1968
Số bằng: BL 836 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 01 năm 1972

47 Liệt sĩ: **NHẠC VĂN ĐỘNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 272 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 13 tháng 01 năm 1968

48 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỊCH NHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1967
Số bằng: AO 712 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 09 tháng 6 năm 1971

49 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1973
Số bằng: DC 723 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 05 tháng 7 năm 1975

50 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: DK 497 cp Quyết định số: 483/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1993

51 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỊCH DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bằng: EF 826 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973

52 Liệt sĩ: **LÊ BÁ SỌT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1951
Số bằng: 3T 043 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

53 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 5 năm 1954
Số bằng: AX 318 bp Quyết định số: 140/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1960

54 Liệt sĩ: **MAI VĂN ĐÁY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1969
Số bằng: VH 901 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

55 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: KC 480 bp Quyết định số: 65/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1973

56 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QĐ 885 bm Quyết định số: 465/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

57 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1970
Số bằng: VR 947 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

58 Liệt sĩ: **ĐỖ KHẮC BAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969
Số bằng: HD 345 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1973

59 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1954
Số bằng: AX 319 bp Quyết định số: 140/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1960

60 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ GA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1970
Số bằng: GC 758 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1973

61 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1962
Số bằng: MA 792 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

62 Liệt sĩ: **MAI VĂN PHỎ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1968
Số bằng: YK 088 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

63 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN KÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
Số bằng: TS 406 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

64 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 10 năm 1986
Số bằng: BL 474 bt Quyết định số: 111/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1987

65 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1971
Số bằng: TV 114 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1977

66 Liệt sĩ: **ĐỖ QUANG HÒA**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KA 241 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

67 Liệt sĩ: **PHAN TIẾN TRÌNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1971
Số bằng: LP 587 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1974

68 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XT 191 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 01 tháng 12 năm 1959

69 Liệt sĩ: **TRỊNH BÁ TƯỚC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1952
Số bằng: YZ 268 bp Quyết định số: 1191/TTg ngày 22 tháng 12 năm 1956

70 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LÚA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 11 năm 1952
Số bằng: HX 446 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

71 Liệt sĩ: **ĐINH THẾ MỸ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1950
Số bằng: XG 389 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

72 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: YH 086 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

73 Liệt sĩ: **TRẦN MINH VỮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CQ 821 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

74 Liệt sĩ: **ĐINH BẮC BỘ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1971
Số bằng: NY 824 bm Quyết định số: 537TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

75 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HAY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Khánh, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GI 893 bm Quyết định số: 352/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

76 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH HIỆP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Khánh, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1973
Số bằng: NU 891 bm Quyết định số: 587/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

77 Liệt sĩ: **MAN VĂN THẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hòa, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1950
Số bằng: XT 201 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 01 tháng 12 năm 1959

78 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 5 năm 1987
Số bằng: BX 981 bt Quyết định số: 138/CTKT ngày 22 tháng 6 năm 1988

79 Liệt sĩ: **ĐƯỜNG VĂN CỒN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1974
Số bằng: PH 240 bm Quyết định số: 260/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1975

80 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NÚI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1973
Số bằng: NO 089 bm Quyết định số: 366/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

81 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QM 170 bm Quyết định số: 161/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1969

82 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HE 709 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

83 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8T 459 bt Quyết định số: 634/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1979

84 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN TÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: AL 749 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

85 Liệt sĩ: **HÀ MINH THÉP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1968
Số bằng: H 870 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972

86 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THÚ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: YH 309 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

87 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TIN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1972
Số bằng: RO 727 bm Quyết định số: 303/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1976

88 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1972
Số bằng: GL 917 bm Quyết định số: 352/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

89 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1973
Số bằng: LD 495 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

90 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỌP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1947
Số bằng: XG 393 kp Quyết định số: 424/TTga ngày 01 tháng 12 năm 1959

91 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN ĐẢM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 4 năm 1951
Số bằng: XQ 760 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1959

92 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN TIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XT 182 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 01 tháng 12 năm 1959

93 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HÀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1949
Số bằng: HX 420 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

94 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: phường Nguyễn Du, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 07 năm 1974
Số bằng: PT 538 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

95 Liệt sĩ: **HOÀNG KIM NGỌ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Tứ Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 1H 161 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

96 Liệt sĩ: **PHAN TIẾN TRÌNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1971
Số bằng: LP 587 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1974

97 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THỤ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lương Lỗ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 02 năm 1979
Số bằng: KG 365 kt Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974

98 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN DẸN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1955
Số bằng: bm Quyết định số: 598/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

99 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BẢY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7Đ 339 bt Quyết định số: 1303/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

100 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY VÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HE 939 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

101 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LONG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức, huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CT 070 bm Quyết định số: 322/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972

102 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức, huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GV 039 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

103 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN TẶNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức, huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GC 869 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

104 Liệt sĩ: **ĐÀO MỘNG LÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức, huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1969
Số bằng: AO 593 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971

105 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 4 năm 1951
Số bằng: XY 114 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

106 Liệt sĩ: **ĐÀO ANH HƯNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 4K 098 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1978

107 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức, huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CT 008 bm Quyết định số: 322/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972

108 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZB 694 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

109 Liệt sĩ: **MAI VĂN CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Trung, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BL 752 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 01 năm 1972

110 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 02 tháng 4 năm 1978
Số bằng: ZĐ 409 bt Quyết định số: 1303/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

111 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG CHÌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1947
Số bằng: FC 537 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

112 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỞ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 11 năm 1986
Số bằng: BX 929 bt Quyết định số: 138/CTKT ngày 22 tháng 6 năm 1988

113 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LƯƠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1956
Số bằng: NX 822 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1963

114 Liệt sĩ: **TRẦN NHẬT LONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâu Thượng, thành phố Việt Trì, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PN 813 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1975

115 Liệt sĩ: **VŨ THẾ HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lan Giới, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: QB 189 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

116 Liệt sĩ: **LẠI XUÂN LIÊM**
Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZB 2,149 kp Quyết định số: 329/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1959

117 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Thụy, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GC 852 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

118 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỲ**
Cán bộ kỹ thuật Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1967
Số bằng: EP 430 bm Quyết định số: 916/TTg ngày 26 tháng 7 năm 2001

119 Liệt sĩ: **LÊ CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Bắc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1954

Số bằng: ZU 817 bp Quyết định số: 186/TTg ngày 13 tháng 8 năm 1960

120 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MẬU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Chính Nghĩa, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1947
Số bằng: GX 4,864 bp Quyết định số: 100/TTg ngày 24 tháng 3 năm 1961

121 Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC GIANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Thanh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: TB 177 bp Quyết định số: 549/TTg ngày 07 tháng 12 năm 1976

122 Liệt sĩ: **ĐÀO MINH XÂY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hy Cương, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 773 bm Quyết định số: 645/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

123 Liệt sĩ: **TRIỆU XUÂN PHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hy Cương, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: I 439 bt Quyết định số: 105/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

124 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1969
Số bằng: MG 369 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

125 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LP 688 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1977

126 Liệt sĩ: **HÀ QUANG MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 7Z 252 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 06 tháng 4 năm 1979

127 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 4 năm 1950
Số bằng: XG 495 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 05 tháng 5 năm 1958

128 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TRINH**
Dân quân du kích , Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1947
Số bằng: XL 748 kp Quyết định số: 441/TTg ngày 24 tháng 11 năm 1961

129 Liệt sĩ: **LÊ QUANG HƯỚNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên

, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: DR 410 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1976

130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊU**
Dân quân du kích , Nguyên quán: xã Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 11 năm 1951
Số bằng: ĐU 210 kp Quyết định số: 1116/TTg ngày 11 tháng 12 năm 1998

131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GT 318 bm Quyết định số: 434/TTga ngày 04 tháng 10 năm 1973

132 Liệt sĩ: **VŨ VIẾT HƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì , tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: H 2,066 bm Quyết định số: 2321/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1971

133 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN MINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Lập Thạch , tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 02 năm 1975
Số bằng: VK 325 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

134 Liệt sĩ: **LƯU VĂN ÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quất Thượng, thành phố Việt Trì , tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1967
Số bằng: TB 131 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1967

135 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quất Thượng, thành phố Việt Trì , tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1973
Số bằng: MI 639 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1970

136 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: AX 842 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 06 tháng 8 năm 1960

137 Liệt sĩ: **ĐOÀN MẠNH ĐẠT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 02 năm 1972
Số bằng: NY 847 bm Quyết định số: 537/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

138 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG HIẾU**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1970
Số bằng: GR 607 bm Quyết định số: 392/TTga ngày 06 tháng 9 năm 1973

139 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TRÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 9C 660 bm Quyết định số: 841/TTga ngày 03 tháng 12 năm 1979

140 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1968
Số bằng: GC 827 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

141 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU BÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Kiến Thiết, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9C 266 bt Quyết định số: 824/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

142 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SÁNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1971
Số bằng: CT 170 bm Quyết định số: 322/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972

143 Liệt sĩ: **PHÙNG THỊ CHỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: XA 1,915 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

144 Liệt sĩ: **ĐINH QUANG MẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 01 năm 1952
Số bằng: XM 359 bp Quyết định số: 36/TTg ngày 04 tháng 02 năm 1995

145 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TẢN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1972
Số bằng: QN 182 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1976

146 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Âm Thượng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước
Số bằng: TB 195 bm Quyết định số: 549/TTg ngày 07 tháng 12 năm 1976

147 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: GS 981 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

148 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẦN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LQ 661 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

149 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOAN**
Tiểu đội trưởng tự vệ, Nguyên quán: xã Tân Đức, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1947
Số bằng: XD 360 kp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

150 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Đức, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XD 759 kp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959

151 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Đức, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967
Số bằng: A0 603 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 08 tháng 5 năm 1971

152 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TẾ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Tiên Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 02 năm 1946

Số bằng: ZB 076 bp Quyết định số: 135/TTg ngày 04 tháng 4 năm 1957

153 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIỄM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chính Nghĩa, huyện Hạc Trì , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 12 năm 1953
Số bằng: ZA 689 bp Quyết định số: 105/TTg ngày 25 tháng 3 năm 1957

154 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TRÌNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 10 năm 1951
Số bằng: AC 976 bp Quyết định số: 18/TTg ngày 19 tháng 1 năm 1970

155 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Trù, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1945
Số bằng: ZB 380 bp Quyết định số: 150/TTg ngày 13 tháng 4 năm 1957

156 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TRỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yển Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 4 năm 1954
Số bằng: AX 280 bp Quyết định số: 140/TTg ngày 29 tháng 6 năm 1960

157 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THÙY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sông Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BL 959 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 1 năm 1972

158 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC PHẢ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sông Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968

Số bằng: NG 166 bm Quyết định số: 302/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973

159 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sông Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8M 580 bt Quyết định số: 467/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

160 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÊ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sai Nga, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1972
Số bằng: BT 168 bm Quyết định số: 366/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

161 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sông Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: IM 111 bm Quyết định số: 501/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1972

162 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1973
Số bằng: LD 471 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

163 Liệt sĩ: **VŨ VĂN KHẢ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 09 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 6X 238 bt Quyết định số: 1215/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978

164 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1975
Số bằng: QĐ 631 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

165 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠI**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1951
Số bằng: XQ 1,475 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959

166 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GV 149 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

167 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HOẠT**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1978
Số bằng: QM 455 bt Quyết định số: 464/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

168 Liệt sĩ: **TRẦN HUY BÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1973
Số bằng: YI 011 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

169 Liệt sĩ: **VŨ VĂN HẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 11 năm 1952
Số bằng: KX 387 bp Quyết định số: 441/TTg ngày 24 tháng 11 năm 1961

170 Liệt sĩ: **PHÙNG THỊ HÀNH**
Dân công, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 4 năm 1953
Số bằng: EE 361 cp Quyết định số: 238/TTg ngày 15 tháng 3 năm 2000

171 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VIỆT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 6 năm 1971
Số bằng: BT 464 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

172 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
Dân công, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1951
Số bằng: DH 258 cp Quyết định số: 97/TTg ngày 17 tháng 3 năm 1993

173 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 12 năm 1970
Số bằng: PN 134 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1970

174 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỮU**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 11 năm 1952
Số bằng: XQ 271 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959

175 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢI TẤN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 01 năm 1973
Số bằng: NL 211 bm Quyết định số: 360/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1974

176 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHUYỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: RE 223 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1976

177 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972
Số bằng: SO 448 bm Quyết định số: 469/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

178 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUYỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: EB 158 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

179 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QP 881 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

180 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KG 424 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974

181 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƯU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HD 941 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

182 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MA 155 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 15 tháng 1 năm 1970

183 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÙI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1968
Số bằng: LQ 114 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1974

184 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RE 240 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1976

185 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1967
Số bằng: CL 857 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972

186 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHỈNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GE 343 bm Quyết định số: 277/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1973

187 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TẬP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: UY 902 bm Quyết định số: 352/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

188 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1973
Số bằng: KQ 350 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974

189 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YD 041 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

190 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC THẤP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1912
Số bằng: VP 563 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

191 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1969
Số bằng: GX 041 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

192 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÁ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AS 351 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

193 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ ĐIỂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1973
Số bằng: HP 822 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

194 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TOÀN**
Dân công, Nguyên quán: xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 9 năm 1952
Số bằng: DD 369 cp Quyết định số: 147/CTKT ngày 18 tháng 7 năm 1992

195 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969
Số bằng: TB 570 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

196 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÒN**
Dân quân du kích , Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 01 năm 1950
Số bằng: DS 272 kp Quyết định số: 478/TTg ngày 02 tháng 6 năm 1998

197 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HẬU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1974
Số bằng: QĐ 706 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

198 Liệt sĩ: **ĐINH TRUNG CHÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1968
Số bằng: TB 230 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

199 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG HUẤN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 1H 134 bm Quyết định số: 757/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1977

200 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHẢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VQ 059 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

201 Liệt sĩ: **LÊ THẾ KHAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1967
Số bằng: KA 284 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

202 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG QUYẾT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HK 637 bm Quyết định số: 425/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

203 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG THAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1972
Số bằng: VP 559 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

204 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐĂNG VIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1971
Số bằng: TB 611 bm Quyết định số: 04/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977

205 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HẬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1974
Số bằng: QĐ 706 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

206 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TỚI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 309 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

207 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1967
Số bằng: CM 659 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 03 tháng 4 năm 1968

208 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÃI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1953
Số bằng: GX 443 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1961

209 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC NHO**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 7 năm 1953
Số bằng: ĐS 278 cp Quyết định số: 478/TTg ngày 02 tháng 6 năm 1998

210 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1971
Số bằng: HE 892 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

211 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁNH TOÀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1970
Số bằng: PN 729 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1975

212 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÂN**
Tiểu đội phã Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GV 146 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

213 Liệt sĩ: **DƯƠNG BÌNH ĐỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chuế Lưu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AB 209 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

214 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN CĂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1951

Số bằng: XD 523 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 01 tháng 4 năm 1958

215 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC QUÝ**
Trợ lý công binh Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Xá, huyện Thanh Hòa , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 1988
Số bằng: CG 623 bt Quyết định số: 142/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1989

216 Liệt sĩ: **LÊ QUANG HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bạch Lưu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 9C 397 bt Quyết định số: 832/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

217 Liệt sĩ: **CHU VĂN NHẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
Số bằng: ĐC 631 bp Quyết định số: 111/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972

218 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HẠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PA 964 bm Quyết định số: 282/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

219 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THỤ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 02 năm 1979
Số bằng: GE 925 bt Quyết định số: 897/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1979

220 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỰU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1949
Số bằng: XT 704 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 02 tháng 1 năm 1960

221 Liệt sĩ: **TRẦN SỸ TỐ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phố Cao Bang, thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1973
Số bằng: OQ 562 bm Quyết định số: 528/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1974

222 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ THU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QP 848 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976

223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẠP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XA 730 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

224 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỤNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NP 196 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

225 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1965
Số bằng: BX 916 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1988

226 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1969
Số bằng: YI 167 bm Quyết định số: 370/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1967
Số bằng: AL 655 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 09 tháng 4 năm 1971

228 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MỸ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 7 năm 1946
Số bằng: AX 406 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

229 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THƯỞNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1968
Số bằng: AL 783 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 09 tháng 4 năm 1971

230 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973
Số bằng: TB 387 bm Quyết định số: 551/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

231 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN HIỀN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HL 959 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 08 tháng 01 năm 1974

232 Liệt sĩ: **HOÀNG CHÍ THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1974
Số bằng: OR 233 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1975

233 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 4 năm 1951
Số bằng: GX 460 bp Quyết định số: 100/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961

234 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUẤN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: LS 127 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 30 tháng 4 năm 1974

235 Liệt sĩ: **TRẦN MẠNH THI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QP 867 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976

236 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1950
Số bằng: DT 690 bp Quyết định số: 111/TTg ngày 31 tháng 3 năm 1972

237 Liệt sĩ: **VŨ VĂN AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1971
Số bằng: H 2,600 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 13 tháng 3 năm 1972

238 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HP 915 bm Quyết định số: 599/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

239 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ XUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: NV 900 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

240 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TƯỞNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HE 802 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

241 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG PHIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1970
Số bằng: VQ 018 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

242 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC THỤ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MA 808 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

243 Liệt sĩ: **TRẦN THANH XUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1973
Số bằng: KQ 038 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

244 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MA 786 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

245 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÓ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 12 năm 1949
Số bằng: AX 356 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 07 tháng 12 năm 1960

246 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỮ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1950
Số bằng: ĐC 725 bp Quyết định số: 111/TTg ngày 31 tháng 3 năm 1972

247 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PT 373 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

248 Liệt sĩ: **BÙI VĂN GỪNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1955
Số bằng: XX 861 bm Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

249 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1971
Số bằng: YG 267 bm Quyết định số: 371/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

250 Liệt sĩ: **HOÀNG NHỊ KHA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 11 năm 1985
Số bằng: BH 257 bt Quyết định số: 267/TTga ngày 01 tháng 10 năm 1986

251 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: AX 362 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 07 tháng 12 năm 1960

252 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: GX 475 bp Quyết định số: 100/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961

253 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QM 187 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1969

254 Liệt sĩ: **VŨ VIẾT BÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 1 năm 1949
Số bằng: DY 182 bp Quyết định số: 101/TTg ngày 02 tháng 10 năm 1996

255 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EB 195 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

256 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BIÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1982
Số bằng: I 424 bt Quyết định số: 105/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

257 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1980
Số bằng: 7AA 534 bt Quyết định số: 057/CTKT ngày 23 tháng 10 năm 1981

258 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU VÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HL 964 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 08 tháng 01 năm 1974

259 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN CỬ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1967
Số bằng: GP 557 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 21 tháng 8 năm 1973

260 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 5 năm 1983
Số bằng: AL 441 bt Quyết định số: 446/CTKT ngày 26 tháng 12 năm 1984

261 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1973
Số bằng: NK 520 bm Quyết định số: 361/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1974

262 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIẾT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 7 năm 1975
Số bằng: 1H 195 bm Quyết định số: 728/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

263 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NHƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1974
Số bằng: PN 762 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1975

264 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH KHANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HE 563 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

265 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Quan, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 5 năm 1954
Số bằng: AX 376 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

266 Liệt sĩ: **LÊ THỤY BẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1951

Số bằng: AX 409 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

267 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PN 733 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1975

268 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CẬN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Quan, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1949
Số bằng: GX 483 bp Quyết định số: 100/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961

269 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 3 năm 1948
Số bằng: AX 361 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

270 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MA 138 bm Quyết định số: 016/TTga ngày 15 tháng 01 năm 1970

271 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 10 năm 1951
Số bằng: AX 391 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

272 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HE 894 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

273 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1952
Số bằng: AX 367 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1960

274 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MỤC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1974
Số bằng: SO 826 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

275 Liệt sĩ: **ĐỖ CÔNG CHỈNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MG 344 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

276 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TRỌNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã

hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 7 năm 1975
Số bằng: 1H 147 bt Quyết định số: 757/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1977

277 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÚC ĐẲNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1970
Số bằng: QĐ 959 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

278 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1949
Số bằng: AX 377 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

279 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM THÀNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 6X 225 bt Quyết định số: 1215/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978

280 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG LOAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 1L 026 bm Quyết định số: 728/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

281 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: XL 238 bp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958

282 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG MỤC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Quan, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1954
Số bằng: AX 405 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

283 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HIỂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn La, huyện Bất Bạt, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1974
Số bằng: TB 380 bm Quyết định số: 551/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

284 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN HÁCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lạc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1967
Số bằng: KM 282 bm Quyết định số: 282/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

285 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẾ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thành, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1970
Số bằng: LX 1,412 bm Quyết định số: 757/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1974

286 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1974
Số bằng: QĐ 621 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

287 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CẤP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khả Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LH 356 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1974

288 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 10 năm 1948
Số bằng: XM 294 bp Quyết định số: 01/ TTg ngày 05 tháng 01 năm 1959

289 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHỔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 12 năm 1953
Số bằng: AX 799 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 06 tháng 8 năm 1960

290 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1947
Số bằng: ZZ 248 bp Quyết định số: 28/TTg ngày 19 tháng 01 năm 1961

291 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 02 năm 1950
Số bằng: ZL 622 bp Quyết định số: 328/TTg ngày 01 tháng 7 năm 1958

292 Liệt sĩ: **LÊ TIẾN CHUYÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 02 năm 1948
Số bằng: XL 509 kp Quyết định số: 181/TTg ngày 11 tháng 02 năm 1961

293 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN KỶ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trường Chinh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1951
Số bằng: GA 133 kp Quyết định số: 337/TTg ngày 02 tháng 4 năm 1958

294 Liệt sĩ: **HOÀNG KIM NGỌ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 1H 161 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

295 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN SỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 6 năm 1972
Số bằng: QĐ 768 bm Quyết định số: 465/TTga ngày 12 tháng 02 năm 1975

296 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÂN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồ Sao, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LD 568 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

297 Liệt sĩ: **ĐOÀN QUỐC CHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Sơn Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 3N 246 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 20 tháng 02 năm 1978

298 Liệt sĩ: **QUYẾT ĐỨC MƯỜI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thịnh, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AO 633 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 09 tháng 6 năm 1971

299 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HIỂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thịnh, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CL 917 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1974

300 Liệt sĩ: **ĐÀO DANH HƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 02 năm 1950
Số bằng: XL 217 bp Quyết định số: 455/TTg ngày 04 tháng 10 năm 1958

301 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN CỬ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HE 261 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

302 Liệt sĩ: **TRẦN KHÁNH HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CM 284 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 13 tháng 01 năm 1968

303 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH SỬU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1961
Số bằng: KX 357 bm Quyết định số: 441/TTg ngày 24 tháng 11 năm 1961

304 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG CHÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1972
Số bằng: CQ 767 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

305 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Tam Thanh , tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9C 565 bt Quyết định số: 825/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

306 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GÓC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 4 năm 1949
Số bằng: AX 820 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 06 tháng 8 năm 1960

307 Liệt sĩ: **LÊ QUANG ĐỘ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dậu Dương, huyện Tam Nông, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1968
Số bằng: KG 396 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974

308 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN TƯỚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1965
Số bằng: CL 977 bm Quyết định số: 334/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

309 Liệt sĩ: **DƯƠNG QUÝ KỲ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1969
Số bằng: EF 808 bm Quyết định số: 300/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973

310 Liệt sĩ: **ĐINH CÔNG HỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
Số bằng: HL 983 bm Quyết định số: 15TTga ngày 08 tháng 01 năm 1974

311 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1971
Số bằng: GV 267 bm Quyết định số: 362TTga ngày 18 tháng 8 năm 1973

312 Liệt sĩ: **CAO VĂN KÍNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 5 năm 1950
Số bằng: ĐU 206 kp Quyết định số: 1116/TTg ngày 11 tháng 12 năm 1998

313 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vinh Quang, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 02 năm 1949
Số bằng: AX 821 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 06 tháng 3 năm 1960

314 Liệt sĩ: **DƯƠNG BÁ CẢM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GC 871 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

315 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: GM 864 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1968

316 Liệt sĩ: **THIỀU MINH THƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1966
Số bằng: EB 166 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

317 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1969
Số bằng: GC 860 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

318 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẠNH**
Chiến sĩ tự vệ, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 11 năm 1948
Số bằng: O 521 kp Quyết định số: 269/TTg ngày 21 tháng 7 năm 1983

319 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DIỄN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GE 361 bm Quyết định số: 277/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1973

320 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG CÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1972
Số bằng: GS 868 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

321 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 01 năm 1973
Số bằng: VT 901 bm Quyết định số: 364/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

322 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN HOẠT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Nghĩa, huyện Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1971
Số bằng: RO 609 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1976

323 Liệt sĩ: **LÊ KIM QUANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phương, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HE 667 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

324 Liệt sĩ: **ĐINH QUANG VĂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vinh Quang, huyện Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KQ 024 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

325 Liệt sĩ: **LÊ DUY ƯNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy,

tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1953
Số bằng: XH 747 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

326 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TẤT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 11 năm 1950
Số bằng: XQ 3,050 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959

327 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LẪM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 10 năm 1986
Số bằng: BS 024 bt Quyết định số: 277/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1987

328 Liệt sĩ: **BÙI VĂN XUÂN**
Đội viên Đội dân công, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1954
Số bằng: DX 563 kp Quyết định số: 348/TTg ngày 29 tháng 3 năm 1999

329 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1954
Số bằng: XX 893 bm Quyết định số: 118/TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006

330 Liệt sĩ: **TRẦN MẠNH QUẢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9O 473 bt Quyết định số: 279/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980

331 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 357 bt Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

332 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: TB 675 bm Quyết định số: 4/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977

333 Liệt sĩ: **TRIỆU VĂN PHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NL 183 bm Quyết định số: 360/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1974

334 Liệt sĩ: **BÙI NHƯ LAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 6 năm 1969
Số bằng: TV 204 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1977

335 Liệt sĩ: **TẠ KIM XUYÊN**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 02 năm 1973
Số bằng: NL 205 bm Quyết định số: 360/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1974

336 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TOẢN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GL 944 bm Quyết định số: 352/TTga ngày 08 tháng 9 năm 1972

337 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 7 năm 1950
Số bằng: EK 280 kp Quyết định số: 104/TTg ngày 29 tháng 01 năm 2001

338 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: VK 242 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

339 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 3 năm 1973
Số bằng: QĐ 528 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1974

340 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NGHI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VK 375 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

341 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GC 626 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1973

342 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TĨNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SD 478 bm Quyết định số: 469/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

343 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH NHẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 6 năm 1952
Số bằng: AX 844 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 06 tháng 8 năm 1960

344 Liệt sĩ: **TRIỆU CÔNG PHÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1973
Số bằng: LD 641 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1979

345 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÁC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 02 năm 1967
Số bằng: AĐ 955 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 08 tháng 3 năm 1971

346 Liệt sĩ: **BÙI DUY HIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 9T 210 bt Quyết định số: 527/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1980

347 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 12 năm 1967
Số bằng: GC 664 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1973

348 Liệt sĩ: **KHỔNG THÀNH CƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HE 263 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1972

349 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1950
Số bằng: XX 833 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1960

350 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG LUÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HP 931 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

351 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HD 353 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

352 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUỐC SINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MP 722 bm Quyết định số: 234/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1970

353 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐỀ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1966
Số bằng: AL 614 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

354 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC ĐĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1972
Số bằng: LQ 687 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

355 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GI 947 bm Quyết định số: 352/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

356 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC CHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XQ 3,514 bp Quyết định số: 287 ngày 1 tháng 8 năm 1959

357 Liệt sĩ: **HÁN VĂN ĐƯỢC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GI 918 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1973

358 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC CHIỂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972
Số bằng: OQ 588 bm Quyết định số: 528/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1974

359 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC ĐẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1967
Số bằng: O 598 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 09 tháng 4 năm 1971

360 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐIỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1949
Số bằng: ZA 150 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

361 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC ÚY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GI 987 bm Quyết định số: 352/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

362 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH THÁM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HK 518 bm Quyết định số: 483/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

363 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NẠP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1970
Số bằng: BL 864 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 1 năm 1972

364 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC KHÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1967
Số bằng: GV 042 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

365 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: VT 993 bm Quyết định số: 364/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1972

366 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN THƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KQ 121 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

367 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VŨ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1969
Số bằng: QP 7,474 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

368 Liệt sĩ: **BÙI QUANG HUỲNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970
Số bằng: Yd 540 bm Quyết định số: 375/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1977

369 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THỬ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1949
Số bằng: DX 999 bp Quyết định số: 53/TTg ngày 08 tháng 2 năm 1961

370 Liệt sĩ: **HÁN VĂN THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 12 năm 1951
Số bằng: XA 757 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

371 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG DIỄN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1974
Số bằng: YH 020 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

372 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1967
Số bằng: CE 345 bm Quyết định số: 277/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1973

373 Liệt sĩ: **CAO NGỌC MỸ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HE 589 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

374 Liệt sĩ: **CAO BÁ TỎI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1966

Số bằng: AL 652 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 09 tháng 4 năm 1971

375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 9 năm 1949
Số bằng: ZK 149 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

376 Liệt sĩ: **PHAN TRUNG THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1979
Số bằng: Y 069 bm Quyết định số: 37/CTKT ngày 15 tháng 2 năm 1984

377 Liệt sĩ: **PHẠM DUY NGHIÊM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: PN 054 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1975

378 Liệt sĩ: **TRẦN HÙNG ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KH 605 bm Quyết định số: 414/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973

379 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MÙI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 3 năm 1949
Số bằng: XY 040 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1967

380 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC NHẠC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1968
Số bằng: GC 772 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 29 tháng 7 năm 1973

381 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1950
Số bằng: HC 245 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 18 tháng 4 năm 1972

382 Liệt sĩ: **CAO VĂN DUYÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1951
Số bằng: XQ 3,498 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

383 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1949
Số bằng: XX 873 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1960

384 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1946
Số bằng: XX 850 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 16 tháng 5 năm 1960

385 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Lương, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969
Số bằng: GR 612 bm Quyết định số: 392/TTga ngày 06 tháng 9 năm 1973

386 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỐI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MA 145 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 15 tháng 01 năm 1970

387 Liệt sĩ: **ĐÀO QUANG TẠO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968
Số bằng: TB 787 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

388 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 05 năm 1971
Số bằng: HE 430 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1974

389 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN KHANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1973
Số bằng: LD 618 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1974

390 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÃO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Nhất, huyện Đoan Hùng, tỉnh , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 02 năm 1954
Số bằng: XB 869 bp Quyết định số: 559/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1957

391 Liệt sĩ: **QUẢN VĂN HÃNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 06 năm 1961
Số bằng: XQ 4,422 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 01 tháng 10 năm 1959

392 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN PHÚC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: GC 923 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 07 năm 1973

393 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HỮU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1973
Số bằng: SO 328 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

394 Liệt sĩ: **QUẢN SÁCH TRỌNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9T 348 bt Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

395 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TUẤT**
Dân quân xã, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1967
Số bằng: AM 328 km Quyết định số: 202/Ttga ngày 12 tháng 11 năm 1968

396 Liệt sĩ: **NGUYỄN SƠN GIANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 2K 153 bm Quyết định số: 1285/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

397 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AĐ 433 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 02 năm 1971

398 Liệt sĩ: **PHAN CHÍ CƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1969
Số bằng: SO 454 bm Quyết định số: 469/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

399 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ DẦN**
Dân quân , Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1967
Số bằng: AM 329 km Quyết định số: 202/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

400 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1971
Số bằng: SO 253 bm Quyết định số: 511/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

401 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIM HUÊ**
Công nhân công ty giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1966
Số bằng: KM 541 cm Quyết định số: 219/TTga ngày 05 tháng 06 năm 1973

402 Liệt sĩ: **NGÔ NGỌC ĐÊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LQ 696 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974

403 Liệt sĩ: **NGÔ THẾ QUỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 05 năm 1981
Số bằng: YI 441 bt Quyết định số: 105/TTga ngày 23 tháng 03 năm 1983

404 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YG 283 bm Quyết định số: 371/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

405 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN LỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CL 748 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972

406 Liệt sĩ: **PHẠM NGÔ HÙNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 09 năm 1981
Số bằng: AB 413 bt Quyết định số: 161/CTKT ngày 23 tháng 05 năm 1984

407 Liệt sĩ: **CHU XUÂN TỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HD 162 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1973

408 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN TRƯỜNG**
Trung đội Trưởng Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 08 năm 1974
Số bằng: QN 211 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 12 tháng 02 năm 1976

409 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THANH**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1967
Số bằng: AM 236 bm Quyết định số: 202/Ttga ngày 12 tháng 11 năm 1968

410 Liệt sĩ: **HÀ SỸ NHO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1968
Số bằng: YA 342 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1977

411 Liệt sĩ: **PHAN THANH MÃO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 03 năm 1968
Số bằng: H 2,658 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 13 tháng 03 năm 1972

412 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN MÙI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1969
Số bằng: TB 509 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

413 Liệt sĩ: **TRỊNH TRÍ THỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1969

Số bằng: SO 989 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

414 Liệt sĩ: **NGUYỄN HIỂM XƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 1H 102 bm Quyết định số: 757/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1977

415 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐÀO**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1967
Số bằng: AM 327 km Quyết định số: 202/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

416 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8T 464 bt Quyết định số: 634/TTga ngày 07 tháng 9 năm 1979

417 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HUYNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 4 năm 1987
Số bằng: CB 713 bt Quyết định số: 211/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988

418 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LS 139 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 30 tháng 4 năm 1974

419 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 04 năm 1978
Số bằng: 6X 206 bt Quyết định số: 1215/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978

420 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1968
Số bằng: YD 504 bm Quyết định số: 375/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1977

421 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG YÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QL 901 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976

422 Liệt sĩ: **BÙI VĂN RỸ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 08 năm 1950
Số bằng: ĐC 214 kp Quyết định số: 569/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1974

423 Liệt sĩ: **SÀM TIẾN HÙNG**
Trung sĩ Quân đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bằng Doãn, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 02 năm 1979

Số bằng: 9C 430 bt Quyết định số: 832/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

424 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN THỌ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Ninh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1968
Số bằng: HF 859 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

425 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Ninh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1973
Số bằng: UR 256 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

426 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9T 363 bt Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

427 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1973
Số bằng: PR 388 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

428 Liệt sĩ: **PHÍ VĂN CƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1969
Số bằng: PE 246 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1975

429 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HE 857 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

430 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1951
Số bằng: XX 881 bp Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

431 Liệt sĩ: **MA VĂN LỤA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phố Trần Phú, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GV 454 bm Quyết định số: 389/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1973

432 Liệt sĩ: **LƯU VĂN TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1953
Số bằng: KC 436 bp Quyết định số: 33/TTga ngày 09 tháng 2 năm 1973

433 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH CÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HE 256 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

434 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BỘ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 3 năm 1949
Số bằng: XM 363 bp Quyết định số: 36/TTga ngày 04 tháng 2 năm 1959

435 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẢN**
Xã đội phó , Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 7 năm 1950
Số bằng: XY 384 kp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1957

436 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỈ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1970
Số bằng: YI 090 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

437 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CỰ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 12 năm 1947
Số bằng: XA 2,487 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1960

438 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1946
Số bằng: XB 866 bp Quyết định số: 559/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1957

439 Liệt sĩ: **CHU THỊ MẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1972
Số bằng: ER 711 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1973

440 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SOI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1984
Số bằng: AQ 084 bt Quyết định số: 207/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985

441 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HD 340 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1973

442 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN DÊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1970
Số bằng: YH 013 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

443 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN MINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1970
Số bằng: LS 018 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 30 tháng 4 năm 1974

444 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỸ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CQ 853 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

445 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BL 888 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 1 năm 1972

446 Liệt sĩ: **LƯU VĂN QUÝ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8I 833 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1979

447 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẤT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1947
Số bằng: XX 934 bp Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

448 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 735 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

449 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thanh Minh, Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969
Số bằng: GP 995 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

450 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HE 380 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 04 tháng 1 năm 1974

451 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 6V 274 bt Quyết định số: 1172/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978

452 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHỈNH**
Bí Thư Đảng ủy, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 6 năm 1950
Số bằng: XY 988 cp Quyết định số: 483/TTga ngày 03 tháng 11 năm 1958

453 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao,, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1972
Số bằng: QĐ 625 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1977

454 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 7Z 279 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 06 tháng 4 năm 1979

455 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1971
Số bằng: KA 225 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

456 Liệt sĩ: **VŨ ANH LINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1973
Số bằng: HP 928 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

457 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Diên Hồng, Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 2 năm 1951
Số bằng: HX 503 bp Quyết định số: 256/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1961

458 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ỚM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Thượng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1970
Số bằng: KG 565 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1973

459 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QĐ 806 bt Quyết định số: 465/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

460 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LUYỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1973
Số bằng: GV 107 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

461 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG THƠM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QP 876 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

462 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC TRỊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XX 946 bm Quyết định số: 118/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1960

463 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƠM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: KQ 134 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

464 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG KHOA**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:xã Nghinh Xuyên, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 08 năm 1968
Số bằng: LO 388 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 09 tháng 4 năm 1974

465 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ LIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Phúc, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 07 năm 1972
Số bằng: GV 089 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 08 năm 1973

466 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phố Trần Phú, thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 04 năm 1971
Số bằng: OR 231 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 03 năm 1975

467 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC VŨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phố Long Xuyên, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 05 năm 1970
Số bằng: CV 218 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 01 tháng 09 năm 1972

468 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐẮC**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 07 năm 1967
Số bằng: KM 280 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

469 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIỆT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 06 năm 1972
Số bằng: NY 145 bm Quyết định số: 458/TTga ngày 10 tháng 09 năm 1974

470 Liệt sĩ: **MA VĂN HỒ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XG 061 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 05 tháng 5 năm 1958

471 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGÔN**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1951
Số bằng: DI 444 cp Quyết định số: 362/TTga ngày 16 tháng 7 năm 1993

472 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN SÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 5 năm 1954

Số bằng: XX 992 bp Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

473 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1974
Số bằng: PH 280 bm Quyết định số: 260/TTga ngày 05 tháng 7 năm 1975

474 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG YÊM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GC 809 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

475 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UR 287 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

476 Liệt sĩ: **MA TRỌNG VƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VD 623 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

477 Liệt sĩ: **MA VĂN HÀO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LQ 775 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 02 tháng 5 năm 1974

478 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOẠCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1966
Số bằng: AB 265 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

479 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỂ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KQ 106 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

480 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1969
Số bằng: YK 095 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

481 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỴ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GP 632 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 21 tháng 8 năm 1973

482 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TÍCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1972
Số bằng: EB 494 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

483 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9T 314 bt Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

484 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1948
Số bằng: ZB 390 bp Quyết định số: 150/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1957

485 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN DIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1950
Số bằng: XA 706 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

486 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Xuân, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1952
Số bằng: XX 920 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1960

487 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC VĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1953
Số bằng: XA 264 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

488 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THÌN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1970
Số bằng: EF 935 bm Quyết định số: 300/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973

489 Liệt sĩ: **CHU TRIỆU LƯƠNG**
Chính trị viên phó tiểu đoàn Quân đội , Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1967
Số bằng: BL 847 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 01 năm 1972

490 Liệt sĩ: **HÀ KHẮC HỰU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1971
Số bằng: SO 327 bm Quyết định số: 511/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

491 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BL 845 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 1 năm 1972

492 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN NGỌ**

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1952
Số bằng: ĐL 568 cp Quyết định số: 491/TTga ngày 04 tháng 7 năm 1997

493 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN XUẤT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UR 406 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

494 Liệt sĩ: **CHU QUANG SẮC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971
Số bằng: HK 764 bm Quyết định số: 423/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

495 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN ĐỀ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1970
Số bằng: CL 898 bm Quyết định số: 334/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

496 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH ĐỢI**
Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: KG 397 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974

497 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1972
Số bằng: HE 799 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

498 Liệt sĩ: **HOÀNG HỒNG THÁI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NL 244 bm Quyết định số: 360/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1974

499 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH CHIẾN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SO 352 bm Quyết định số: 511/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

500 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BM 148 bm Quyết định số: 139/Ttga ngày 12 tháng 8 năm 1967

501 Liệt sĩ: **MA VĂN CHÁC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1967
Số bằng: YI 086 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

502 Liệt sĩ: **MAI VĂN LƯƠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VI 731 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

503 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HÀO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1969
Số bằng: KA 240 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

504 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1967
Số bằng: CM 259 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968

505 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1968
Số bằng: ĐG 944 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1972

506 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN QUYỀN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1973
Số bằng: QV 370 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976

507 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1973
Số bằng: UR 306 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

508 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AS 389 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

509 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AB 316 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

510 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỮU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1951
Số bằng: XA 715 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

511 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN SƠN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 9Z 717 bm Quyết định số: 775/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1980

512 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AM 042 bm Quyết định số: 89/TTga ngày 5 tháng 9 năm 1967

513 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HE 899 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

514 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HK 830 bm Quyết định số: 423/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

515 Liệt sĩ: **ĐÀO MẠNH THẮNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1950
Số bằng: ZA 134 kp Quyết định số: 331/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1957

516 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÙ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 5 năm 1949
Số bằng: ZD 752 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

517 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 6V 269 bt Quyết định số: 1172/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978

518 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 9C 370 bt Quyết định số: 832/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

519 Liệt sĩ: **LÊ THỊ VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 2K 202 bm Quyết định số: 1285/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

520 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRẦN MÔN**
Trợ lý tham mưu tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KG 528 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1974

521 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1968

Số bằng: LP 641 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1974

522 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9O 444 bt Quyết định số: 279/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980

523 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC KIỂM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1973
Số bằng: QN 130 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1976

524 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LƯU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HE 544 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

525 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHÁCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1951
Số bằng: AX 329 bm Quyết định số: 140/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1960

526 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1969
Số bằng: IM 490 cm Quyết định số: 57/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1973

527 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BM 327 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1973

528 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1965
Số bằng: PX 150 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1965

529 Liệt sĩ: **TƯỞNG QUỐC CẢNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 06 năm 1971
Số bằng: KG 335 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 03 năm 1974

530 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Du, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 04 năm 1968
Số bằng: AO 496 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 03 tháng 06 năm 1971

531 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 08 năm 1968
Số bằng: MG 357 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

532 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Trần Phú, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 11 năm 1979
Số bằng: 9O 513 bt Quyết định số: 279/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980

533 Liệt sĩ: **MAI VĂN PHÚ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Du, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 03 năm 1969
Số bằng: MP 655 bm Quyết định số: 234/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1970

534 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Du, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: GX 490 bp Quyết định số: 100/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1961

535 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1969
Số bằng: YD 354 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

536 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QN 212 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 12 tháng 02 năm 1976

537 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: SR 501 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979

538 Liệt sĩ: **TRẦN LÊ CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KG 346 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974

539 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BỈNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Nga, huyện Cẩm Khê, tỉnh tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969
Số bằng: GP 542 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 21 tháng 8 năm 1973

540 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH THẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XU 278 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

541 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1950
Số bằng: KX 230 bp Quyết định số: 414/TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961

542 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AS 493 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

543 Liệt sĩ: **LÊ QUANG XUYẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: LO 603 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

544 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG ĐỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1971
Số bằng: GS 902 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

545 Liệt sĩ: **TRẦN MINH HỒ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1975
Số bằng: QL 876 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976

546 Liệt sĩ: **TRẦN MINH DUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: PR 432 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

547 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẠNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1972
Số bằng: YD 377 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

548 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỘ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 8I 822 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1979

549 Liệt sĩ: **PHẠM TRƯỜNG SƠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AB 251 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 02 năm 1971

550 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 01 năm 1969
Số bằng: MG 314 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 03 năm 1970

551 Liệt sĩ: **LẠI ĐỨC KHẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 9681
Số bằng: TB 212 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

552 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1964
Số bằng: OX 724 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1964

553 Liệt sĩ: **TẠ VĂN CÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1968
Số bằng: PR 410 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

554 Liệt sĩ: **PHAN VĂN DẬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968
Số bằng: TV 080 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1977

555 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1971
Số bằng: TP 968 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 25 tháng 04 năm 1974

556 Liệt sĩ: **PHẠM BÌNH CHẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HE 283 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

557 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1973
Số bằng: OR 215 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 03 năm 1975

558 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÚT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Toàn Thắng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 02 năm 1949
Số bằng: XU 243 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

559 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Toàn Thắng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 06 năm 1952
Số bằng: XU 236 bp Quyết định số: 02/TTG ngày 02 tháng 01 năm 1966

560 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Toàn Thắng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 04 năm 1951
Số bằng: XA 740 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

561 Liệt sĩ: **HỒ VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 08 năm 1968
Số bằng: MG 356 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

562 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HP 796 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

563 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1971
Số bằng: GC 891 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

564 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TRỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vỹ , huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NY 101 bm Quyết định số: 458/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1974

565 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Xá, huyện Sông Thao, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8Tb 510 bt Quyết định số: 634/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1979

566 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NGHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: XU 265 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

567 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XQ 3,512 bp Quyết định số: 278/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

568 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: AS 386 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

569 Liệt sĩ: **ĐỖ HỒNG THÁI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 08 năm 1969
Số bằng: 1H 136 bm Quyết định số: 757/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1977

570 Liệt sĩ: **VŨ MAI TUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 06 năm 1972

Số bằng: bm Quyết định số: 139/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976

571 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8M 403 bt Quyết định số: 464/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

572 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN BÁI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: SO 878 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

573 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯU**
Dân công, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XA 3,751 cp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

574 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1971
Số bằng: ER 673 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1973

575 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NGÀ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: QĐ 865 bm Quyết định số: 465/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972

576 Liệt sĩ: **HOÀNG CAO SÁNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1971
Số bằng: YH 083 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

577 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GV 390 bm Quyết định số: 389/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1973

578 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY THÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MG 573 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

579 Liệt sĩ: **NGUYÔN VĂN TÙ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1968
Số bằng: YG 258 bm Quyết định số: 371/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

580 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã

hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KQ 096 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

581 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: OX 047 bp Quyết định số: 204/TTg ngày 07 tháng 11 năm 1963

582 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN CƠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1969
Số bằng: TU 106 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1977

583 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN GIAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UR 221 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

584 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NUÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XU 252 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

585 Liệt sĩ: **VŨ VĂN LUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1968
Số bằng: TV 236 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 8 tháng 02 năm 1977

586 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT HỢP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1970
Số bằng: H 1,838 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972

587 Liệt sĩ: **ĐỖ THỊ ĐỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: XY 563 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

588 Liệt sĩ: **ĐỖ MẠNH KHIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1973
Số bằng: TV 246 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 8 tháng 02 năm 1977

589 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HP 768 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

590 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THUẦN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GC 867 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

591 Liệt sĩ: **ĐỖ CHÍ TÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LP 532 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

592 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC KÍCH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XA 259 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 01 tháng 5 năm 1957

593 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHẤU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: HX 486 bm Quyết định số: 256/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1961

594 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1968
Số bằng: CG 629 bm Quyết định số: 258/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1972

595 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XG 290 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959

596 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1970
Số bằng: HY 335 bm Quyết định số: 375/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1977

597 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GI 965 bm Quyết định số: 352/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

598 Liệt sĩ: **TẠ VĂN TUYỂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh
Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1954
Số bằng: XU 230 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 01 năm 1960

599 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TRÁCH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XA 249 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

600 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xung Phong, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1948
Số bằng: ZQ 3,520 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

601 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯỞNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XU 208 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1960

602 Liệt sĩ: **ĐINH TIẾN SOẠN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GS 969 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

603 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ VẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1973
Số bằng: LD 654 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

604 Liệt sĩ: **HOÀNG TIẾN XUÂN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 06 năm 1973
Số bằng: LD 600 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

605 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HẢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 09 năm 1969
Số bằng: CL 729 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972

606 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9C 2,551bt Quyết định số: 821/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

607 Liệt sĩ: **TRẦN DOANH TUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 02 năm 1971
Số bằng: YG 297 bm Quyết định số: 371/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

608 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CHÍ**
Trung đội Trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 07 năm 1967
Số bằng: AO 755 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 9 tháng 6 năm 1971

609 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QN 180 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1976

610 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 04 năm 1969
Số bằng: GE 652 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1973

611 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN HINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1968
Số bằng: CP 847 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972

612 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HUÊ**
Đại đội Phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 05 năm 1954
Số bằng: NX 820 bp Quyết định số: 105/TTg ngày 03 tháng 6 năm 1963

613 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHOAN**
Tiểu đội Phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 01 năm 1951
Số bằng: XC 355 bp Quyết định số: 092/TTg ngày 01 tháng 02 năm 1968

614 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 04 năm 1968
Số bằng: VO 426 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 13 tháng 5 năm 1977

615 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÀM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 01 năm 1951
Số bằng: XU 262 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

616 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHU**
Thương sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1973
Số bằng: YK 104 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

617 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH CHI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1972
Số bằng: CM 697 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1973

618 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CUÔNG**
Thương sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1969
Số bằng: CL 692 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972

619 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THỈ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1949
Số bằng: OX 882 bp Quyết định số: 46/TTg ngày 26 tháng 3 năm 1965

620 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NY 833 bm Quyết định số: 537/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

621 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1972
Số bằng: CM 872 bm Quyết định số: 423/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

622 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1984
Số bằng: AL 481 bt Quyết định số: 446/CTKT ngày 26 tháng 12 năm 1984

623 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC CHUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: CM 810 bm Quyết định số: 40/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976

624 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
Số bằng: CM 168 bm Quyết định số: 613/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

625 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BẰNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1973
Số bằng: TB 146 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

626 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 03 năm 1951
Số bằng: XU 266 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

627 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 06 năm 1973
Số bằng: TB 693 bm Quyết định số: 04/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977

628 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÍNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 05 năm 1968
Số bằng: CN 576 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 08 tháng 08 năm 1972

629 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIẾP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 02 năm 1947
Số bằng: HX 480 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 06 năm 1961

630 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯỞNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7Đ 372 bt Quyết định số: 1303/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

631 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRỊ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 08 năm 1974
Số bằng: QN 196 bm Quyết định số: 44 ngày 12 tháng 02 năm 1976

632 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC THỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 06 năm 1978
Số bằng: 8M 621 bt Quyết định số: 467/TTga ngày 20 tháng 06 năm 1979

633 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 06 năm 1978
Số bằng: 9C 521 bt Quyết định số: 821/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

634 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1971
Số bằng: GS 861 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

635 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHỎA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 05 năm 1970
Số bằng: AS 465 bm Quyết định số: 197/TTg ngày 16 tháng 8 năm 1971

636 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 07 năm 1970
Số bằng: YK 076 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 04 năm 1977

637 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU CÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 06 năm 1974
Số bằng: OP 936 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 03 năm 1975

638 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 04 năm 1984
Số bằng: BC 267 bt Quyết định số: 133/CTKT ngày 14 tháng 05 năm 1986

639 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 08 năm 1967
Số bằng: AO 578 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 03 tháng 06 năm 1971

640 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỆM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 06 năm 1970
Số bằng: YD 247 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 27 tháng 04 năm 1977

641 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 08 năm 1978
Số bằng: 7Z 304 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 06 tháng 04 năm 1979

642 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 07 năm 1974
Số bằng: PE 714 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 05 tháng 07 năm 1975

643 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐẠO**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 08 năm 1967
Số bằng: AO 462 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 03 tháng 06 năm 1971

644 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ NGĂN**
Nhân viên công ty phục vụ đường sắt, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KM 257 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 17 tháng 04 năm 1974

645 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 06 năm 1972
Số bằng: HK 840 bm Quyết định số: 423/TTga ngày 29 tháng 09 năm 1973

646 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐỀ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1973
Số bằng: LH 385 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 19 tháng 03 năm 1974

647 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỢP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1967
Số bằng: GE 492 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 03 tháng 07 năm 1973

648 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1967
Số bằng: VT 887 bm Quyết định số: 364/TTga ngày 25 tháng 04 năm 1977

649 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỈNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 05 năm 1968
Số bằng: MG 377 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1974

650 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1967
Số bằng: AB 236 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 02 năm 1971

651 Liệt sĩ: **HÀ VĂN XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 05 năm 1978
Số bằng: 6V 322 bt Quyết định số: 1172/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978

652 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC THIỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HD 211 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1973

653 Liệt sĩ: **HÀ VĂN UY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 04 năm 1974
Số bằng: LO 122 bm Quyết định số: 613/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

654 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH CỘNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 08 năm 1973
Số bằng: LH 359 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 19 tháng 03 năm 1974

655 Liệt sĩ: **HÀ TIẾN VĂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 03 năm 1966
Số bằng: QĐ 786 bm Quyết định số: 465/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

656 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG ĐỖ**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 03 năm 1974
Số bằng: QL 796 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976

657 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC SANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 01 năm 1980
Số bằng: 9V 719 bt Quyết định số: 617/TTga ngày 24 tháng 09 năm 1980

658 Liệt sĩ: **ĐÀO HỮU TRỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1973
Số bằng: HA 945 bm Quyết định số: 391/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1973

659 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THỤY**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1965
Số bằng: AB 372 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

660 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1967
Số bằng: BAS 455 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

661 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN CÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1968
Số bằng: EB 119 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

662 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC QUỸ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: AB 185 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 02 năm 1971

663 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LƠ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1973
Số bằng: NL 025 bm Quyết định số: 728 /TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

664 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1968
Số bằng: GX 109 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

665 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỆN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1970
Số bằng: IH 036 bm Quyết định số: 757/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1977

666 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969
Số bằng: AS 360 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

667 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8M 447 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

668 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1973
Số bằng: NL 287 bm Quyết định số: 360/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1974

669 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1951
Số bằng: XU 250 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

670 Liệt sĩ: **ĐẶNG THÀNH HIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LQ 783 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 02 tháng 5 năm 1972

671 Liệt sĩ: **ĐIÊU TIẾN ĐẠT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1972
Số bằng: AB 199 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 04 tháng 4 năm 1973

672 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1971
Số bằng: HY 103 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

673 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TRIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QD 849 bm Quyết định số: 465/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

674 Liệt sĩ: **PHÙNG QUANG MỘC**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AO 631 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 09 tháng 6 năm 1971

675 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LƯU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GC 754 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1973

676 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN DĨNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1967
Số bằng: YH 030 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

677 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 03 năm 1971
Số bằng: OD 563 bm Quyết định số: 528/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1974

678 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HẠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1968
Số bằng: CG 648 bm Quyết định số: 258/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1972

679 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 05 năm 1978

Số bằng: 8M 427 bt Quyết định số: 464/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

680 Liệt sĩ: **TRẦN KIM ĐIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1977
Số bằng: GX 167 bt Quyết định số: 1215/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978

681 Liệt sĩ: **LƯU NHÂM**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 07 năm 1969
Số bằng: CQ 840 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

682 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 03 năm 1950
Số bằng: XP 694 bp Quyết định số: 130/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1959

683 Liệt sĩ: **VŨ VĂN SỪ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 02 năm 1954
Số bằng: HX 460 bp Quyết định số: 256/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1961

684 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam,, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QL 981 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

685 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẬP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HP 898 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

686 Liệt sĩ: **ĐẶNG TIẾN QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KG 519 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1973

687 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: TB 377 bm Quyết định số: 551/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

688 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GX 909 bm Quyết định số: 153/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

689 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH KỲ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LO 893 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

690 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LO 667 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

691 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972
Số bằng: IH 307 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

692 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: TB 705 bm Quyết định số: 04/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977

693 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1968
Số bằng: SK 937 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

694 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỰC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9T 344 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

695 Liệt sĩ: **HOÀNG HÙNG VĨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 02 năm 1968
Số bằng: CP 928 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972

696 Liệt sĩ: **LÊ KIM THANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QP 834 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976

697 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1952
Số bằng: XU 225 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

698 Liệt sĩ: **HÀ MINH TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1969

Số bằng: Mg 374 bm Quyết định số: 70 - /TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

699 Liệt sĩ: **ĐIÊU VĂN TẬP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XQ 3,516 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

700 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH KHÔI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HD 359 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1973

701 Liệt sĩ: **HÀ TẤN CÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CV 211 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1972

702 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC MẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 6V 278 bt Quyết định số: 1172/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978

703 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BC 265 bt Quyết định số: 133/CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1968

704 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÂN**
Đội vên du kích, Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 12 năm 1949
Số bằng: XL 576 kp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

705 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN THỎ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1967
Số bằng: KM 281 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

706 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TƯ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1969
Số bằng: OR 222 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1975

707 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐÔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
Số bằng: KC 403 bp Quyết định số: 33/TTg ngày 9 tháng 02 năm 1973

708 Liệt sĩ: **NGUYỄN SƠN HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh

Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1971
Số bằng: YD 508 bm Quyết định số: 375/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1977

709 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN THI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7Z 300 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979

710 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHÀN**
Đội Viên Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1947
Số bằng: Xb 146 kp Quyết định số: 483/TTg ngày 30 tháng 11 năm 1958

711 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẬY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 7Z 177 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979

712 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CP 855 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972

713 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN TRIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KQ 085 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

714 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẠ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1950
Số bằng: HX 475 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

715 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC CHẤT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MG 343 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

716 Liệt sĩ: **HOÀNG KIM QUY**
Tiểu Đội Trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 10 năm 1945
Số bằng: Hx 476 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

717 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Tiến, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: XU 263 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

718 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MAI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MG 354 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

719 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Tiến, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: XU 226 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

720 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EB 200 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

721 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KỶ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: HD 337 bp Quyết định số: 542/TTg ngày 06 tháng 12 năm 1973

722 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1968
Số bằng: CP 913 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972

723 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1954
Số bằng: P 138 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 10 năm 1973

724 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG QUỲNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CL 763 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972

725 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Dũng Tiến, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1954
Số bằng: XU 295 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1960

726 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1971
Số bằng: LQ 807 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 02 tháng 05 năm 1974

727 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 029 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 03 tháng 01 năm 1968

728 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN BÁI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CL 680 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972

729 Liệt sĩ: **HOÀNG THÔNG CHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KG 366 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 03 năm 1974

730 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
Số bằng: TB 369 bm Quyết định số: 551/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

731 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1970
Số bằng: GC 828 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

732 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN MẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: YT 886 bm Quyết định số: 364/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

733 Liệt sĩ: **HOÀNG VINH QUANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HE 669 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

734 Liệt sĩ: **HOÀNG QUỐC VŨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KQ 034 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1975

735 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HỒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: B 204 bp Quyết định số: 01/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

736 Liệt sĩ: **PHẠM KIM KÊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1967
Số bằng: GP 658 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 21 tháng 8 năm 1973

737 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1967
Số bằng: YG 266 bm Quyết định số: 371/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

738 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CHÍNH**
Thương sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: B 913 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972

739 Liệt sĩ: **PHẠM KHẮC TRẠM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1967
Số bằng: LD 4,876 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

740 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 6V 303 tt Quyết định số: 1172/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978

741 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CƯ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QD 642 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

742 Liệt sĩ: **TRỊNH BÁ TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1965
Số bằng: GX 046 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

743 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÌ**
Cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PN 759 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1975

744 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÀI**
Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1973
Số bằng: LG 808 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

745 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: ER 740 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1973

746 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN GIA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AS 350 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 08 năm 1971

747 Liệt sĩ: **VŨ VĂN BÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1954

Số bằng: XH 709 bm Quyết định số: 283/TTga ngày 06 tháng 6 năm 1958

748 Liệt sĩ: **PHAN VĂN PHẨM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: TB 489 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

749 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU KÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HE 501 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

750 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LĨNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1970
Số bằng: MP 661 bm Quyết định số: 234/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1970

751 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHỈ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1952
Số bằng: XU 274 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

752 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG THÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 2 năm 1951
Số bằng: XU 282 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

753 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
Số bằng: RO 342 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1976

754 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯỜNG**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 11 năm 1985
Số bằng: AV 547 bt Quyết định số: 362CTKT ngày 25 tháng 9 năm 1985

755 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HD 284 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1973

756 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾN**
Tiểu đội phó Quan đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1984
Số bằng: AL 482 bt Quyết định số: 446/TTga ngày 26 tháng 12 năm 1984

757 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán:xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1949
Số bằng: ZD 764 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

758 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC TỐN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thành, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1951
Số bằng: XU 234 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

759 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 11 năm 1953
Số bằng: HX 484 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

760 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thành, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: HX 485 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

761 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HY 186 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

762 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968
Số bằng: SK 972 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

763 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OD 593 bm Quyết định số: 528/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1974

764 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1974
Số bằng: TB 723 bm Quyết định số: 04/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977

765 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỰC PHẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MM 017 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968

766 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÒE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1979
Số bằng: YC 411 bm Quyết định số: 832/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

767 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: SK 978 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

768 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1967
Số bằng: GE 597 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1973

769 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1969
Số bằng: MP 642 bm Quyết định số: 234/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1970

770 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: CM 262 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 23 tháng 01 năm 1968

771 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỤ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AB 215 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 02 năm 1971

772 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC NHÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1972
Số bằng: YA 405 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1977

773 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: GK 460 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1974

774 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1972
Số bằng: KG 352 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974

775 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1971
Số bằng: NT 701 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1974

776 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỘ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1969
Số bằng: TV 153 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1977

777 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGHĨA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GS 954 bm Quyết định số: 531/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

778 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHẤT BÁCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1971
Số bằng: CP 817 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972

779 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 264 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 01 năm 1968

780 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỘ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: RO 637 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1976

781 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẶNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LH 382 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1974

782 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1972
Số bằng: KG 906 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

783 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUỲNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KG 594 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1974

784 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HA 912 bm Quyết định số: 391/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1973

785 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thành, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: NX 101 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1962

786 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1966
Số bằng: QX 125 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1966

787 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 9T 270 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

788 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC CỰ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1973
Số bằng: NY 834 bm Quyết định số: 537/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

789 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 6X 201 bT Quyết định số: 1215/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978

790 Liệt sĩ: **CAO VĂN ĐĨNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8M 430 bT Quyết định số: 464/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

791 Liệt sĩ: **HÀ VĂN DƯỠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 01 năm 1949
Số bằng: AX 307 bP Quyết định số: 140/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1960

792 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8M 373 bT Quyết định số: 329/CTKT ngày 10 tháng 4 năm 1982

793 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PR 532 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

VI. TỈNH BẮC GIANG

1. Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ NINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Văn Cẩm, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: UE 148 bm Quyết định số: 65/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

2. Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DIỆU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 8 năm 1953
Số bằng: XM 182 kp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

3. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
Số bằng: VY 224 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

4. Liệt sĩ: **TRẦN HỮU LỘC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GT 734 bm Quyết định số: 428/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

5. Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CỒN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1972
Số bằng: KO 178 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1974

6. Liệt sĩ: **NGÔ BÁ QUÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ĐY 393 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

7. Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TUẤN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: G 273 bt Quyết định số: 084-CTKT ngày 03 tháng 01 năm 1983

8. Liệt sĩ: **NGÔ SÁCH TRÍ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 10 năm 1967
Số bằng: AB 064 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1971

9. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1974
Số bằng: VH 037 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

10. Liệt sĩ: **KHỨU HỮU MÀU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1969

Số bằng: SY 694 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

11. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8I 999 bt Quyết định số: 462/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

12. Liệt sĩ: **PHẠM TRÍ TRUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1972
Số bằng: RL 975 bm Quyết định số: 313/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

13. Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 4 năm 1968
Số bằng: GA 230 bm Quyết định số: 210/TTg ngày 02 tháng 6 năm 1973

14. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÁN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1971
Số bằng: HD 799 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

15. Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 8 năm 1981
Số bằng: O 246 bt Quyết định số: 260-CTKT ngày 06 tháng 7 năm 1983

16. Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CỬU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 02 năm 1975
Số bằng: SY 681 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

17. Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MK 738 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

18. Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 02 năm 1947
Số bằng: ZB 750 bp Quyết định số: 170/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

19. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 02 năm 1954
Số bằng: EB 506 kp Quyết định số: 675/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1999

20. Liệt sĩ: **TRIỆU VĂN HIỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 9 năm 1978

Số bằng: 9D 135 bt Quyết định số: 836/TTga ngày 03 tháng 12 năm 1979

21. Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ ĐỐC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1973
Số bằng: PZ 038 bm Quyết định số: 403/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1975

22. Liệt sĩ: **BẾ VĂN CHƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MK 745 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

23. Liệt sĩ: **VY HỒNG XƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1965
Số bằng: PX 200 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1966

24. Liệt sĩ: **LÂM VĂN GIÁP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AL 488 bm Quyết định số: 99/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1971

25. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THỈNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: OC 026 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

26. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1971
Số bằng: QB 519 bm Quyết định số: 456/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1975

27. Liệt sĩ: **DƯƠNG CHUNG PHÓNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 7 năm 1945
Số bằng: XM 095 kp Quyết định số: 50/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1962

28. Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1970
Số bằng: HD 440 bm Quyết định số: 562/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1973

29. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐG 316 bm Quyết định số: 405/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

30. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SY 506 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 01 năm 1977

31. Liệt sĩ: **ĐỒNG XUÂN TÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1970
Số bằng: GT 955 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

32. Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH THI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8V 353 bt Quyết định số: 715/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1979

33. Liệt sĩ: **LÊ THANH MÀI**
Trung độ phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 9 năm 1974
Số bằng: TK 774 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1977

34. Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC KHA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Ninh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1965
Số bằng: VM 918 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 24 tháng 02 năm 1970

35. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƯỜI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 6AA 164 bt Quyết định số: 302/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1981

36. Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Phi Mô, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1970
Số bằng: VB 206 bm Quyết định số: 229/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

37. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 7 năm 1967
Số bằng: VH 083 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

38. Liệt sĩ: **ĐOÀN BÁ HIẾU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1970
Số bằng: UL 945 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

39. Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH KIỀN**
Công nhân lái xe, Nguyên quán: Xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1967
Số bằng: HM 867 cm Quyết định số: 417/TTga ngày 05 tháng 10 năm 1972

40. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÚC**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1973
Số bằng: QP 738 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

41. Liệt sĩ: **GIÁP VĂN HỮU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1970
Số bằng: KB 100 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1973

42. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯỚNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 6 năm 1984
Số bằng: AM 490 bt Quyết định số: 97-CTKT ngày 13 tháng 02 năm 1985

43. Liệt sĩ: **THÂN VĂN VIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1969
Số bằng: VB 106 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

44. Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ĐĨNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AB 122 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1971

45. Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 02 năm 1946
Số bằng: ĐS 815 bp Quyết định số: 629/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1998

46. Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC MẬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1974
Số bằng: PL 946 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

47. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 01 năm 1974
Số bằng: PY 654 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

48. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỦNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1953
Số bằng: AX 438 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1960

49. Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
Số bằng: QB 336 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

50. Liệt sĩ: **LƯU SỸ THỤY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1968
Số bằng: ET 439 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 03 tháng 5 năm 1973

51. Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN DỤNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NĐ 788 bm Quyết định số: 448/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1974

52. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1972
Số bằng: PV 721 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 20 tháng 12 năm 1975

53. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XH 078 kp Quyết định số: 02/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1960

54. Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ QUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NG 653 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 04 tháng 6 năm 1974

55. Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN THAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1973
Số bằng: QO 827 bm Quyết định số: 103/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1976

56. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HOA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 3H 911 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978

57. Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 6 năm 1951
Số bằng: XL 943 kp Quyết định số: 29/TTga ngày 22 tháng 01 năm 1962

58. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 7 năm 1951
Số bằng: AX 011 bp Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

59. Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC NĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 11 năm 1947
Số bằng: AX 952 bp Quyết định số: 186/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1960

60. Liệt sĩ: **CHU VĂN ĐỖ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lãng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: VD 071 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

61. Liệt sĩ: **LÊ VĂN LUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lãng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7L 545 bt Quyết định số: 1455/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1978

62. Liệt sĩ: **NGÔ QUANG BÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lãng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1967
Số bằng: DM 842 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1968

63. Liệt sĩ: **LƯU XUÂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1975
Số bằng: QO 657 bm Quyết định số: 103/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1976

64. Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÚ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ET 428 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 03 tháng 5 năm 1973

65. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HD 639 bm Quyết định số: 562/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

66. Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐỨC THANH**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 1996
Số bằng: ĐT 368 bt Quyết định số: 854/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1998

67. Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ KÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 5 năm 1953
Số bằng: ZD 870 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

68. Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU LỢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1951
Số bằng: HX 114 bp Quyết định số: 157/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1961

69. Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC LƯỢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7L 550 bt Quyết định số: 1455/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1978

70. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1965
Số bằng: QA 694 bm Quyết định số: 442/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1975

71. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1973
Số bằng: LG 918 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1974

72. Liệt sĩ: **LÊ VĂN VỊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: VY 326 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

73. Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC SUỐT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 01 năm 1953
Số bằng: XX 410 bp Quyết định số: 112/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1960

74. Liệt sĩ: **NGỤY VĂN TIẾN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XM 154 kp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

75. Liệt sĩ: **NGỤY VĂN THUẦN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1953
Số bằng: GD 710 kp Quyết định số: 719/TTga ngày 08 tháng 7 năm 2003

76. Liệt sĩ: **NGỤY THÀNH TIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân độ nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 9 năm 1953
Số bằng: ZC 800 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

77. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỞ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: KC 773 bp Quyết định số: 241/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

78. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỬ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1970
Số bằng: VA 283 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

79. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VƯỜN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1974
Số bằng: NU 698 bm Quyết định số: 635/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

80. Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1973
Số bằng: SY 230 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1977

81. Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TỴ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1970
Số bằng: ĐL 505 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972

82. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1966
Số bằng: VV 122 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

83. Liệt sĩ: **CHU ĐÌNH QUẢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1971
Số bằng: NU 826 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1994

84. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1975
Số bằng: AC 539 bm Quyết định số: 222-CTKT ngày 27 tháng 6 năm 1984

85. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỨC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1971
Số bằng: AC 561 bm Quyết định số: 222-CTKT ngày 27 tháng 6 năm 1984

86. Liệt sĩ: **CHU XUÂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ET 732 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

87. Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1967
Số bằng: UY 220 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

88. Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN LỘC**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: VE 158 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

89. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẤY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1970
Số bằng: VE 070 bm Quyết định số: 253/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

90. Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1970
Số bằng: VA 502 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1972

91. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 9 năm 1972
Số bằng: MD 981 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

92. Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG CÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: UO 814 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

93. Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG VỮNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GQ 547 bm Quyết định số: 346/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

94. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GA 205 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 02 tháng 6 năm 1973

95. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1949
Số bằng: ĐR 075 kp Quyết định số: 478/TTga ngày 02 tháng 6 năm 1998

96. Liệt sĩ: **TRẦN BÁ THAN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 02 năm 1954

Số bằng: KX 988 bp Quyết định số: 50/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1962

97. Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG SẾU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 01 năm 1952

Số bằng: ZC 633 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

98. Liệt sĩ: **CHU VĂN LANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XB 907 bp Quyết định số: 559/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1957

99. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẮP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 3 năm 1955

Số bằng: CI 079 kp Quyết định số: 07-CTKTT ngày 12 tháng 01 năm 1990

100. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 5 năm 1954
Số bằng: LX 005 bp Quyết định số: 50/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1962

101. Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1953
Số bằng: LX 006 bp Quyết định số: 50/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1962

102. Liệt sĩ: **TRẦN BÁ BIA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 7 năm 1951
Số bằng: ZC 637 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

103. Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHAN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1953
Số bằng: XL 955 kp Quyết định số: 29/TTga ngày 21 tháng 01 năm 1962

104. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯỠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1954
Số bằng: LX 839 bp Quyết định số: 136/TTga ngày 10 tháng 5 năm 1962

105. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỨC**
Chính trị viên trung đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1954
Số bằng: LX 371 bp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

106. Liệt sĩ: **TẠ VĂN KHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lãng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: LX 320 bp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

107. Liệt sĩ: **HOÀNG ĐĂNG LỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Phúc, huyện Yên Dung, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 5 năm 1946
Số bằng: LX 355 bp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

108. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÀNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐY 369 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

109. Liệt sĩ: **TRIỆU VĂN NGỎ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 5 năm 1946
Số bằng: XQ 4,517 bp Quyết định số: 359/TTga ngày 01 tháng 10 năm 1954

110. Liệt sĩ: **GIÁP THỊ Y**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 130 bt Quyết định số: 497/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

111. Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AT 775 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

112. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SR 882 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

113. Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MK 616 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

114. Liệt sĩ: **VŨ TRÍ VỴ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1968
Số bằng: NM 045 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1969

115. Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU LỤC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1947
Số bằng: EC 062 kp Quyết định số: 506/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1977

116. Liệt sĩ: **NGÔ THẾ CHU**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GA 323 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

117. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOẢN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ER 593 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 02 tháng 6 năm 1973

118. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÒNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1950
Số bằng: XN 086 kp Quyết định số: 25/TTga ngày 05 tháng 02 năm 1963

119. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: SY 896 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

120. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TẬP**
Chủ tịch Uy ban kháng chiến hành chính xã, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 02 năm 1947
Số bằng: ĐR 083 cp Quyết định số: 478/TTga ngày 02 tháng 6 năm 1998

121. Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TẤN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1973
Số bằng: UY 216 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

122. Liệt sĩ: **LƯƠNG MINH TUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐG 345 bm Quyết định số: 405/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

123. Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐƯỜNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1967
Số bằng: LM 856 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 02 năm 1969

124. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN DỤC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1972
Số bằng: UQ 737 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

125. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
Số bằng: VS 551 bm Quyết định số: 320/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

126. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1966
Số bằng: TA 434 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1966

127. Liệt sĩ: **VŨ VĂN SỰ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 01 năm 1950
Số bằng: XL 941 kp Quyết định số: 29/TTga ngày 22 tháng 01 năm 1962

128. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 5N 273 bt Quyết định số: 302/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1981

129. Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU LỤC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1947
Số bằng: EC 062 kp Quyết định số: 306/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1977

130. Liệt sĩ: **DƯƠNG QUYẾT TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 3AA 684 bt Quyết định số: 156/TTga ngày 06 tháng 5 năm 1981

131. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THẠO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1982
Số bằng: H 891 bt Quyết định số: 59/CTKT ngày 02 tháng 3 năm 1983

132. Liệt sĩ: **THÂN VĂN HUỲNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1973
Số bằng: PY 571 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

133. Liệt sĩ: **THÂN ĐỨC HUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: AT 918 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

134. Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN HOẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: LX 386 bp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

135. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THỌ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1969
Số bằng: NU 713 bm Quyết định số: 535/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

136. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 7L 682 bt Quyết định số: 39/TTga ngày 10 tháng 01 năm 1979

137. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỘ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NG 554 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 04 tháng 6 năm 1974

138. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1954
Số bằng: KX 910 bp Quyết định số: 29/TTga ngày 22 tháng 01 năm 1962

139. Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHẨM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh

Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: QP 819 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

140. Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1970
Số bằng: NA 272 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

141. Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN KÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1971
Số bằng: VB 885 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

142. Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1968
Số bằng: HP 489 bm Quyết định số: 451/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1973

143. Liệt sĩ: **CAO SĨ PHIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 3 năm 1952
Số bằng: LX 611 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 02 tháng 4 năm 1962

144. Liệt sĩ: **VŨ QUANG HỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1970
Số bằng: AL 502 bm Quyết định số: 99/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1971

145. Liệt sĩ: **CHU TRỌNG CHẤT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1966
Số bằng: TA 403 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

146. Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN ĐIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1966
Số bằng: AB 117 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1971

147. Liệt sĩ: **DƯƠNG NGÔ THUNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐY 473 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

148. Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH NINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AT 943 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

149. Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH CỪ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Hòa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong

cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 4 năm 1952
Số bằng: XG 276 kp Quyết định số: 42/TTga ngày 01 tháng 12 năm 1959

150. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÍCH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1973
Số bằng: VB 157 bm Quyết định số: 229/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

151. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RQ 107 bm Quyết định số: 313/TTg ngày 15 tháng 7 năm 1976

152. Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÔN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HS 546 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1973

153. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐY 244 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

154. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 9D 443 bm Quyết định số: 876/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979

155. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9D 138 bt Quyết định số: 836/TTg ngày 03 tháng 12 năm 1979

156. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CHIẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ĐY 234 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

157. Liệt sĩ: **LÂM VĂN CHÈ**
Thương binh 1/4, Nguyên quán: xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1995
Số bằng: ĐT 369 bm Quyết định số: 854/TTg ngày 22 tháng 9 năm 1998

158. Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8R 467 bm Quyết định số: 584/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

159. Liệt sĩ: **LÂM VĂN SINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 8O 847 bm Quyết định số: 518/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1979

160. Liệt sĩ: **LÝ HỒNG VIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1976
Số bằng: AX 488 bm Quyết định số: 395/CTKT ngày 25 tháng 10 năm 1985

161. Liệt sĩ: **LÂM VĂN NGỌT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HD 967 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

162. Liệt sĩ: **VY VĂN AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1954
Số bằng: XQ 3,892 bp Quyết định số: 289/TTga ngày 01 tháng 8 năm 1959

163. Liệt sĩ: **TẠ VĂN LỢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: LX 114 bp Quyết định số: 50/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1962

164. Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1967
Số bằng: HG 437 bm Quyết định số: 538/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

165. Liệt sĩ: **GIÁP VĂN THỎA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: XL 914 kp Quyết định số: 29/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1962

166. Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 10 năm 1968
Số bằng: PM 225 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1969

167. Liệt sĩ: **BÙI ĐĂNG CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dương Đức, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VG 023 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

168. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 9Q 975 bt Quyết định số: 497/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

169. Liệt sĩ: **GIÁP ĐỨC VI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1968
Số bằng: HS 565 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1973

170. Liệt sĩ: **TRẦN QUY MÔ**
Tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐG 255 bm Quyết định số: 409/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

171. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HỢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NV 235 bm Quyết định số: 442/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974

172. Liệt sĩ: **LEO VĂN TÀI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HQ 001 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1973

173. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HD 696 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

174. Liệt sĩ: **ĐÀO MẠNH TUYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GQ 559 bm Quyết định số: 346/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

175. Liệt sĩ: **LA VĂN MAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 6 năm 1980
Số bằng: C 005 bt Quyết định số: 359/CTKT ngày 29 tháng 11 năm 1982

176. Liệt sĩ: **TÔ VĂN RỘNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 7L 450 bt Quyết định số: 1455/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1978

177. Liệt sĩ: **LÊ THANH DÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8E 651 bt Quyết định số: 346/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

178. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 12 năm 1976
Số bằng: 6N 817 bt Quyết định số: 1154/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1978

179. Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DÂN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 8 năm 1982
Số bằng: L 836 bt Quyết định số: 169/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1978

180. Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẬC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1948
Số bằng: XA 005 kp Quyết định số: 170/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1958

181. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 7 năm 1951
Số bằng: AX 011 bp Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

182. Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC KHẢO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 9 năm 1953
Số bằng: LX 367 bp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

183. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẮC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NA 230 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

184. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1968
Số bằng: AT 810 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

185. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẪN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1968
Số bằng: AT 988 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

186. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỊP**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1971
Số bằng: NU 759 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1974

187. Liệt sĩ: **ONG KHẮC LAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 01 năm 1966
Số bằng: AB 528 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1971

188. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÁP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 01 năm 1968
Số bằng: VH 049 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

189. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PY 573 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

190. Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG LƯỢC**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MS 758 bm Quyết định số: 293/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1970

191. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1974
Số bằng: PL 999 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

192. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÀO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: MQ 691 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

193. Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN QUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 10 năm 1967
Số bằng: MK 614 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

194. Liệt sĩ: **PHAN VĂN MÔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 6V 390 bm Quyết định số: 1203/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

195. Liệt sĩ: **HÀ NGỌC KHIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1971
Số bằng: PĐ 140 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 5 năm 1975

196. Liệt sĩ: **TĂNG VĂN UYỂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1972
Số bằng: KO 322 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1974

197. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1946
Số bằng: XX 123 bp Quyết định số: 101/TTga ngày 05 tháng 5 năm 1960

198. Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH LIỄU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1973
Số bằng: VE 119 bm Quyết định số: 253/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

199. Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC VIỆT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh

Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1973
Số bằng: PG 805 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 16 tháng 9 năm 1973

200. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƯỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967
Số bằng: HE 132 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 05 tháng 12 năm 1973

201. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HD 476 bm Quyết định số: 562/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1973

202. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: HL 195 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1973

203. Liệt sĩ: **HÀ VĂN THẮNG**
Công nhân Công ty Thi công cơ giới đường sắt, Nguyên quán: xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: IM 235 cm Quyết định số: 4/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1973

204. Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ CHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Canh Nậu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UP 998 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

205. Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH THẮNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1967
Số bằng: CM 345 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 01 năm 1968

206. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỴ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐY 415 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

207. Liệt sĩ: **VŨ VĂN SỰ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 01 năm 1950
Số bằng: XL 941 kp Quyết định số: 29/TTga ngày 22 tháng 01 năm 1962

208. Liệt sĩ: **TẠ VĂN VƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QM 868 bm Quyết định số: 198/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

209. Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH ĐẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dĩnh Trì, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 12 năm 1971
Số bằng: NB 834 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 06 năm 1974

210. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AT 776 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

211. Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN TẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 5 năm 1991
Số bằng: DM 919 bt Quyết định số: 336/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1994

212. Liệt sĩ: **LƯU VĂN LỀ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1975
Số bằng: 3H 921 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978

213. Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1971
Số bằng: NU 666 bm Quyết định số: 535/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1971

214. Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOẰNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1966
Số bằng: AB 474 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1971

215. Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐY 419 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

216. Liệt sĩ: **VŨ VĂN TƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1970
Số bằng: UY 392 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

217. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: EK 834 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1973

218. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MO 124 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970

219. Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYẾT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh

Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 9 năm 1973
Số bằng: SY 957 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

220. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Dân quân đi phục vụ giao thông, Nguyên quán: xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 2Q 900 cm Quyết định số: 651/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1976

221. Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐỨC THỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NA 263 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

222. Liệt sĩ: **LÊ VĂN MƯƠI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Y, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 3 năm 1966
Số bằng: PS 884 bm Quyết định số: 377/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975

223. Liệt sĩ: **GIÁP VĂN SỸ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1965
Số bằng: PL 856 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

224. Liệt sĩ: **CHU VĂN NHI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 11 năm 1964
Số bằng: OX 844 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1965

225. Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CỦ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Xuyên, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1952
Số bằng: GX 816 bp Quyết định số: 150/TTg ngày 19 tháng 4 năm 1961

226. Liệt sĩ: **GIÁP VĂN ĐÔ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1970
Số bằng: HG 252 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973

227. Liệt sĩ: **DƯƠNG CÔNG ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1973
Số bằng: LE 833 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 02 tháng 4 năm 1974

228. Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 10 năm 1968
Số bằng: PM 225 bt Quyết định số: 114/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1969

229. Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TRÁC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong

cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 02 năm 1949
Số bằng: ĐS 223 kp Quyết định số: 478/TTga ngày 02 tháng 6 năm 1998

230. Liệt sĩ: **DƯƠNG NGÔ ĐIỆU**
Chi ủy viên Đảng Lao động Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1951
Số bằng: XB 451 cp Quyết định số: 50/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1962

231. Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC OANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1969
Số bằng: PL 841 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

232. Liệt sĩ: **ĐỒNG XUÂN HỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: AB 480 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1971

233. Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Định, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: VP 850 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

234. Liệt sĩ: **TRẦN DUY BẢO**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quốc Tuấn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GJ 317 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 09 tháng 8 năm 1973

235. Liệt sĩ: **VY VĂN CHU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1969
Số bằng: HB 406 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1971

236. Liệt sĩ: **LÊ HÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Thư Trì, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XY 380 bp Quyết định số: 467/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1957

237. Liệt sĩ: **NÔNG VĂN XUYẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiên Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 8 năm 1969
Số bằng: VD 289 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

238. Liệt sĩ: **VI VĂN TÈ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1971
Số bằng: HD 741 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

VII. TỈNH THANH HÓA

1 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢNG**
Báo vụ viên tàu VT 113 quốc doanh đánh cá Hạ Long, Nguyên quán: xã Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KM 386 cm Quyết định số: 155/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973

2 Liệt sĩ: **TRẦN MINH NHUỆ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1967
Số bằng: HI 051 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1973

3 Liệt sĩ: **MAI VĂN MẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 4 năm 1953
Số bằng: ZT 839 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1960

4 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**
Phó trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1981
Số bằng: S 824 bm Quyết định số: 397/CTKT ngày 09 tháng 11 năm 1983

5 Liệt sĩ: **BIỆN MINH TỨ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BF 376 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1972

6 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LAI**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1971
Số bằng: GS 371 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

7 Liệt sĩ: **QUẢN VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9N 088 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1980

8 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐH 447 bm Quyết định số: 449/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1972

9 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1967
Số bằng: RB 932 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

10 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH KẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh

Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐV 967 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

11 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TOẢN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thắng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1966
Số bằng: BF 372 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

12 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGÀ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 3 năm 1978
Số bằng: TG 224 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

13 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐÌNH LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tâm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1966
Số bằng: NU 387 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

14 Liệt sĩ: **NGUYỄN LƯƠNG HOẠT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GB 554 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

15 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BE 128 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

16 Liệt sĩ: **MAI ĐÌNH MẬT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MG 459 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

17 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG KHẢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 7 năm 1965
Số bằng: AV 645 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

18 Liệt sĩ: **MAI ĐÌNH THANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1967
Số bằng: QM 794 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 05 tháng 11 năm 1969

19 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC TRONG**
Thủy Thủ thuộc công ty giao thông vận tải Thanh Hóa, Nguyên quán: xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1968

Số bằng: CM 680 cm Quyết định số: 113/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1969

20 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH KẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐV 967 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1973

21 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC HÀ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1981
Số bằng: F 065 bt Quyết định số: 23/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1983

22 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LỰU**
Công nhân Cục vận tải đường bộ, Bộ Giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: CM 581 cm Quyết định số: 109/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1969

23 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN DŨNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Lý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LK 590 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1974

24 Liệt sĩ: **ĐƯỜNG VĂN DUẬT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1954
Số bằng: ZA 337 bm Quyết định số: 190/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1957

25 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH TOÀN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: số nhà 77 phố Tống Duy Tân, Tx Thanh Hóa, Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MA 668 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

26 Liệt sĩ: **QUẢN BÁ MƯU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AS 583 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

27 Liệt sĩ: **LÊ PHÚ BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KL 005 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 01 năm 1974

28 Liệt sĩ: **LÊ SỸ BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 01 năm 1954
Số bằng: ZQ 738 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1959

29 Liệt sĩ: **ĐƯỜNG VĂN DUẬT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1954

Số bằng: ZA 337 bm Quyết định số: 190/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1957

30 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH BẢN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1968
Số bằng: KD 578 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

31 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MG 065 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

32 Liệt sĩ: **HÀ TRỌNG HUÊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GR 848 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

33 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TÙY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1965
Số bằng: BA 157 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

34 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN NGÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1967
Số bằng: SN 559 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

35 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KS 661 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974

36 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG HỒNG**
Công nhân lái máy Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuân Tân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1972
Số bằng: KM 902 km Quyết định số: 345/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

37 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 118 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 01 năm 1973

38 Liệt sĩ: **LƯU ĐÌNH BẠO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OK 012 bm Quyết định số: 616/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

39 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TỨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh

Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1967
Số bằng: MĐ 750 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 07 tháng 5 năm 1970

40 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EA 053 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1973

41 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN LUẬT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 12 năm 1954
Số bằng: ZR 555 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1960

42 Liệt sĩ: **ĐỖ HỒNG THƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1967
Số bằng: LM 123 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

43 Liệt sĩ: **LÊ THỊ TẠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971
Số bằng: ĐR 609 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 09 tháng 02 năm 1973

44 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 10 năm 1972
Số bằng: CG 640 bm Quyết định số: 142/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1989

45 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 523 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

46 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN ĐẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, ttỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1967
Số bằng: LM 258 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

47 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BA 132 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

48 Liệt sĩ: **MAI VĂN ĐÀM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1968
Số bằng: QM 753 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 05 tháng 11 năm 1969

49 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ VÒNG**

Công nhân vận tải Thanh Hóa, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân , tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1967
Số bằng: ĐM 717 cm Quyết định số: 230/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1969

50 Liệt sĩ: **ĐỖ CÔNG HOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AP 328 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 05 tháng 7 năm 1971

51 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC DỤ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MG 086 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

52 Liệt sĩ: **TRỊNH THANH NHÀN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 12 năm 1978
Số bằng: A 075 bt Quyết định số: 252/TTga ngày 08 tháng 9 năm 1982

53 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG MẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1984
Số bằng: BB 836 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 29 tháng 3 năm 1986

54 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969
Số bằng: ML 942 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

55 Liệt sĩ: **TẠ ĐÌNH DẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MĐ 840 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 07 tháng 5 năm 1970

56 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TOẢN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thắng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1966
Số bằng: BF 372 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1972

57 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ CÚC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1968
Số bằng: UP 438 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

58 Liệt sĩ: **TẠ HÙNG CƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 01 năm 1970
Số bằng: AL 863 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 09 tháng 4 năm 1971

59 Liệt sĩ: **TẠ THANH TÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9N 332 bt Quyết định số: 243/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1980

60 Liệt sĩ: **HOÀNG CUNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐL 887 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1972

61 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1969
Số bằng: VT 812 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

62 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 01 năm 1973
Số bằng: KD 564 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

63 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN TIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UK 934 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

64 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIAI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1971
Số bằng: TH 568 bm Quyết định số: 12/TTga ngày 07 tháng 01 năm 1977

65 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN QUƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 4 năm 1949
Số bằng: ĐM 242 bp Quyết định số: 669/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1997

66 Liệt sĩ: **MAI HỒNG NHÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1972
Số bằng: TG 395 bm Quyết định số: 01/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977

67 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 9R 977 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

68 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH LŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1973
Số bằng: LA 647 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

69 Liệt sĩ: **MAI VĂN SỬU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1966
Số bằng: NP 968 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974

70 Liệt sĩ: **TẠ VĂN CẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GX 644 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1973

71 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN LUẬT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LT 045 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1974

72 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGÓC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1968
Số bằng: AP 381 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 05 tháng 7 năm 1971

73 Liệt sĩ: **MAI XUÂN SUNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1966
Số bằng: BF 340 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1972

74 Liệt sĩ: **MAI VĂN TRỌNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1970
Số bằng: YD 114 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

75 Liệt sĩ: **MAI VĂN SUM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1966
Số bằng: CL 436 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

76 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊA**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1967
Số bằng: CM 185 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 01 tháng 3 năm 1968

77 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN MƯU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 5 năm 1978
Số bằng: I 317 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

78 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1968

Số bằng: MA 569 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 03 tháng 3 năm 1970

79 Liệt sĩ: **MAI HỒNG MẬT**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1965
Số bằng: PX 898 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

80 Liệt sĩ: **TẠ THỊ HỘ**
Công nhân Ty giao thông vận tải Thanh Hóa, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1972
Số bằng: MM 119 cm Quyết định số: 334/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1974

81 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIÊNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 01 năm 1978
Số bằng: I 263 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

82 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 11 năm 1953

Số bằng: ZQ 1,934 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1959

83 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày tháng 2 năm 1948
Số bằng: CK 148 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1972

84 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH BẦU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1954

Số bằng: ZQ 3,377 bp Quyết định số: 329/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1959

85 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC NGHỊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9R 726 bt Quyết định số: 516/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

86 Liệt sĩ: **HOÀNG CUNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐL 887 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

87 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MG 035 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

88 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TỊCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1974
Số bằng: VA 050 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

89 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1967
Số bằng: TK 072 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

90 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SƯỚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1970
Số bằng: PR 011 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

91 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÙI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970
Số bằng: TK 278 bm Quyết định số: 569/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

92 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 1983
Số bằng: AK 554 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

93 Liệt sĩ: **LÒ VĂN SUỐI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: HA 355 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

94 Liệt sĩ: **LÒ VĂN NGẠCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UA 799 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

95 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGHIỆM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9N 128 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

96 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9M 778 bt Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

97 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THẮN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 6 năm 1982
Số bằng: I 353 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

98 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN NHÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 4 năm 1976
Số bằng: DE 073 bt Quyết định số: 165/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1992

99 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGÁCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1969
Số bằng: EĐ 581 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

100 Liệt sĩ: **VI VĂN NHẤT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NO 758 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974

101 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NÚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HP 403 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

102 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NO 762 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974

103 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ HƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1971
Số bằng: GS 359 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

104 Liệt sĩ: **LÒ VĂN TƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MĐ 740 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

105 Liệt sĩ: **LỤC VĂN THƯA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1968
Số bằng: LM 691 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

106 Liệt sĩ: **LỤC VĂN PHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BG 175 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

107 Liệt sĩ: **LÒ VĂN HIỂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1967

Số bằng: SM 090 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

108 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1967
Số bằng: IM 196 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

109 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NHÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968
Số bằng: LM 696 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

110 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN THÌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MĐ 775 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

111 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BF 286 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

112 Liệt sĩ: **LỤC VĂN THĂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1973
Số bằng: PA 605 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

113 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN THÈU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1969
Số bằng: PN 685 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975

114 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGUYÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1969
Số bằng: NL 326 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

115 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG NHÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1970
Số bằng: UK 470 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1970
Số bằng: VT 793 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

117 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GĐ 030 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

118 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC MIỆN**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 1 năm 1981
Số bằng: AB 535 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984

119 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Anh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐK 241 bm Quyết định số: 444/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972

120 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ CƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GĐ 638 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

121 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN NGUYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
Số bằng: KC 212 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1972

122 Liệt sĩ: **LÊ BÁ LEO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1951
Số bằng: HZ 962 bp Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

123 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH XUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AL 919 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

124 Liệt sĩ: **THIỀU QUANG TIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968
Số bằng: LH 147 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

125 Liệt sĩ: **THIỀU VĂN HỢP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1973
Số bằng: OP 416 bm Quyết định số: 20/Ttga ngày 18 tháng 1 năm 1975

126 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN VIỆT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PH 753 bm Quyết định số: 282/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

127 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÙNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1972
Số bằng: SE 565 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

128 Liệt sĩ: **HÀ VĂN VẢY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SE 177 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

129 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1971
Số bằng: TH 658 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

130 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẠCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1981
Số bằng: S 752 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983

131 Liệt sĩ: **THIỀU SỸ CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1968
Số bằng: EK 797 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

132 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ES 455 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

133 Liệt sĩ: **VŨ DUY DIỆN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hạ Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LK 577 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

134 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ PHÚ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 5 năm 1978

Số bằng: 8B 226 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

135 Liệt sĩ: **CAO XUÂN TÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Lưu, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1967
Số bằng: ĐT 551 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

136 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LONG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Lý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: OK 111 bm Quyết định số: 616/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

137 Liệt sĩ: **LÊ MẬU QUỲNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Lý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GĐ 624 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

138 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BẤP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UG 831 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

139 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UQ 298 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

140 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TRÌ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 9 năm 1982

Số bằng: AO 918 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984

141 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ÓT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lũng Cao, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UG 757 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

142 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MG 399 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

143 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC HOA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1968
Số bằng: KX 464 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1974

144 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NỘI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1969
Số bằng: CĐ 646 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

145 Liệt sĩ: **CAO VĂN THƯỞNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1971
Số bằng: UO 233 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

146 Liệt sĩ: **TRƯƠNG MINH VIÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Nội, huyện Bá Thước,

tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ĐB 214 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

147 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TỚT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LT 493 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

148 Liệt sĩ: **TRƯƠNG NGỌC NIỀNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Ngọc, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BL 549 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972

149 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MA 574 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

150 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG THOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MG 148 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

151 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG CHỨNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MK 895 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

152 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÔNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BP 274 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972

153 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN XANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MA 614 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

154 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 09 năm 1966
Số bằng: GL 951 bm Quyết định số: 837/Ttga ngày 23 tháng 07 năm 2004

155 Liệt sĩ: **CAO VĂN ĐỘ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HP 272 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

156 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH THƯỞNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GL 743 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

157 Liệt sĩ: **CAO HẢI VÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HA 363 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

158 Liệt sĩ: **TRỊNH MAI NGỌC**
Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970

Số bằng: GR 197 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

159 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG PHƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 221 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

160 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KL 391 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

161 Liệt sĩ: **PHẠM THANH NGÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LH 089 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

162 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: NA 574 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

163 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG TUYÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AV 828 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

164 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH KHOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: AV 654 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

165 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1974
Số bằng: OR 661 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

166 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HỘI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1970
Số bằng: PT 587 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1975

167 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÁM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1970
Số bằng: CĐ 609 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

168 Liệt sĩ: **ĐỖ MINH CHÍ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1970
Số bằng: CĐ 828 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

169 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG NGÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1972
Số bằng: RB 870 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

170 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CHIỀU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1973
Số bằng: RB 838 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

171 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TỐNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1968
Số bằng: UP 803 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

172 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BỨNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1970
Số bằng: UK 502 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

173 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1968
Số bằng: VL 771 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

174 Liệt sĩ: **HÀ DUYÊN DƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1970
Số bằng: VL 596 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

175 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH CHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1970

Số bằng: YD 191 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

176 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: YD 145 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

177 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1969
Số bằng: YE 144 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

178 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: VT 765 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

179 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NHÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: VT 724 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

180 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 5S 453 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

181 Liệt sĩ: **BÙI HÙNG CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 5S 353 bt Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

182 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1970
Số bằng: 6N 663 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

183 Liệt sĩ: **BÙI HOÀNG SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8O 689 bt Quyết định số: 506/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

184 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9M 686 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

185 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐẬU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 9Y 066 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

186 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG CHÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1975
Số bằng: F 048 bm Quyết định số: 023/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1983

187 Liệt sĩ: **LƯU XUÂN HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 9 năm 1981
Số bằng: AB 500 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984

188 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TUY**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 11 năm 1983
Số bằng: BQ 797 bt Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

189 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1968
Số bằng: NO 770 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974

190 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1969
Số bằng: EP 593 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

191 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968
Số bằng: IM 283 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

192 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIÊM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MG 099 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

193 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KẾ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SM 048 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

194 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1974
Số bằng: SE 122 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

195 Liệt sĩ: **PHẠM ÁNH NGUYỆT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UA 953 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

196 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐL 905 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

197 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1975
Số bằng: 5S 462 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

198 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 7 năm 1985
Số bằng: CA 319 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

199 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NÒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1966
Số bằng: AM 965 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

200 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: AV 916 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1970

201 Liệt sĩ: **PHẠM THÚC CƠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1968
Số bằng: BG 003 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

202 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SỸ**
Pháo thủ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EM 799 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

203 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG TRẮC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1966
Số bằng: EM 895 bm Quyết định số: 102/Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1968

204 Liệt sĩ: **PHẠM MINH KHAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1966
Số bằng: AM 952 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1967

205 Liệt sĩ: **PHẠM THÚC DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1966
Số bằng: AM 041 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1967

206 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KS 734 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

207 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN NỦNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HT 386 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

208 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BA 225 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

209 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG KHAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NA 788 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

210 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MỪNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1969
Số bằng: OV 856 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

211 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1970
Số bằng: QP 626 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

212 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG NHI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973
Số bằng: QR 739 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

213 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG ĐỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1967
Số bằng: RH 582 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

214 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1972
Số bằng: SN 945 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

215 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG ĐƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1971
Số bằng: TK 503 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

216 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC LUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐL 980 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

217 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG THẺ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1968
Số bằng: CR 990 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972

218 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỂ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: VL 724 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

219 Liệt sĩ: **HÀ VĂN VI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 8B 362 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

220 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC QUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8X 716 bt Quyết định số: 743/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

221 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG LÁNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 7 năm 1981
Số bằng: D 567 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983

222 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 9 năm 1980
Số bằng: DM 537 bt Quyết định số: 206/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1994

223 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGÃI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1971
Số bằng: ĐR 597 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1973

224 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NÒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1971

Số bằng: NO 991 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

225 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG THĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1971
Số bằng: EQ 179 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

226 Liệt sĩ: **LƯU VĨNH LAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1975
Số bằng: YV 108 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

227 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỎ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AM 067 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1967

228 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VUI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 265 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975

229 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỐN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Phú Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1972
Số bằng: PT 586 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1975

230 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG PHƯỢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1970
Số bằng: BG 078 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

231 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1966
Số bằng: AM 944 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

232 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1967
Số bằng: IM 290 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

233 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1967
Số bằng: SM 238 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

234 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỎ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SM 192 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

235 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC HUYNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BK 291 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

236 Liệt sĩ: **LÊ QUÝ DẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AM 936 bm Quyết định số: 108/TTg ngày 6 tháng 2 năm 1967

237 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TỎ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BP 257 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972

238 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HP 496 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

239 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HP 476 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

240 Liệt sĩ: **PHẠM THẾ NỘI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970
Số bằng: HP 404 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

241 Liệt sĩ: **CAO XUÂN PHÚ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HP 418 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

242 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GL 622 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

243 Liệt sĩ: **VŨ QUỐC BẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KD 300 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

244 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐỨC CẦU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NA 699 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

245 Liệt sĩ: **PHẠM THỌ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LK 788 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

246 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THÌN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1973
Số bằng: NL 383 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

247 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OG 826 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

248 Liệt sĩ: **VŨ VĂN BAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1971
Số bằng: PS 631 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

249 Liệt sĩ: **LÊ TỬ CANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968
Số bằng: CĐ 810 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

250 Liệt sĩ: **BÙI HOÀNG YÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1972
Số bằng: UP 292 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

251 Liệt sĩ: **CAO ĐÌNH CHÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UH 729 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977

252 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MZ 840 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

253 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7L 240 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

254 Liệt sĩ: **TRƯƠNG SỸ TRUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1974
Số bằng: 3AA 785 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981

255 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TIẾN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9N 285 bt Quyết định số: 243/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

256 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHÁNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 045 bt Quyết định số: 208/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

257 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TOÁN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 9R 873 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

258 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EQ 147 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

259 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG SỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EQ 209 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

260 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GĐ 062 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

261 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KỲ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1966
Số bằng: CM 168 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1968

262 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT THẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1965
Số bằng: HZ 974 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

263 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT MINH**
, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1953
Số bằng: EZ 397 bp Quyết định số: 135/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1963

264 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1970
Số bằng: NK 770 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

265 Liệt sĩ: **LÊ NHẤT THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1968
Số bằng: YG 046 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

266 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT MÃN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1971
Số bằng: YV 116 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

267 Liệt sĩ: **LÊ KIM TRỌNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 2AB 460 bt Quyết định số: 205/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982

268 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC HUỲNH**
Công nhân ty giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972
Số bằng: MM 266 cm Quyết định số: 352/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

269 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1969
Số bằng: UK 476 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

270 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC LỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BG 048 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1970

271 Liệt sĩ: **PHẠM VƯƠNG THI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BF 196 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

272 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TUỔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: IM 284 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

273 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968

Số bằng: SM 053 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

274 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN MỸ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1966
Số bằng: SM 146 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

275 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHƯỞNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BK 277 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

276 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NHỜ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1953
Số bằng: EZ 769 bp Quyết định số: 219/TTga ngày 11 tháng 27 năm 1963

277 Liệt sĩ: **TRƯƠNG HẢI NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1970
Số bằng: HP 399 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

278 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XUÂN**
Tiểu đội trưởng dân quân Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1972
Số bằng: bm 427 km Quyết định số: 212/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

279 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HT 195 bm Quyết định số: 445/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

280 Liệt sĩ: **TÔ HỮU SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1973
Số bằng: HT 361 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

281 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIỆU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1971
Số bằng: HR 320 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

282 Liệt sĩ: **CAO XUÂN TRÌU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1971
Số bằng: NA 810 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

283 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHÚ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1972
Số bằng: OG 694 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

284 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1969
Số bằng: OV 925 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

285 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1971
Số bằng: PG 063 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

286 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1969
Số bằng: PL 572 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

287 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: RB 931 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

288 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG MẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972
Số bằng: SN 866 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

289 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VƯỢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UK 419 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

290 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UL 813 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

291 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1973
Số bằng: UL 284 bm Quyết định số: 225/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

292 Liệt sĩ: **LƯU VĨNH TÓC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UQ 397 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

293 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG ẢNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: VL 612 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

294 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG LÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VT 806 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

295 Liệt sĩ: **LƯU VĂN KHỞI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1974
Số bằng: YD 078 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

296 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: YE 073 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

297 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DỤNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1975
Số bằng: VL 592 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

298 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1973
Số bằng: VL 705 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

299 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH CHUẨN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: TĐ 150 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

300 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG CHÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7L 053 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

301 Liệt sĩ: **BÙI ĐĂNG NHƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 750 bt Quyết định số: 516/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

302 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 9R 671 bt Quyết định số: 516/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

303 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 1 năm 1983
Số bằng: AK 565 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

304 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN THẮNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1983
Số bằng: AO 881 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1984

305 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1985
Số bằng: BB 554 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 16 tháng 4 năm 1986

306 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: CZ 836 bm Quyết định số: 31/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1992

307 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN CÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970
Số bằng: ĐR 473 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

308 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐOÀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐR 498 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

309 Liệt sĩ: **CAO VĂN Y**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1970
Số bằng: ĐR 551 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

310 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG MỸ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EP 763 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

311 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG GIAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AP 288 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

312 Liệt sĩ: **PHẠM SƠN THỦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IZ 426 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 11 tháng 23 năm 1966

313 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG TRẮC**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1973
Số bằng: NU 358 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

314 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN HÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 1 năm 1984

Số bằng: AO 960 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984

315 Liệt sĩ: **CAO MINH KHƠI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1970
Số bằng: EQ 192 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

316 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 220 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1965

317 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN ĐỂ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AP 298 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

318 Liệt sĩ: **MAI PHƯỚC THỜI**
Trợ lý tác chiến sư đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ Chánh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968

Số bằng: BP 145 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972

319 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH TẤN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MI 125 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

320 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG NHÌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ông, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1969
Số bằng: AV 704 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

321 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC DIU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ông, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1972
Số bằng: EP 744 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

322 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN BỐN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ông, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1969
Số bằng: BF 059 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

323 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH THI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Thiết Ông, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: UO 103 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

324 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ông, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UA 723 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

325 Liệt sĩ: **CAO VĂN TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ông, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
Số bằng: HI 852 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

326 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ông, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1970
Số bằng: GC 191 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

327 Liệt sĩ: **VƯƠNG XUÂN THỞI**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZA 1,665 cp Quyết định số: 125/Ttga ngày 7 tháng 1 năm 1960

328 Liệt sĩ: **THIỀU ĐÌNH SỨC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1945

Số bằng: ZB 3,901 kp Quyết định số: 28/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1961

329 Liệt sĩ: **HOÀNG DOÃN THỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
Số bằng: KC 172 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1972

330 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CÀM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1973
Số bằng: PS 657 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

331 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1969
Số bằng: UO 386 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

332 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CÁT**
Chính trị viên trung đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1967

Số bằng: HB 151 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

333 Liệt sĩ: **THIỀU KHẮC ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 11 năm 1980
Số bằng: I 272 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

334 Liệt sĩ: **QUẢN BÁ MƯU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AS 583 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

335 Liệt sĩ: **LÊ PHÚ BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KL 005 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

336 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÓ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 4 năm 1954

Số bằng: YZ 384 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 12 tháng 22 năm 1956

337 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1952

Số bằng: YZ 394 bp Quyết định số: 1191/Ttga ngày 12 tháng 22 năm 1956

338 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÁN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LT 483 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

339 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THAU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1970
Số bằng: CP 658 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

340 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỴ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1967

Số bằng: IM 140 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

341 Liệt sĩ: **LÊ VĂN OANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1967
Số bằng: LM 873 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

342 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KIM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1973
Số bằng: ST 025 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

343 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1969
Số bằng: CR 968 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972

344 Liệt sĩ: **NGÔ THỌ HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1968
Số bằng: NV 067 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

345 Liệt sĩ: **HOÀNG VIẾT TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1969
Số bằng: EA 155 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

346 Liệt sĩ: **LÊ THẾ CÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1970
Số bằng: EĐ 643 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

347 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ TỤNG**
Tiểu đội phó thanh niên xung phong chống mỹ, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: IM 250 cm Quyết định số: 04/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

348 Liệt sĩ: **HÀN DUYÊN DÌN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LS 562 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

349 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HỘ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1974
Số bằng: PZ 677 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

350 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN XANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 2Đ 503 bm Quyết định số: 1130/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

351 Liệt sĩ: **LÊ THANH TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BE 223 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

352 Liệt sĩ: **LÊ THIỆN DUNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QR 656 bm Quyết định số: 90/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1976

353 Liệt sĩ: **ĐỖ HUY TÍNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
Số bằng: LH 152 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

354 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÍNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1969
Số bằng: QS 017 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

355 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG NHÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UK 453 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

356 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HƯNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1967
Số bằng: UO 638 bm Quyết định số: 174/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

357 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỐNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 12 năm 1980
Số bằng: F 108 bt Quyết định số: 23/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1983

358 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC ĐIỂU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1965
Số bằng: MZ 583 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

359 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH NHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Van, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1970
Số bằng: HP 516 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

360 Liệt sĩ: **DƯƠNG CHÍNH ĐẠI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1965
Số bằng: HZ 940 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

361 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH NGHĨA**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CM 128 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

362 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒ DONG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1970
Số bằng: LD 726 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

363 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC CÔN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NA 709 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

364 Liệt sĩ: **ĐỖ NGỌC CHINH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RB 842 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

365 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN HIỆN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1971
Số bằng: OK 061 bm Quyết định số: 616/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

366 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN DỤC**
Công nhân công ty vật tư lâm sản, Nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 7 năm 1981
Số bằng: AK 669 ct Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

367 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969
Số bằng: HB 210 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

368 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IZ 418 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

369 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT GIANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KV 569 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

370 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1967
Số bằng: AV 729 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

371 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÂN**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: NT 091 bm Quyết định số: 416/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974

372 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972
Số bằng: OP 381 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

373 Liệt sĩ: **LÊ QUANG NGỌC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1974
Số bằng: SN 557 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

374 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TRỌNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1967
Số bằng: ĐT 477 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

375 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BP 221 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972

376 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TOẢN**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972

Số bằng: KS 616 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974

377 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO HUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LS 826 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

378 Liệt sĩ: **LÊ SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1973
Số bằng: UP 206 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

379 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG NHÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UK 444 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

380 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ÁT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VL 613 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

381 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CHÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: QM 740 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

382 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỎ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AV 807 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

383 Liệt sĩ: **LÊ MINH QUỚ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1971
Số bằng: LS 538 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

384 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BG 224 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

385 Liệt sĩ: **LÊ HỮU NHÌ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1970

Số bằng: HP 509 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

386 Liệt sĩ: **VŨ DUY KHOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 2 năm 1952
Số bằng: ZR 267 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

387 Liệt sĩ: **HÀN VĂN VE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 5 năm 1977
Số bằng: 5G 063 bt Quyết định số: 425/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

388 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 221 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

389 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC VẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: VM 428 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1970

390 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG DẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VM 408 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1970

391 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 06 năm 1954
Số bằng: GI 930 bp Quyết định số: 135/TTga ngày 3 tháng 2 năm 2004

392 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: HR 287 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

393 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BỒNG**
Trợ lý tác chiến trung đoàn, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NU 303 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

394 Liệt sĩ: **VŨ HỮU TRIỆU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: RB 850 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

395 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÔN HỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: TY 959 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

396 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: NO 785 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974

397 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NĂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1969
Số bằng: HP 400 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

398 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC DƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1969
Số bằng: HP 256 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

399 Liệt sĩ: **HOÀNG KHẮC UYỂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1954
Số bằng: CZ 333 bp Quyết định số: 481/TTg ngày 12 tháng 13 năm 1961

400 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC BẰNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1973
Số bằng: PZ 611 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

401 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1969
Số bằng: UE 489 bm Quyết định số: 215/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

402 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC CA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1968
Số bằng: BE 110 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

403 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1973
Số bằng: QR 815 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

404 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972
Số bằng: SN 788 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

405 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỞNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: NO 789 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974

406 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC KHANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BA 327 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

407 Liệt sĩ: **LÊ THẾ BÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VL 622 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

408 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1971

Số bằng: GC 181 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

409 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LẠC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ZR 015 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960

410 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU VIỄN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 11 năm 1953

Số bằng: YZ 372 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1956

411 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẤT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972
Số bằng: SN 848 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

412 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 2Đ 822 bm Quyết định số: 1171/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

413 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ LINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AV 673 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

414 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH LƯU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 684 bt Quyết định số: 516/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

415 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHIỀU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7L 050 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

416 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THẮM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngàng, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 5S 479 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

417 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thiện, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1969
Số bằng: UK 803 bm Quyết định số: 227/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

418 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981
Số bằng: 8AA 190 bt Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

419 Liệt sĩ: **THIỀU VĂN TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1969
Số bằng: HP 190 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

420 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NHƯNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Lý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1965
Số bằng: OP 616 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

421 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UP 214 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

422 Liệt sĩ: **CAO VĂN BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1984
Số bằng: AO 834 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984

423 Liệt sĩ: **TÀO VĂN DUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1975
Số bằng: BQ 747 cm Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

424 Liệt sĩ: **BÙI TRƯỜNG CHINH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 12 năm 1984
Số bằng: BB 814 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 3 tháng 9 năm 1986

425 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MK 834 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

426 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GX 664 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

427 Liệt sĩ: **HÀ VĂN SINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1969
Số bằng: LB 741 bm Quyết định số: 366/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

428 Liệt sĩ: **LÊ TIẾN BẢN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1970
Số bằng: HR 351 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

429 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHUYẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1974
Số bằng: UQ 375 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

430 Liệt sĩ: **HÀ VĂN MINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1978
Số bằng: CB 798 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 9 tháng 8 năm 1988

431 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: SA 748 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

432 Liệt sĩ: **HÀ THANH NHÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NL 329 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

433 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HỤN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Vân, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 10 năm 1947
Số bằng: ZD 682 kp Quyết định số: 110/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1964

434 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN VÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã ái Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GĐ 021 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

435 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã ái Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1973
Số bằng: QV 699 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

436 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LÔ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1968
Số bằng: ĐN 763 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

437 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 1 năm 1983

Số bằng: AB 568 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984

438 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HOÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1974
Số bằng: TY 864 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

439 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Sơn, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AL 882 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

440 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN THƠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Sơn, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 6 năm 1984
Số bằng: CA 327 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

441 Liệt sĩ: **VI VĂN KHẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1987
Số bằng: CB 761 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 9 tháng 8 năm 1988

442 Liệt sĩ: **HÀ TỨ XUÂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LD 767 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

443 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH THÔN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9R 997 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

444 Liệt sĩ: **LƯƠNG QUỐC PHẤN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LD 817 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

445 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8O 740 bt Quyết định số: 506/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

446 Liệt sĩ: **HÀ TÁ SINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: YE 267 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

447 Liệt sĩ: **LÒ VĂN CHÂU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 4 năm 1987
Số bằng: CA 343 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

448 Liệt sĩ: **LỤC VĂN THÀNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9R 956 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

449 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH DUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1969
Số bằng: TY 792 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

450 Liệt sĩ: **LỤC VĂN THÁI**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1972

Số bằng: NL 352 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

451 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN INH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1974
Số bằng: QP 619 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

452 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THẮNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2Đ 593 bm Quyết định số: 1130/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

453 Liệt sĩ: **LƯƠNG HỒNG HOA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9Y 082 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

454 Liệt sĩ: **LÒ VĂN XUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1970
Số bằng: TY 582 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

455 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MK 131 bm Quyết định số: 136/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

456 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1969
Số bằng: GS 435 bm Quyết định số: 473 TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

457 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH BẢN**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1968
Số bằng: KD 578 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

458 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MG 065 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

459 Liệt sĩ: **HÀ TRỌNG HUỆ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GR 848 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

460 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN NGÔN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1967
Số bằng: SN 559 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

461 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KS 661 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974

462 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 118 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

463 Liệt sĩ: **TẠ ĐÌNH DẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MĐ 840 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

464 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ML 972 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

465 Liệt sĩ: **LÊ THỊ TẠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971
Số bằng: ĐR 609 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1973

466 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1972
Số bằng: CG 640 bm Quyết định số: 142/CTKT ngày 7 tháng 0 năm 1989

467 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BA 132 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971

468 Liệt sĩ: **MAI VĂN ĐÀM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: QM 753 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

469 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ VÒNG**
Công nhân ty GTVT thanh hóa, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1967
Số bằng: ĐM 717 cm Quyết định số: 230 /TTga ngày 15 tháng 12 năm 1969

470 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC DỤ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MG 086 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

471 Liệt sĩ: **TRỊNH THANH NHÀN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 12 năm 1978
Số bằng: A 075 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

472 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC TÝ**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969
Số bằng: ML 942 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

473 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZM 447 bp Quyết định số: 455/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1958

474 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THẶNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BE 240 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

475 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH HÀM**
Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972

Số bằng: ES 440 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

476 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ TÂM**
Thanh niên xung phong chống mỹ, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CM 399 cm Quyết định số: 76/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1969

477 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THỊNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1970
Số bằng: PZ 648 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

478 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC TỊCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1969
Số bằng: CY 969 bm Quyết định số: 419/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1972

479 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN VƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1973
Số bằng: HR 342 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

480 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HOẰNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UL 768 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

481 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1965
Số bằng: HZ 930 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966

482 Liệt sĩ: **LÊ QUỐC TRƯỞNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Vân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 482 bt Quyết định số: 221/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

483 Liệt sĩ: **LẠI THẾ LÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AG 629 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

484 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN GÁC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: PG 050 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

485 Liệt sĩ: **TỐNG MẠNH HÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1970
Số bằng: PS 783 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

486 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN CỘI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CL 352 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

487 Liệt sĩ: **CAO VĂN XÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9S 050 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

488 Liệt sĩ: **MAI KHẢ LẠI**
Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1972

Số bằng: VT 780 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

489 Liệt sĩ: **PHẠM DUY QUÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZR 062 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960

490 Liệt sĩ: **PHẠM DUY DIỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZQ 498 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960

491 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỞI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1969
Số bằng: EĐ 697 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

492 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Xuyên, Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 8I 019 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

493 Liệt sĩ: **HÀ QUỐC ĐOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Vân, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 12 năm 1983
Số bằng: BĐ 018 bt Quyết định số: 176/CTKT ngày 6 tháng 5 năm 1986

494 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM MINH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hoành, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1967
Số bằng: VO 271 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

495 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ TY**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AM 546 cm Quyết định số: 72/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1968

496 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐIỀU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Phòng, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UP 471 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

497 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÁ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Hoà, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZM 255 bp Quyết định số: 430/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1958

498 Liệt sĩ: **LÊ DUY TÂM**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AG 537 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

499 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN VIẾT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1975
Số bằng: UK 341 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

500 Liệt sĩ: **TỐNG NGỌC VỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OĐ 307 bm Quyết định số: 517/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1974

501 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN ÁU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: VL 605 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

502 Liệt sĩ: **LẠI ĐỨC BẢNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 8O 421 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

503 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM KHÔI**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NL 311 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

504 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔN**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1969
Số bằng: RH 414 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

505 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1969

Số bằng: PS 987 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

506 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN TUYỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HT 268 bm Quyết định số: 445/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

507 Liệt sĩ: **TRỊNH PHÚC THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HT 278 bm Quyết định số: 445/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

508 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN HẬU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LD 281 bm Quyết định số: 96/TTga ngày 12 tháng 3 năm 1974

509 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1978
Số bằng: AB 447 bt Quyết định số: 200/CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984

510 Liệt sĩ: **DƯ TỐNG CỘNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1966
Số bằng: UQ 118 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

511 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOẠCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HI 657 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

512 Liệt sĩ: **TỐNG KHẮC TRƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968
Số bằng: LM 065 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

513 Liệt sĩ: **TỐNG VĨNH PHÚ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UA 709 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

514 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1970
Số bằng: PS 621 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

515 Liệt sĩ: **MAI XUÂN CÁC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1969
Số bằng: BA 036 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971

516 Liệt sĩ: **ĐINH TRỌNG LUẬT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1965
Số bằng: CM 208 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

517 Liệt sĩ: **TRỊNH LONG VÂN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1950

Số bằng: ZL 359 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1958

518 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC MINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Long, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968
Số bằng: BA 356 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

519 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GK 415 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

520 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1970

Số bằng: PS 973 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

521 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC PHÁCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1966
Số bằng: MO 406 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1970

522 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MI 126 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

523 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT PHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1968
Số bằng: SN 579 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

524 Liệt sĩ: **VŨ VĂN HÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1968
Số bằng: LH 992 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1974

525 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ LÝ**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ĐM 090 cm Quyết định số: 189/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

526 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẠI NÁO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 1,954 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1959

527 Liệt sĩ: **MAI THẾ ĐIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1971
Số bằng: GĐ 113 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

528 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG KHAI**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BF 112 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

529 Liệt sĩ: **MAI VĂN KHANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: HT 299 bm Quyết định số: 445/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

530 Liệt sĩ: **MAI XUÂN HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AP 332 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

531 Liệt sĩ: **CHU ANH THỤ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1974
Số bằng: UO 181 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

532 Liệt sĩ: **TỐNG KIM ĐÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1973
Số bằng: UP 633 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

533 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YE 169 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

534 Liệt sĩ: **VŨ VĂN VẠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1967

Số bằng: UK 232 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

535 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỨC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1980
Số bằng: AO 893 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984

536 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG TÀI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1969
Số bằng: HI 853 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

537 Liệt sĩ: **VŨ VĂN HỢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9R 545 bt Quyết định số: 493/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

538 Liệt sĩ: **DƯƠNG XUÂN HỢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1974
Số bằng: TH 519 bm Quyết định số: 12/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1977

539 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỸ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Châu, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1967
Số bằng: LM 135 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

540 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Điện, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 7 năm 1982
Số bằng: S 714 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983

541 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN ÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Sơn Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UP 269 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

542 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ÁY**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Sơn Điện, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1974

Số bằng: QT 557 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

543 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ CHÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Điện, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UH 779 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977

544 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHƯƠNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LA 559 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

545 Liệt sĩ: **LỮ VĂN PHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BF 488 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

546 Liệt sĩ: **LỮ VĂN HÔM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1975
Số bằng: RH 378 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

547 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thuỷ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1974
Số bằng: TH 635 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

548 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN XIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thuỷ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RH 322 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

549 Liệt sĩ: **CAO VĂN CẨM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thuỷ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1972
Số bằng: TI 474 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

550 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NOM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thuỷ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 2 năm 1979
Số bằng: BK 634 bt Quyết định số: 79/CTKT ngày 6 tháng 5 năm 1987

551 Liệt sĩ: **VI VĂN PHỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thuỷ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1971
Số bằng: GC 213 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

552 Liệt sĩ: **VI VĂN MỚI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Điện, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LA 683 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

553 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ SINH**
Trung đội trưởng , Nguyên quán: xã Sơn Thuỷ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HA 350 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

554 Liệt sĩ: **LỮ VĂN XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thuỷ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HI 800 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

555 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN KHẤY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thuỷ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
Số bằng: KX 512 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1974

556 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1971
Số bằng: NA 585 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

557 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HP 456 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

558 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC HIẾU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 7L 121 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

559 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN NÓI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HI 722 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

560 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CÚC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ON 824 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975

561 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀNH**
Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AM 988 km Quyết định số: 169/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

562 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÀI**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MA 659 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

563 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OA 476 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

564 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 8B 358 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

565 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIM**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1973
Số bằng: DS 621 cm Quyết định số: 320/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1995

566 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1966
Số bằng: SE 784 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

567 Liệt sĩ: **LÊ DUY ĐĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UP 397 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

568 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÌNH**
Công nhân công trường 575- ban xây dựng 64, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 1 năm 1978
Số bằng: A 144 ct Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

569 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ CAI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NA 693 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

570 Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ PHIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GX 357 bm Quyết định số: 435/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973

571 Liệt sĩ: **LÊ ANH TRÔNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1972
Số bằng: YD 115 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

572 Liệt sĩ: **LÊ HUY MÍNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1971
Số bằng: ĐR 587 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1973

573 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TỰ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1970

Số bằng: OK 853 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1975

574 Liệt sĩ: **PHÙNG MINH GIANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ĐV 980 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

575 Liệt sĩ: **PHÙNG ĐÌNH CHIỂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MĐ 824 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

576 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ÁI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Hải, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
Số bằng: KV 372 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1974

577 Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ THƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 7 năm 1980
Số bằng: 7AA 374 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

578 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUYÊN**
Chủ nhiệm công binh trung đoàn , Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CL 376 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

579 Liệt sĩ: **LÊ DANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1970
Số bằng: SN 743 bm Quyết định số: 520/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

580 Liệt sĩ: **LÊ NĂNG TIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1985
Số bằng: BB 599 bt Quyết định số: 07/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1986

581 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1986
Số bằng: CA 304 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

582 Liệt sĩ: **LÊ VĂN YẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1967
Số bằng: NK 803 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

583 Liệt sĩ: **LÊ TOÀN ĐẮC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1973
Số bằng: SE 201 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

584 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THẢO**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1969
Số bằng: KS 655 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974

585 Liệt sĩ: **LÊ DANH TỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 08 năm 1949

Số bằng: GT 947 bp Quyết định số: 349/TTga ngày 26 tháng 04 năm 2005

586 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC XUM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KD 449 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

587 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÁC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MA 541 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

588 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC TUẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1972
Số bằng: SE 749 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

589 Liệt sĩ: **LÊ SỸ LƯU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MĐ 914 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

590 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐỖ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BF 255 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

591 Liệt sĩ: **LÊ SỸ LƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MĐ 916 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

592 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1969
Số bằng: TK 430 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

593 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC QUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 187 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

594 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN SÁCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1969
Số bằng: UP 065 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

595 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1965
Số bằng: MZ 805 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

596 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG TOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AG 255 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

597 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1967
Số bằng: TH 720 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

598 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHƠN**
Chính trị viên trung đội , Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: GR 938 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

599 Liệt sĩ: **ĐỖ THỊ THẢO**
Thanh niên xung phong chống mỹ, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1972
Số bằng: IM 242 cm Quyết định số: 04/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

600 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LÀNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1967
Số bằng: UL 100 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

601 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG ƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969
Số bằng: PS 622 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

602 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1968
Số bằng: NV 109 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1974

603 Liệt sĩ: **LÊ QUÝ NHÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UK 462 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

604 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ ĐỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 8 năm 1982
Số bằng: S 844 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983

605 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ NGỌC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1972
Số bằng: SN 555 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

606 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ LẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1971
Số bằng: NP 384 bm Quyết định số: 381/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

607 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU NÊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NP 988 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974

608 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH NEM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1972
Số bằng: SN 770 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

609 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỰU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1967
Số bằng: AV 616 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

610 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC NHIỀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐB 191 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

611 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
Số bằng: TH 754 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

612 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1967

Số bằng: 8I 013 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

613 Liệt sĩ: **ĐỒNG KHẮC HẠNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1970
Số bằng: UL 642 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

614 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ TỜ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1970

Số bằng: KS 613 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974

615 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 8B 257 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

616 Liệt sĩ: **ĐỒNG KHẮC TRẠM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HR 487 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

617 Liệt sĩ: **LƯỜNG VĂN THUẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZL 858 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1958

618 Liệt sĩ: **MAI XUÂN NGỮ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PL 530 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

619 Liệt sĩ: **MẠCH VĂN LINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 5S 426 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

620 Liệt sĩ: **HOÀNG LỢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1965
Số bằng: ĐR 568 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

621 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG LIÊM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: TH 644 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

622 Liệt sĩ: **CAO VĂN SƠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1974
Số bằng: TG 641 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1977

623 Liệt sĩ: **MẠCH VĂN ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9M 792 bt Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

624 Liệt sĩ: **ĐOÀN CÔNG VIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1974
Số bằng: OP 626 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

625 Liệt sĩ: **VÕ NGỌC VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1968
Số bằng: TK 148 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

626 Liệt sĩ: **ĐỚI THẾ HỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1969
Số bằng: PS 778 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

627 Liệt sĩ: **MAI THÁI TIỆP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1966
Số bằng: BF 370 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

628 Liệt sĩ: **VŨ TRUNG TUẤN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LT 109 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1974

629 Liệt sĩ: **LÊ MINH KHÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Minh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1969
Số bằng: BF 297 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

630 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Minh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UG 943 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

631 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Minh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 3 năm 1985
Số bằng: BH 604 bt Quyết định số: 300/CTKT ngày 5 tháng 11 năm 1986

632 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BF 441 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

633 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRI PHƯƠNG**
Công nhân ban xây dựng 64, Bộ giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1965

Số bằng: HM 238 cm Quyết định số: 194/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

634 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1965
Số bằng: EA 110 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

635 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG DƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1968
Số bằng: SM 082 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

636 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU GIAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EK 732 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

637 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUYỀN THỐNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1984
Số bằng: AL 986 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985

638 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC GIA**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: UK 522 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

639 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN ĐIỂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 01 năm 1950
Số bằng: ĐX 644 bp Quyết định số: 348/TTga ngày 29 tháng 03 năm 1999

640 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐIỂN**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972

Số bằng: QI 505 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

641 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỐC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
Số bằng: RH 580 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

642 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN DƯ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1974
Số bằng: PH 803 bm Quyết định số: 281/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

643 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN ĐỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1968
Số bằng: CY 845 bm Quyết định số: 418/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1972

644 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN SẴN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: YE 256 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

645 Liệt sĩ: **MAI KIM HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UO 682 bm Quyết định số: 174/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

646 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1974
Số bằng: UP 098 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

647 Liệt sĩ: **MAI VĂN ĐƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ZL 834 bp Quyết định số: 375/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1958

648 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MÔN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NB 570 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

649 Liệt sĩ: **MAI VĂN CA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UQ 061 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

650 Liệt sĩ: **VŨ BÍ THƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1954
Số bằng: DZ 604 bp Quyết định số: 327/TTga ngày 12 tháng 19 năm 1962

651 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN YÊU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HI 921 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

652 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1973
Số bằng: ĐN 458 bm Quyết định số: 995/TTg ngày 22 tháng 11 năm 1997

653 Liệt sĩ: **MAI THỊ QUY**
Dân công, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
Số bằng: LA 545 cm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

654 Liệt sĩ: **VŨ VĂN KHUÊ**
Dân công, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1972
Số bằng: MM 405 cm Quyết định số: 455/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

655 Liệt sĩ: **MAI VĂN LAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PH 883 bm Quyết định số: 293/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1975

656 Liệt sĩ: **MAI VĂN CẤP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: UE 407 bm Quyết định số: 215/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

657 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGỌC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UA 901 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

658 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VỰC**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 03 năm 1953
Số bằng: HB 969 CP Quyết định số: 741/TTga ngày 18 tháng 05 năm 2006

659 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SON**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1973
Số bằng: OK 690 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

660 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SEN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UP 135 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

661 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BE 296 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

662 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY KHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1971
Số bằng: UQ 367 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

663 Liệt sĩ: **MAI HỮU NHƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UR 035 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

664 Liệt sĩ: **MAI QUANG NÙNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HT 608 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

665 Liệt sĩ: **MAI XUÂN THẮNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: TH 735 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

666 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THẮNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1970
Số bằng: YG 020 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

667 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AL 878 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

668 Liệt sĩ: **ĐÀO NGỌC LAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1970
Số bằng: ĐN 755 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

669 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRỢ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RH 646 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

670 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1973

Số bằng: HP 567 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974

671 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1974
Số bằng: QK 898 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

672 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1971
Số bằng: VA 082 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

673 Liệt sĩ: **VŨ VĂN GIANG**
Y tá Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1984
Số bằng: AO 924 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984

674 Liệt sĩ: **THỊNH HÙNG THẮNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9N 360 bt Quyết định số: 243/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

675 Liệt sĩ: **PHAN THANH VỢI**
Trợ lý tác chiến tiểu đoàn , Nguyên quán: xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐN 799 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

676 Liệt sĩ: **MAI VĂN TỰ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: 2Đ 578 bm Quyết định số: 1130/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

677 Liệt sĩ: **MAI TUYỂN**
Dân quân du kích, Nguyên quán: xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 8 năm 1945
Số bằng: ZB 2,768 kp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

678 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969
Số bằng: PH 896 bm Quyết định số: 293/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1975

679 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC PHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OK 790 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1975

680 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THOAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Nhân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1971
Số bằng: EO 089 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

681 Liệt sĩ: **MAI VĂN TÂN**
Hạ sĩ Công an nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1967
Số bằng: ĐP 303 cm Quyết định số: 83/TTga ngày 2 tháng 0 năm 1998

682 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẤU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: UP 381 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

683 Liệt sĩ: **MAI NGỌC THÔNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NU 439 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

684 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970
Số bằng: ĐN 730 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

685 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CV 357 bm Quyết định số: 175/CTKT ngày 6 tháng 7 năm 1991

686 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NGUYÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1969
Số bằng: EP 755 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

687 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Văn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: KD 551 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

688 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: NB 504 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

689 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: PY 065 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

690 Liệt sĩ: **DƯƠNG PHÚ HẰNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐR 341 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

691 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 9 năm 1978

Số bằng: 9N 065 bt Quyết định số: 208/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

692 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỚN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 04 năm 1954
Số bằng: GK 966 bp Quyết định số: 456/TTga ngày 12 tháng 05 năm 2004

693 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THIỀNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1970
Số bằng: LS 901 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

694 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH BA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1970
Số bằng: CP 577 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

695 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH DINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KV 480 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1974

696 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG VINH**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1974
Số bằng: PG 132 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

697 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH VIẾT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GĐ 661 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

698 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH BÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1967
Số bằng: LM 073 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

699 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH OANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1969
Số bằng: CP 675 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

700 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN NHUỆ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GX 685 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

701 Liệt sĩ: **LÊ THẾ MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1971
Số bằng: GĐ 629 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

702 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH CHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1970
Số bằng: TK 035 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

703 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1967
Số bằng: LM 927 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

704 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH NHÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MK 898 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

705 Liệt sĩ: **DƯƠNG KHẮC TÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: EA 146 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

706 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TAO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1968
Số bằng: UP 921 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

707 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1966
Số bằng: EM 704 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

708 Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ĐV 959 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

709 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972

Số bằng: EA 234 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

710 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỰC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 2 năm 1984

Số bằng: AL 982 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985

711 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TRƯỞNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: EA 212 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

712 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 2K 039 bm Quyết định số: 1313/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

713 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC LẠC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BE 186 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

714 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN LẠC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3AA 761 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981

715 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ĐẢM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
Số bằng: AV 543 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

716 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1967
Số bằng: LM 920 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

717 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 2Đ 557 bm Quyết định số: 1130/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

718 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Điện Biên, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UH 555 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

719 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÌNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: TK 257 bm Quyết định số: 569/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

720 Liệt sĩ: **TỐNG QUỐC HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971
Số bằng: QK 886 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

721 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH ĐỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NU 324 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

722 Liệt sĩ: **ĐỖ THẾ HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MĐ 879 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

723 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY HỢP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KO 311 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

724 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NGOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 230 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

725 Liệt sĩ: **LÊ MINH ĐƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1970
Số bằng: KL 066 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

726 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÙNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968
Số bằng: OT 854 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1975

727 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1970
Số bằng: SA 713 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

728 Liệt sĩ: **CAO VĂN BA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RH 591 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

729 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 7 năm 1947
Số bằng: ZQ 4,995 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960

730 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC ÂN**
Trợ lý tổ chức trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1967

Số bằng: LD 694 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

731 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG VIỆT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: PZ 619 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

732 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1951
Số bằng: ZB 682 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 4 tháng 3 năm 1957

733 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY DỤ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BF 245 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

734 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỰ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên quán: xã Phượng Nghi, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IM 332 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

735 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC ĐOÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1969
Số bằng: BE 130 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

736 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC QUÁN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1970
Số bằng: GK 473 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

737 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH ÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ZQ 4,934 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 1 tháng 1 năm 1960

738 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THỰC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1970

Số bằng: TH 899 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

739 Liệt sĩ: **PHẠM TRUNG HƯNG**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 1 năm 1988
Số bằng: CI 053 bt Quyết định số: 08/CTKT ngày 1 tháng 2 năm 1990

740 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CHUYỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KL 124 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

741 Liệt sĩ: **LÊ THANH SƠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9R 806 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

742 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LD 313 bm Quyết định số: 96/TTga ngày 12 tháng 3 năm 1974

743 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HR 502 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

744 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỒNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968
Số bằng: LS 596 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

745 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968
Số bằng: NU 326 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

746 Liệt sĩ: **ĐÀM HỮU HIỀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1973

Số bằng: PS 760 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

747 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY SINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: ĐR 691 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1973

748 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CÁT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KL 254 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

749 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1967
Số bằng: UK 406 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

750 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGẠC**
Dân công hoả tuyến, Nguyên quán: xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1950
Số bằng: ĐG 661 cp Quyết định số: 279/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1997

751 Liệt sĩ: **ĐÀM LÊ TUẤN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VA 119 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

752 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẮC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1971
Số bằng: LS 482 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

753 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CƯƠNG**
Dân quân du kích, Nguyên quán: xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 5 năm 1953
Số bằng: ZD 223 kp Quyết định số: 135/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1963

754 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH DŨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: QT 621 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

755 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Điện Biên, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1975
Số bằng: TK 622 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

756 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐẸT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1972
Số bằng: PS 711 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

757 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC TUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1981
Số bằng: A 107 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

758 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CẦU**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HR 204 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

759 Liệt sĩ: **LÃ ĐÌNH QUÝ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Duyên Hưng, huyện Nam Trực , tỉnh Nam định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1947
Số bằng: GZ 802 bp Quyết định số: 110/TTga ngày 8 tháng 4 năm 1964

760 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1952

Số bằng: ZT 231 bp Quyết định số: 102/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960

761 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1965
Số bằng: OR 670 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

762 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC NINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1970
Số bằng: KL 445 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

763 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1973
Số bằng: KO 491 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1974

764 Liệt sĩ: **LƯỜNG QUỐC ĐẠT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CĐ 544 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

765 Liệt sĩ: **LƯƠNG TIẾN QUYNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9R 791 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

766 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUYỆT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: HT 580 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

767 Liệt sĩ: **LƯƠNG PHÚ QUÝ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969
Số bằng: PS 903 bm Quyết định số: 377/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

768 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN MÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8B 195 bt Quyết định số: 247/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

769 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HỒ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AG 298 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

770 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: UK 351 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

771 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC HAI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NP 343 bm Quyết định số: 381/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

772 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 9 năm 1987
Số bằng: CA 345 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

773 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ÓC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HB 143 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

774 Liệt sĩ: **HÀ VĂN YÊM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1974
Số bằng: TK 520 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

775 Liệt sĩ: **VI VĂN NHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RH 342 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

776 Liệt sĩ: **LÊ SỸ TẰM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NK 830 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

777 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UL 640 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

778 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UK 755 bm Quyết định số: 227/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

779 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC CHUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1975
Số bằng: 2K 041 bm Quyết định số: 1313/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

780 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN PHÒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 9R 762 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

781 Liệt sĩ: **LÒ VĂN NANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1973
Số bằng: UO 482 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

782 Liệt sĩ: **LÒ VĂN CHON**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1974
Số bằng: QR 494 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

783 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DỰNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AP 311 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

784 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LÁ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PS 802 bm Quyết định số: 377/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

785 Liệt sĩ: **VI VĂN KHIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1964
Số bằng: IZ 121 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966

786 Liệt sĩ: **VI VĂN XUM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1951

Số bằng: DH 001 kp Quyết định số: 24/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1993

787 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TẤM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BF 174 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

788 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN NHĂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UK 457 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

789 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HUỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1973
Số bằng: UO 592 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

790 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LÁ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 6 năm 1978
Số bằng: DM 543 bt Quyết định số: 206/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1994

791 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN PHÒN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1969
Số bằng: PL 550 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

792 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HẢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1973
Số bằng: QK 867 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

793 Liệt sĩ: **HÀ MINH ĐĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1971
Số bằng: PG 037 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

794 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TÌNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1961
Số bằng: EM 842 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

795 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN NHƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UR 040 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

796 Liệt sĩ: **VI THANH SUM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UP 257 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

797 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TỨU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UP 873 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

798 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG NHẤT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 07 năm 1962
Số bằng: EV 600 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 11 tháng 04 năm 2002

799 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ẢNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1970
Số bằng: QI 465 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

800 Liệt sĩ: **LÊ HUẤN NHÂM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GR 145 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

801 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÌN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1975
Số bằng: YG 078 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

802 Liệt sĩ: **HÀ ĐỨC THỌ**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1971

Số bằng: YG 086 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

803 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1983
Số bằng: AK 596 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

804 Liệt sĩ: **HÀ DUY CƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HI 695 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

805 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1964
Số bằng: GZ 838 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1964

806 Liệt sĩ: **LÒ VĂN TƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HR 463 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

807 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẾNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1953
Số bằng: ZT 772 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960

808 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC Ý**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HI 798 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

809 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 3 năm 1951
Số bằng: ZT 848 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960

810 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LIỀU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1970
Số bằng: UL 186 bm Quyết định số: 225/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

811 Liệt sĩ: **LÊ VĂN UÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 2 năm 1952
Số bằng: ZT 886 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960

812 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC PỨNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PL 549 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

813 Liệt sĩ: **LƯƠNG TRỌNG BẰNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1974
Số bằng: OT 528 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

814 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HB 165 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

815 Liệt sĩ: **VI NGỌC BẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1969
Số bằng: PS 629 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

816 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HOM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1967
Số bằng: CM 231 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1968

817 Liệt sĩ: **LÒ VĂN Ờ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MG 395 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

818 Liệt sĩ: **LỮ ĐÌNH THỊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: ĐB 116 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

819 Liệt sĩ: **LÊ PHÚC QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HT 369 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

820 Liệt sĩ: **VI HỒNG SAO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KS 791 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

821 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1981
Số bằng: Q 308 bt Quyết định số: 317/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983

822 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỚI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 5 năm 1980
Số bằng: 7AA 340 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

823 Liệt sĩ: **LÊ BẢO HOÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968
Số bằng: QM 778 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

824 Liệt sĩ: **LƯƠNG TRỌNG TƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1970
Số bằng: AR 667 bm Quyết định số: 145/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1971

825 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN DƯỢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1969

Số bằng: QT 623 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

826 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NOỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EP 824 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

827 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN NGOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1973
Số bằng: NL 318 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

828 Liệt sĩ: **LƯƠNG XUÂN HOANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HR 250 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

829 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TOÁN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1973
Số bằng: QK 916 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

830 Liệt sĩ: **VI VĂN ÂN**
Trợ lý tuyên huấn trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1970
Số bằng: VL 608 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

831 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MP 960 bm Quyết định số: 238/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1970

832 Liệt sĩ: **VI VĂN KHUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1969
Số bằng: KX 516 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1974

833 Liệt sĩ: **LÒ VĂN ÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1970
Số bằng: QT 558 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

834 Liệt sĩ: **LÒ VĂN CĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: UQ 010 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

835 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH PHÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BĐ 021 bt Quyết định số: 176/CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1986

836 Liệt sĩ: **LÒ VĂN ÚI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MZ 725 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

837 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHEN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9M 801 bt Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

838 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TÁCH**
Trính trị viên huyện đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZT 872 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1960

839 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UO 318 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

840 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN PHÌA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1970
Số bằng: CĐ 864 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

841 Liệt sĩ: **HÀ VĂN MÙI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AP 400 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

842 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LĨNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MZ 642 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

843 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LAI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZT 810 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960

844 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HOA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1965
Số bằng: HZ 978 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

845 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1966
Số bằng: ZU 229 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1960

846 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DƯỠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 8B 063 bt Quyết định số: 246/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

847 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9M 797 bm Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

848 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UA 873 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

849 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1970
Số bằng: OV 810 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

850 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1972
Số bằng: AA 294 bm

851 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1965
Số bằng: BA 268 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

852 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1970
Số bằng: CQ 360 bm Quyết định số: 323/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972

853 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QV 712 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

854 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIỚI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969

Số bằng: LD 730 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

855 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHUYẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐT 609 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

856 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 182 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

857 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7L 030 bm Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

858 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN CỔ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CP 583 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

859 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PĐ 939 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

860 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC MÚNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UQ 628 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

861 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: PR 023 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

862 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG MẠNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UQ 550 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

863 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC DY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: TY 811 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

864 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1954
Số bằng: HC 942 bp Quyết định số: 234/TTga ngày 6 tháng 0 năm 1972

865 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HUỀ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AO 294 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971

866 Liệt sĩ: **BÙI MẠNH BÀO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1967
Số bằng: UG 885 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

867 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG ĐƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KL 065 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

868 Liệt sĩ: **BÙI VĂN UYỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1951

Số bằng: ZQ 852 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959

869 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LƯU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UL 406 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

870 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 033 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

871 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUẤN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1971
Số bằng: HA 015 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973

872 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Lý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1971
Số bằng: PG 002 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

873 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 11 năm 1981
Số bằng: D 560 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983

874 Liệt sĩ: **TRẦN VIẾT CAO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BP 016 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972

875 Liệt sĩ: **VŨ QUỐC OANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CR 926 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972

876 Liệt sĩ: **LÊ TÙNG QUANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1971
Số bằng: KS 764 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

877 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ẢNH**
Xã viên hợp tác xã vận tải thuyền, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MM 249 cm Quyết định số: 352/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

878 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHẮC**
Công an nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Lý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GR 942 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

879 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH QUÝ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1974
Số bằng: QT 639 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

880 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1966
Số bằng: EA 019 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

881 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HƯỢC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: PM 154 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1969

882 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MẠNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1969
Số bằng: RA 765 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

883 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ LÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1968

Số bằng: QT 771 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

884 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tức Mạc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Hà, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UO 290 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

885 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NHẤT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1986

Số bằng: CA 279 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

886 Liệt sĩ: **LƯU TRỌNG TRÁNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: UK 596 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

887 Liệt sĩ: **LƯU TRỌNG NHUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UR 055 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

888 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐẠI LỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HT 345 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

889 Liệt sĩ: **BÙI KHẮC CHÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1966
Số bằng: CM 117 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1968

890 Liệt sĩ: **PHẠM THANH HUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967
Số bằng: IM 223 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

891 Liệt sĩ: **PHẠM VIẾT TƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1972
Số bằng: SA 854 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

892 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÔN NHIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NL 334 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

893 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MAI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Trạch, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1971
Số bằng: UQ 524 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

894 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1971
Số bằng: YE 087 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

895 Liệt sĩ: **PHẠM TUẤN LAU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EP 556 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

896 Liệt sĩ: **ĐINH ĐĂNG ĐIỆN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1972
Số bằng: QT 745 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

897 Liệt sĩ: **BÙI QUANG HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KV 578 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

898 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG QUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PG 104 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

899 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1971
Số bằng: NU 402 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

900 Liệt sĩ: **LƯU TRỌNG HIẾU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1967
Số bằng: QR 866 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

901 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1968
Số bằng: EK 758 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

902 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN Ý**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1972
Số bằng: UP 276 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

903 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1971
Số bằng: NA 813 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

904 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: AP 429 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

905 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: PĐ 898 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

906 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 3 năm 1950
Số bằng: KC 223 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1972

907 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN PHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1967
Số bằng: IM 236 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

908 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÁM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1968
Số bằng: UK 997 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

909 Liệt sĩ: **LÊ QUANG LAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1970
Số bằng: HA 064 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973

910 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1951

Số bằng: XC 227 bp Quyết định số: 092/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1958

911 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1953
Số bằng: ZQ 3,184 bp Quyết định số: 329/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1959

912 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TRÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972
Số bằng: KS 678 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

913 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UK 622 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

914 Liệt sĩ: **LÊ MINH THÀNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UO 363 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

915 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC KHÁNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Trạch, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 237 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

916 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NGÔN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HP 527 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974

917 Liệt sĩ: **LƯU QUANG THẮNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HT 565 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

918 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THÔNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1970
Số bằng: UK 878 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

919 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VĂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1967
Số bằng: QP 660 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

920 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ ĐẠT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UP 428 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

921 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHỐT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: SN 458 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

922 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TÔN**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1972

Số bằng: LT 486 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

923 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1962
Số bằng: DZ 459 bm Quyết định số: 287/TTga ngày 10 tháng 24 năm 1962

924 Liệt sĩ: **TRỊNH CHÍ CAO**
Cán bộ kỹ thuật ban xây dựng 67, Bộ GTVT, Nguyên quán: xã Thạch Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EM 991 cm Quyết định số: 37/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

925 Liệt sĩ: **NGUYỄN HOÀNG ANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PM 175 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1969

926 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Chính trị viên tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968

Số bằng: HI 053 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

927 Liệt sĩ: **LƯƠNG KHÁNH VĂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HR 494 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

928 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: UK 996 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

929 Liệt sĩ: **BÙI ĐÔNG Y**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UP 277 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

930 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC QUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1970
Số bằng: VO 121 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

931 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1973

Số bằng: UO 366 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

932 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AG 534 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

933 Liệt sĩ: **BÙI MINH NÔNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HT 392 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

934 Liệt sĩ: **BÙI MINH THÔN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 2Đ 638 bm Quyết định số: 1129/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

935 Liệt sĩ: **BÙI TRỌNG NGHĨA**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1982
Số bằng: AK 604 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

936 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1968
Số bằng: QM 729 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

937 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DẦN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1975
Số bằng: 5G 010 bm Quyết định số: 425/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

938 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DƯỢC**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970

Số bằng: HP 255 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

939 Liệt sĩ: **BÙI VĂN GIANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1971
Số bằng: RA 659 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

940 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MỪNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1953
Số bằng: EZ 488 bp Quyết định số: 142/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1963

941 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BG 218 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

942 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1970
Số bằng: QV 788 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

943 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1986

Số bằng: BQ 928 bt Quyết định số: 243/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

944 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1971
Số bằng: RA 687 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

945 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUẾ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9N 204 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

946 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UP 831 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

947 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TẬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1975
Số bằng: RH 406 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

948 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UK 870 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

949 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THIẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MG 503 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

950 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VÓN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1954

Số bằng: EZ 487 bp Quyết định số: 142/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1963

951 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AP 248 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

952 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẢM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UQ 028 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

953 Liệt sĩ: **MAI VĂN TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1968
Số bằng: AO 340 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971

954 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HỒ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1972
Số bằng: RA 719 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

955 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG HỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1975
Số bằng: SE 598 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

956 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG TOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KL 564 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

957 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN MIÊNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1968
Số bằng: NU 394 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

958 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN TƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MG 466 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

959 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN THÌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968
Số bằng: BP 267 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972

960 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HUẤN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1967
Số bằng: MZ 625 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

961 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BK 312 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

962 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN CĂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1972
Số bằng: PS 660 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

963 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN QUANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1972
Số bằng: UH 525 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

964 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN QUẢN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1969
Số bằng: UH 488 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

965 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG KHÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BF 299 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

966 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN NGÂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LS 678 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

967 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CHƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1970
Số bằng: NA 785 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

968 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1975
Số bằng: YV 091 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

969 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1971
Số bằng: UP 635 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

970 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐÍCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UP 616 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

971 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966
Số bằng: BF 263 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

972 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THIỆP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NL 379 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

973 Liệt sĩ: **QUÁCH KIM NGỌC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LK 764 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

974 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 4 năm 1982
Số bằng: D 594 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983

975 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHỮ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: UH 800 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977

976 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN SƯỚNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1974
Số bằng: SE 632 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

977 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN MƯU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành,, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1973

Số bằng: OS 787 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1975

978 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN CẬY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1969
Số bằng: AV 472 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

979 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN TỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 9 năm 1982

Số bằng: AO 873 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1984

980 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN HUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HT 513 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

981 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN KHỞI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NA 796 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

982 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1969
Số bằng: UL 379 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

983 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 8O 468 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

984 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN BÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1973
Số bằng: UG 811 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

985 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1969
Số bằng: TK 180 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

986 Liệt sĩ: **QUÁCH CAO SÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZP 277 bp Quyết định số: 001/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

987 Liệt sĩ: **BÙI THANH BÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: OP 305 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

988 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1971
Số bằng: QV 769 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

989 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG TÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BA 297 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

990 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN VẠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1968
Số bằng: AP 480 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

991 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN NHI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1970
Số bằng: OV 910 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

992 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG HUY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1970
Số bằng: NA 765 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

993 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THIỆU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BA 308 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

994 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGỌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1986
Số bằng: BQ 827 bt Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

995 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 4 năm 1985
Số bằng: BK 738 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1987

996 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**
Chính trị viên tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8X 613 bt Quyết định số: 740/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

997 Liệt sĩ: **LẠI TIÊN VỌNG**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971

Số bằng: KS 696 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

998 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1972

Số bằng: HI 883 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

999 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1974
Số bằng: SA 959 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1000 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1982
Số bằng: BB 786 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 3 tháng 9 năm 1986

1001 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN SINH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Phượng, Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1972
Số bằng: QT 818 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

1002 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THANH LỊCH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1970
Số bằng: QT 775 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

1003 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HA 493 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1004 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BG 027 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1005 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1975
Số bằng: UL 052 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1006 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TỌC**
Công nhân ty GTVT Thanh Hoá, Nguyên quán: xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CM 743 cm Quyết định số: 113/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1969

1007 Liệt sĩ: **BÙI MINH ĐỒNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: UP 552 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1008 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY CHẤT**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1975
Số bằng: YD 130 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1009 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN KHẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1971
Số bằng: UL 425 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1010 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN LƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: EO 017 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

1011 Liệt sĩ: **BÙI MINH HOẠT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 8B 127 bt Quyết định số: 247/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

1012 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC LIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KL 149 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1013 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8X 786 bt Quyết định số: 743/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1014 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH ĐẠT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9R 462 bt Quyết định số: 493/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

1015 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KO 405 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1016 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN TUYÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Trung, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UP 867 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1017 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN HÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1966
Số bằng: AM 043 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1967

1018 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN KHIỂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1967
Số bằng: CM 127 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

1019 Liệt sĩ: **MAI NHƯ QUẾ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 12 năm 1985

Số bằng: BK 776 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1987

1020 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1970
Số bằng: GR 889 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

1021 Liệt sĩ: **BÙI THẾ KỶ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1974
Số bằng: UQ 241 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1022 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: RA 710 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

1023 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN MÙI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 9Y 115 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

1024 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: NL 366 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

1025 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC NHÌ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 742 bt Quyết định số: 516/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

1026 Liệt sĩ: **PHÙNG BÁ TUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8X 767 bt Quyết định số: 743/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1027 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ LÂM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CQ 335 bm Quyết định số: 323/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972

1028 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH THU**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BP 150 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972

1029 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 8I 208 bm Quyết định số: 404/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1979

1030 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC MINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VO 272 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

1031 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UO 364 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1032 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG BÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HR 352 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

1033 Liệt sĩ: **BÙI THỨ LY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: QM 717 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

1034 Liệt sĩ: **BÙI MINH ĐẠO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BG 160 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1035 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973
Số bằng: TY 704 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1036 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỞI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn Tây, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 6N 625 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1037 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971

Số bằng: NB 558 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

1038 Liệt sĩ: **QUÁCH MINH THỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1969
Số bằng: ĐT 679 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

1039 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC DIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MĐ 849 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

1040 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ VANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tân, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1968
Số bằng: UK 266 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1041 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC UY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LT 550 bm Quyết định số: 336/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1974

1042 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YE 210 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1043 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TRỌNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UK 647 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

1044 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC HOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: YA 285 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1045 Liệt sĩ: **BÙI MINH THẢ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UO 274 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1046 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BIỂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KL 237 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

1047 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HI 708 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

1048 Liệt sĩ: **BÙI MINH THAO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BP 139 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972

1049 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UP 947 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1050 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9R 426 bt Quyết định số: 515/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

1051 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ÁI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968
Số bằng: UG 688 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1052 Liệt sĩ: **BÙI VĂN GIANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GC 227 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

1053 Liệt sĩ: **BÙI DUY DUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HP 250 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1054 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1973
Số bằng: PG 099 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

1055 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC THUẬN**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7L 365 bt Quyết định số: 1473/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

1056 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MÃO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: PH 830 bm Quyết định số: 281/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

1057 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHI HOÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972
Số bằng: PH 868 bm Quyết định số: 293/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1975

1058 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1970
Số bằng: NB 585 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

1059 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ QUY**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KM 526 cm Quyết định số: 207/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

1060 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TƯ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LT 494 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

1061 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1970
Số bằng: BK 310 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

1062 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 7L 023 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

1063 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1972
Số bằng: SN 696 bm Quyết định số: 520/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1064 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1965
Số bằng: HZ 973 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

1065 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH HIỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1968
Số bằng: HP 289 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1066 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 061 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

1067 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯỠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1968
Số bằng: VT 750 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1068 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HP 504 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1069 Liệt sĩ: **LÊ DUY HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 154 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

1070 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1971
Số bằng: OG 785 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

1071 Liệt sĩ: **HOÀNG KHẮC HOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 1 năm 1986
Số bằng: BK 643 bt Quyết định số: 79/CTKT ngày 6 tháng 5 năm 1987

1072 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THỐNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8O 772 bt Quyết định số: 506/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

1073 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN LÃNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1973
Số bằng: VT 796 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1074 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC TOÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1970
Số bằng: EQ 160 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1075 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9M 711 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

1076 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1986
Số bằng: BK 692 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 3 tháng 6 năm 1987

1077 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GAN**
Thương binh 4/4, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 04 năm 2002
Số bằng: GK 995 bt Quyết định số: 456/TTga ngày 12 tháng 05 năm 2004

1078 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGƯỠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1969
Số bằng: YV 139 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1079 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN ĐỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KD 340 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

1080 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT CHÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: HB 153 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1081 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN NGHĨA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GR 190 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

1082 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HIỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1969
Số bằng: NV 060 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

1083 Liệt sĩ: **PHẠM MINH SƠN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 3 năm 1980
Số bằng: 8AA 210 bt Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

1084 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN Y**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HI 919 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

1085 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YA 270 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1086 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HUY**
Công nhân ban công tác miền tây, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1966

Số bằng: AM 390 cm Quyết định số: 35/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

1087 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1946
Số bằng: DE 029 bp Quyết định số: 165/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1992

1088 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỐC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IZ 344 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 11 tháng 23 năm 1966

1089 Liệt sĩ: **HÀ TRỌNG THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1974
Số bằng: PL 578 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

1090 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC SÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 253 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975

1091 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐĂNG THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1970
Số bằng: UO 368 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1092 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC ĐỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1967
Số bằng: PK 736 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

1093 Liệt sĩ: **KHỔNG VĂN NHÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Minh, huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1968
Số bằng: QM 205 bm Quyết định số: 161/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1969

1094 Liệt sĩ: **BÙI QUANG PHI**
Chính trị viên trung đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1971

Số bằng: GX 355 bm Quyết định số: 433/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1973

1095 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
Số bằng: LH 128 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

1096 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BỐN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1971
Số bằng: HB 256 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1097 Liệt sĩ: **CAO MINH DƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LK 597 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

1098 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1973
Số bằng: UQ 378 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1099 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÃO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1973
Số bằng: YE 304 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1100 Liệt sĩ: **PHẠM VƯƠNG TRỤ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EP 545 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

1101 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỊNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SE 811 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1102 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SÁU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EM 793 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

1103 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NB 605 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

1104 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1975
Số bằng: 7L 231 bm Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

1105 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: VL 638 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1106 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1967
Số bằng: CĐ 558 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

1107 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BẢY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 019 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

1108 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN LÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BG 045 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1970

1109 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1975
Số bằng: 6N 613 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1110 Liệt sĩ: **BÙI HOÀNG NAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MG 638 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1111 Liệt sĩ: **PHẠM CHÍ LƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VT 858 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1112 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1973
Số bằng: KL 379 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1113 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THẠCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972
Số bằng: ST 070 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1114 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG BUM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GĐ 100 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

1115 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÚT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoà Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 5G 500 bm Quyết định số: 612/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

1116 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972
Số bằng: VL 583 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1117 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HP 401 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1118 Liệt sĩ: **LÒ HUY CẢN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GX 766 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

1119 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1975
Số bằng: SE 774 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1120 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG DỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 8 năm 1978
Số bằng: S 852 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983

1121 Liệt sĩ: **PHẠM DŨNG THƯỞNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1967
Số bằng: GM 027 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1968

1122 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SĨ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1976
Số bằng: UP 112 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1123 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIỂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BG 033 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1124 Liệt sĩ: **LÊ THÁI NGUYỆT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GX 626 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

1125 Liệt sĩ: **BÙI THANH DỰNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1970

Số bằng: HI 995 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

1126 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KHÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 5S 411 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

1127 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 6N 621 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1128 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1974
Số bằng: VA 030 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1129 Liệt sĩ: **LÊ BÁ ĐĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AĐ 033 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971

1130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Cường, huyện ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1968
Số bằng: YA 322 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1131 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG THANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1968
Số bằng: YG 036 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

1132 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HP 419 bm Quyết định số: 16 TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1133 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN VƯỢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 9 năm 1981
Số bằng: AK 559 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

1134 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HY**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lập, huyện Cà Rây Veng, tỉnh Trà Keo, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 7L 969 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979

1135 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HI 932 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

1136 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÁI**
, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1967
Số bằng: IM 279 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1137 Liệt sĩ: **LÊ QUỐC HUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 5S 405 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

1138 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẬU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9M 761 bt Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

1139 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LƯU**
Chính trị viên phó tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GĐ 149 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

1140 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 6N 668 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1141 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÝ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1971
Số bằng: ES 509 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

1142 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 8 năm 1953
Số bằng: EZ 770 bp Quyết định số: 219/TTga ngày 11 tháng 27 năm 1963

1143 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÍA**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HT 494 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

1144 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1967
Số bằng: UP 712 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1145 Liệt sĩ: **PHẠM MINH HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 211 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 6/ tháng /1 năm 1965

1146 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EP 567 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

1147 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NA 694 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

1148 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LIÊN**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975

Số bằng: VT 815 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1149 Liệt sĩ: **PHẠM HOÀNG VUI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hoà, Sóc Dải, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 5S 002 bm Quyết định số: 612/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

1150 Liệt sĩ: **TẠ THANH SƠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1967
Số bằng: YE 277 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1151 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1963
Số bằng: 6N 655 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1152 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỘ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 2Đ 948 bm Quyết định số: 1187/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

1153 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG VÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Gòa, huyện Gò Vấp, Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1963
Số bằng: YE 129 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1154 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hậu, huyện Cần Giộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1967

Số bằng: QM 747 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

1155 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI HÙNG**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Toàn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Cửu Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 5S 401 bm Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1156 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Bài, Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 5S 456 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

1157 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1968
Số bằng: VL 654 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1158 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1971
Số bằng: YV 129 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1159 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH LAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1968
Số bằng: YV 109 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1160 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH LOẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1971
Số bằng: HP 371 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1161 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8O 436 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

1162 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IZ 391 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

1163 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1973
Số bằng: UP 361 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1164 Liệt sĩ: **PHẠM THÚC LỤA**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc,

tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1972
Số bằng: HT 562 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

1165 Liệt sĩ: **CAO HỒNG NHIỄU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1971
Số bằng: EQ 218 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1166 Liệt sĩ: **CAO NGỌC KHAY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KD 516 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

1167 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LK 628 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

1168 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HA 392 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1169 Liệt sĩ: **PHẠM QUÝ VIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970
Số bằng: HP 488 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1170 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN THẮNG**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BF 190 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1171 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 10 năm 1982
Số bằng: AB 627 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984

1172 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC A**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OK 004 bm Quyết định số: 616/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

1173 Liệt sĩ: **PHẠM THÁI VÂY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NB 536 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

1174 Liệt sĩ: **PHẠM THÚC LÝ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1974
Số bằng: QO 177 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

1175 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỘ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AS 536 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1176 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 1AA 633 bt Quyết định số: 06/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

1177 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HOA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 6 năm 1981
Số bằng: M 935 bt Quyết định số: 216/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1982

1178 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HUỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YA 304 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1179 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THÁI**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1974

Số bằng: YG 005 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

1180 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CÂY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 9M 661 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

1181 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AP 409 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1182 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1968
Số bằng: YA 263 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1183 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuỷ Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LK 653 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

1184 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GĐ 078 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

1185 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuỷ Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970
Số bằng: EQ 180 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1186 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 8I 257 bm Quyết định số: 404/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1979

1187 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1966
Số bằng: ZQ 3,200 bm Quyết định số: 329/TTg ngày 1 tháng 9 năm 1959

1188 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MG 109 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1189 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG TÔN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NA 595 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

1190 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HI 889 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

1191 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1979
Số bằng: D 537 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983

1192 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH THƯỞNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: UO 241 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1193 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1972

Số bằng: LK 636 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

1194 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1971
Số bằng: GC 144 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

1195 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỰA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1970
Số bằng: YE 009 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1196 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỨ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970
Số bằng: EQ 173 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1197 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1966
Số bằng: CM 176 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3/ tháng /1 năm 1968

1198 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuỷ Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1968
Số bằng: YE 231 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1199 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1974
Số bằng: UH 611 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1200 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: SN 524 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1201 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CHUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972
Số bằng: GC 199 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

1202 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC VIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Vinh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1951

Số bằng: HE 912 bp Quyết định số: 1471/TTga ngày 08 tháng 11 năm 2006

1203 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LƯỠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SM 143 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

1204 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1967
Số bằng: EM 853 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

1205 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BỊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1971
Số bằng: NV 115 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1974

1206 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1971
Số bằng: NV 013 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

1207 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 214 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1965

1208 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VUI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AM 072 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1967

1209 Liệt sĩ: **PHẠM MINH KỶ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968
Số bằng: NO 980 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

1210 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1971
Số bằng: HP 601 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974

1211 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AS 658 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1212 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MĐ 829 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

1213 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC KIỆM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HP 326 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1214 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DŨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 6 năm 1981
Số bằng: AB 473 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984

1215 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BA 769 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1216 Liệt sĩ: **CAO VIẾT LOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HP 372 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1217 Liệt sĩ: **LÊ HOÀN LỰC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BF 134 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1218 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 140 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

1219 Liệt sĩ: **BÙI TÂN CƯƠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1971
Số bằng: VL 698 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1220 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CÚC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LS 555 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

1221 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGÀ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7L 224 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

1222 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XUÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KS 832 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974

1223 Liệt sĩ: **PHẠM THANH SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1972
Số bằng: UP 216 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1224 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968
Số bằng: BG 017 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1225 Liệt sĩ: **PHẠM LÝ NA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AV 689 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1226 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HB 252 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1227 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1973
Số bằng: YA 320 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1228 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 215 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1965

1229 Liệt sĩ: **VÕ NGỌC QUÝ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QP 632 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

1230 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Cửu Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 6N 632 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1231 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BEO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Trị Đông, huyện Chợ Lớn, tỉnh Gia Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 5S 340 bm Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1232 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THỨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1967

Số bằng: IM 285 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1233 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 7 năm 1982
Số bằng: AC 406 bt Quyết định số: 213/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984

1234 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1966
Số bằng: RH 314 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

1235 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN MUỘN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1970
Số bằng: CĐ 700 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1236 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: LM 097 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

1237 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HIỂM**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HR 243 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

1238 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN VIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1972
Số bằng: KL 646 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1239 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KS 718 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1240 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HP 363 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1241 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970
Số bằng: EQ 184 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1242 Liệt sĩ: **ĐINH CÔNG NHƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AV 715 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1243 Liệt sĩ: **ĐINH THẾ HÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HT 510 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

1244 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AV 727 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1245 Liệt sĩ: **QUÁCH THANH NGHỊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 1AA 559 bt Quyết định số: 06/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

1246 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN QUẢNG**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1972

Số bằng: 5S 459 bm Quyết định số: 1032 TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

1247 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EM 805 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

1248 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1966
Số bằng: IZ 379 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

1249 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGÀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1974
Số bằng: UA 796 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1250 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1966
Số bằng: RH 645 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

1251 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG UY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ST 003 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1252 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SOẠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AS 587 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1253 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1967
Số bằng: BL 554 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972

1254 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÂU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 11 năm 1978

Số bằng: 9R 390 bt Quyết định số: 515/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

1255 Liệt sĩ: **PHẠM THÚC TÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1971
Số bằng: UP 658 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1256 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÀO GIAO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1971
Số bằng: UK 553 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

1257 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 5 năm 1986
Số bằng: CA 317 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

1258 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BẢY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 9 năm 1977
Số bằng: 8B 014 bt Quyết định số: 246/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

1259 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN GIÁ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1967
Số bằng: IM 286 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1260 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MÃO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EK 721 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

1261 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1966

Số bằng: OM 882 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 16 tháng 7 năm 1969

1262 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN TÍNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 2Đ 563 bm Quyết định số: 1130/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

1263 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1971
Số bằng: SN 493 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1264 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LÝ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1971
Số bằng: HP 364 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1265 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1969
Số bằng: BF 240 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1266 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1966
Số bằng: AM 917 bm Quyết định số: 108/TTg ngày 6 tháng 2 năm 1967

1267 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 6N 692 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1268 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC NINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 6N 614 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1269 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HOẠCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1969
Số bằng: KO 511 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1974

1270 Liệt sĩ: **LÊ THẾ ĐỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 2 năm 1985
Số bằng: BB 373 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 4 tháng 6 năm 1986

1271 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG PHƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MĐ 936 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

1272 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MG 132 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1273 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG CẢM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 2 năm 1981
Số bằng: DD 592 bt Quyết định số: 158/CTKT ngày 8 tháng 8 năm 1992

1274 Liệt sĩ: **PHẠM THÚC KỶ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MG 096 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1275 Liệt sĩ: **TRỊNH DUY XUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KD 447 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

1276 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN QUẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1970
Số bằng: CĐ 632 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

1277 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN KHUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1973
Số bằng: KL 390 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1278 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MG 147 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1279 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG KHÔI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1971
Số bằng: QR 717 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

1280 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG NHẠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SM 116 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

1281 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC BIÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HB 145 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1282 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN TOÀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LK 720 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

1283 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 9 năm 1977
Số bằng: 8B 311 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

1284 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN GIỐNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MG 085 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1285 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIÊU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1967
Số bằng: HP 551 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974

1286 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 210 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1965

1287 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Viết Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1971
Số bằng: HI 633 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

1288 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MĐ 778 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

1289 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỐN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: PZ 614 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

1290 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 8 năm 1985
Số bằng: BK 747 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1987

1291 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BG 007 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1292 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GĐ 002 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

1293 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐẶC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AQ 986 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971

1294 Liệt sĩ: **BÙI HẠNH PHÚC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 249 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

1295 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUYẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: NK 813 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

1296 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1975
Số bằng: QO 174 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

1297 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EQ 182 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1298 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1964
Số bằng: GZ 821 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 8 tháng 4 năm 1964

1299 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HP 525 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974

1300 Liệt sĩ: **VI VĂN THỔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 6N 635 bt Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1301 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG LƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1974
Số bằng: PS 847 bm Quyết định số: 377/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

1302 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HẠNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1967
Số bằng: UL 634 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1303 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MG 130 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1304 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÉT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EQ 140 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1305 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CẤP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8X 515 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1306 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CẤP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 212 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1965

1307 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN ĐẶT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RH 573 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

1308 Liệt sĩ: **PHẠM THANH VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 11 năm 1980
Số bằng: A 132 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

1309 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: QR 737 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

1310 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972

Số bằng: HT 418 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

1311 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MĐ 815 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

1312 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MG 149 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1313 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CĐ 600 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

1314 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐIỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1971
Số bằng: PS 712 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

1315 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YE 136 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1316 Liệt sĩ: **LÊ VĂN RỤ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AV 573 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

1317 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NẤP**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MG 140 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1318 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1971
Số bằng: NB 516 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

1319 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EQ 217 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1320 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CƠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: RH 224 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976

1321 Liệt sĩ: **LÊ QUANG TRIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
Số bằng: NO 766 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974

1322 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC SINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EP 784 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

1323 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN YÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1973
Số bằng: VL 741 bm Quyết định số: 354 TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1324 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH VAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MG 117 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1325 Liệt sĩ: **LÊ PHÚC ĐOẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1966
Số bằng: AM 236 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1967

1326 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG SƠN**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LE 120 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1327 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1971
Số bằng: CĐ 630 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

1328 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1975
Số bằng: UQ 171 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1329 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUẾ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1975
Số bằng: YE 213 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1330 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẰNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AS 657 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1331 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HUÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AV 612 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

1332 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÁI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1968
Số bằng: SM 144 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

1333 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC XUYÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KS 836 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974

1334 Liệt sĩ: **TRỊNH QUANG THẢO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: KS 888 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974

1335 Liệt sĩ: **BÙI MẠNH HÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiến Trung, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8B 092 bt Quyết định số: 246/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

1336 Liệt sĩ: **TRỊNH BÁ CƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1974
Số bằng: PS 672 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

1337 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUẢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: EQ 148 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1338 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH MIÊNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1966
Số bằng: YV 117 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1339 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC LẮM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9M 810 bm Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

1340 Liệt sĩ: **LƯƠNG BÁ THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1971
Số bằng: 7L 330 bm Quyết định số: 1473/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

1341 Liệt sĩ: **DOÃN VĂN NHÃ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9N 146 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1342 Liệt sĩ: **CAO NGỌC THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1965
Số bằng: HZ 970 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

1343 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG MẠNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1983
Số bằng: AO 855 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1984

1344 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LIỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1970
Số bằng: VT 816 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1345 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AV 847 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1346 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC NHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NB 587 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

1347 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9M 937 bt Quyết định số: 208/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

1348 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MG 112 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1349 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐIỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1973
Số bằng: VL 729 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1350 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: AS 604 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1351 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC HUY**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 2Đ 919 bm Quyết định số: 1187/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

1352 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH VĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9Y 201 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

1353 Liệt sĩ: **LÊ MINH HIẾU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1970
Số bằng: GĐ 548 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

1354 Liệt sĩ: **LƯƠNG CÔNG THẮNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1973
Số bằng: NL 358 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

1355 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG NGOAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1970
Số bằng: SN 554 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1356 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BIỂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 11 năm 1987
Số bằng: CB 769 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 9 tháng 8 năm 1988

1357 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỆNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1973
Số bằng: HT 346 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

1358 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1968
Số bằng: QK 857 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

1359 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÀO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1967

Số bằng: 8I 082 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

1360 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Viết Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968
Số bằng: IM 098 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1361 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 9 năm 1977
Số bằng: 9Y 112 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

1362 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NV 126 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1974

1363 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1969
Số bằng: UP 707 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1364 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẢO**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1967
Số bằng: IM 274 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1365 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HP 471 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1366 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LẬP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1969
Số bằng: BF 121 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1367 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1971
Số bằng: HI 082 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

1368 Liệt sĩ: **LÊ QUANG VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969
Số bằng: AS 603 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1369 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC TIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: OG 766 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

1370 Liệt sĩ: **LÊ MINH KHAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MG 507 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1371 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LD 702 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1372 Liệt sĩ: **LƯỜNG VĂN LỘC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975
Số bằng: VT 826 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1373 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: ĐR 519 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

1374 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HẠNH**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1984
Số bằng: BB 573 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 16 tháng 4 năm 1986

1375 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1969
Số bằng: BF 227 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1376 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TẾ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HT 465 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

1377 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG THÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1966
Số bằng: AM 999 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

1378 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MP 904 bm Quyết định số: 233/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1970

1379 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1975
Số bằng: YE 016 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1380 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC TỰ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1973
Số bằng: OG 776 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

1381 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1967
Số bằng: AP 321 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1382 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHẨM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1971
Số bằng: BK 280 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

1383 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VƯỢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1968
Số bằng: OB 401 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1975

1384 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GL 740 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

1385 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TƠN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LK 722 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

1386 Liệt sĩ: **LÊ MINH ĐIỂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VL 730 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1387 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHƯỢNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
Số bằng: YE 198 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1388 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MG 502 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1389 Liệt sĩ: **QUÁCH ĐĂNG NHỊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BF 357 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1390 Liệt sĩ: **QUÁCH HUY HIÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1974
Số bằng: QR 867 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

1391 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN ĐỐC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MG 091 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1392 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN NHÉ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BP 214 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972

1393 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC ĐỆ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8O 492 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

1394 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC ẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8AA 145 bt Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

1395 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC DỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1972
Số bằng: HI 992 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

1396 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÓ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 8 năm 1985
Số bằng: BQ 835 bt Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

1397 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1971
Số bằng: LK 626 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

1398 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG KÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MG 097 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1399 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHẠC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1970
Số bằng: HB 209 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1400 Liệt sĩ: **PHẠM CHIẾN THẮNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QR 770 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

1401 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐIỂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1975
Số bằng: 5S 368 bm Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1402 Liệt sĩ: **HÀ MAI SINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HT 356 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

1403 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 2 năm 1986
Số bằng: BQ 834 bt Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

1404 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9N 077 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1405 Liệt sĩ: **BÙI ĐĂNG KHUY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NA 802 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

1406 Liệt sĩ: **BÙI TRẦN ĐỘ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 1 năm 1982
Số bằng: AK 584 bt Quyết định số: 380/CTKT ngày 7 tháng 11 năm 1984

1407 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC HUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BK 294 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

1408 Liệt sĩ: **BÙI NGUYÊN TÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1968

Số bằng: EQ 168 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1409 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÃO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bằng: YE 305 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1410 Liệt sĩ: **TRẦN TRÍ ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: VL 800 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1411 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BẢO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1975
Số bằng: 9R 330 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

1412 Liệt sĩ: **TRƯƠNG MINH KÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AP 341 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1413 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LẠC**
Phó chủ nhiệm hậu cần trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GS 369 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

1414 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT NGƯ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: TG 551 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1415 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT NGUYÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1969
Số bằng: LE 068 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1416 Liệt sĩ: **LÊ HỮU DỤNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1969
Số bằng: TK 455 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1417 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN CẦN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1975
Số bằng: QS 030 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

1418 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG NGÔN**

Thương sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MO 404 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1970

1419 Liệt sĩ: **LÊ DANH VUI**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 2 năm 1979
Số bằng: BB 842 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 3 tháng 9 năm 1986

1420 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU DƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EA 028 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

1421 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU DỤC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SE 713 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1422 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIẾP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1966
Số bằng: ĐR 248 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

1423 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THUẬN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bằng: SM 227 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

1424 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1969
Số bằng: EH 972 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

1425 Liệt sĩ: **TRỊNH HỒNG QUÂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1974
Số bằng: UH 491 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1426 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH DO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QT 622 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

1427 Liệt sĩ: **LÊ SỸ NINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LA 737 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

1428 Liệt sĩ: **TRỊNH KHẮC BAO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1970
Số bằng: KV 395 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1974

1429 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU HÂN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1966

Số bằng: AĐ 052 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971

1430 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TRỌNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1969
Số bằng: PZ 552 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

1431 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƯỞNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1971
Số bằng: 2Đ 659 bm Quyết định số: 1129/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

1432 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QT 828 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

1433 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MĐ 830 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

1434 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN LỪNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EĐ 601 bm Quyết định số: 98/ TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

1435 Liệt sĩ: **TRẦN THỌ TÁM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1970
Số bằng: YE 043 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1436 Liệt sĩ: **TRẦN THỌ NÃY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BA 119 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971

1437 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1969

Số bằng: 2Đ 678 bm Quyết định số: 1129/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

1438 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KO 327 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1439 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1971
Số bằng: NV 066 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

1440 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1966
Số bằng: KO 319 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1441 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 2Đ 850 bm Quyết định số: 1171/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

1442 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHỨC GƯƠNG**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 1AA 501 bt Quyết định số: 09/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

1443 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHỨC KÍNH**
Công nhân lái xe binh trạm 25, cục vận tải, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HM 345 cm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1444 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1973
Số bằng: OĐ 757 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1445 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN GIAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1970
Số bằng: CĐ 855 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1446 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CL 435 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

1447 Liệt sĩ: **LÊ HỮU NGỌC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1971
Số bằng: LA 713 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

1448 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TÍNH**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1972

Số bằng: LT 462 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

1449 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ XEM**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1969
Số bằng: CL 439 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

1450 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EK 775 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

1451 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THAM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KS 844 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974

1452 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 2Đ 600 bm Quyết định số: 1130/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

1453 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẢM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1966
Số bằng: CĐ 815 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1454 Liệt sĩ: **LÊ TỬ TRỌNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EA 207 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

1455 Liệt sĩ: **LÊ TỪ SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1968
Số bằng: GK 480 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

1456 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TUỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EĐ 556 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

1457 Liệt sĩ: **LÊ HỮU NĂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GĐ 039 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

1458 Liệt sĩ: **LÊ HỮU BẰNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CL 348 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

1459 Liệt sĩ: **LÊ HỮU HÀNH**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KL 073 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

1460 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU YÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1971
Số bằng: OK 751 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

1461 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHUÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1975
Số bằng: SA 710 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1462 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐẤU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1966
Số bằng: OP 359 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

1463 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8O 445 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

1464 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UA 775 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1465 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC DIỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1968
Số bằng: QM 757 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

1466 Liệt sĩ: **CÙ CHÍNH CƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
Số bằng: PK 708 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

1467 Liệt sĩ: **CÙ VĂN KHẢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1969
Số bằng: EĐ 718 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

1468 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1969
Số bằng: OT 162 bm Quyết định số: 79/TTga ngày 6 tháng 3 năm 1975

1469 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG TAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1967
Số bằng: LM 057 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

1470 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN GIAO**
Đại uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BH 648 bt Quyết định số: 300/CTKT ngày 5 tháng 11 năm 1986

1471 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1972
Số bằng: ĐR 374 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

1472 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN CẢM**
Y sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: TE 957 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1473 Liệt sĩ: **TỐNG PHÚC BÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MZ 536 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1474 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC HƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AS 550 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1475 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG DŨNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1973
Số bằng: TK 454 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1476 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH GẤM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1971

Số bằng: HI 825 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

1477 Liệt sĩ: **LÊ DANH KHẮC**
Chính trị viên tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1973

Số bằng: LD 735 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1478 Liệt sĩ: **LÊ DANH NGÔ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968
Số bằng: VT 754 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1479 Liệt sĩ: **LÊ DANH NGHỊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐB 148 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1480 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC MINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 4 năm 1984
Số bằng: AM 016 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985

1481 Liệt sĩ: **TỐNG PHÚC THUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UK 918 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1482 Liệt sĩ: **TRẦN KIM THÀNH**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 12 năm 1978
Số bằng: BB 428 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 4 tháng 6 năm 1986

1483 Liệt sĩ: **LƯƠNG XUÂN VUI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966
Số bằng: LT 587 bm Quyết định số: 336/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1974

1484 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1974
Số bằng: LS 698 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

1485 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯNG**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1973
Số bằng: UR 065 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1486 Liệt sĩ: **TRƯƠNG DOÃN TƯỞNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1970
Số bằng: TI 264 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1487 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SÁU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PĐ 996 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

1488 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1975
Số bằng: QI 597 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

1489 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1966
Số bằng: MZ 666 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1490 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NẾT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NK 765 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

1491 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN MÃO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1971
Số bằng: LS 610 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

1492 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHỞI**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh An, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1975
Số bằng: YV 104 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1493 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN SƠN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KO 583 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1974

1494 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ TRÀNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ĐB 207 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1495 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LS 897 bm Quyết định số: 275/ TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1496 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CÂY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1967
Số bằng: UQ 067 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1497 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN HẢI**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1971
Số bằng: GK 403 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

1498 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PĐ 907 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

1499 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1966
Số bằng: UQ 505 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1500 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH DẦN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KL 270 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

1501 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UL 664 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1502 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CƠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HI 692 bm Quyết định số: 02 TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

1503 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1970
Số bằng: ĐB 162 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1504 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỜI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 611 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1505 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TÁM**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OG 418 bm Quyết định số: 572/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1506 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN DU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8X 543 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1507 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐÀO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1973
Số bằng: OĐ 726 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1508 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐB 072 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1509 Liệt sĩ: **LÊ QUANG KỆ**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1964
Số bằng: ZX 353 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1960

1510 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHƠI**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 054 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

1511 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC GIÁO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1961
Số bằng: CZ 874 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1962

1512 Liệt sĩ: **LÊ KIM CHUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KO 380 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1513 Liệt sĩ: **LÊ THỊ HẠ**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1966
Số bằng: AM 007 cm Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1967

1514 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MP 596 bm Quyết định số: 220/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1970

1515 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LAN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969

Số bằng: TH 946 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1516 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÝ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1972
Số bằng: LD 759 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1517 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8B 188 bt Quyết định số: 247/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

1518 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1972
Số bằng: TG 512 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1519 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 2K 124 bm Quyết định số: 1313/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

1520 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGON**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UA 914 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1521 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGHỊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UA 823 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1522 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9N 162 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1523 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bằng: NK 826 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

1524 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỊNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1971
Số bằng: EĐ 553 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

1525 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1974
Số bằng: TH 785 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1526 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 3N 824 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 13 tháng 2 năm 1978

1527 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1971
Số bằng: LS 929 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1528 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THIẾC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LS 894 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1529 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1966
Số bằng: CZ 857 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1962

1530 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1970
Số bằng: UK 376 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1531 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIẾT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1971
Số bằng: SE 196 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1532 Liệt sĩ: **LÊ DANH CẢ**
Tham mưu trưởng tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972

Số bằng: NP 887 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974

1533 Liệt sĩ: **LÊ DANH BỜN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1970
Số bằng: RH 607 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

1534 Liệt sĩ: **LÊ DANH CHÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: KO 479 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1974

1535 Liệt sĩ: **LÊ DANH TẺ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972
Số bằng: SE 756 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1536 Liệt sĩ: **LÊ DANH THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 587 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1537 Liệt sĩ: **LÊ DANH VẼ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YE 131 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1538 Liệt sĩ: **LÊ DU KÍCH**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1966
Số bằng: MI 604 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

1539 Liệt sĩ: **LÊ HỮU BÌNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 8 năm 1983
Số bằng: AM 023 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985

1540 Liệt sĩ: **LÊ HỮU ĐỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1967
Số bằng: EA 041 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

1541 Liệt sĩ: **LÊ HỮU CÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1971
Số bằng: CL 351 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

1542 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC XUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1970
Số bằng: TY 616 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1543 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC DOANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PK 712 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

1544 Liệt sĩ: **TRẦN THẾ PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 02 năm 2001
Số bằng: GI 764 bt Quyết định số: 57/TTga ngày 08 tháng 01 năm 2004

1545 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC VĂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1973
Số bằng: 3AA 787 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981

1546 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC VĂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: UK 246 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1547 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH KHÁNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1976
Số bằng: 8B 144 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

1548 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC PHƯỢNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1974
Số bằng: QR 759 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

1549 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC SAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QT 810 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

1550 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC SÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YE 268 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1551 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC TẺ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1971
Số bằng: LS 751 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

1552 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UK 693 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1553 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ DŨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1972
Số bằng: TY 750 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1554 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ HÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 6 năm 1986

Số bằng: BQ 880 bt Quyết định số: 243/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

1555 Liệt sĩ: **LÊ SĨ BẢY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 8I 008 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

1556 Liệt sĩ: **LÊ SỸ SỪ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: GĐ 007 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

1557 Liệt sĩ: **LÊ SỸ TAO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1968
Số bằng: TI 319 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1558 Liệt sĩ: **LÊ TUẤN ĐÔ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8X 565 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1559 Liệt sĩ: **LÊ TUẤN LƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OA 461 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1560 Liệt sĩ: **LÊ TUYỂN LÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2Đ 800 bm Quyết định số: 1171/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

1561 Liệt sĩ: **LÊ TUYỂN VĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1967
Số bằng: CM 237 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1968

1562 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG CƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8X 519 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1563 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1972
Số bằng: SE 219 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1564 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÀU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UG 799 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1565 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẢNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: UQ 080 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1566 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHUÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OA 547 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1567 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG CHÚNG**
Thiếu uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MK 095 bm Quyết định số: 136/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

1568 Liệt sĩ: **HÀ MẠNH ĐÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 169 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975

1569 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHOÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 7L 968 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979

1570 Liệt sĩ: **HÀ QUANG NHI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1974
Số bằng: QR 738 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

1571 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TRÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8B 353 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

1572 Liệt sĩ: **HOÀNG TRỌNG TĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1969
Số bằng: TI 327 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1573 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1984
Số bằng: AM 010 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985

1574 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI SINH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972
Số bằng: TK 071 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1575 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HIỂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 10 năm 1981
Số bằng: A 039 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

1576 Liệt sĩ: **ĐỖ QUANG DŨNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GK 430 bm Quyết định số: 372 TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

1577 Liệt sĩ: **PHẠM HUY XOAN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: TK 100 bm Quyết định số: 44 TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1578 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÃO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1967
Số bằng: AP 395 bm Quyết định số: 159 TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1579 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1972
Số bằng: OA 443 bm Quyết định số: 568 TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1580 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG KHIỂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UL 517 bm Quyết định số: 162 TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1581 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UK 741 bm Quyết định số: 227 TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1582 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UK 746 bm Quyết định số: 227 TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1583 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN NGHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1967
Số bằng: KM 982 bm Quyết định số: 217 TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

1584 Liệt sĩ: **LÊ MINH ĐỀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1971
Số bằng: VL 727 bm Quyết định số: 354 TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1585 Liệt sĩ: **ĐỖ NHƯ ĐỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1971
Số bằng: PZ 597 bm Quyết định số: 424 TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

1586 Liệt sĩ: **ĐỖ CÁT MẪN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BF 320 bm Quyết định số: 11 TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1587 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: AQ 993 bm Quyết định số: 132 TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971

1588 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GK 478 bm Quyết định số: 372 TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

1589 Liệt sĩ: **LÊ HỮU HIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BG 168 bm Quyết định số: 13 TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1590 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1972
Số bằng: VO 105 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1591 Liệt sĩ: **LÊ HỮU PHƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LS 974 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1592 Liệt sĩ: **LÊ HỮU THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OP 691 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

1593 Liệt sĩ: **LÊ HỮU VIẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SE 197 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1594 Liệt sĩ: **LÊ HOÀ CHÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LS 944 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1595 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ NỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OA 471 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1596 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ TÁO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UP 928 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1597 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ TẠC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1966
Số bằng: BA 141 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971

1598 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ TỨ**
Dân công, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 02 năm 1954
Số bằng: HA 939 Cp Quyết định số: 425/TTga ngày 20 tháng 03 năm 2006

1599 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT TÁM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UP 667 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1600 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT TỚI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1968
Số bằng: AV 876 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

1601 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OP 633 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

1602 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TUÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1973
Số bằng: UP 729 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1603 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 12 năm 1952

Số bằng: ZM 434 bp Quyết định số: 455/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1958

1604 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN BAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OĐ 685 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1605 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN PHƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 03 năm 1970
Số bằng: GI 948 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 03 tháng 02 năm 2004

1606 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN TẠO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1973
Số bằng: UP 923 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1607 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH THỎ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970
Số bằng: KO 553 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1974

1608 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGẪU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UA 845 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1609 Liệt sĩ: **HÀ HUY GIÁO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 4 năm 1983
Số bằng: AK 540 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

1610 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC VĂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970
Số bằng: QP 661 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

1611 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1971
Số bằng: TY 703 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1612 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG HOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1971
Số bằng: EĐ 705 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

1613 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LẠC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 140 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1614 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LỤC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KL 166 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1615 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH ĐÊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UP 446 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1616 Liệt sĩ: **DOÃN VIẾT KHỞI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1966
Số bằng: CĐ 728 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1617 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MO 413 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1970

1618 Liệt sĩ: **LÊ DUY MƠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OĐ 806 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1619 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MG 475 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1620 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH ĐOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1965
Số bằng: ĐB 111 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1621 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH KE**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1971

Số bằng: ĐL 922 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

1622 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1967
Số bằng: LM 769 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

1623 Liệt sĩ: **LÊ ANH SÀNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1971
Số bằng: LS 618 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

1624 Liệt sĩ: **LÊ DUY PHIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1970
Số bằng: LS 965 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1625 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: VO 106 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1626 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ GIAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UK 526 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

1627 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ MẠNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UQ 515 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1628 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH HY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AV 589 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

1629 Liệt sĩ: **LÊ QUY HÀO**
Thiếu uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MĐ 172 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1630 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LẮM**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1972

Số bằng: EĐ 595 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

1631 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1972
Số bằng: TK 493 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1632 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỊNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AP 302 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1633 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BƠN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VL 652 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1634 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 05 năm 1950
Số bằng: GZ 742 bp Quyết định số: 111/Ttga ngày 19 tháng 01 năm 2006

1635 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971
Số bằng: ĐR 295 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

1636 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: TE 933 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1637 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYẾT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1968
Số bằng: OK 674 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

1638 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SÓC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1975
Số bằng: KL 522 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1639 Liệt sĩ: **HÀ ĐĂNG HÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: RA 703 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

1640 Liệt sĩ: **LÊ MINH HẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UL 608 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1641 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1972
Số bằng: LS 746 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

1642 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC THUẬN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1971
Số bằng: EĐ 533 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

1643 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY CHIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OA 538 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1644 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN THẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CR 985 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972

1645 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY VỤ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1970
Số bằng: TK 197 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1646 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG LỘNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QI 552 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

1647 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1972
Số bằng: QR 489 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

1648 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỘC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AP 398 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1649 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1974
Số bằng: UP 117 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1650 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CƠ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1971
Số bằng: VL 678 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1651 Liệt sĩ: **ĐÀM DUY TÀI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1971
Số bằng: SN 669 bm Quyết định số: 520/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1652 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN BÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1973
Số bằng: RH 593 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

1653 Liệt sĩ: **ĐỚI XUÂN CỨ**
Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1970
Số bằng: HM 343 cm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1654 Liệt sĩ: **LÊ HỮU KHÁNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UL 481 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1655 Liệt sĩ: **LÊ THỌ NGA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1974
Số bằng: UA 794 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1656 Liệt sĩ: **LÊ THỌ THUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2Đ 649 bm Quyết định số: 1129/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

1657 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MÙI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1973
Số bằng: UQ 624 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1658 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KHUYẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1969
Số bằng: BF 115 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1659 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1965
Số bằng: IZ 010 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966

1660 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÌN TUẾ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YE 012 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1661 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YẾN**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1971
Số bằng: KO 398 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1662 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: SE 519 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1663 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969
Số bằng: SA 809 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1664 Liệt sĩ: **TRẦN TẤN HƯNG**
Trợ lý thông tin trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hậu, huyện Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: LS 832 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

1665 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRƯỞNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EA 210 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

1666 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG THIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1973
Số bằng: TH 825 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1667 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯỜNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐH 589 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972

1668 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỚM**
Dân công hoả tuyến, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1949
Số bằng: ĐG 669 cp Quyết định số: 279/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1997

1669 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1965
Số bằng: EH 998 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

1670 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN PHÚ**
Công nhân ty GTVT tỉnh Thanh Hoá, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1972
Số bằng: MM 161 cm Quyết định số: 334/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1974

1671 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 07 năm 1950
Số bằng: HA 920 bp Quyết định số: 425/TTga ngày 20 tháng 03 năm 2006

1672 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN XUYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1972
Số bằng: OG 506 bm Quyết định số: 572/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1673 Liệt sĩ: **MAI XUÂN LẬP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MI 119 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

1674 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HI 621 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

1675 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1970
Số bằng: PĐ 902 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

1676 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN THOẠI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1970
Số bằng: NL 390 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

1677 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OA 540 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1678 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUÊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1968
Số bằng: TK 609 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

1679 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AĐ 119 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971

1680 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LS 720 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

1681 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HP 625 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974

1682 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UH 726 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977

1683 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẢN**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1967

Số bằng: ĐL 877 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

1684 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GIÁC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1966
Số bằng: AP 287 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1685 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HẠNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 10 năm 1981
Số bằng: S 824 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983

1686 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG SÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1979
Số bằng: ĐK 669 bt Quyết định số: 400 Ttga ngày 6 tháng 0 năm 1997

1687 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Phúc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1967
Số bằng: PH 993 bm Quyết định số: 335/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975

1688 Liệt sĩ: **CAO VĂN CẤP**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1969
Số bằng: VL 675 bm Quyết định số: 327 TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1689 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: EC 266 bp Quyết định số: 233 TTga ngày 6 tháng 0 năm 1972

1690 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HAI**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1968

Số bằng: 5G 444 bm Quyết định số: 612/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

1691 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HIẾM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1971
Số bằng: QR 865 bm Quyết định số: 6653/Ttga ngày 10 tháng 4 năm 1976

1692 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUỲ**
, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 7L 982 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979

1693 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CẬN**
Thiếu uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AS 505 bm Quyết định số: 208/Ttga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1694 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LOA**
Công nhân, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1966
Số bằng: PM 041 cm Quyết định số: 314/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1695 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ TÌNH**
Nhân viên tổng đài, Nguyên quán: xã Hoằng Lý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EM 908 cm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

1696 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1966
Số bằng: AM 173 bm Quyết định số: 35/Ttga ngày 1 tháng 3 năm 1968

1697 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY HÙNG**
Dân công, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972
Số bằng: LA 190 cm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1698 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH HÙNG**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1966
Số bằng: AM 949 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

1699 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM ĐỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1967
Số bằng: EM 642 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1968

1700 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG CƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 0
Số bằng: KC 171 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1972

1701 Liệt sĩ: **LƯƠNG QUANG BINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1968
Số bằng: ĐM 293 bm Quyết định số: 669/Ttga ngày 8 tháng 2 năm 1997

1702 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 0 tháng 6 năm 1978
Số bằng: DT 048 bt Quyết định số: 165/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1992

1703 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN LUẬT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1954
Số bằng: ZR 555 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1704 Liệt sĩ: **ĐỖ HỒNG THƯNG**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967
Số bằng: IM 123 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1705 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THƯỢNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Sơn Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HT 574 bm Quyết định số: 455 TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

1706 Liệt sĩ: **LỮ VĂN SƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1969
Số bằng: QI 602 bm Quyết định số: 37 TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

1707 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN SÁO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thuỷ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1947
Số bằng: ZD 576 kp Quyết định số: 16 TTga ngày 4 tháng 2 năm 1964

1708 Liệt sĩ: **VI VĂN ƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Sơn Thuỷ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1972
Số bằng: QV 842 bm Quyết định số: 177 TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

1709 Liệt sĩ: **LÒ VĂN ÉU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZD 552 kp Quyết định số: 16 TTga ngày 4 tháng 2 năm 1964

1710 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUYNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1967
Số bằng: UH 616 bm Quyết định số: 117 TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1711 Liệt sĩ: **NGÔ ĐĂNG TRÒ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
Số bằng: ZT 304 bp Quyết định số: 102 TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

1712 Liệt sĩ: **LÊ SỸ TOÀN**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1970
Số bằng: NM 235 cm Quyết định số: 51 TTga ngày 4 tháng 2 năm 1975

1713 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC ƯNG**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 7 năm 1954

Số bằng: ZT 327 bp Quyết định số: 102 TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

1714 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG HOÀN**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1969
Số bằng: YM 844 cm Quyết định số: 780 TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977

1715 Liệt sĩ: **LÊ QUÝ NGỌC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1973
Số bằng: QR 726 bm Quyết định số: 100 TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

1716 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ THAO**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 1 năm 1985
Số bằng: AT 590 bt Quyết định số: 289 CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1985

1717 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ TÍCH**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1954

Số bằng: ZT 270 bp Quyết định số: 102 TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

1718 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG BAN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1965
Số bằng: HZ 915 bm Quyết định số: 85 TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

1719 Liệt sĩ: **ĐỒNG KHẮC HIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1970

Số bằng: KL 081 bm Quyết định số: 36 TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

1720 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1969
Số bằng: VO 283 bm Quyết định số: 439 TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

1721 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TRUNG**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1954

Số bằng: ZU 278 bp Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1960

1722 Liệt sĩ: **ĐỖ THẾ LAN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1970
Số bằng: ON 948 bm Quyết định số: 65 TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

1723 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1967
Số bằng: IM 106 bm Quyết định số: 180 TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1724 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DIỄN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân việt Nam , Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OP 339 bm Quyết định số: 20 TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

1725 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NAM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1953
Số bằng: ZA 805 kp Quyết định số: 226/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1958

1726 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN KIỆN**
Dân công, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1972
Số bằng: MM 404 cm Quyết định số: 455 TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

1727 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬP**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AM 569 cm Quyết định số: 72 TTga ngày 4 tháng 4 năm 1968

1728 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN MINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1970
Số bằng: VO 276 bm Quyết định số: 439 TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

1729 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DƠ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 6 năm 1977
Số bằng: 3Đ 826 bt Quyết định số: 1573 TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977

1730 Liệt sĩ: **LÒ VĂN BỪNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZB 2,009 kp Quyết định số: 329 TTga ngày 1 tháng 9 năm 1959

1731 Liệt sĩ: **LÒ VĂN ƠNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 6 năm 1954
Số bằng: ZB 2,012 kp Quyết định số: 329 TTga ngày 1 tháng 9 năm 1959

1732 Liệt sĩ: **BÙI TIẾN HOÀNG**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 12 năm 1950

Số bằng: ZR 514 bp Quyết định số: 02 TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1733 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH DẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1952
Số bằng: EC 299 bp Quyết định số: 234 TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

1734 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967
Số bằng: IM 234 bm Quyết định số: 179 TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1735 Liệt sĩ: **BÙI HỮU CỪ**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MI 614 bm Quyết định số: 139 Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1970

1736 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SƠN**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1952

Số bằng: EZ 492 bp Quyết định số: 142 TTga ngày 9 tháng 1 năm 1963

1737 Liệt sĩ: **LÊ THANH ĐỒNG**
Cán bộ kinh tài trung ương cục, Nguyên quán: xã Tân Phú Hưng, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1961
Số bằng: AC 337 cm Quyết định số: 213/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984

1738 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TIÊU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1965

Số bằng: HZ 975 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966

1739 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BP 276 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972

1740 Liệt sĩ: **LƯỠNG VĂN PHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: BF 160 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1741 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 8 năm 1988
Số bằng: CG 648 bt Quyết định số: 142/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1989

1742 Liệt sĩ: **LÊ HỮU PHÁT**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1950
Số bằng: EC 212 bp Quyết định số: 234/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

1743 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VỰC**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZT 340 bp Quyết định số: 102/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

1744 Liệt sĩ: **CÙ VĂN THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 9 năm 1981
Số bằng: ĐK 660 bt Quyết định số: 400/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1997

1745 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN PHÚ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1973
Số bằng: RH 504 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976

1746 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀO**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1953
Số bằng: ZT 141 bp Quyết định số: 091/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1960

1747 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN TIỄN**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bối Cầu, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1949
Số bằng: ZR 605 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1748 Liệt sĩ: **LÊ THỌ TÁM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972
Số bằng: YE 044 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1749 Liệt sĩ: **LÊ THỊ TIẾU**
Dân công, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 04 năm 1954
Số bằng: HA 940 cp Quyết định số: 425/TTga ngày 20 tháng 03 năm 2006

1750 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐL 951 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

1751 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ CHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1949
Số bằng: EC 629 bp Quyết định số: 703/TTga ngày 09 tháng 07 năm 1999

1752 Liệt sĩ: **LÊ HUY TUYÊN**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1951
Số bằng: ZQ 837 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1959

1753 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 607 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1754 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TRUYỀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1980
Số bằng: 7AA 359 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

1755 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KỶ**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1969
Số bằng: RH 556 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976

1756 Liệt sĩ: **LÊ HỮU GIAO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PK 744 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

1757 Liệt sĩ: **LÊ HỮU THỰC**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ZR 630 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1758 Liệt sĩ: **LÊ HOÀ ĐỈNH**

Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 6 năm 1951
Số bằng: DZ 624 bp Quyết định số: 327/TTga ngày 12 tháng 19 năm 1962

1759 Liệt sĩ: **LÊ HOÀ ĐẠT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1950
Số bằng: ZL 315 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1958

1760 Liệt sĩ: **LÊ HOÀ BÌNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1952
Số bằng: ĐG 641 bp Quyết định số: 279/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1997

1761 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN TẮC**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OB 399 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1975

1762 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN VƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PR 029 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

1763 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIỆT**
Kiểm lâm viên, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 01 năm 1995
Số bằng: EE 171 ct Quyết định số: 237/TTga ngày 15 tháng 03 năm 2000

1764 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐỨC HIẾU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1966
Số bằng: AM 942 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

1765 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KỆCH**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZR 522 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1766 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÁNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1952

Số bằng: YZ 673 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 12 tháng 22 năm 1956

1767 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯNG VIÊN**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 10 năm 1950
Số bằng: ZT 900 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960

1768 Liệt sĩ: **LÊ THỌ Ý**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 11 năm 1953
Số bằng: ZT 911 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960

1769 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG BẰNG**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1961
Số bằng: EZ 416 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1963

1770 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN DUYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZT 767 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960

1771 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TÀI**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZR 587 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1772 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC DUYỆT**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZR 501 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1773 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẢ**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1955
Số bằng: ZR 617 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1774 Liệt sĩ: **LÊ PHƯƠNG HÙNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1954

Số bằng: YZ 334 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 12 tháng 22 năm 1956

1775 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC DUYÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1967
Số bằng: EM 667 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1968

1776 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC HƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BP 206 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972

1777 Liệt sĩ: **DƯƠNG PHÚ KHÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1954

Số bằng: CZ 351 bp Quyết định số: 481/TTga ngày 12 tháng 13 năm 1961

1778 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 4 năm 1953
Số bằng: ZU 356 bp Quyết định số: 130/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1960

1779 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 0 tháng 12 năm 1978
Số bằng: DD 590 bt Quyết định số: 158/CTKT ngày 8 tháng 8 năm 1992

1780 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MỘNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1973
Số bằng: VO 290 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

1781 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THỨ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1971
Số bằng: GR 963 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

1782 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN DẬU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên Quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8X 537 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1783 Liệt sĩ: **TRỊNH HUY HOAN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1965
Số bằng: HZ 949 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966

1784 Liệt sĩ: **TRỊNH DUY HÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐR 337 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

1785 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968
Số bằng: SM 173 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

1786 Liệt sĩ: **TRẦN MINH VỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên Quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1974
Số bằng: OS 761 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1975

1787 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN MIẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 664 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

1788 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BA 228 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

1789 Liệt sĩ: **ĐỖ HÙNG KHÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1973
Số bằng: LH 111 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

1790 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC VINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UK 359 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1791 Liệt sĩ: **ĐÀO DUY LUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 3 năm 1995
Số bằng: ĐM 318 bt Quyết định số: 669/TTg ngày 8 tháng 2 năm 1997

1792 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC HÙNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 1 năm 1984
Số bằng: BR 080 bt Quyết định số: 249/CTKT ngày 10 tháng 28 năm 1987

1793 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỒNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bằng: OT 548 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

1794 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1966
Số bằng: UQ 253 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1795 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG THĂNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1971
Số bằng: LS 868 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1796 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HƠN**
Công nhân công trường Sầm Nưa, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 8 năm 1976
Số bằng: I 374 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

1797 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỌ**
Dân quân, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1972
Số bằng: bm 425 km Quyết định số: 212/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1798 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC NHUẦN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1968
Số bằng: HI 050 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

1799 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MIÊNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9Y 109 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

1800 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8O 623 bt Quyết định số: 506/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

1801 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC THỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1968
Số bằng: OR 028 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1975

1802 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT NAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1971
Số bằng: OV 862 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

1803 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 6AA 094 bt Quyết định số: 302/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981

1804 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969
Số bằng: GC 459 bm Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

1805 Liệt sĩ: **MAI VĂN TIẾP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970
Số bằng: YE 092 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1806 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐÊNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966

Số bằng: IZ 355 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 11 tháng 23 năm 1966

1807 Liệt sĩ: **ĐỖ ÔN CHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1971
Số bằng: LS 957 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1808 Liệt sĩ: **ĐỖ QUỐC HUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1972
Số bằng: UO 603 bm Quyết định số: 174/ TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1809 Liệt sĩ: **VŨ MINH SƠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UP 179 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1810 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HY**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1972

Số bằng: KL 077 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

1811 Liệt sĩ: **KHƯƠNG VĂN KIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1971
Số bằng: HP 325 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1812 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHỊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973
Số bằng: UR 008 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1813 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG TẤN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GL 610 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

1814 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN VANG**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968

Số bằng: GS 467 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

1815 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1970
Số bằng: GC 579 bm Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

1816 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MI 140 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

1817 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: TH 895 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1818 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT THUẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1970
Số bằng: AV 922 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1970

1819 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÊU**
Công nhân lái xe, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LA 337 cm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

1820 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC NGUYÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1975
Số bằng: TG 557 bt Quyết định số: 46/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1821 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐH 500 bm Quyết định số: 449/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1972

1822 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY BAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZM 655 bp Quyết định số: 483/TTg ngày 3 tháng 11 năm 1958

1823 Liệt sĩ: **LÊ BÁ TỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 5 năm 1954
Số bằng: EC 228 bp Quyết định số: 234/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

1824 Liệt sĩ: **LÊ HỮU CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MZ 553 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1825 Liệt sĩ: **LÊ THỊ NHUNG**
Dân công, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1971
Số bằng: LA 546 cm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1826 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỨC**
Công nhân công trường 217, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EM 481 cm Quyết định số: 134/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

1827 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1973
Số bằng: PN 598 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975

1828 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KD 498 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

1829 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QĐ 311 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975

1830 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 149 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

1831 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: 2K 064 bm Quyết định số: 1313/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

1832 Liệt sĩ: **LÊ VĂN AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UG 707 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1833 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUỲ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EA 161 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

1834 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HẰNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SE 515 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1835 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN NGHĨA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972

Số bằng: LA 700 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

1836 Liệt sĩ: **LƯU MẠNH CHUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
Số bằng: GR 965 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

1837 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÚI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
Số bằng: UO 466 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1838 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9R 803 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

1839 Liệt sĩ: **TRẦN NGUYÊN BÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: PK 686 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

1840 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN CÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MZ 561 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1841 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN CỬ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PS 669 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

1842 Liệt sĩ: **TRỊNH TRUNG NHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1972
Số bằng: RB 950 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

1843 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH KHÉO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1971
Số bằng: RB 861 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

1844 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH LUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968
Số bằng: OA 453 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1845 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1966
Số bằng: UP 394 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1846 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỆM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HA 505 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1847 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966
Số bằng: MZ 618 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1848 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THỤC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: GC 551 bm Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

1849 Liệt sĩ: **TRỊNH MINH GIÁC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1973
Số bằng: ON 883 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975

1850 Liệt sĩ: **LÊ HOẮC THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EA 233 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

1851 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN KHIỂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1974
Số bằng: PH 717 bm Quyết định số: 282/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

1852 Liệt sĩ: **TRỊNH KHẮC DƯỢC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NP 899 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974

1853 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UP 918 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1854 Liệt sĩ: **VŨ VĂN LỌC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975
Số bằng: PS 854 bm Quyết định số: 377/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

1855 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUYÊN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EA 075 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

1856 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: UK 830 bm Quyết định số: 227/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1857 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH THỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: UO 212 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1858 Liệt sĩ: **TRỊNH HUY HOÀNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1969
Số bằng: EĐ 708 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

1859 Liệt sĩ: **TRỊNH TRUNG THUẦN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AL 899 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

1860 Liệt sĩ: **TRỊNH TRỌNG TUÝ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: NT 034 bm Quyết định số: 416/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974

1861 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 4 năm 1983
Số bằng: BB 798 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 3/ tháng 9/ năm 1986

1862 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG KHÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1971
Số bằng: LS 857 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

1863 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BA 223 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

1864 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC NGƯỠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1968
Số bằng: CY 937 bm Quyết định số: 419/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1972

1865 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1972
Số bằng: SE 187 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1866 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN Y**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐL 962 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

1867 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÓN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1969
Số bằng: HB 149 bm Quyết định số: 481/ TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1868 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH KIM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UQ 196 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1869 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯỚNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MP 126 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970

1870 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UP 750 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1871 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH TUYẾN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1971
Số bằng: NT 037 bm Quyết định số: 416/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974

1872 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH ÁN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐL 860 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

1873 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CĂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KV 424 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1974

1874 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1973
Số bằng: ON 843 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975

1875 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN CHÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1971
Số bằng: LS 945 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1876 Liệt sĩ: **LÊ HUY HÙNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GR 851 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

1877 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH PHI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UA 660 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1878 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH HUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: UO 602 bm Quyết định số: 174/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1879 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AG 260 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

1880 Liệt sĩ: **ĐINH QUANG GAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HA 468 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1881 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH GIA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1974
Số bằng: RH 276 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976

1882 Liệt sĩ: **ĐỖ SĨ THẢO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 7AA 377 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

1883 Liệt sĩ: **LÊ DUY HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MZ 628 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1884 Liệt sĩ: **DƯƠNG KHẮC HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Minh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972

Số bằng: KV 602 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1885 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH BÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AV 457 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

1886 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1970
Số bằng: VT 827 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1887 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH HẢI**
Phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 8 năm 1987
Số bằng: CD 919 bt Quyết định số: 05/CTKT ngày 1 tháng 1 năm 1989

1888 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN RUỘNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1974
Số bằng: PĐ 992 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

1889 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH OANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1966
Số bằng: OĐ 681 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1890 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
Số bằng: UO 342 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1891 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH HOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: TY 900 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1892 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1971
Số bằng: ĐN 764 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

1893 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC BÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HA 307 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

1894 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CHÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1974
Số bằng: PN 602 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975

1895 Liệt sĩ: **LÊ TIẾN SOẠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1969
Số bằng: EA 125 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

1896 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CA**
Đại uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 5 năm 1984
Số bằng: AM 031 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985

1897 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÀI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1973
Số bằng: UK 978 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1898 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZT 955 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1960

1899 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC CHÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1967
Số bằng: IM 144 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1900 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ LONG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1975
Số bằng: RH 250 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976

1901 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH DUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1951
Số bằng: ZT 765 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 6 tháng 1 năm 1960

1902 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SOẠN**
Công nhân công ty sông biển Thanh Hóa, Nguyên quán: xã Quảng Tường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1966
Số bằng: CM 737 cm Quyết định số: 113/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1969

1903 Liệt sĩ: **LƯU XUÂN TẢU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1971
Số bằng: PS 948 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

1904 Liệt sĩ: **TRỊNH QUỐC TUẤN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Đình, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1967
Số bằng: BE 233 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

1905 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐỐC**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LA 902 cm Quyết định số: 212/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1906 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHÂU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán; xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1973
Số bằng: UH 728 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977

1907 Liệt sĩ: **LƯƠNG NHƯ HUÂN**
Cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Thành, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1946
Số bằng: ZP 168 bp Quyết định số: 518/TTg ngày 12 tháng 2 năm 1958

1908 Liệt sĩ: **MAI VĂN TRỦNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZB 676 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 4 tháng 3 năm 1957

1909 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CƯƠNG**
Tự vệ, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1946
Số bằng: ZA 960 kp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

1910 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÕ**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Thầy Mỹ, huyện Thủ Đức Sài Gòn Gia định, tỉnh Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 7L 989 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979

1911 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CÔN**
Thôn đội trưởng xã Nga Thủy, Nguyên quán: xã Nga Thuỷ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 10 năm 1949
Số bằng: ZB 2,753 kp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1960

1912 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN QUỚI**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1966
Số bằng: AM 979 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

1913 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TẤN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MK 683 bm Quyết định số: 2596/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1969

1914 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN KHANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1967
Số bằng: ZM 788 Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1971

1915 Liệt sĩ: **VŨ DUY KHƯƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 0
Số bằng: KC 167 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1972

1916 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN DƯỠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1954

Số bằng: ZD 640 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

1917 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1969
Số bằng: VT 812 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1918 Liệt sĩ: **LÊ QUANG THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1967
Số bằng: LM 891 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

1919 Liệt sĩ: **LÊ QUANG KỊCH**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1967
Số bằng: LM 071 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

1920 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG KHANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UL 472 Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1921 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ DƯƠN**
Dân công làm đường, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1966
Số bằng: cm Quyết định số: 189/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

1922 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1972
Số bằng: QP 627 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

1923 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NIỆM**
Cán bộ tỉnh Nghĩa Bình, Nguyên quán: xã Nhơn Hoà, huyện Nghĩa Bình, Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1964

Số bằng: AC 343 cm Quyết định số: 213/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984

1924 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY VỠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xóm Mai Khu Hàm Rồng, Tx Thanh Hóa, Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KS 695 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1925 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ PHƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hương, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970
Số bằng: UA 792 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1926 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ DUYÊN**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Nam Ngạn, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1967
Số bằng: 8I 055 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

1927 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Phúc, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
Số bằng: VL 699 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1928 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ QUYẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Sơn, huyện Nhân Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZP 276 bp Quyết định số: 001/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

1929 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HƯNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1971
Số bằng: GX 302 bm Quyết định số: 433/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1973

1930 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC NGHIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1967
Số bằng: BG 215 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1931 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hương, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1967
Số bằng: LM 804 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

1932 Liệt sĩ: **BÙI KIM ĐĨNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 12 năm 1952

Số bằng: DZ 648 bp Quyết định số: 327/TTga ngày 12 tháng 19 năm 1962

1933 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG HOA**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: YV 085 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1934 Liệt sĩ: **LƯƠNG CÔNG DIỄN**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BF 077 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1935 Liệt sĩ: **TRỊNH HUY LÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 3AA 764 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981

1936 Liệt sĩ: **LƯƠNG CÔNG ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HI 605 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

1937 Liệt sĩ: **LƯƠNG CÔNG BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1973
Số bằng: RA 595 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

1938 Liệt sĩ: **LƯƠNG TÚ NGHINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 10 năm 1952
Số bằng: GI 706 bp Quyết định số: 57/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2004

1939 Liệt sĩ: **PHAN HUY ĐỀ**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: AG 185 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

1940 Liệt sĩ: **ĐỒNG PHÚC QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 2 năm 1985
Số bằng: CA 352 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

1941 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH LẮM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1970
Số bằng: UL 047 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1942 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH BẮP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1973
Số bằng: OP 296 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

1943 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH NGỌ**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SM 113 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

1944 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUỆ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1973
Số bằng: UO 590 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1945 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CĐ 751 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1946 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981
Số bằng: 8AA 182 bt Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

1947 Liệt sĩ: **VŨ HỮU NGỌT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày tháng 3 năm 1951
Số bằng: GI 729 bp Quyết định số: 57/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2004

1948 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÃI**
Công nhân ty Giao thông vận tải Thanh Hoá, Nguyên quán: xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1967
Số bằng: CM 681 cm Quyết định số: 113/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1969

1949 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHẤU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1970
Số bằng: GS 366 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

1950 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH TUẤN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1970
Số bằng: SN 630 bm Quyết định số: 520/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1951 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH CẢNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1968
Số bằng: UQ 082 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1952 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẦN**
Dân quân, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
Số bằng: bm 474 km Quyết định số: 393/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1974

1953 Liệt sĩ: **TRƯƠNG QUỐC ÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1966
Số bằng: QS 002 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

1954 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG NGUỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1955
Số bằng: DO 024 bm Quyết định số: 766/TTg ngày 19 tháng 12 năm 1994

1955 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 5 năm 1981
Số bằng: D 592 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983

1956 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC LIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1969
Số bằng: ĐR 562 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

1957 Liệt sĩ: **CAO VĂN DIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NP 308 bm Quyết định số: 381/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

1958 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VƯƠNG**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triệu Dương, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971

Số bằng: GX 631 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

1959 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUUYÊN**
Dân công chống Pháp, Nguyên quán: xã Triệu Dương, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1952
Số bằng: AO 825 cp Quyết định số: 113/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985

1960 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC MỌC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1973
Số bằng: UQ 601 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1961 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH KHANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1970
Số bằng: HP 338 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1962 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐB 076 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1963 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN THÊ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoà Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UO 086 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1964 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH Ý**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Thuỷ, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 6 năm 1952
Số bằng: BK 155 bp Quyết định số: 07/CTKT ngày 7 tháng 1 năm 1986

1965 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGƯỢN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UA 928 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1966 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1971
Số bằng: NA 674 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

1967 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LEN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: TH 962 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1968 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1965
Số bằng: MZ 590 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1969 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1973
Số bằng: LH 221 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

1970 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG TRUYỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LT 546 bm Quyết định số: 336/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1974

1971 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 2 năm 1980
Số bằng: 1AA 605 bt Quyết định số: 06/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

1972 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG ĐIỀU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1967
Số bằng: TK 476 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1973 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3N 808 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 13 tháng 2 năm 1978

1974 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1974
Số bằng: UO 381 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1975 Liệt sĩ: **HÀ TRỌNG DÂN**
Trợ lý chính trị tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1973

Số bằng: QS 050 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

1976 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1970
Số bằng: BE 228 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

1977 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG HIỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1971
Số bằng: RA 708 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

1978 Liệt sĩ: **LÊ ĐẠI HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TK 626 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

1979 Liệt sĩ: **MAI VĂN CÚC**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HI 964 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

1980 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1971
Số bằng: GC 205 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

1981 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HI 844 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

1982 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1972
Số bằng: TK 508 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1983 Liệt sĩ: **LÊ HỮU BÁU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ĐR 457 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

1984 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UQ 083 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1985 Liệt sĩ: **LÊ MINH NHUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OS 832 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1975

1986 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH NGUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1968
Số bằng: BF 150 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1987 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỐI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 2Đ 898 bm Quyết định số: 1187 TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

1988 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XOAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 2 năm 1974
Số bằng: DM 562 bm Quyết định số: 206/TTg ngày 2 tháng 5 năm 1994

1989 Liệt sĩ: **LẠI SỸ KIỂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1968
Số bằng: BF 110 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1990 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1971
Số bằng: EĐ 710 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

1991 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN UẨN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968

Số bằng: UP 306 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1992 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ TOÀN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Long, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9N 313 bt Quyết định số: 243/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1993 Liệt sĩ: **LÊ QUANG LÔ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Long, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: KL 406 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1994 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZR 161 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

1995 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1965
Số bằng: HZ 961 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966

1996 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỒNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 092 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

1997 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC VỞ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZR 121 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

1998 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HẢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: NA 720 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

1999 Liệt sĩ: **ĐỒNG HỮU TIẾP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thắng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UK 926 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2000 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BÒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: tiểu khu Nam Ngạn, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1970
Số bằng: TK 277 bm Quyết định số: 569/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

2001 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỮU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: tiểu khu Nam Ngạn, thị xã Thanh Hóa,

tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 8 năm 1979

Số bằng: 9N 002 bt Quyết định số: 208/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

2002 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ THỎ**
Đoàn viên đoàn xếp dỡ, Nguyên quán: tiểu khu Nam Ngạn, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LA 317 cm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

2003 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KHANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 600 bt Quyết định số: 493/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

2004 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thôn Cốc Hạ, Thị xã Thanh Hóa , tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HR 216 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

2005 Liệt sĩ: **MỴ DUY MẬU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Nhân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1973
Số bằng: PG 090 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

2006 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Lộc, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1970
Số bằng: GK 529 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

2007 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU MÃO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1973
Số bằng: TK 221 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

2008 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ ĐAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SE 207 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

2009 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1970
Số bằng: LS 816 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

2010 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GĐ 601 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

2011 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC CƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OK 026 bm Quyết định số: 616/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

2012 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIỂU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1968
Số bằng: RH 561 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976

2013 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1971
Số bằng: UC 494 bm Quyết định số: 215/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

2014 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CHÉN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1954
Số bằng: BI 540 cm Quyết định số: 10/CTKT ngày 7 tháng 1 năm 1986

2015 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HA 100 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973

2016 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG NGỮ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1970
Số bằng: UA 924 Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2017 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỤI**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
Số bằng: MC 625 bp Quyết định số: 109/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1975

2018 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1970
Số bằng: ES 587 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

2019 Liệt sĩ: **LÊ DUY ĐO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: LK 612 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

2020 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972

Số bằng: UP 089 Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2021 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MAI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐK 222 bm Quyết định số: 444/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972

2022 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUANG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1972
Số bằng: QP 627 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

2023 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1952
Số bằng: CK 157 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1972

2024 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH SOAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ST 033 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

2025 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC CÔN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NA 709 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

2026 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1952

Số bằng: YZ 394 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1956

2027 Liệt sĩ: **THIỀU ĐÌNH SỨC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1945
Số bằng: ZB 3,901 kp Quyết định số: 28/TTg ngày 1 tháng 9 năm 1961

2028 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NU 303 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

2029 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1974
Số bằng: GĐ 523 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

2030 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÔN CAU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: TĐ 075 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

2031 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT GIANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KV 569 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

2032 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THỦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1986
Số bằng: BQ 906 bt Quyết định số: 243/CTKT ngày 21 tháng 10 năm 1987

2033 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 10 năm 1979
Số bằng: SN 971 bt Quyết định số: 208/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

2034 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TUỲ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ĐR 257 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

2035 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 4 năm 1983
Số bằng: AK 654 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

2036 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH THUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967
Số bằng: UO 138 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

2037 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIỆT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HR 340 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

2038 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC CHƯ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1969
Số bằng: OG 746 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

2039 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN TIÊM**
Quân y sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức , tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MS 692 bm Quyết định số: 231/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1969

2040 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1968
Số bằng: GX 748 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

2041 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9R 541 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

2042 Liệt sĩ: **LÊ HỮU KÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OK 725 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

2043 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN VINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UK 358 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2044 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUẤN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1973
Số bằng: HR 254 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

2045 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BĨNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LS 500 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

2046 Liệt sĩ: **BÙI HUY CẦN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1974
Số bằng: PK 696 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

2047 Liệt sĩ: **LƯU VĂN KHÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BE 150 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

2048 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: NA 673 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

2049 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC BÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1972

Số bằng: HT 134 bm Quyết định số: 445/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

2050 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1973
Số bằng: NA 744 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

2051 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY NĂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1969
Số bằng: PĐ 971 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

2052 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CHUNG**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8O 469 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

2053 Liệt sĩ: **ĐỖ KHẮC THỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1971
Số bằng: SE 859 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

2054 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN OANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1974
Số bằng: UG 742 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2055 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VÒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: OT 110 bm Quyết định số: 79/TTga ngày 6 tháng 3 năm 1975

2056 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EK 744 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

2057 Liệt sĩ: **NGÔ HOÀNG NGHĨA**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1974
Số bằng: UA 850 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

2058 Liệt sĩ: **NGÔ NGỌC THỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BL 102 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

2059 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HỠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1968
Số bằng: CY 868 bm Quyết định số: 419/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1972

2060 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG NĂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐL 992 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

2061 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN DUYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1981
Số bằng: A 026 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

2062 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8I 064 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

2063 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHÍN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MZ 824 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

2064 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QK 954 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

2065 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1965
Số bằng: BA 237 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

2066 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN HẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: OT 152 bm Quyết định số: 79/TTga ngày 6 tháng 3 năm 1975

2067 Liệt sĩ: **VŨ HOÀNG HẠNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1966
Số bằng: UL 649 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2068 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1967
Số bằng: BE 206 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

2069 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN BANG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1967
Số bằng: BP 004 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972

2070 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN TOÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1970
Số bằng: OĐ 299 bm Quyết định số: 517/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1974

2071 Liệt sĩ: **TRỊNH HOÀI KIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UQ 162 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2072 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN MẠO**
Công nhân ty Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1973
Số bằng: MM 121 cm Quyết định số: 334/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1974

2073 Liệt sĩ: **LÊ TIẾN THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1970
Số bằng: ĐH 498 bm Quyết định số: 449/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1972

2074 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỬ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1973
Số bằng: ON 829 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975

2075 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QI 676 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

2076 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CƠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: HI 959 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

2077 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ĐH 523 bm Quyết định số: 449/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1972

2078 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH THẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CR 986 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972

2079 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DỤNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1968
Số bằng: TY 739 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2080 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LS 830 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

2081 Liệt sĩ: **TRỊNH QUY VÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9N 492 bt Quyết định số: 221/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

2082 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN SỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 12 năm 1978
Số bằng: BB 396 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 4 tháng 6 năm 1986

2083 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN ĐA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UP 340 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2084 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THANG**
Tham mưu phó trung đoàn Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1975

Số bằng: RB 899 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

2085 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỈNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BA 340 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

2086 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN ÉN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1973
Số bằng: OK 753 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

2087 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN SỬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1970
Số bằng: KL 531 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

2088 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1965

Số bằng: MZ 791 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

2089 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHÚC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HT 487 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

2090 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN THÔN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1968
Số bằng: YG 097 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

2091 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN NGUYÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 5G 033 bm Quyết định số: 425/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

2092 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỰ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: UA 922 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2093 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN KHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MĐ 945 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

2094 Liệt sĩ: **ĐỖ CÔNG THƯỢC**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LS 925 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

2095 Liệt sĩ: **LÊ BÁ TỰA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MA 674 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

2096 Liệt sĩ: **CÁP VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1968
Số bằng: EA 044 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

2097 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN CỢI**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1974
Số bằng: QT 594 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

2098 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐÓN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 3 năm 1954
Số bằng: EZ 343 bp Quyết định số: 135/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1963

2099 Liệt sĩ: **MAI VĂN LƠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,261 bt Quyết định số: 424/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1959

2100 Liệt sĩ: **MAI ĐỨC GIẶT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966
Số bằng: IZ 353 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

2101 Liệt sĩ: **MAI NGỌC HUÊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: UO 591 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2102 Liệt sĩ: **MAI HỮU CƠ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1972
Số bằng: OP 326 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

2103 Liệt sĩ: **MAI VĂN NĂNG**
Trợ lý quân nhu tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1969

Số bằng: ĐR 434 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

2104 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGÃI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1967
Số bằng: AG 698 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

2105 Liệt sĩ: **MAI NGỌC QUA**
Liên Lạc viên, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1966
Số bằng: AM 976 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

2106 Liệt sĩ: **MAI DUY HUÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: HA 019 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973

2107 Liệt sĩ: **MAI VĂN PHÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Ninh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1971
Số bằng: EK 793 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

2108 Liệt sĩ: **VŨ TIẾN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MP 906 bm Quyết định số: 233/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1970

2109 Liệt sĩ: **TỐNG DUY LIỄC**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BF 123 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

2110 Liệt sĩ: **TỐNG VĂN TRƯỜNG**
Tự vệ, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1945
Số bằng: ZA 962 kp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

2111 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG HUỆ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 8X 607 bt Quyết định số: 740/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

2112 Liệt sĩ: **MAI HỒNG QUẢNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: UH 510 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

2113 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1965
Số bằng: BG 193 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

2114 Liệt sĩ: **BÙI QUỐC CỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1968
Số bằng: HA 290 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

2115 Liệt sĩ: **TRỊNH MINH KHẢ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 7L 967 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979

2116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Ninh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1971
Số bằng: TI 239 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

2117 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IZ 416 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

2118 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN BƠN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1974
Số bằng: UG 972 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2119 Liệt sĩ: **LƯƠNG NHƯ TÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969
Số bằng: TI 325 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

2120 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH PHẠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1969
Số bằng: UA 641 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2121 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH NGỌC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1970
Số bằng: CY 507 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1972

2122 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN KỲ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1969
Số bằng: ĐK 201 bm Quyết định số: 444/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972

2123 Liệt sĩ: **LÊ BÁ HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
Số bằng: GX 288 bm Quyết định số: 433/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1973

2124 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MK 206 bm Quyết định số: 134/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

2125 Liệt sĩ: **TRƯƠNG HÁN LƯƠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 5, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 2 năm 1952

Số bằng: ZU 857 bp Quyết định số: 187/TTg ngày 31 tháng 8 năm 1960

2126 Liệt sĩ: **MAI QUÍ ƯỚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966
Số bằng: UP 325 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2127 Liệt sĩ: **MAI XUÂN NHẪM**
Trợ lý binh vận trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Bạch, huyện Nga

Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 15 năm 1969

Số bằng: LD 738 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

2128 Liệt sĩ: **MAI KHẮC BÀN**
Công nhân cục vận tải đương bộ, Bộ giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1970

Số bằng: MM 559 cm Quyết định số: 72/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1975

2129 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN NINH**
Cán bộ huyện Nga Sơn, Nguyên quán: xã Nga Điền, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1947
Số bằng: ZA 482 cp Quyết định số: 176/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

2130 Liệt sĩ: **MAI XUÂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1973
Số bằng: OE 990 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1975

2131 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH CHÂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Liên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1971
Số bằng: EQ 144 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

2132 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG KHANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Liên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8X 627 bt Quyết định số: 740/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

2133 Liệt sĩ: **PHẠM TRÍ UT**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 5N 266 ct Quyết định số: 302/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981

2134 Liệt sĩ: **MAI VĂN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Điền, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AG 245 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

2135 Liệt sĩ: **ĐÀO HỒNG QUÂN**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1973

Số bằng: OK 659 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

2136 Liệt sĩ: **ĐÀO HỒNG DÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1970

Số bằng: HI 973 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

2137 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÍNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9M 702 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

2138 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969
Số bằng: EH 973 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

2139 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 8X 505 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

2140 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHIÊM**
Dân công, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1971
Số bằng: KM 784 cm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

2141 Liệt sĩ: **MAI VĂN THUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Nhân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1966
Số bằng: AM 017 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1967

2142 Liệt sĩ: **MAI NGỌC CHẾ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KO 352 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

2143 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thuỷ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1972
Số bằng: RA 694 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

2144 Liệt sĩ: **TRẦN CHIẾN HỮU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thuỷ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1968
Số bằng: SM 097 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

2145 Liệt sĩ: **TRẦN CAO ĐA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thuỷ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1967
Số bằng: CM 177 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

2146 Liệt sĩ: **LẠI ĐÌNH CHÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vinh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1967
Số bằng: AP 261 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

2147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẤT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thuỷ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1966
Số bằng: UO 036 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

2148 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thuỷ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8X 697 bt Quyết định số: 740/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

2149 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1967
Số bằng: BG 117 bm Quyết định số: 281/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

2150 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 5 năm 1981
Số bằng: S 841 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983

2151 Liệt sĩ: **BÙI HUY ĐẠO**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1985
Số bằng: BK 736 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1987

2152 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HI 878 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

2153 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9S 013 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

2154 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 1 năm 1979
Số bằng: BB 365 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 4/ tháng 6/ năm 1986

2155 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC HIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1973
Số bằng: UL 730 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2156 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KHANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UL 497 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

2157 Liệt sĩ: **BÙI NHƯ KHOÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1975
Số bằng: UQ 357 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

2158 Liệt sĩ: **BÙI QUANG THIỆP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 7 năm 1980
Số bằng: 7AA 380 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

2159 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN NHƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1970
Số bằng: UR 077 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

2160 Liệt sĩ: **BÙI MẠNH BÒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GX 652 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

2161 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9M 729 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

2162 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DỤNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8B 062 bt Quyết định số: 246/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

2163 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÀI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1970
Số bằng: OP 286 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

2164 Liệt sĩ: **BÙI QUÝ NHÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1973
Số bằng: OV 909 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

2165 Liệt sĩ: **BÙI KHẮC NGUYỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1969
Số bằng: BK 319 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

2166 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THÌA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
Số bằng: UO 119 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

2167 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐẶT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1971
Số bằng: UP 436 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2168 Liệt sĩ: **BÙI MINH YÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968
Số bằng: ĐT 580 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

2169 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN ĐẠI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GX 168 bm Quyết định số: 435/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973

2170 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 11 năm 1949
Số bằng: ZQ 3,124 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1959

2171 Liệt sĩ: **TRƯƠNG BỘ LĨNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 1 năm 1952

Số bằng: CB 740 bp Quyết định số: 210/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988

2172 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1974
Số bằng: TY 965 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2173 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH NHIỄU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BP 070 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972

2174 Liệt sĩ: **TRƯƠNG KIM TRỌNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UK 638 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

2175 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG BỒI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969

Số bằng: UG 965 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2176 Liệt sĩ: **TRƯƠNG NGỌC LIỄN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1974
Số bằng: QR 917 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

2177 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969
Số bằng: CP 578 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

2178 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG NHO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: AG 691 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

2179 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN RUN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1967
Số bằng: UA 610 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2180 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG PHÚ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EP 813 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

2181 Liệt sĩ: **TRƯƠNG NGỌC TRAI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1971
Số bằng: UK 583 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

2182 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN KHOÁNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1965
Số bằng: BL 539 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972

2183 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN PHẨM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1970
Số bằng: PH 700 bm Quyết định số: 282/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

2184 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN PHI**
Chuẩn uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MA 720 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

2185 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN ÂT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1972
Số bằng: RH 308 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

2186 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ LỢI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 691 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

2187 Liệt sĩ: **PHẠM CHÍ THĂNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1973
Số bằng: YG 021 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

2188 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 450 bt Quyết định số: 515/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

2189 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 7AA 361 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

2190 Liệt sĩ: **PHẠM ĐƯƠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1971
Số bằng: KV 559 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

2191 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐƠ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1971
Số bằng: LS 588 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

2192 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 087 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

2193 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1979
Số bằng: BK 730 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1987

2194 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN HIẾU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: GX 309 bm Quyết định số: 433/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1973

2195 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC KHUYẾN**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 10 năm 1977
Số bằng: 5S 416 bt Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

2196 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU KHUYNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LA 563 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

2197 Liệt sĩ: **QUÁCH NGỌC KHUÊ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 2 năm 1989
Số bằng: CL 545 bt Quyết định số: 197/CTKT ngày 25 tháng 10 năm 1990

2198 Liệt sĩ: **QUÁCH HỒNG THÁI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KL 579 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

2199 Liệt sĩ: **QUÁCH HỒNG HẢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1969
Số bằng: QT 686 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

2200 Liệt sĩ: **QUÁCH PHI HỔ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: YA 272 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

2201 Liệt sĩ: **QUÁCH BÁ SINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 218 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1965

2202 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CỪ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 2 năm 1978
Số bằng: BK 712 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 3 tháng 6 năm 1987

2203 Liệt sĩ: **TRẦN SĨ PHẤN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UA 638 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2204 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN SẮC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7L 275 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

2205 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN KHAI**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 1 năm 1979
Số bằng: A 139 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

2206 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1971
Số bằng: CQ 348 bm Quyết định số: 323/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972

2207 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LS 652 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

2208 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: HR 426 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

2209 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LỘC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ON 965 bm Quyết định số: 65/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

2210 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 0 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 7L 294 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

2211 Liệt sĩ: **ĐỖ CÔNG CƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1969
Số bằng: AĐ 548 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

2212 Liệt sĩ: **LÊ SỸ NGHIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MZ 803 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

2213 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZQ 736 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959

2214 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÁ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triêu Dương, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 0 tháng 5 năm 1967
Số bằng: ĐB 129 bt Quyết định số: 550/TTg ngày 13 tháng 8 năm 1996

2215 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN DŨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1962
Số bằng: SV 637 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

2216 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SAN**
Trung sĩ công An nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1972
Số bằng: QR 674 bm Quyết định số: 90/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1976

2217 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỆM**
Dân công, Nguyên quán: xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LA 214 cm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

2218 Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC HOÀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MĐ 872 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

2219 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÈ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Đình, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 5S 397 bt Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

2220 Liệt sĩ: **TRỊNH THỊ THỊNH**
Công nhân ty Giao thông vận tải tỉnh thanh hoá, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1967
Số bằng: HM 438 cm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

2221 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN THIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 8 năm 1952
Số bằng: ZL 350 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 1 năm 1958

2222 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LINH**
Tiểu độ trưởng tự vệ xã, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1945
Số bằng: ZC 989 kp Quyết định số: 327/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1962

2223 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG THỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OS 844 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1975

2224 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Đình, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1966

Số bằng: AM 996 bm Quyết định số: 108/TTg ngày 6 tháng 2 năm 1967

2225 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẬT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1945
Số bằng: ZR 025 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 1 tháng 1 năm 1960

2226 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 3 năm 1950
Số bằng: ZR 019 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 1 tháng 1 năm 1960

2227 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1974
Số bằng: UO 060 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

2228 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1954
Số bằng: YZ 320 bp Quyết định số: 1191/TTg ngày 12 tháng 22 năm 1956

2229 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thuỷ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1945
Số bằng: ZR 084 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 1 tháng 1 năm 1960

2230 Liệt sĩ: **BÙI TRỌNG PHÓ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 3,139 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 1 tháng 8 năm 1959

2231 Liệt sĩ: **QUÁCH BÁ SẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy , tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày tháng năm 1955
Số bằng: ZT 864 bm Quyết định số: 125/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1960

2232 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IM 253 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

2233 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OK 650 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

2234 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀNH**
Dân quân du kích, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AM 988 km Quyết định số: 169/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

2235 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÀI**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MB 349 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

2236 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 8B 538 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

2237 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIM**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1972
Số bằng: DS 621 cm Quyết định số: 320/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1995

2238 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1966
Số bằng: SE 748 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

2239 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUYNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1967
Số bằng: MH 616 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

2240 Liệt sĩ: **LÊ DUY ĐĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UP 397 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2241 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG THỦY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu Ba Đình, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1974
Số bằng: RT 677 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

2242 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN CỪU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Quý, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1972
Số bằng: OR 785 Quyết định số: 106/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

2243 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ CHÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KL 325 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

2244 Liệt sĩ: **DOÃN HUY VÂN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1947

Số bằng: QP 663 bp Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

2245 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZQ 495 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

2246 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1967
Số bằng: LM 895

2247 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN KHANG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
Số bằng: GR 936 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

2248 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH NGOẠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1967
Số bằng: UA 883 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

2249 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1970
Số bằng: OT 550 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

2250 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH LẮM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 6 năm 1952
Số bằng: XC 987 bp Quyết định số: 134/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1958

2251 Liệt sĩ: **PHẠM DUY THÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1975
Số bằng: YG 027 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

2252 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC NHUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: GL 956 bm Quyết định số: 837/TTga ngày 23 tháng 07 năm 2004

2253 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 9Y 118 bm Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

2254 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÉT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UO 483 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2255 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NAM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1974
Số bằng: UO 501 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2256 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CHIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1971
Số bằng: SN 587 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

2257 Liệt sĩ: **LÝ CÔNG KHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1954
Số bằng: ZR 533 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

2258 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8O 505 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

2259 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIẾT KHÁI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LH 110 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

2260 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH THÍCH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KS 900 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974

2261 Liệt sĩ: **DOÃN HUY SON**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BE 216 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

2262 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZL 456 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

2263 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HIỀN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9AA 441 bt Quyết định số: 113/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1982